JOHN DICKSON CARR

ĐỖ THƯ *dịch*



VỤ ÁN VIỆN MỒ SỐNG

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC vh  ĐÔNG A

I. TRÊN CON ĐƯỜNG HẦM MỘ

CÂU CHUYỆN BẮT ĐẦU, theo trí nhớ của người đàn ông, trong một căn nhà ở thành phố cổ Pompeii. Anh ta không bao giờ quên được buổi chiều yên tĩnh, nóng bức đó, khi những giọng nói tiếng Anh phá vỡ sự tĩnh mịch của "Con Đường Hầm Mộ". Vạt trúc đào nở hoa đỏ rực trong khu vườn đổ nát, và cô gái mặc váy trắng đứng im lìm giữa nhóm người đeo kính râm, trông như thể bị bao quanh bởi những chiếc mặt nạ.

Người đàn ông nhìn thấy quang cảnh trên đã đến Napoli công tác được một tuần. Công việc anh ta cần làm ở Napoli không hề liên quan đến chuyện này. Nhưng công việc đó chiếm hầu hết thời gian của anh,

và mãi đến buổi chiều thứ hai, ngày 19 tháng Chín, anh mới thư thả được đôi chút. Tối ấy người đàn ông này dự định sẽ đến Rome, và rồi bay qua Paris và về đến London. Chiều hôm đó anh đang ngắm cảnh trong tâm trạng thảnh thơi, và đối với anh quá khứ luôn có sức hút mãnh liệt không hề thua kém hiện tại. Đó là nguyên nhân tại sao, vào lúc yên tĩnh nhất trong ngày, dưới sự êm ả của ánh mặt trời rực rỡ, anh lại nhận ra mình đang đi trên Con Đường Hầm Mộ.

Con Đường Hầm Mộ nằm bên ngoài những bức tường của thành Pompeii. Nó bắt đầu từ cổng Herculaneum và thoải xuống một ngọn đồi thấp, trông giống một cái máng xối lát gạch rộng với vỉa hè ở hai bên. Những cây bách mọc khắp chỗ và khiến con đường chết chóc này dường như có thêm phần sinh khí. Đây là nơi xây cất những hầm mộ của quý tộc La Mã, những bệ thờ thấp hai bên đường chưa đến mức hóa thành phế tích. Nghe tiếng chân mình vang vọng, người đàn ông mơ hồ có cảm giác mình như lạc vào một vùng đất bị quên lãng. Ánh nắng chói chang, nóng nực chiếu xuống những viên đá lát đường đã mòn võng vì bị không biết bao nhiêu bánh xe ngựa nghiến xuống, từ đám cỏ trồi lên từ các kẽ nứt, những con thằn lằn nâu nhỏ xíu phóng qua trước mắt anh ta nhanh như vệt ảnh tối màu. Phía trước anh ta, đằng sau những lăng mộ là ngọn núi Vesuvius mang màu xanh xỉn trong màn sương từ đất bốc lên vì thời tiết oi nồng, nhưng không quá gây ấn tượng với anh ta vì nó còn cách đây chừng năm, sáu dặm.

Người đàn ông thấy ấm áp và hơi ngầy ngật buồn ngủ. Những con đường dài với những cửa tiệm chỉ còn trơ lại bốn bức tường này, những khoảnh sân hoa lệ điểm xuyết những hàng cột chống đây đó kia, tất cả đều tác động đáng ngại đến trí tưởng tượng của anh ta. Anh ta đã lang thang hơn một tiếng đồng hồ; và từ khi đặt chân vào thành phố cổ này, anh ta chưa hề thấy bóng dáng của bất cứ sinh vật sống nào, ngoại trừ một nhóm người bí ẩn đi cùng hướng dẫn viên thình lình xuất hiện ở cuối đường Vận Mệnh rồi biến mất một cách đầy ma quái giữa những tiếng rào rạo của đám đá nhỏ.

Con Đường Hầm Mộ dần đưa anh đi tới cuối thành phố. Đang cân nhắc xem nên ngừng cuộc thăm thú và trở về, hay quay gót tiếp tục khám phá thêm, đột nhiên anh ta trông thấy một căn nhà nằm giữa những ngôi mộ. Ngôi nhà đó khá lớn, đúng kiểu trang viên ngoại ô biệt lập những quý tộc La Mã hay xây dựng hồi thành phố còn phồn thịnh. Anh ta bước lên bậc thềm và vào nhà.

Khoảnh sân nhỏ trong nhà tối tăm và bốc mùi ẩm ướt, lại không được giữ gìn tốt như những ngôi nhà tôn tạo anh đã nhìn thấy. Nhưng phía bên kia khoảnh sân là khu vườn cảnh có những hàng cột đá trang trí bao quanh, tắm trong ánh mặt trời rực rỡ. Khu vườn khá um tùm, mọc đầy trúc đào nở hoa đỏ rực và xung quanh phế tích đài phun nước là những cây tùng châu Á. Đột nhiên anh nghe có tiếng sột soạt trên đám cỏ mọc cao, và những giọng nói tiếng Anh.

Cạnh đài phun nước, một cô gái mặc đồ trắng đang đứng quay mặt về phía anh ta. Và anh ta thấy cô ấy không chỉ đẹp mà còn có nét thông minh lanh lợi. Mái tóc nâu sẫm được rẽ đôi và vén ra sau tai, tạo thành những lọn xoăn nhỏ buông lơi qua gáy. Cô có khuôn mặt trái xoan, đôi môi nhỏ, căng mọng, và đôi mắt to thể hiện nét giễu cợt bất chấp gương mặt đang nghiêm nghị. Đôi mắt cô mang sắc xám, với mí mắt hơi dày và mang nét suy tư. Tư thế tạo dáng của cô rất đơn giản, chỉ vu vơ xòe vạt váy. Nhưng rõ ràng cô gái đang rất căng thẳng, chỉ cần nhìn vòng cung lông mày của cô là biết.

Đối diện với cô gái là một chàng trai trẻ tóc đen mặc bộ vét vải nỉ xám, đang cầm chiếc máy quay và dán mắt vào ống ngắm. Chiếc máy quay bắt đầu kêu xè xè và phát ra tiếng lách cách nho nhỏ. Với má tì vào một bên máy, chàng trai trẻ nói với cô gái qua khóe miệng.

“Này, em làm gì đi chứ!” Anh chàng thúc giục. “Mỉm cười, cúi đầu hay châm thuốc hoặc gì cũng được, nhưng hãy làm gì đó! Nếu em chỉ đứng yên đấy thì có khác gì chụp ảnh đâu.”

“Nhưng, George, em biết làm gì bây giờ?”

“Anh vừa nói với em còn gì. Mỉm cười hay cúi đầu hoặc… ”

Rõ ràng cô gái đang bị ảnh hưởng bởi Hội chứng Tự ý thức, điều mà mọi người thường mắc phải khi họ biết rõ máy quay sẽ ghi lại bất cứ chuyển động nào trên cơ thể mình. Lúc đầu khuôn mặt cô có vẻ cực kì lo lắng, sau đó cô xoay xở để mỉm cười với vẻ hối lỗi. Cô nhấc chiếc túi xách màu trắng của mình lên và ve vẩy nó trong không khí. Sau đó cô ngó quanh tìm cơ hội lảng đi, và cuối cùng quyết định nhìn thẳng về hướng chiếc máy quay rồi cười lớn.

“Chúng ta đang sử dụng hết phim rồi,” chàng trai rên lên, cứ như một nhà sản xuất phim.

Người quan sát đứng ở cửa ra vào, cách nhóm người trong khu vườn khoảng hơn chục bước chân, bỗng nhiên tin chắc rằng cô gái này đang ở trong tình trạng căng thẳng đầu óc nguy hiểm, rằng cô ấy chỉ giả vờ khỏe mạnh; và rằng chiếc máy quay phim nhỏ đứng yên một chỗ không ngừng kêu lách cách đang bắt đầu ảnh hưởng đến cô, tựa như cơn ác mộng kinh hoàng có một con mắt cứ nhìn mình chằm chằm.

“Sao, em có thể làm gì được?”

“Đi dạo xung quanh, hoặc làm gì đó chẳng hạn. Di chuyển qua đó, đến bên phải. Anh muốn quay được những cây cột trụ đằng sau em.”

Một thành viên khác trong nhóm, người đã đứng chống nạnh quan sát mọi chuyện nãy giờ, bật ra một tiếng khịt mũi. Đó là một người đàn ông nhỏ bé có vẻ lanh lợi và chiếc kính đen đang đeo giúp che đậy sự thật rằng ông già hơn rất nhiều so với bộ quần áo nghỉ mát đang mặc trên người. Bạn có thể thấy được điều đó qua làn da nhăn nheo chảy xệ dọc quai hàm, và qua đuôi tóc lốm đốm bạc dưới vành mũ cói sụp xuống trên đầu ông.

“Hời hợt!” ông ta nói với vẻ khinh miệt. “Đó là thứ cậu đang cố làm: một kẻ hời hợt. Cậu muốn quay những cây cột sau lưng con bé, hả? Cậu không muốn có hình ảnh của Marjorie. Cậu thậm chí cũng

không muốn có hình ảnh ngôi nhà cổ ở Pompeii. Thứ cậu muốn chỉ là hình ảnh Marjorie trước một căn nhà Pompeii, để chứng tỏ mình từng ở đó. Tôi cho rằng điều đó thật kinh tởm.”

“Như vậy thì có gì sai?” Một giọng nói vang như sấm phát ra. Giọng nói đó là của một người đàn ông cao lớn và vạm vỡ có bộ râu hoe đỏ, người đứng đối diện cặp đôi đang bị mắng.

“Thì hời hợt chứ sao,” người đàn ông đội mũ cói nói.

“Em hoàn toàn không đồng ý với anh,” người đàn ông vạm vỡ đáp lời. “Và em cũng chẳng hiểu nổi thái độ của anh, Marcus. Cứ mỗi lần chúng ta đến được nơi nào đó có vài cảnh đẹp, anh lại muốn tránh xa chúng ra (nếu em hiểu đúng) chỉ bởi vì đó là địa điểm tham quan. Vậy chúng ta chỉ được tìm hiểu về địa ngục thôi chắc,” ông ta gầm lên giữa khu vườn, “hay là anh thích đến nơi không có mấy địa điểm ngắm cảnh hơn? Anh phản đối việc hàng ngàn người tìm đến chỉ để nhìn thấy những quang cảnh đó. Nhưng có bao giờ anh nghĩ rằng, nếu hàng ngàn người đến đây chỉ để nhìn tận mắt một địa điểm hàng nghìn năm lịch sử, thì có thể là do nó có thứ gì đó đáng xem không?”

“Ăn nói cho cẩn thận,” người đàn ông đội mũ cói nói. “Và dừng ngay trò la hét đi. Cậu không hiểu, và sẽ không bao giờ hiểu được. Chẳng hạn như, cậu đã thấy được gì? Hoặc là, cậu có biết bây giờ chúng ta đang ở đâu không?”

“Dễ ợt,” người kia nói. “Anh bạn trẻ, chỗ này là chỗ nào?”

Người đàn ông vạm vỡ quay sang hỏi chàng thanh niên trẻ đang cầm máy quay phim. Người này đã miễn cưỡng dừng việc chụp hình cô gái lại, bây giờ cô ấy đang cười to một cách thoải mái. Anh ta cất máy quay vào chiếc túi đeo vai, sau đó rút từ trong túi áo ra một cuốn sách hướng dẫn du lịch và cần mẫn lật qua lật lại các trang.

Sau đó anh ta hắng giọng.

“Số ba mươi bốn, hai sao. Trang viên của Arrius Diomedes,” anh ta đọc

với vẻ xúc động sâu sắc. *"Ngôi nhà có tên gọi đó bởi vì…"*

"Vớ vẩn," người đàn ông vạm vỡ lên tiếng. "Chúng ta vừa tham quan cái nhà đó mười phút trước. Chỗ họ tìm thấy mấy bộ xương ấy."

"Những bộ xương nào?" Cô gái phản đối. "Chúng ta có thấy bộ xương nào đâu, bác sĩ Joe."

Sau cặp kính râm tối màu, khuôn mặt của người đàn ông vạm vỡ dường như đang bốc hỏa. "Tôi không nói chúng ta đã nhìn thấy những bộ xương," ông ta đáp, điều chỉnh lại chiếc mũ bằng vải tuýt trên đầu. "Tôi chỉ nói đó là nơi người ta tìm thấy mấy bộ xương. Chỗ ngay dưới đường ấy, cô không nhớ à? Tro nóng từ núi lửa nhốt những người nô lệ ở trong, sau đó các nhà khảo cổ tìm thấy họ, la liệt khắp sàn nhà như những bộ ki trên sân bowling. Ngôi nhà có những cây cột sơn màu xanh lá cây đó."

Người đàn ông già nhỏ con, lanh lợi đội mũ cói khoanh tay lại. Trong một thoáng, khuôn mặt ông ta thoáng lên vẻ ác ý rõ ràng.

"Có thể thú vị với cậu, Joe, nhưng họ thì không."

"Không cái gì?" bác sĩ Joe gặng hỏi.

"Không hứng thú với căn nhà xanh lá bạc màu. Hết lần này đến lần khác tôi đã chứng minh cho luận điểm của mình," người đàn ông nhỏ con tiếp tục nói, "rằng những con người bình thường, như cậu – hay cậu ta, hoặc con bé – hoàn toàn không thể thuật lại chính xác những điều đã nhìn hay nghe được. Cậu không quan sát. Chính xác hơn là cậu không thể quan sát. Nhỉ, giáo sư?"

Ông ta quay đầu lại và liếc nhìn về phía sau. Nhóm này còn hai người đàn ông khác nữa, và họ đang đứng ngay trong bóng râm của những mái hiên, đằng sau hàng cột bao quanh khu vườn. Người quan sát hầu như không ý thức được sự tồn tại của họ; anh không nhìn được họ rõ như những người đang đứng dưới ánh sáng mặt trời kia. Anh chỉ nhận thấy một người trạc trung niên, còn người kia trẻ. Họ

đang dùng kính lúp nghiên cứu một khối đá hay mảnh dung nham nào đó, có vẻ như họ đã nhặt được nó từ hàng lan can nối những cây cột. Cả hai đều đang đeo kính râm đen.

“Đừng quan tâm đến trang viên của Arrius Diomedes nữa,” một giọng nói vang lên từ bên trong lan can. “Căn nhà này là của ai thế?”

“Giờ cháu đang tìm đây,” người thanh niên trẻ với máy quay phim và cuốn sách hướng dẫn du lịch tìm kiếm một cách nhiệt tình. “Hồi nãy cháu lật sai trang. Đây là số ba chín, đúng không? Đúng vậy. Đây rồi. *Số ba mươi chín, ba sao. Nhà của kẻ đầu độc Aulus Lepidus.”*

Xung quanh bỗng nhiên trở nên cực kì yên lặng.

Cho đến lúc này, đám người trông có vẻ giống một gia đình – hoặc – một nhóm bạn, với những thành viên lớn tuổi nóng tính có chút bực bội bởi ảnh hưởng của thời tiết hoặc sự mệt mỏi của chuyến đi. Nếu đây là một gia đình, theo thái độ mà họ nói chuyện với nhau, có thể suy ra rằng bác sĩ Joe và người đàn ông nhỏ con đội mũ cói (tên là Marcus) là hai anh em. Cô gái được gọi là Marjorie cũng có thể có quan hệ họ hàng với hai người đó. Không ngạc nhiên lắm.

Tuy nhiên, khi những từ ngữ trong cuốn sổ hướng dẫn du lịch được đọc lớn lên, rõ ràng không khí giữa họ bỗng trở nên lạnh lẽo và u ám hơn cái sân này rất nhiều. Chỉ có chàng trai trẻ cầm cuốn sách là không ý thức được điều đó. Mọi người còn lại thì đều quay đầu nhìn quanh; và sau đó hướng về cùng một chỗ. Bốn cặp mắt kính đen nhìn thẳng về hướng cô gái, mặc dù cô đứng ngay chính giữa mọi người. Ánh sáng mặt trời lia trên bề mặt những cặp kính, khiến chúng có vẻ tối tăm và hung hãn như những chiếc mặt nạ.

Bác sĩ Joe khó khăn lên tiếng: “Nhà của ai cơ?”

“Kẻ đầu độc,” chàng trai trẻ nói. *“Bằng hình thanh kiếm và cây liễu lột vỏ (‘lepidus’ nghĩa là ‘tước vỏ’ ‘làm bóng’, nghĩa củ là ‘dí dỏm’ hoặc là ‘dễ chịu’) nằm trên vỉa hè lát đá ghép mảnh, Mommsen đã xác định trang viên này thuộc quyền sở hữu của…”*

“Biết rồi, nhưng mà ông ta đã làm gì?”

“… người, theo Varro, đã giết năm thành viên của gia đình mình bằng cách cố ý bỏ thuốc độc vào món súp nấm,” chàng trai trẻ tiếp tục. Anh ta ngẩng đầu nhìn xung quanh với vẻ hứng thú, như thể mong được thấy các thi thể vẫn đang nằm ở đâu đó.

“Ngay tại đây, điều này hay ho đây!” Cậu ta nói thêm. “Cháu nghĩ thời đó việc đầu độc hàng loạt diễn ra khá dễ dàng.”

Và sau đó, người thanh niên đột nhiên biết rằng có điều gì đó không đúng đang xảy ra; lông tơ sau gáy anh ta dường như dựng đứng hết cả lên. Anh ta gập cuốn sách lại và nhẹ giọng hỏi.

“Có vẻ như,” anh ta buột miệng nói. “Có vẻ như, cháu đã nói điều gì đó không phải sao?”

“Dĩ nhiên là không,” Marjorie trả lời với vẻ điềm tĩnh tuyệt vời. “Ngoài ra, sở thích của bác Marcus là nghiên cứu về các tội ác. Đúng không ạ?”

“Đúng vậy,” bác Marcus gật đầu. Ông quay sang nói với chàng trai trẻ. “Nói cho tôi biết, cậu… gì nhỉ, tôi cứ quên tên cậu hoài?”

“Bác biết rõ tên anh ấy mà,” Marjorie la lên.

Nhìn vào sự kính trọng thái quá mà chàng thanh niên dành cho Marcus, người quan sát có thể nhận ra Marcus không chỉ là bác của Marjorie, ông ấy hành động như cha mẹ của cô vậy.

“Harding, thưa bác. George Harding,” chàng trai trả lời.

“A, đúng rồi. Giờ thì, cậu Harding, nói cho tôi biết, cậu từng nghe đến một nơi gọi là Sodbury Cross, gần Bath bao giờ chưa?”

“Không, thưa bác. Sao bác lại hỏi thế?”

“Chúng tôi đến từ nơi đó,” Marcus nói.

Ông ta thoăn thoắt bước đi và ngồi xuống mép đài phun nước với tư thế như thể đang chuẩn bị đọc một bài diễn văn dài. Ông bỏ cả mũ

và kính mát xuống rồi đặt chúng nằm thăng bằng trên đầu gối mình. Việc tháo bỏ phụ kiện che mặt giúp người quan sát nhận ra Marcus có một mái tóc xám thẳng trông như bướu lạc đà, có lẽ sáu mươi năm chải đầu cũng không thể khuất phục được mái tóc đó. Đôi mắt xanh của ông rất sáng sủa, thông minh và ác ý. Thỉnh thoảng, ông ta lại dùng tay chà xát làn da nhăn nheo ở quai hàm mình.

"Giờ, cậu Harding," ông tiếp tục, "chúng ta hãy đối mặt với sự thật này. Tôi giả sử như mối quan hệ giữa cậu và Marjorie không chỉ là loại tán tỉnh bất chợt trên tàu. Tôi giả sử là cả hai đứa đều nghiêm túc, hoặc hai đứa đều nghĩ là mình nghiêm túc."

Có một sự thay đổi khác nữa lại diễn ra trong nhóm người. Sự thay đổi đó cũng ảnh hưởng đến hai người đàn ông đứng cạnh những cây cột bao quanh khu vườn. Một trong số họ (người quan sát nhận thấy) là một người đàn ông trung niên có vẻ ngoài vui vẻ với chiếc đầu hói và có đội mũ phớt. Mắt ông cũng bị kính râm che mất, nhưng khuôn mặt ông thì tròn đầy và hồng hào ưa nhìn. Ông hắng giọng.

"Tôi nghĩ," ông ấy nói, "nếu mọi người thứ lỗi, tôi sẽ đi xuống phía sau và… "

Người đứng cạnh ông ta, một chàng trai trẻ tuổi có khuôn mặt không mấy ưa nhìn, quay đi và bắt đầu tế nhị lờ đi nghiên cứu nội thất ngôi nhà.

Marcus nhìn hai người bọn họ.

"Vớ vẩn," ông quả quyết nói. "Có thể các anh không phải là thành viên của gia đình này, cả hai người. Nhưng hai người đều biết những gì chúng tôi biết, vậy nên cứ ở yên đó. Và dừng ngay kiểu tế nhị quái quỷ đó đi."

Cô gái khẽ hỏi. "Bác Marcus, bác có nghĩ đây là chỗ để nói chuyện đó ra?"

"Có, cháu yêu."

“Hoàn toàn chính xác,” bác sĩ Joe mạnh mẽ đồng ý. Ông đưa ra một cái nhìn lạnh lùng, nghiêm túc và tỏ vẻ quan trọng. “Lần đầu tiên trong đời, Marcus – đã hoàn toàn đúng.”

George Harding tỏ vẻ dũng cảm một cách lạnh lùng, nghiêm túc.

“Thưa bác, cháu chỉ có thể đảm bảo rằng…” chàng trai nói với vẻ mạnh mẽ.

“Ừ, biết rồi, tôi biết hết mà.” Marcus nói. “Và làm ơn đừng có làm khuôn mặt đáng xấu hổ như vậy. Chẳng có gì bất thường hết. Mọi người đều cưới nhau đấy thôi, và họ đều biết phải làm gì khi kết hôn, và tôi tin tưởng cả hai đứa. Giờ thì, cuộc hôn nhân này có diễn ra hay không hoàn toàn phụ thuộc vào quyết định của tôi.”

“Và của tôi nữa,” bác sĩ Joe cứng rắn nói.

“Đương nhiên rồi,” Marcus lên tiếng với vẻ hơi bực mình. “Và em trai tôi, dĩ nhiên. Chúng tôi mới biết cậu được một tháng hoặc cỡ đó, chỉ trong chuyến du lịch này. Ngay khi cậu bắt đầu hẹn hò với cháu gái tôi, tôi đã lập tức gửi điện tín cho luật sư để hỏi về tất cả các thông tin của cậu. Chà, cậu có vẻ cũng được. Thành tích học tập tốt, và tôi cũng không phàn nàn gì về việc cậu là trẻ mồ côi và không có gia sản…”

George Harding bắt đầu giải thích gì đó, nhưng Marcus ngắt lời anh chàng.

“Rồi, rồi. Tôi biết toàn bộ cái quy trình sản xuất hóa chất của cậu, thứ có thể tạo ra cả một gia tài hay đại loại thế. Nếu cả hai đứa quyết định sống dựa vào nó thì hai đứa nên biết rằng tôi sẽ không đời nào đầu tư vào đó lấy một cắc đâu. Tôi cũng không mấy quan tâm đến cái gọi là ‘quy trình mới’, tôi ghét cay ghét đắng các quy trình mới, đặc biệt là trong ngành hóa học. Chúng tôn vinh bộ não của những kẻ ngốc và khiến tôi phát ngấy vì sự non nớt. Nhưng có lẽ cậu sẽ vẫn thu được gì đó. Nếu làm việc nghiêm túc và chăm chỉ, cậu sẽ kiếm đủ sống, và có lẽ sẽ kiếm được thêm một chút từ Marjorie. Cậu đã hiểu chưa?”

George lại bắt đầu giải thích gì đó nữa. Lần này thì chính Marjorie là người ngắt lời anh ta. Khuôn mặt cô hơi hồng lên, nhưng đôi mắt của Marjorie rất thẳng thắn và cho thấy sự điềm tĩnh tuyệt vời.

"Anh chỉ nên trả lời 'vâng' thôi," cô khuyên. "Đó là tất cả những gì anh được phép nói."

Người đàn ông hói đầu đội mũ phớt đang đứng dựa khuỷu tay vào lan can và hơi cau mày khi lắng nghe cuộc trò chuyện, giờ đây bỗng vẫy tay như thể cố thu hút sự chú ý của giáo viên trong lớp học.

"Chỉ một chút thôi, Marcus," ông ta ngắt lời. "Anh đã yêu cầu Wilbur và tôi có mặt trong cuộc trò chuyện này, mặc dù chúng tôi không phải thành viên gia đình. Vậy nên hãy để tôi nói điều này. Có cần thiết phải thẩm vấn chàng trai kia như thể cậu ta là..."

Marcus nhìn ông ấy.

"Tôi ước," Marcus nói, "một số người sẽ loại bỏ được quan niệm ngớ ngẩn rằng bất cứ dạng câu hỏi nào cũng đều là 'thẩm vấn' cả. Hình như mọi tiểu thuyết gia đều có quan điểm như vậy. Kể cả anh nữa, giáo sư, dường như chính anh cũng thế. Điều đó khiến tôi bực mình đấy. Tôi chỉ đang *kiểm tra* cậu Harding mà thôi. Chuyện đó không rõ ràng à?"

"Đúng ạ," George nói.

"Ồ, thế thì tốt," vị giáo sư hòa nhã.

Marcus dịch người ngồi cách xa chiếc đài phun nước nhất có thể để không bị ngã nhào vào đó. Biểu cảm trên khuôn mặt ông trông hòa dịu hơn nhiều.

"Bởi vì cậu đã hiểu hết điều đó," ông tiếp tục nói với giọng hơi khác hồi nãy, "bước tiếp theo là cậu cần biết về gia đình chúng tôi. Marjorie đã kể gì cho cậu nghe chưa? Tôi nghĩ là chưa. Nếu cậu nghĩ chúng tôi là những thành viên giàu có nhàn rỗi thích dạo bộ, những người quen với việc nghỉ mát suốt ba tháng tại thời điểm này trong năm, thì ném

chúng ra khỏi đầu ngay cho tôi. Đúng là tôi giàu có thật, nhưng tôi không rảnh rỗi và cũng hiếm khi nào đi tản bộ. Những người khác cũng vậy, tôi biết rõ điều đó. Tôi làm việc, và mặc dù tôi xem bản thân mình là một học giả chứ không phải doanh nhân, tôi cũng không phải một người kinh doanh tồi. Em trai tôi là một bác sĩ đa khoa làm việc ở Sodbury Cross. *Nó* cũng làm việc, bất chấp tính cách lười biếng của mình. Tôi cũng biết rõ điều đó. Nó không phải một bác sĩ giỏi, nhưng mọi người đều thích nó.”

Khuôn mặt dưới cặp kính đen của bác sĩ Joe dường như đang bốc hỏa.

“Làm ơn giữ im lặng,” Marcus lạnh lùng nói. “Giờ thì, Wilbur – Wilbur Emmet ở kia – là người quản lí kinh doanh của công ty tôi.”

Ông hất đầu về phía người đàn ông trẻ cao lớn đặc biệt xấu xí đang đứng bên trong lan can của những hàng cột bao quanh khu vườn. Wilbur Emmet vẫn giữ vẻ bình tĩnh gượng gạo như ban đầu. Anh ta cũng tỏ vẻ tôn trọng Marcus như George Harding, nhưng sự tôn trọng của anh ta có vẻ kính cẩn và trang nghiêm hơn, như thể anh ta luôn sẵn sàng lắng nghe.

“Bởi vì là người thuê cậu ấy,” Marcus tiếp tục, “tôi có thể đảm bảo với cậu rằng cậu ấy cũng phải làm việc. Giáo sư Ingram đây, người béo với cái đầu hói ấy, thì chỉ là một người bạn của gia đình. Ông ấy không phải làm việc, nhưng ông ấy sẽ làm nếu như tôi đề nghị. Bây giờ, cậu Harding, tôi muốn cậu hiểu rõ điều này ngay từ đầu, và tôi muốn cậu hiểu tôi. Tôi là chủ gia đình này. Không nên nhầm lẫn điều đó. Tôi không phải một tên bạo chúa. Tôi không phải kẻ keo kiệt. Và tôi cũng không phải là một người vô lí. Mọi người đều biết điều đó.” Ông vươn cổ ra. “Nhưng tôi là một gã hay gây phiền phức, một kẻ già cứng đầu luôn muốn tìm ra sự thật đứng sau mọi việc. Tôi muốn theo cách riêng của mình và tôi thường đạt được những điều mình muốn. Đã rõ ràng chưa?”

“Vâng,” George nói.

“Tốt,” Marcus bình luận với một nụ cười trên mặt. “Nào, giờ sẽ đến câu chuyện còn lại. Cậu có thể băn khoăn tại sao chúng tôi lại đi nghỉ tới những ba tháng, đúng chứ? Tôi sẽ nói cho cậu biết. Nguyên nhân là do trong thị trấn Sodbury Cross có một tên tội phạm mất trí thích đầu độc hàng loạt.”

Sự im lặng lại bao trùm quanh bọn họ. Marcus đeo kính vào, và một lần nữa, vòng tròn những người đeo kính đen lại được hoàn thiện.

“Mèo ăn mất lưỡi cậu rồi hả?” Marcus hỏi. “Tôi không nói rằng trị trấn đó có đài phun nước hay quảng trường chợ. Tôi nói thị trấn đó có một tên tội phạm điên cuồng, kẻ thích thú việc đầu độc hàng loạt. Để thỏa mãn thú vui của mình, hắn đã đầu độc ba đứa trẻ và một cô gái mười tám tuổi bằng strychnine. Một đứa bé đã chết. Đó là người mà Marjorie đặc biệt yêu quý.”

George Harding mở miệng định nói điều gì đó, và sau đó lại không nói gì. Cậu ta nhìn xuống cuốn sách hướng dẫn du lịch trong tay, và vội vàng đẩy nó vào trong túi áo.

“Cháu lấy làm tiếc…” Cậu ta bắt đầu.

“Không, nghe này. Marjorie đã ốm vài tuần liền vì căng thẳng thần kinh. Chính vì lí do đó, và một lí do khác – bầu không khí,” Marcus điều chỉnh kính của mình, “nên chúng tôi quyết định thực hiện chuyến đi này.”

“Con bé có bao giờ khỏe mạnh đâu,” bác sĩ Joe lẩm bẩm, nhìn chằm chằm xuống đất.

Marcus ra hiệu cho ông ấy yên lặng.

“Vào thứ tư, cậu Harding, chúng tôi lên tàu *Hakozaki Maru* từ Napoli và trở về nhà. Vậy nên cậu cần biết vài điều về những chuyện đã xảy ra ở Sodbury Cross vào ngày 17 tháng Sáu vừa qua. Có một phụ nữ là bà Terry, người trông giữ một cửa hàng thuốc lá và đồ ngọt trên

Đại Lộ. Bà ta bán cho bọn trẻ những viên kẹo sô cô la nhân kem có chứa strychnine. Bà ta không (cậu có thể đoán được) bán kẹo sô cô la chứa độc cho bọn trẻ bao giờ. Cảnh sát tin rằng bằng cách nào đó những viên kẹo thường đã bị thay thế bởi những viên kẹo độc." Ông hơi ngần ngừ. "Vấn đề ở đây là, những ai có thể tiếp cận số kẹo sô cô la đó, và những ai có thể thực hiện hành vi đầu độc vào những thời điểm cụ thể, phải là người sống ở Sodbury Cross. Tôi nói vậy có rõ ràng chưa?"

Lúc này đây, những cặp kính đen nhìn chăm chú vào George.

"Cháu nghĩ là có, thưa bác."

"Thành thật mà nói," Marcus tiếp tục. *"Ta* cảm thấy lo lắng khi phải trở về nhà…"

"Lạy Chúa, phải thế chứ!" Bác sĩ Joe thốt lên với vẻ nhẹ nhõm rõ rệt. "Những điếu thuốc ngon. Những tách trà ngon. Những…"

Từ bóng của hàng cột dưới mái hiên bao quanh khu vườn, người thanh niên trẻ có khuôn mặt nghiêm nghị và đặc biệt xấu xí lần đầu lên tiếng. Anh ta có giọng nói trầm, và điều đó khiến ngôn từ anh nói mang hơi hướm bí ẩn như lời tiên tri thần bí của các bà đồng. Hai tay anh ta nhét vào túi ngoài của chiếc áo blazer màu xanh nhạt.

"Thưa ông," Wilbur Emmet nói, "chúng ta không nên đi xa vào tháng Bảy và tháng Tám. Tôi không thể giao phó Early Silver cho McCracken được."

"Làm ơn hiểu tôi, cậu Harding," Marcus nói một cách sắc bén. "Chúng tôi không phải một nhóm kẻ lập dị. Chúng tôi làm mọi điều chúng tôi muốn. Chúng tôi đi nghỉ khi chúng tôi muốn, và trở về nhà khi chúng tôi muốn. Ít nhất, là tôi muốn. Tôi đặc biệt lo lắng khi trở về, bởi vì tôi nghĩ tôi có thể giải quyết vấn đề đang hành hạ mọi người ở đó. Vài tháng trước tôi đã biết một phần câu trả lời cho vụ án. Nhưng chắc chắn sẽ…" Một lần nữa, Marcus ngần ngại giơ tay lên, lắc nhẹ rồi lại hạ xuống đầu gối mình. "Nếu cậu đến Sodbury Cross, cậu

chắc chắn sẽ phải chịu những lời nói bóng gió. Bầu không khí ngột ngạt. Tiếng xì xầm sau lưng. Cậu đã chuẩn bị sẵn sàng cho những thứ đó chưa?”

“Rồi ạ,” George trả lời.

Với người đàn ông đang quan sát họ từ ô cửa trống của khoảng sân trước, hình ảnh nhóm người trong khu vườn vẫn luôn ở đó, đóng khung trong những cột trụ kiểu cổ và mang tính biểu tượng kì lạ cho những điều đã xảy ra. Nhưng bây giờ ý nghĩ của anh không phải chỉ là thứ lí thuyết suông nào đó. Anh không bước sâu thêm vào căn nhà của Kẻ đầu độc Aulus Lepidus nữa. Thay vào đó anh quay ra, trở lại Con Đường Hầm Mộ, và đi bộ thêm một quãng nhỏ hướng về cổng Herculaneum. Một vệt khói trắng mờ ảo cuộn tròn và trườn quanh vành núi lửa Vesuvius. Thanh tra – thám tử Andrew MacAndrew Elliot, thuộc Cục Điều tra Hình sự, ngồi xuống trên lề đường cao, đốt một điếu thuốc, và cẩn thận nhìn chằm chằm vào con thằn lằn nâu sắp sửa lao xuống đường.

II. MÙI HƯƠNG NGỌT ĐẮNG

VÀO CÁI ĐÊM mà vụ giết người diễn ra tại căn nhà miền thôn quê Bellegarde của Marcus Chesney, thanh tra Elliot đã rời khỏi London trên xe của mình – chiếc xe mà anh luôn tự hào một cách quá đáng – và đã đến Sodbury Cross vào lúc mười một giờ rưỡi đêm. Thời tiết khá dễ chịu dù ngoài trời đang tối đen như mực sau một ngày nắng vàng rực rỡ, và nhiệt độ thì khá ấm áp so với ngày mùng 3 tháng Mười.

Đã có một loại, anh ảm đạm nghĩ, một loại định mệnh về chuyện đó. Khi chánh thanh tra Hadley yêu cầu anh tiếp quản vụ này, Elliot đã không nói với ông ấy những điều mình đang nghĩ. Thứ đang ám ảnh anh không chỉ là cảnh tượng ở Pompeii, mà còn thêm sự việc không

mấy tốt đẹp ở một hiệu thuốc nọ.

“Như thường lệ,” Hadley đã cay đắng phàn nàn, “chúng ta lại được gọi vào lúc manh mối đã nguội lạnh cả rồi. Vụ án đó đã xảy ra gần bốn tháng trước đấy! Cậu đã làm rất tốt vụ Chiếc bản lề cong dù không có nhiều bằng chứng để lại, nên tôi nghĩ cậu có thể làm gì đó với vụ này. Nhưng đừng có lạc quan quá. Cậu có biết gì khác về vụ này không?”

“Tôi – lúc nãy có đọc qua chút thông tin, thưa sếp.”

“Chà, vụ án đó lại được khuấy lên lần nữa. Từ sau lúc gia đình Chesney trở về từ chuyến đi nước ngoài, một chuỗi náo động đã xuất hiện. Những bức thư nặc danh, những bức vẽ nguệch ngoạc trên tường, mấy thứ đại loại như thế. Đó là một hành động bẩn thỉu, chàng trai ạ, việc đầu độc trẻ con ấy.”

Elliot chần chừ một chút mới quyết định lên tiếng. Ông ấy có vẻ đang bị cơn giận làm mờ lí trí. “Họ đang nghi ngờ hung thủ là người trong gia đình Chesney đúng không sếp?”

“Tôi không biết. Thiếu tá Crow – cảnh sát trưởng ở đó – có suy nghĩ riêng của mình. Crow có khuynh hướng dễ bị kích động hơn cậu nghĩ, dù ngoài mặt ông ấy trông khá bình tĩnh. Một khi đã nảy ra được ý tưởng nào đó, ông ấy sẽ mắc kẹt luôn với nó. Dù vậy, ông ấy sẽ cho cậu tất cả những chi tiết mà cậu cần. Crow là người tốt, và cậu sẽ làm việc tốt dưới trướng của ông ấy thôi. Ồ, và nếu cậu cần giúp đỡ, cậu có thể nhờ Fell. Ông ấy đang ở Bath để truy tìm manh mối. Hãy nhờ đến Fell và cậu sẽ thấy rằng ông bạn già đó đôi khi cũng được việc lắm.”

Andrew MacAndrew Elliot, một thanh niên trẻ, nghiêm túc và mang tâm hồn của người Scotland trong mình, đã trở nên hăng hái hơn khi biết về sự hiện diện của vị học giả lớn này.Anh thậm chí nghĩ anh có thể kể với tiến sĩ Fell những điều ám ảnh mình bấy lâu nay, bởi vì tiến sĩ Fell là loại người mà bạn có thể thoải mái làm những điều như vậy.

Sau đó, vào lúc mười một giờ rưỡi tối, anh đã đến Sodbury Cross và đẩy cửa bước vào đồn cảnh sát. Sodbury Cross là một nơi nằm trong tình trạng lơ lửng giữa một thị trấn và một ngôi làng. Nhưng nó là thị trấn buôn bán, và nằm gần đường đến London, vậy nên giao thông ở đây khá đông đúc. Nhưng vào thời điểm đêm tối như thế này, cả thị trấn đang chìm trong giấc ngủ. Ánh đèn từ xe hơi của Elliot chiếu những vệt dài trống rỗng lên các khung cửa sổ hai bên đường, và ngoài ánh đèn xe của anh ra thì chỉ có một luồng sáng khác là chiếc đồng hồ phát sáng gắn trên vòi phun nước uống Diamond Jubilee.

Thiếu tá Crow và sĩ quan Bostwick đang chờ anh tại văn phòng quản lí đồn cảnh sát.

“Xin lỗi vì đã tới trễ,” Elliot nói với hai người họ. “Nhưng lốp xe của tôi bị xẹp ở đầu kia của Calne, và…”

“Ồ, không sao hết,” cảnh sát trưởng thoải mái nói. “Bản thân chúng tôi cũng là cú đêm cả. Cậu định nghỉ ở đâu?”

“Chánh thanh tra có gợi ý cho tôi đến The Blue Lion.”

“Không kiếm được chỗ nào tốt hơn nơi đó đâu. Cậu có muốn đến đó, gõ cửa và giải quyết vấn đề chỗ ở trước không, hay cậu muốn nghe về vụ án trước?”

“Tôi muốn biết về vụ án trước, thưa ngài, nếu bây giờ không là quá trễ với ngài.”

Lần đầu tiên, cả căn phòng trở nên hoàn toàn yên lặng, chỉ có tiếng tích tắc của chiếc đồng hồ ồn ã chậm rãi chạy đều. Thiếu tá Crow rút từ trong túi ra một hộp thuốc lá. Thiếu tá Crow là một người đàn ông thấp người, trông có vẻ hòa nhã với bộ ria mép xám được cắt tỉa gọn gàng. Đó là loại người từng có kinh nghiệm trong quân đội, thành công của những người này luôn khiến bạn ngạc nhiên cho tới khi bạn thấy được hiệu quả làm việc tuyệt vời của họ. Cảnh sát trưởng châm một điếu thuốc và tỏ ra hơi ngần ngừ, đôi mắt ông dán chặt xuống sàn nhà.

“Tôi mới là người,” ông lên tiếng, “nên xin lỗi cậu, thanh tra. Lẽ ra nếu định yêu cầu cậu tham gia vào vụ này, chúng tôi nên gọi đến Yard từ lâu rồi. Nhưng vài ngày qua, từ khi Chesney và gia đình ông ta trở về, vụ việc bị khơi lên ồn ào không chỉ một lần. Mọi người sẽ nghĩ rằng có chuyện lớn ở đây” – nụ cười của ông không hề mang chút tính công kích nào cả – “chỉ bởi vì Scotland Yard cũng bắt tay vào vụ việc. Hiện tại, rất nhiều người trong số họ muốn chúng ta bắt giữ một cô gái, Marjorie Wills. Và chúng tôi thì không có đủ bằng chứng.”

Elliot, mặc dù rất muốn, đã không bình luận câu nào.

“Rồi cậu sẽ thấu hiểu những khó khăn mà chúng tôi đang phải đối mặt,” thiếu tá Crow tiếp tục, “nếu cậu thấy những hình ảnh chi tiết về cửa hàng của bà Terry. Tôi cá là cậu đã nhìn hàng trăm bức ảnh như vậy. Nó là một chỗ rất nhỏ, chật chội nhưng sâu hun hút. Phía bên tay trái cửa hàng có một quầy thuốc lá, phía bên tay phải là quầy đồ ngọt. Giữa chúng là một lối đi chỉ đủ rộng để quay người hướng đến phía sau cửa hàng, nơi đặt một thư viện lưu động nhỏ. Cậu nắm được rồi chứ?”

Elliot gật đầu.

“Chỉ có ba cửa hàng bán thuốc lá và đồ ngọt ở Sodbury Cross này, và chỗ của bà Terry là (hoặc từng là) nơi được yêu thích nhất. Mọi người đều đến đó mua đồ. Bà ấy là một người vui vẻ, và bà ấy làm việc rất nhiều từ khi người chồng mất và để lại năm đứa con thơ. Cậu nắm được rồi chứ?”

Elliot lại gật đầu.

“Nhưng cậu cũng nên biết cách người ta quản lí việc mua bán đồ ngọt ở những cửa hàng như thế này. Một số loại bánh kẹo được đặt dưới một tủ kính trưng bày. Nhưng phần lớn các loại khác chỉ để tùy ý đơn giản, trong những lọ thủy tinh hoặc trong những chiếc hộp để mở đặt ngay trên quầy thanh toán. Mặt trên tủ kính trưng bày có năm chiếc hộp để mở, chúng hơi nghiêng ra phía ngoài một chút để khách

hàng thấy được những loại đồ ngọt bên trong. Ba chiếc hộp chứa kẹo sô cô la nhân kem, một hộp chứa những thanh sô cô la rắn và một hộp chứa kẹo caramen.

"Bây giờ giả sử cậu muốn đầu độc vài viên sô cô la trong đó. Không thể dễ dàng hơn! Cậu đi đâu đó mua một ít sô cô la – loại phổ biến có thể mua ở bất kì cửa hàng nào. Cậu lấy một chiếc kim tiêm dưới da, bơm đầy strychnine được hòa tan trong cồn, và tiêm một hoặc hai giọt vào (khoảng) nửa tá sô cô la. Một vết kim tiêm nhỏ xíu như thế sẽ khó mà bị phát hiện được.

"Sau đó cậu bước vào cửa hàng của bà Terry (hoặc bất cứ cửa tiệm nào khác) với những viên sô cô la giấu trong lòng bàn tay. Cậu hỏi mua thuốc lá và bà Terry đi đến sau quầy thuốc lá. Cậu nói cần mua năm mươi hay một trăm điếu thuốc, vậy là bà ấy sẽ không chỉ quay đi, mà còn phải với tay hoặc leo lên trên kệ hàng cao hơn để lấy hộp thuốc lá chứa một trăm điếu. Trong khi bà ấy quay lưng cậu chỉ cần lấy từ phía sau và thả những viên sô cô la đã được chuẩn bị sẵn vào trong chiếc hộp để mở. Mỗi ngày có hàng trăm người ra vào cửa hàng đó, và ai mà biết hay chứng minh được cậu là hung thủ chứ?"

Ông bắt đầu tức giận, màu hồng nhẹ đang lan trên mặt ông.

"Có phải đó là cách hung thủ gây án không, thưa ngài?" Elliot hỏi.

"Từ từ đã! Cậu có thể thấy nếu một kẻ muốn tận hưởng niềm vui giết chóc, và không hề quan tâm người mình giết là ai, có thể dễ dàng thực hiện điều đó thế nào mà không bị tóm. Như vậy cậu đã biết được những khó khăn của chúng tôi.

"Đầu tiên tôi nên cho cậu biết về Marcus Chesney, cũng như gia đình và bạn bè thân thiết của ông ấy. Chesney sống trong một căn nhà lớn cách nơi này khoảng một phần tư dặm, có thể cậu đã thấy căn nhà đó rồi. Một nơi gọn gàng và sạch sẽ, được trang bị những nội thất hiện đại có chất lượng tốt nhất. Căn nhà được gọi là Bellegarde, đặt theo tên một loại đào."

“Một gì cơ, thưa ngài?”

“Một loại đào,” cảnh sát trưởng trả lời. “Cậu đã bao giờ nghe về những nhà kính nổi tiếng của Chesney chưa? Chưa à? Ông ấy có nửa mẫu Anh dựng toàn nhà kính. Cha và ông nội Marcus đã trồng trong đó những giống đào xa xỉ nhất trên thế giới. Ông ấy cũng tiếp tục công việc này. Chính là loại đào lớn người ta hay bán tại chuỗi khách sạn West End với giá cắt cổ ấy. Marcus trồng đào không theo mùa, ông ấy nói rằng ánh nắng và khí hậu không mấy ảnh hưởng tới việc trồng đào. Ông ấy bảo bí quyết của mình là một bí mật trị giá cả chục ngàn đô. Ông trồng Bellegarde, Early Silver, và (loại đào đặc biệt chỉ mình ông có) Royal Ripener. Và công việc đó chắc chắn mang lại lợi nhuận đáng kể. Tôi được biết thu nhập năm ngoái của ông ấy lên đến sáu con số.” Nói đến đây giọng thiếu tá Crow hơi ngần ngừ, ông nhìn vị khách của mình một cách sắc sảo. “Về bản thân Chesney,” ông tiếp tục, “trong quận này ông ấy không được yêu thích lắm. Ông ấy khôn ngoan, mạnh mẽ và cứng rắn.

“Mọi người hoặc là không thích ông ấy, hoặc là đối xử với ông ấy bằng thái độ nửa tôn trọng nửa chịu đựng. Cậu biết đấy loại mà người ta hay nói trong mấy quán rượu ấy: ‘À, lão Chesney à, lão ta là người như vậy mà!’ kèm theo một cái lắc đầu, hoặc nụ cười nửa miệng, và uống hết li bia đặt trên quầy. Sau đó người ta truyền tai nhau nói rằng gia đình đó có gì đó rất kì lạ, mặc dù không ai có thể nói chính xác điều kì lạ ấy là gì.

“Marjorie Wills là cháu gái của Marcus. Em gái của ông ấy, mẹ đẻ con bé, đã qua đời. Mọi người biết đến Marjorie là một cô gái tốt bụng. Nhưng cô ấy cũng khá nóng nảy. Đối lập với vẻ ngọt ngào ngây thơ bên ngoài, đôi khi tôi nghe cô ấy sử dụng những từ ngữ có thể khiến một tay lính phải giật mình.

“Người tiếp theo là Joe Chesney, một bác sĩ. Ông ấy là người cứu chuộc cả gia đình họ. Mọi người đều thích ông ấy. Ông ấy luôn giống như một con bò gầm gừ vậy, và tôi không tin ông ấy giỏi kĩ năng

chuyên môn lắm, nhưng rất nhiều người tin tưởng vào ông ấy. Joe không sống cùng với Marcus – Marcus sẽ không đời nào để căn Bellegarde loạn lên với những cuộc khám bệnh thường xuyên. Ông ấy sống phía dưới con đường này một chút.

“Người anh cần biết tiếp theo là một giáo sư đã về hưu tên là Ingram, một người trầm tĩnh và dễ chịu – một người bạn thân thiết rất gắn bó của Marcus. Ông ấy có một căn nhà riêng trên cùng con đường với bạn mình, và được mọi người xung quanh ngưỡng mộ. Cuối cùng, người quản lí kinh doanh hay có thể gọi là quản đốc những ‘vườn ươm’ của Chesney là một gã không ai biết hay quan tâm gì đến tên là Emmet.

“Nào! Ngày 17 tháng Sáu là thứ năm, ngày họp chợ, và do vậy hôm đó có khá nhiều người trong thị trấn. Tôi nghĩ chúng ta có thể giả định chắc chắn rằng, không có viên kẹo sô cô la nhiễm độc nào trong cửa hàng của bà Terry trước ngày hôm đó cả. Lí do: bà ấy có tới năm đứa con, như tôi đã nói với anh lúc nãy, và ngày 16 là sinh nhật của một trong số chúng. Bà Terry đã tổ chức một buổi tiệc sinh nhật nhỏ cho cậu bé vào buổi chiều tối. Để chuẩn bị cho buổi tiệc, bà ấy đã lấy (cùng với những đồ ngọt khác) trong mỗi hộp trên quầy thanh toán một nắm kẹo. Không có ai bị nhiễm độc sau khi ăn số kẹo đó.

“Chúng tôi đã có một danh sách – toàn bộ – những người đã ở trong cửa hàng vào ngày thứ năm đó. Việc này không khó khăn như anh tưởng, bởi vì phần lớn trong số họ đều lấy sách trong thư viện, và bà Terry có giữ biên bản. Hôm ấy không có người lạ nào bước vào cửa hàng, điều này chúng ta có thể xác định được. Nhân tiện, chính Marcus Chesney cũng có tên trong danh sách. Bác sĩ Joe Chesney cũng vậy. Nhưng cả giáo sư Ingram lẫn chàng trai trẻ Emmet đều không vào cửa hàng ngày đó.”

Elliot rút cuốn sổ của mình ra và xem xét những bản phác thảo lạ lùng mà anh đã vẽ lên đó.

“Còn cô Wills thì sao?” anh hỏi – và một lần nữa anh lại ý thức được màn đêm ấm áp, ánh đèn khí đung đưa có nhịp điệu như một lời hát, và đôi mắt đầy âu lo của người cảnh sát trưởng.

“Tôi đang định nói về cô gái đây,” thiếu tá Crow tiếp tục. “Thực ra hôm ấy cô Wills không hề đi vào trong cửa hàng. Đây là những chuyện đã xảy ra. Khoảng bốn giờ chiều, ngay sau khi tan học, cô ấy lái xe của bác mình đến Sodbury Cross. Cô ấy đến cửa hàng của Packers, người bán thịt, để phàn nàn về việc gì đó. Sau khi ra khỏi cửa hàng thịt, cô ấy gặp bé Frankie Dale, tám tuổi. Cô gái luôn rất thân thiết với Frankie, theo phần lớn mọi người ở đây cho biết. Cô ấy nói với cậu bé – theo lời một nhân chứng nghe được – ‘Nào, Frankie, chạy xuống cửa hàng của bà Terry và mua cho chị ba xu kẹo sô cô la nhân kem, được không?’ và cô ấy đưa cho đứa trẻ đồng sáu xu.

“Cửa hàng của bà Terry chỉ cách hàng thịt khoảng năm mươi bước chân. Frankie đã làm như được bảo. Như tôi đã nói lúc nãy, có ba hộp kẹo sô cô la nhân kem trên đầu kệ kính. Frankie, như phần lớn trẻ em, không xác định chính xác những chiếc hộp được. Cậu bé chỉ khăng khăng nhắm vào chiếc hộp ở giữa, và nói, ‘Cháu muốn ba xu loại này.’ ”

“Xin đợi một chút, thưa ngài,” Elliot xen vào. “Có ai khác mua kẹo sô cô la nhân kem vào thời gian đó nữa không?”

“Không. Những loại kẹo khác như cam thảo, thanh sô cô la, và kẹo sữa được bán ra khá nhiều, nhưng không có viên sô cô la nhân kem nào khác được bán vào ngày hôm đó.”

“Phiền ngài tiếp tục.”

“Bà Terry đã cân kẹo cho cậu bé. Sáu xu mua được khoảng ¼ pound kẹo sô cô la bọc kem; cậu bé mua 2 ounce, được khoảng sáu viên. Sau đó Frankie chạy về chỗ cô Wills, với đám kẹo để trong túi giấy. Ngày hôm đó trời mưa và cô Wills đang mặc một chiếc áo mưa với túi áo rất sâu. Cô ấy bỏ bịch kẹo vào túi. Sau đó, như thể đổi ý, cô lại lôi bọc

kẹo ra. Ít nhất, cô ấy đã lôi bịch kẹo ra khỏi chiếc túi giấy. Cậu theo kịp không?”

“Có.”

“Cô ấy mở túi giấy, nhìn vào bên trong, và nói, ‘Frankie, em đã mua cho chị loại kẹo nhỏ nhân kem trắng bên trong. Chị muốn loại lớn hơn có kem màu hồng cơ. Em có thể quay vào đó và nhờ bà Terry đổi lại được không?’ Bà Terry, dĩ nhiên, đã giúp cậu bé đổi lại. Bà đổ đống kẹo trở lại vào chiếc hộp ở giữa, và lấy loại kẹo từ chiếc hộp bên tay phải cho vào chiếc túi giấy. Frankie đưa số kẹo cho cô Wills, và cô ấy nói cậu bé có thể giữ số tiền lẻ còn thừa.

“Những việc xảy ra tiếp theo,” thiếu tá Crow nói, cố gắng hít một hơi thật sâu và nhìn người nghe của mình bằng đôi mắt kiên quyết, “đã được tường trình lại rồi. Sau đó Frankie đã không tiêu ba xu còn lại, cậu bé về nhà để uống trà. Nhưng sau giờ trà chiều cậu bé quay lại cửa hàng lần nữa. Dù sao thì cậu bé cũng đã định mua những viên sô cô la nhân kem đó, có lẽ từ lần mua trước, tôi không chắc. Nhưng thằng bé dành hai xu để mua thứ đó – loại kẹo nhỏ có kem trắng bên trong – và một xu kẹo cam thảo. Khoảng sáu giờ mười lăm, một người giúp việc tên là Lois Curtain (cô ấy làm việc cho ông bà Anderson) đến cửa hàng với hai đứa trẻ nhà Anderson, và họ mua nửa pound kẹo trong cả ba chiếc hộp.

“Tất cả những người từng ăn kẹo sô cô la mua từ chiếc hộp chính giữa đều phàn nàn về vị đắng dữ dội của nó. Frankie, cậu bé đáng thương, đã không bị vị đắng này ngăn cản, bởi vì cậu bé dành những hai xu để mua loại kẹo đó. Cậu bé đã ăn rất nhiều. Khoảng một giờ sau, các cơn đau ập đến, và cậu bé chết trong sự đau đớn khủng khiếp vào lúc mười một giờ đêm. Những đứa trẻ nhà Anderson, và Lois Curtain, thì may mắn hơn. Bé Dorothy Anderson chỉ mới cắn một miếng sô cô la liền khóc lên và nói rằng quá đắng nên không thể ăn được – cô bé dùng từ ‘kinh tởm’ để mô tả nó. Lois Curtain, vì tò mò, cũng cắn một miếng. Tommy Anderson cũng ồn ào đòi ăn thử.

“Sau đó Lois cắn một viên kẹo sô cô la khác, và viên đó cũng đắng như viên đầu. Cô ấy quyết định rằng chất lượng những viên kẹo đó quá tệ, và nhét chúng vào giỏ xách để sau này quay lại phàn nàn với bà Terry. Không ai trong số ba người họ mất mạng, nhưng đêm đó Lois vẫn bị ảnh hưởng. Ngộ độc strychnine, dĩ nhiên.”

Thiếu tá Crow ngừng nói. Dường như ông ấy đang nói chuyện bằng sự yên lặng, nhưng Elliot không thích nhìn vào đôi mắt ông lúc này. Sau đó ông dập tắt điếu thuốc rồi lại ngồi xuống.

Ông tiếp tục:

“Tôi đã làm việc trong ngành này được mười hai năm, nhưng tôi chưa bao giờ thấy vụ nào ồn ào như vụ này. Cáo buộc đầu tiên, dĩ nhiên, là bà Terry đã bán số sô cô la có độc đó, và mọi lời buộc tội đổ lên đầu bà ấy. Tôi nghĩ vài người đã mơ hồ nghĩ rằng sô cô la nhiễm độc cũng giống như mấy miếng thịt hư thối vậy. Bà Terry đã quá kích động. Cậu biết đấy, gào thét và khóc lóc, với chiếc tạp dề phủ lên mặt. Mọi người đập vỡ cửa sổ nhà bà ấy. Và bố của Frankie Dale đánh mất đến một nửa lí trí bình thường.

“Nhưng một hay hai ngày sau mọi người trở nên ôn hòa hơn, và họ bắt đầu đặt ra những thắc mắc. Joe Chesney đã thành thật phát biểu ở quầy rượu của The Blue Lion rằng đây là một vụ đầu độc có tính toán. Kẻ đầu độc nhắm vào Frankie. Frankie đã ăn ba viên kẹo sô cô la, và nuốt chửng 6,25 grain strychnine. Cậu biết đấy, chỉ 0,0625 grain đã đủ gây tử vong rồi. Ba nạn nhân khác chia nhau 2 grain, số kẹo sô cô la còn lại trong chiếc hộp ở giữa đã được mang đi phân tích. Trong đó có thêm hai viên kẹo độc nữa, mỗi viên chứa hơn 2 grain strychnine hòa trong dung dịch cồn, và trong túi giấy của Lois Curtain cũng có thêm hai viên nữa, cộng thêm hai viên cô ấy và đám trẻ đã ăn. Nói cách khác, có tất cả mười viên sô cô la cùng bị đầu độc và mỗi viên trong số đó đều chứa lượng strychnine cao hơn liều lượng tử vong. Ai đó đã ra ngoài giết chóc, và giết chóc với mục tiêu gây đau đớn nhất có thể cho các nạn nhân.

“Giờ đây – khá rõ ràng là – chúng ta có ba khả năng.

“Thứ nhất. Bà Terry đã cung cấp những viên sô cô la có độc. Không ai tin tưởng điều này, đặc biệt là sau sự ầm ĩ đầu tiên mà bà ấy gây ra.

“Thứ hai. Có người đã đi vào cửa hàng ngày hôm đó và bỏ một nắm kẹo độc vào chiếc hộp ở giữa trong khi bà Terry quay đi. Như tôi đã nói với anh lúc nãy.

“Thứ ba. Marjorie Wills là hung thủ. Khi Frankie mua cho cô ấy một túi kẹo không độc, cô đã chuẩn bị sẵn trong túi áo mưa một chiếc túi khác chứa những viên kẹo có độc. Cô ta đặt túi kẹo an toàn vào túi áo, rút túi kẹo có độc ra và yêu cầu Frankie quay lại đổi. Chính vì vậy nên những viên kẹo có độc mới có mặt trong chiếc hộp ở giữa. Cậu theo kịp chứ?”

Elliot nhíu mày.

“Kịp, thưa ngài. Tôi thấy được điều đó. Nhưng…”

“Chính xác!” thiếu tá ngắt lời và nhìn anh với con mắt ngạc nhiên. “Tôi biết cậu định nói gì. Đó chính là mấu chốt vụ án. Cô ấy mua *sáu* viên sô cô la. Nhưng có tổng cộng *mười* viên sô cô la có độc trong chiếc hộp nằm giữa. Nếu cô ấy thực sự tráo chiếc túi, vậy bốn viên nữa từ đâu ra? Và nếu chiếc túi thay thế chứa mười viên sô cô la chứ không phải sáu viên, vậy bà Terry hẳn phải nhận ra điều đó khi đổ kẹo trở lại chiếc hộp chứ, đúng không?”

Đến nay, sĩ quan cảnh sát Bostwick chưa hề nói một lời nào. Là một người đàn ông vạm vỡ, ông ấy đã ngồi yên với cánh tay khoanh chặt và đôi mắt dán vào cuốn lịch. Bây giờ ông mới hắng giọng.

“Vài người,” ông nói, “nghĩ rằng bà ấy không chú ý. Nếu quá bận, có lẽ bà ấy không chú ý thật.”

Lại hắng giọng một lần nữa, ông nói tiếp:

“Dù có hay không có Scotland Yard, tốt nhất nên bắt giữ tên giết người khốn kiếp ấy ngay nếu đó là điều cuối cùng chúng ta có thể

làm."

Sức nóng của sự bùng nổ vừa rồi rung rinh trong căn phòng ấm áp. Thiếu tá Crow nhìn Elliot.

"Bostwick," ông ấy lên tiếng, "đã được đào tạo để nhìn nhận mọi việc một cách khách quan. Nhưng nếu đó là những điều hiện lên trong đầu ông ấy, cậu có tưởng tượng được suy nghĩ của những người khác về việc này không?"

"Tôi thấy rõ điều đó," Elliot nói, và âm thầm rùng mình một chút. "Có phải tất cả mọi người đều tin rằng cô Wills…?"

"Đó là việc cậu phải tự mình tìm ra. Nhìn chung mọi người đang không ở trong tâm trạng tranh luận lịch sự, như chúng ta. Đó chính là vấn đề. Đầu tiên, với họ thì bản chất của sự việc là hoàn toàn vô nghĩa, vụ án dã man này đã khiến tất cả mọi người choáng váng. Còn điều này nữa – à thì, có một sự kiện không giúp ích gì được mấy (mặc dù may mắn là hầu như đám đông ở quán The Blue Lion không hề biết điều này) rằng tình huống này giống y hệt vụ đầu độc ở Brighton hơn sáu mươi năm trước. Cậu có nghe về vụ án của Christiana Edmunds năm 1871 chưa? Cô ta tiêm thuốc độc vào những viên kẹo sô cô la, lừa một đứa trẻ trở lại cửa hàng và tráo đổi chúng, chính xác đến từng chi tiết. Mang một túi kẹo thay thế – tôi nghĩ – trong chiếc bao tay bằng lông, và trao cho cậu bé như một trò ảo thuật."

Elliot cân nhắc. "Christiana Edmunds, nếu tôi nhớ không nhầm," anh nói, "là một kẻ điên rồ. Cô ta đã chết ở Broadmoor."

"Đúng vậy," thiếu tá thẳng thắn gật đầu, "và vài người nghĩ rằng cô gái này cũng mất trí y như vậy."

Sau khi ngưng lại một chút ông đã tiếp tục với bầu không khí hợp lí hơn.

"Nhưng hãy nhìn vào trường hợp của cô gái đi! Hay nói đúng hơn là những thiếu hụt trong vụ án này. Không thể nuốt trôi, đơn giản là

không thể nuốt trôi được. Đầu tiên, chúng ta không thể truy được nguồn thuốc độc của cô ấy – không thể chứng minh rằng cô ấy từng mua, mượn, tìm thấy hay đánh cắp một phần triệu grain nào cả. Câu trả lời của đám đông cho vấn đề đó rất đơn giản. Cô ta được bác sĩ Chesney yêu quý, và Joe Chesney là loại người rất có khả năng bất cẩn để strychnine nằm lung tung khắp nơi như thể chúng là thuốc lá. Đúng là ông ta có dùng strychnine trong khi phẫu thuật, nhưng ông ấy có báo cáo chi tiết với chúng tôi tất cả liều lượng.

"Thứ hai, chính bản thân bà Terry đã thề rằng chỉ có sáu viên sô cô la trong chiếc túi mà Frankie Dale mang trở về.

"Thứ ba, nếu Marjorie Wills là thủ phạm, cô ấy đã gây án một cách ngu ngốc đến không tưởng. Cô ấy thậm chí còn không chịu thực hành các biện pháp an toàn như kẻ điên Christiana Edmunds. Sau tất cả, Brighton là một thành phố khá lớn, và một người phụ nữ chọn một đứa trẻ không biết cô ta là ai để thực hiện việc tráo đổi sẽ tránh cho cô ta nguy cơ bị nhận diện sau này. Nhưng cô gái này! Tiến hành gây án ngay giữa một chỗ nhỏ xíu như nơi này, nói chuyện cùng một cậu bé biết cô ta rất rõ, dưới sự chứng kiến của các nhân chứng ư? Nói cách khác, cô ta đang cố hết sức lôi kéo sự chú ý về phía mình! Nếu muốn đầu độc mấy viên sô cô la, cô ta hoàn toàn có thể tìm một phương pháp khác, ít gây nghi ngờ hơn cách mà tôi đã nói.

"Không, thanh tra. Không có chứng cứ nào đủ mạnh để đưa cô ta ra tòa cả, và chúng ta không thể đưa ra lệnh bắt giữ chỉ để làm hài lòng bác Tom Cobleigh và mọi người. Bên cạnh đó, tôi hi vọng những suy đoán của mọi người là không chính xác. Cô ấy là một cô gái bé nhỏ, và không ai biết gì về cô ấy ngoại trừ những lúc bị gom chung với Chesney dưới danh xưng một gia đình quái gở."

"Có phải làn sóng kích động chống lại cô ấy bắt đầu từ trước chuyến đi nghỉ dài ngày của gia đình Chesney không?"

"Dù sao thì, trước khi họ đi những tin đồn cũng âm ỉ một chút. Nó

chỉ bùng lên dữ dội sau khi họ rời khỏi đây. Và, bây giờ khi họ đã trở lại, mọi việc thậm chí còn tệ hơn. Ngài sĩ quan đây đang lo lắng những người mất lí trí có thể trở nên kích động và cố gắng đập phá nhà kính của Marcus. Mặc dù vậy, tôi không lo lắng về chuyện đó lắm. Cha cậu bé đã nói về việc đó nhiều lần, nhưng anh ta cũng cực kì kiên nhẫn. Anh ta mong nhà chức trách có hành động gì đó, và sẽ không nổi giận nếu chúng ta thực hiện mong muốn đó. Trời ạ, *tôi* sẵn lòng làm bất cứ thứ gì có thể!" Thiếu tá đột nhiên than vãn. "Tôi cũng có con và chính tôi cũng bất bình về vụ án này y như họ vậy. Bên cạnh đó, thái độ của Marcus Chesney chẳng giúp ích được chút nào. Ông ta trở về từ châu Âu, nổi điên lên, và nói ông ta sẽ giải quyết vụ án này khi chúng tôi thất bại. Thật ra, ông ta mới đến đây ngày hôm kia để hỏi những câu ngớ ngẩn không đâu vào đâu cả."

Elliot vểnh tai lên ngay lập tức.

"Thật vậy sao?" Elliot chất vấn. "Ông ta hỏi về điều gì thế, thưa ngài?"

Cảnh sát trưởng liếc nhìn sĩ quan Bostwick với ý dò hỏi. Và chờ đợi Elliot là một câu trả lời dài dằng dặc.

"Quý ông đó muốn biết," sĩ quan Bostwick nói với vẻ mỉa mai, "kích thước chính xác của những chiếc hộp đựng sô cô la trên quầy hàng của bà Terry. Tôi có hỏi ông ta sao lại muốn biết điều đó. Ông ta liền nổi điên, và bảo rằng đó không phải việc của tôi. Vậy nên tôi bảo nếu thế thì ông ta nên đi hỏi bà Terry thì hơn. Và ông ta nói," sĩ quan cười khục khục với vẻ hài lòng, "ông ta nói rằng mình muốn hỏi một câu khác, nhưng bởi vì tôi chỉ là một gã ngu máu nóng, ông ta sẽ không hỏi nữa và tôi phải chịu tất cả hậu quả do việc này gây ra. Ông ta nói ông ta luôn biết rõ rằng tôi thiếu khả năng quan sát, nhưng giờ thì ông ta biết thêm rằng tôi chẳng có tí não nào cả."

"Dường như ông ta bị ám ảnh bởi một quan niệm," thiếu tá giải thích, "rằng phần lớn mọi người thường không có khả năng miêu tả

lại chính xác những gì họ thấy hoặc nghe được."

"Tôi biết," Elliot nói.

"Cậu biết?"

Elliot không có thời gian trả lời câu hỏi này, vì ngay lúc đó tiếng chuông điện thoại vang lên. Thiếu tá Crow kiên nhẫn liếc nhìn đồng hồ, thứ gây ra tiếng tích tắc tràn ngập căn phòng nãy giờ, và các cây kim của nó đang chỉ vào mười hai giờ hai mươi phút. Bostwick chậm chạp bước đến nhấc ống nghe, trong khi cả Elliot và cảnh sát trưởng đều chìm vào một giấc mơ mơ hồ nhưng không thoải mái. Ngài thiếu tá đang mệt mỏi và chán nản, còn Elliot cũng đang kiệt sức. Giọng nói của Bostwick đã đánh thức họ – có lẽ nói đúng hơn là tiếng gầm nhẹ khi ông ấy lặp lại "Thưa ông?" Thiếu tá Crow nhanh chóng quay người lại khiến chiếc ghế bị đập vào cạnh bàn.

"Đó là bác sĩ Joe," ngài sĩ quan nặng nề tường thuật lại. "Ông trực tiếp nói chuyện với ông ấy sẽ tốt hơn."

Mồ hôi rịn ra trên trán ông, và qua biểu cảm trong ánh mắt, người ta có thể đoán được phần nào câu chuyện. Ông đưa điện thoại cho cảnh sát trưởng.

Thiếu tá Crow cầm điện thoại, và yên lặng lắng nghe trong khoảng một phút. Trong không gian tĩnh lặng, Elliot có thể nghe được giọng nói không liền mạch phát ra từ đâu dây bên kia mặc dù anh không thể nghe rõ từng từ. Sau đó cảnh sát trưởng ngắt điện thoại với vẻ lo lắng rõ rệt.

"Đó là Joe Chesney," ông nói lại, mặc dù lúc này chuyện đó có vẻ không cần thiết. "Marcus chết rồi. Bác sĩ tin rằng ông ta bị đầu độc bằng xyanua."

Lại một lần nữa, cả căn phòng lại chìm trong tiếng tích tắc của chiếc đồng hồ, và thiếu tá Crow hắng giọng lần nữa.

"Việc này còn chứng tỏ," ông tiếp tục, "rằng Marcus đã chứng minh

lí thuyết yêu quý của mình bằng mạng sống. Nếu tôi hiểu đúng những điều bác sĩ nói, mỗi người trong số họ đều thấy ông ấy bị đầu độc ngay trước mắt mình. Và không một ai có thể kể lại chính xác những việc đã xảy ra.”

III. HẠNH NHÂN ĐẮNG

CÓ THỂ NÓI Bellegarde là một căn nhà không hề chứa đựng bất cứ điều gì thừa thãi. Mặc dù có diện tích rất rộng, nó không phải là một biệt thự cổ xưa, và cũng không giả vờ mang vẻ cổ xưa. Ngôi nhà được xây dựng kiên cố từ những viên gạch Hà Lan vàng, với đầu hồi sơn màu xanh da trời, bây giờ đã phai màu ít nhiều. Đầu hồi nằm ngay cuối bức tường mặt tiền thấp, dài với một cái mái nhà dốc nghiêng thẳng đứng.

Nhưng bây giờ, thanh tra Elliot khó mà quan sát ngôi nhà chi tiết hơn được. Bầu trời hôm nay u ám và đầy mây. Phía trước nhà không có lấy một tia sáng, nhưng từ bên hông, phía góc khuất bên tay trái

theo hướng đang đi, họ đã nhìn thấy ánh sáng chói chang tỏa ra khi vẫn đang ở trên đường chính. Elliot dừng xe ngay trên con đường lái xe riêng, rồi thiếu tá Crow và Bostwick bước xuống từ ghế sau.

"Xin ngài chờ một lát," Elliot yêu cầu một cách đầy tôn trọng. "Trước khi bước vào trong đó, chúng ta nên làm rõ vài điều trước đã. Vai trò của tôi ở đây là gì? Tôi được gửi đến để giải quyết vụ án ở cửa hàng đồ ngọt, nhưng vụ này…"

Trong bóng tối anh cảm nhận được rằng thiếu tá Crow đang nhìn mình với một nụ cười dễ chịu.

"Cậu thích sắp xếp mọi việc theo trật tự, đúng không?" ngài cảnh sát trưởng hỏi. "Chà chà, việc đó tốt mà," ông vội vàng nói thêm. "Đây là vụ án của cậu, chàng trai ạ. Cậu sẽ là người xử lí nó, đương nhiên dưới sự giám sát của Bostwick. Một khi đã biết về những việc vừa diễn ra, tôi định sẽ về nhà ngủ. Giờ đi thôi nào."

Thay vì gõ cửa trước, Elliot bước thẳng về bên hông căn nhà và nhìn quanh chỗ góc tường. Anh có thể thấy được Bellegarde không sâu lắm. Phía bên này có ba căn phòng thẳng hàng. Mỗi phòng có hai cửa sổ kiểu Pháp nhìn ra một bãi cỏ hẹp và hàng cây dẻ chạy song song với những chiếc cửa sổ. Căn phòng đầu tiên – căn phòng ngay phía trước căn nhà – thì tối om. Từ hai căn phòng khác, đặc biệt là căn phòng thứ ba, ánh sáng đang ùa ra khỏi những chiếc cửa sổ kiểu Pháp. Thứ ánh sáng đó khiến bãi cỏ mượt mà ngả màu xanh lá giả tạo, nó cũng chiếu sáng đến từng chiếc lá vàng trên những cây hạt dẻ, và ném những khoảng bóng đổ giả tạo vào bên dưới chúng.

Elliot liếc nhìn vào căn phòng đầu tiên trong số hai phòng có phát ra ánh sáng. Nó không có ai, và cả hai khung cửa sổ kiểu Pháp với những tấm rèm nặng nề bằng nhung mịn treo phía sau, đều mở toang! Căn phòng này là một Phòng Nhạc được trang trí rất công phu với một cây dương cầm và một máy quay đĩa có radio. Hiện giờ những chiếc ghế nằm lộn xộn khắp nơi, những cánh cửa xếp (đã được đóng lại) thông

Phòng Nhạc với căn phòng xa nhất. Chỉ riêng sự yên ắng thôi cũng đã đủ nặng nề để gợi lên những khả năng không được dễ chịu cho lắm.

"Xin chào!" Elliot gọi to.

Không có tiếng trả lời. Anh bước quá một chút để nhìn vào khung cửa sổ của căn phòng sáng đèn còn lại, căn phòng thông với Phòng Nhạc qua những cánh cửa xếp. Và anh khựng lại một chút.

Trên lối đi hẹp nằm giữa căn nhà và hàng cây hạt dẻ, ngay bên ngoài cửa sổ căn phòng xa nhất, một loạt các vật kì dị nhất mà Elliot từng thấy đang chất đống la liệt. Thứ đầu tiên anh chú ý là chiếc mũ chóp, loại mũ kiểu cũ cao và bóng loáng, bề mặt vải của nó đã bị tua trầm trọng. Bên cạnh nó là một chiếc áo mưa kiểu cổ với những chiếc túi sâu, chiếc áo cũng đã khá cũ. Nằm gần đó là một chiếc khăn choàng len màu nâu – và một đôi kính râm tối màu. Cuối cùng, nằm bừa bãi giữa đống quần áo cũ là một chiếc túi da màu đen, trông lớn hơn túi của bác sĩ nhưng lại không to bằng kích cỡ cái vali. Phía trên chiếc túi đen có một lớp sơn khô ghi, *R. H. Nemo, M.D.*

"Có vẻ như," thiếu tá Crow lạnh lùng nói, "có ai đó đã cởi quần áo ở chỗ này."

Elliot không đáp lời. Bởi vì anh mới chỉ nhìn thoáng vào căn phòng, và cái nhìn đó không được dễ chịu cho lắm.

Cả hai cửa sổ của căn phòng này đều chỉ khép hờ. Căn phòng trông như một phòng làm việc hoặc một thư phòng. Ngay chính giữa phòng có một cái bàn rộng, trên bàn có miếng thấm mực và khay đựng bút, và phía sau bàn, ngay bên tay trái của Elliot là một chiếc ghế văn phòng xoay được. Người ngồi trên chiếc ghế này sẽ đối mặt với cánh cửa đôi thông đến Phòng Nhạc. Chiếc đèn bằng đồng gắn phía trên chiếc bàn có một bóng đèn điện tròn đang phát sáng, loại ánh sáng chói chang khó nhìn thẳng mà Elliot biết thường được dùng trong nhiếp ảnh, đặc biệt là để chụp ảnh trong nhà. Bóng của ngọn đèn đang đổ nghiêng nên ánh sáng chói chang của nó sẽ hoàn toàn rơi trên

khuôn mặt và cơ thể của bất kì ai đang ngồi trên chiếc ghế xoay. Và hiện tại, quả thực là có người đang ngồi trên đó.

Marcus Chesney ngồi ở một bên ghế, hai vai gập lại gần nhau và hai tay kẹp chặt vào tay vịn như thể ông ta đang cố cúi xuống phía dưới. Nhưng hình ảnh đó chỉ mang lại một ảo giác sống động. Chân ông buông thõng xuống và trọng lượng cơ thể ông tựa hoàn toàn vào lưng ghế. Khuôn mặt ông đã xanh tím, và các đường gân trán căng ra với màu xanh thẫm ghê người. Chúng tương phản một cách đáng kinh ngạc với màu xám trắng trên mái tóc ông. Mí mắt ông nhắm lại, và trên môi ông vẫn còn vương chút bọt nhẹ.

Chiếc đèn dùng để chụp ảnh, thứ đang chiếu nghiêng và tập trung vào khuôn mặt ông, đã khiến những chi tiết này hiện lên rõ ràng một cách tàn nhẫn trong ánh sáng trắng. Trên bức tường phía sau lưng Marcus Chesney có một cái bệ lò sưởi bằng gỗ bóng, và trên đó là một chiếc đồng hồ mặt trắng có quả lắc nhỏ bận rộn chuyển động qua lại tạo ra những tiếng tích tắc ồn ào. Những cây kim của nó cho họ biết bây giờ là mười hai giờ hai mươi lăm phút.

“Đúng! Ông ấy đi rồi,” thiếu tá Crow nói, với nỗ lực cố khiến cho giọng mình nghe có vẻ cứng rắn. “Nhưng nhìn này…”

Giọng của ông nhỏ dần. Tiếng tích tắc của chiếc đồng hồ đang ồn ào một cách quá quắt. Thậm chí từ cửa sổ họ cũng có thể ngửi được mùi hạnh nhân đắng.

“Vâng thưa ngài?” Elliot nói, vẫn không quên kiểu lễ phép của mình.

“Trông như thể ông ấy chết rất khổ sở. Đau đớn, ý tôi là thế.”

“Đúng vậy.”

“Joe Chesney nói đó là xyanua. Và sau nữa là cái mùi đó. Tôi không chắc mình đã bao giờ ngửi thấy mùi đó trước đây chưa, nhưng tất cả mọi người đều biết mùi đó. Nhưng không phải xyanua là loại độc có

tác dụng nhanh và gây chết người ngay lập tức à, loại không gây ra bất kì đau đớn nào ấy?”

“Không, thưa ngài. Không có loại độc nào như thế cả. Đúng là xyanua có tác dụng rất nhanh, nhưng nhanh với ý nghĩa là vẫn mất tới vài phút thay vì…”

Ở đây rõ ràng điều gì đó không đúng, anh phải dành thời gian suy nghĩ về việc này. Nhưng khi Elliot đứng bên cạnh cửa sổ, trí tưởng tượng của anh đã nắm lấy sự bài trí xấu xí trong căn phòng và lắp ghép chúng thành một bức tranh sống động đầy ấn tượng. Người đàn ông đã qua đời ngồi sau một cái bàn, đối mặt với cánh cửa đôi thông giữa những căn phòng, với một luồng sáng gay gắt chiếu vào người. Nó giống như một sân khấu – với hệ thống ánh sáng rực rỡ. Nếu những cánh cửa xếp đó được mở ra, và có người đang ngồi phía sau chúng và nhìn vào đây, căn phòng này sẽ trông như một sân khấu thật sự. Những cánh cửa xếp sẽ là bức màn nhung, Marcus Chesney sẽ là diễn viên. Và bên ngoài những cánh cửa sổ được bố trí những vật dụng sân khấu gây tò mò, một chiếc mũ chóp cao, một chiếc áo mưa, một chiếc khăn choàng màu nâu, một cặp kính râm, và một chiếc giỏ đen với tên của một bác sĩ bí ẩn.

Dù sao, trí tưởng tượng thì có thể chờ được.

Elliot nhìn thời gian trên chiếc đồng hồ đeo tay, nó trùng khớp với thời gian của chiếc đồng hồ đặt trên bệ lò sưởi, và ghi chú điều đó vào sổ tay. Sau đó anh bước vào phòng.

Quanh miệng Marcus, mùi đắng của hạnh nhân vẫn còn khá nồng. Hẳn ông ta mới chết được một thời gian rất ngắn. Hai tay ông vẫn còn nắm chặt tay vịn ghế vì cơn co thắt cuối cùng. Ông mặc một bộ com lê dự tiệc có phần trước của áo sơ mi phồng ra ngoài áo ghi lê và đằng sau chiếc khăn tay trong túi áo trước ngực là một mảnh giấy được xếp gọn cẩn thận.

Nếu ông ấy bị đầu độc, Elliot lại không thể tìm thấy bất kì chiếc

bình hay hộp chứa thuốc độc nào. Chiếc bàn, gọn gàng với miếng thấm mực và khay đựng bút, đã được lau chùi sạch sẽ. Chỉ có hai vật dụng khác đang nằm trên bàn. Một là cây bút chì gỗ, có dạng dẹp chứ không phải hình tròn hay lục giác, và có màu xanh sẫm. Nó không nằm trong khay bút mà được đặt ở ngay trên miếng thấm mực. Vật còn lại là một hộp sô cô la rẻ tiền nặng hai pound. Nắp hộp đóng kín, bìa hộp bằng giấy cứng bóng lộn được trang trí với mẫu thiết kế hình hoa trông như giấy dán tường màu xanh dương, và dòng chữ *Kem Bạc Hà Cay của Henry* được mạ vàng trên nắp hộp.

“Xin chào!” có tiếng rống ầm ĩ vang lên từ căn phòng bên kia.

Những tấm thảm lót sàn quá dày, nên họ đã không nghe được tiếng bước chân. Khu vực ngoài phạm vi chiếu sáng của ánh đèn cũng quá tối nên họ chỉ có thể lờ mờ thấy được dáng người của ai đó đang lần mò chỗ những cánh cửa xếp và mở chúng ra. Nhưng bác sĩ Joseph Chesney nhanh chóng bước vào phòng, và khựng lại một chút.

“Ôi trời,” bác sĩ Joe nói. Ông ấy đang thở hổn hển rất mạnh. “Là anh, thiếu tá. Và Bostwick. Cảm ơn Chúa.”

Thiếu tá cộc cằn đáp lại lời chào hỏi của ông.

“Chúng tôi đang băn khoăn không biết anh ở đâu,” ông nói. “Đây là thanh tra Elliot, người được Scotland Yard cử đến để giúp chúng tôi một tay. Tôi nghĩ anh nên kể với cậu ấy những gì đã xảy ra ở đây.”

Bác sĩ Joe nhìn Elliot với vẻ thăm dò đầy tò mò. Bầu không khí thoáng chút lúng túng, nhẹ như một cơn gió. Trên người Joe có mùi rượu brandy trộn lẫn với mùi hạnh nhân đắng trong căn phòng. Bộ râu màu hoe ngắn ngủn và bộ ria mép của ông phập phồng theo rìa môi và theo nhịp ông thở. Ở đây, tại nhà của mình chứ không phải tại Italy, trông ông có vẻ ít hung hăng và có lẽ thậm chí còn ít vạm vỡ hơn mặc dù ông đang mặc một bộ com lê bằng vải tuýt. Ông có mái tóc hoe trông lôi thôi và đôi lông mày đỏ lòa xòa phía trên đôi mắt rất ôn hòa, mỗi khi ông cử động, những vết nhăn trên mặt ông cũng di chuyển

theo như thể cả phần dưới của khuôn mặt ông được cố định trên một tấm bản lề vậy. Nhưng khuôn mặt tròn trịa đó lúc này trông chẳng vui vẻ chút nào.

“Tôi không biết chuyện gì đã xảy ra nữa,” ông thuật lại, đúng hơn là than thở. “Lúc đó tôi không có ở đây. Và tôi không thể ở nhiều nơi cùng một lúc được. Tôi vừa mới lên lầu để chăm sóc cho một bệnh nhân khác”

“Một bệnh nhân khác? Ai thế?”

“Wilbur Emmet.”

“Wilbur Emmet!” thiếu tá thốt lên. “Cậu ta không phải đã…”

“Ồ, không, cậu ta không chết. Dù vậy, cậu ta bị đánh mạnh ở sau đầu. Chấn động não,” Bác sĩ Joe giải thích, đan hai tay vào nhau và chà xát như thể đang rửa tay. “Nghe này, mọi người có muốn vào phòng khác không? Không phải là tôi không thích ở lại đây với cái xác,” ông chỉ tay vào anh trai mình, “nhưng những chiếc đèn chụp ảnh đó không sáng được bao lâu nữa đâu. Nếu chúng ta cứ bật liên tục thì nó sẽ ngừng cháy nhanh thôi, và sau đó các anh sẽ phải làm việc trong bóng tối để,” ông làm hành động rửa tay lần nữa, “truy tìm manh mối và những việc tương tự như thế. Đúng không?”

Nhận được cái gật đầu đồng ý của cảnh sát trưởng, Elliot dùng một chiếc khăn bao quanh những ngón tay của mình và tắt đèn. Joseph Chesney vội vàng chạy nhanh vào căn phòng bên kia. Trong Phòng Nhạc, ông ấy đối mặt với họ với cảm xúc mà Elliot nhận ra là sự hung hăng vì quá căng thẳng.

Thiếu tá Crow khép hờ cánh cửa đôi lại.

“Nào, bây giờ,” ông nhanh nhẹn nói. “Nếu họ không phiền cho anh mượn điện thoại thì Bostwick, anh có thể gọi đến đây một bác sĩ và yêu cầu anh ta…”

“Anh cần một bác sĩ để làm gì? *Tôi là* một bác sĩ. Tôi có thể nói cho

anh rõ là anh ấy chết rồi.”

“Chỉ là vấn đề thủ tục thôi, Chesney. Anh biết mà.”

“Nếu anh có phản đối gì về chức nghiệp của tôi…”

“Vớ vẩn quá, ông bạn. Đến lượt anh, thanh tra.”

Bác sĩ Joe quay sang Elliot. “Vậy là cậu đến từ Scotland Yard hả?” Ông gặng hỏi, và sau đó mới phản ứng lại. “Ngừng một chút đã! Làm sao cậu xuống đây nhanh dữ vậy?” Ông lại phản ứng lại lần nữa. “Đâu thể nào.”

“Tôi đến vì một vụ án khác, bác sĩ. Vụ đầu độc đám trẻ.”

“Ồ,” bác sĩ Joe nói, và thay đổi thái độ. “Chà, anh sẽ có một công việc khó khăn đây.”

“Tôi nhận thức rõ điều đó,” Elliot thừa nhận. “Bây giờ, bác sĩ, ông có thể cho tôi biết vài điều về những chuyện đã xảy ra tối nay không?”

“Nơi đây đã xảy ra một màn trình diễn ngớ ngẩn,” bác sĩ Joe lập tức gầm lên. “Ngớ ngẩn. Marcus muốn đem đến cho mọi người một màn trình diễn. Và, trời đánh thánh vật, anh ấy đã làm được!”

“Một màn trình diễn?”

“Tôi không thể nói cho anh biết những chuyện họ đã làm,” bác sĩ Joe chỉ ra, “bởi vì khi ấy tôi không có mặt ở đây. Nhưng tôi có thể kể cho anh, về những chuyện họ định làm, bởi vì họ tranh luận về vấn đề đó trong suốt bữa tối. Chỉ là một cuộc tranh luận cũ kĩ thôi, nhưng trước đây nó chưa bao giờ đẩy đi theo hướng này. Marcus nói rằng, trong một trăm người thì có đến chín mươi chín người là hoàn toàn không có khả năng làm nhân chứng. Anh ấy cho rằng họ không thể kể lại chính xác những điều đã xảy ra ngay trước mắt mình. Và nếu có một vụ hỏa hoạn, một tai nạn xe cộ, một cuộc bạo động hay bất cứ vụ việc nào tương tự, cảnh sát sẽ thu được những lời khai cực kì mâu thuẫn và không có giá trị làm bằng chứng.” Ông đột nhiên chăm chú nhìn vào Elliot với vẻ tò mò. “Nhân tiện thì, có đúng là như thế

không?”

“Thông thường thì đúng. Nhưng chuyện đó có vấn đề gì sao?”

“Chà, tất cả bọn họ đều không đồng ý với Marcus. Mỗi người lại có lập luận khác nhau, nhưng tất cả mọi người đều cho rằng họ chẳng dễ bị lừa đến thế. Bản thân tôi cũng nói vậy,” bác sĩ Joe đề cập đến bản thân một cách cẩn trọng. “Đến giờ tôi vẫn giữ quan điểm của mình. Nhưng cuối cùng Marcus nói rằng anh ấy sẽ tiến hành một bài kiểm tra nhỏ. Anh ấy đề nghị họ thử một bài kiểm tra tâm lí đã được sử dụng tại vài trường đại học và nhiều tổ chức khác. Anh ấy nói sẽ tổ chức một màn trình diễn nhỏ cho họ. Cuối buổi diễn họ sẽ phải trả lời một danh sách các câu hỏi về những điều họ đã nhìn thấy. Và anh ấy muốn cược rằng sẽ có đến sáu mươi phần trăm câu trả lời là sai.”

Bác sĩ Joe quay sang thiếu tá Crow.

“Anh biết Marcus mà. Tôi luôn luôn bảo rằng anh ấy giống y chang tên mình vậy – anh biết đấy, nhà văn mà chúng ta phải học ở trường ấy – người sẽ đi bộ hai mươi dặm để tìm hiểu và mô tả chính xác một bông hoa mà bất chấp mọi lời nguyền. Và, ngay lúc Marcus nghĩ ra ý tưởng gì đó, anh ấy sẽ phải đi thực hiện ngay mà không ngần ngừ gì cả. Vậy nên họ chơi trò chơi nhỏ này. Ngay giữa màn trình diễn – chà, ai đó đã đến và giết Marcus. Nếu tôi hiểu đúng, *tất cả bọn họ đều đã trông thấy kẻ giết người và theo dõi từng cử động của hắn ta.* Và họ vẫn chưa thể thống nhất về bất cứ việc gì đã xảy ra khi đó.”

Bác sĩ Joe ngừng lại. Giọng nói của ông đã khàn như sấm, khuôn mặt ông thì đỏ bừng, và khi nhìn vào biểu hiện trong đôi mắt ông, Elliot sợ rằng ông sẽ suy sụp và bật khóc mất. Cảnh tượng đó trông sẽ hoàn toàn kì cục nếu như biểu hiện của ông không chân thành đến thế.

Thiếu tá Crow xen vào.

“Nhưng họ không thể miêu tả được bất kì chi tiết nào về kẻ giết người sao?”

“Không. Gã được bọc lại như Người Vô Hình ấy.”

“Như gì cơ?”

“Anh biết đấy. Áo khoác dài, cổ áo dựng lên, khăn choàng quấn quanh đầu và mặt, đeo kính đen, mũ sụp xuống. Trông khá xấu xí, họ nói, nhưng họ nghĩ đó là một phần của màn trình diễn. Trời ạ, thật đáng sợ! Con yêu tinh – Con yêu tinh này bước vào…”

“Nhưng…”

“Xin ngài thứ lỗi,” thanh tra Elliot xen vào. Anh muốn thu thập các sự kiện theo đúng trình tự thời gian của chúng, vì anh ngờ ngợ cảm thấy rằng vụ này sẽ rất khó chịu đây. Anh quay sang bác sĩ.

“Ông nói rằng ‘họ’ đã chứng kiến toàn bộ sự việc. Vậy họ là ai?”

“Giáo sư Ingram, Marjorie, và chàng thanh niên George gì đấy, tôi không nhớ tên.”

“Còn ai nữa không?”

“Không, theo tôi biết thì không. Marcus cũng muốn tôi tham gia. Nhưng, như tôi đã nói với anh lúc nãy, tôi có vài cuộc điện thoại gấp. Marcus bảo rằng dù sao thì anh ấy cũng sẽ bắt đầu buổi diễn vào lúc khuya, và anh ấy sẽ đợi nếu tôi hứa trở về trước nửa đêm. Dĩ nhiên là tôi không thể hứa bất cứ điều gì như vậy được. Tôi bảo sẽ cố gắng, nhưng nếu tôi không trở lại sau mười hai giờ kém mười lăm thì họ cứ bắt đầu mà không có tôi.”

Sau khi khịt mũi một hay hai lần gì đó, bác sĩ Joe đã khống chế được cảm xúc cá nhân. Ông ngồi xuống. Ông giơ cánh tay và hai bàn tay to lớn trông như móng gấu của mình lên, và để chúng lên đầu gối.

“Buổi biểu diễn bắt đầu lúc mấy giờ?” Elliot tiếp tục hỏi.

“Đúng mười hai giờ đêm, họ bảo tôi thế. Đó là điểm duy nhất mà tất cả đều đồng thuận.”

“Về vụ án mạng vừa rồi, bác sĩ, ông không có điều gì để nói với

chúng tôi dưới góc độ cá nhân sao?”

“Không! Lúc mười hai giờ đúng tôi mới vừa kết thúc một ca bệnh ở đầu kia thị trấn. Một ca khó khăn: tôi hầu như bị giam ở đó. Tôi đã nghĩ mình nên lái xe lại đây và xem liệu tôi có thể tham dự bữa tiệc kịp lúc hay không. Nhưng không kịp. Tôi đến đây vào khoảng mười hai giờ mười, đúng lúc phát hiện ra rằng đã quá trễ để tôi hay bất kì ai khác cứu anh ấy.” Nói tới đây dường như có điều gì đó hiện về trong tâm trí ông, và nó khiến ông sáng suốt hơn. Ông nhướn vành mắt đỏ hoe của mình lên. “Và tôi sẽ nói với anh điều khác,” ông tiếp tục, với giọng nhẹ nhàng. “Chuyện này chỉ đem đến duy nhất một thứ có vẻ tốt đẹp. Tôi sẽ có thể phủ định điều mà mọi người đang bàn tán. Đúng không?

“Nghe này, thanh tra. Anh nói rằng mình xuống đây để giải quyết vụ án tại cửa hàng của bà Terry vậy nên có thể anh đã biết những điều tôi dự định sẽ nói với anh sau đây, nhưng dẫu thế nào tôi cũng sẽ nói lại lần nữa. Trong hơn ba tháng, gần bốn tháng, mọi người cứ xì xào rằng cháu gái tôi là kẻ giết người. Đó là điều họ đã nói: họ bảo rằng con bé đầu độc người ta để thấy họ quằn quại trong đau đớn. Họ không hề nói với tôi. Không hề nói! Nhưng họ có xì xào bàn tán, và bây giờ tôi có thể lột những điều đó ra khỏi họng họ, đúng không? Bởi vì vụ đầu độc này đã chứng minh được một điều: Dù bất cứ ai là hung thủ giết anh trai tôi, người đó không thể nào là Marjorie được. Và thậm chí nếu Marcus phải chấm dứt cuộc đời để chứng minh điều đó, nó vẫn đáng giá. Anh có hiểu không? Nó đáng giá.”

Ông ấy có vẻ giật mình, sau đó cảm thấy chút tội lỗi, và hạ nắm tay xuống. Cánh cửa phía bên kia căn phòng, rõ ràng là dẫn đến một lối đi, đột nhiên mở ra, và Marjorie Wills bước vào.

Phòng Nhạc có một chùm đèn bằng pha lê, trong đó tất cả các cây nến điện đều đang thắp sáng. Mắt của Marjorie chớp một chút khi cô mở cửa. Cô đi dép lê đen, di chuyển rất nhanh qua căn phòng mà không gây ra bất kì tiếng động nào trên thảm trải sàn, và cô nhẹ nhàng

đặt tay lên vai bác sĩ Joe.

“Bác lên lầu ngay nhé,” cô nói. “Cháu không thích cách mà Wilbur đang thở hiện giờ.”

Sau đó cô nhìn lên, giật mình, và nhìn những người khác. Đầu tiên đôi mắt xám đó hoàn toàn trống rỗng, nhưng rồi khi cô nhìn thấy Elliot, đôi mắt ấy dường như đã nắm bắt được điều gì đó, và dần có tiêu cự trở lại. Giống như một sự tập trung quyết liệt đã tụ lại ở đó, nhưng khi cô thẳng người lên, nó lại biến mất.

Cô nói:

“Có phải chúng ta đã gặp nhau trước đây rồi không?”

IV. NHỮNG CẶP KÍNH ĐEN

VÀ THẾ LÀ Elliot bị lỡ miệng. Anh nói, vì một nguyên do cá nhân nào đó, với giọng lớn rõ ràng đến nỗi ngài cảnh sát trưởng đã quay lại nhìn anh chằm chằm.

"Tôi nghĩ là không, cô Wills," anh nói. "Cô vui lòng ngồi xuống đây được không?"

Cô gái đang nhìn anh với ánh nhìn bối rối y như lúc trước. Dù anh không đề cập đến nhưng trong trí nhớ của anh, hình ảnh ấy vẫn hiện lên một cách sinh động. Anh chưa bao giờ gặp người nào khiến mình có ý thức về sự hiện diện của họ mạnh mẽ đến thế, tựa như một va chạm vật lí vậy. Dường như anh đã biết chắc chắn những điều cô sẽ

làm, cách cô quay đầu, và cả việc cô sẽ đưa tay lên trán.

“Cháu đang quá kích động đấy, Marjorie,” bác sĩ Joe nói, ông vỗ nhẹ vào tay cô. “Anh chàng này là một thanh tra từ Scotland Yard. Cậu ấy…”

“Scotland Yard,” cô gái nói. “Tệ đến mức ấy cơ à?” Và cô bắt đầu phá ra cười.

Cô gái đã ngay lập tức kìm chế bản thân lại, nhưng thậm chí cả vẻ hài hước cũng không chạm được đến đáy mắt cô. Elliot không bao giờ quên được từng chi tiết nhỏ lúc ấy: mái tóc nâu sẫm bóng loáng, được chia ra và kéo về phía sau tạo thành những lọn tóc cong nhỏ sau gáy; cái trán rộng, đôi lông mày cong cong, và đôi mắt xám trầm ngâm; và cái miệng dường như lúc nào cũng mang vẻ ung dung thư thái. Giờ đây anh mới thấy rõ ràng rằng cô gái không đẹp, nhưng anh hầu như không hề chú ý đến chi tiết đó.

“Tôi xin lỗi,” cô nói, lần nữa tự đánh thức bản thân khỏi ánh nhìn bối rối trực diện đang hướng về phía anh. “Tôi e lúc nãy tôi đã không nghe rõ lắm. Anh có thể lặp lại không?”

“Cô vui lòng ngồi xuống đây được không, cô Wills? Nếu cô sẵn sàng, chúng tôi muốn nghe kể về cái chết của bác cô.”

Cô gái liếc nhanh về phía những cánh cửa xếp dẫn đến căn phòng tối thui nằm đằng xa. Sau khi nhìn xuống sàn nhà một lúc, và nắm chặt tay một hay hai lần, cô ngửa đầu ra sau với vẻ bình tĩnh, ít nhất là bề ngoài. Nhưng vẻ hài hước và thông minh mà anh thấy ở cô lúc đầu có lẽ không phải là bằng chứng đủ mạnh để chống chọi lại sự tấn công của miệng lưỡi thiên hạ trong suốt bốn tháng qua.

“Cái bóng đèn đó không thể nào đã hết sáng được rồi chứ?” cô hỏi, và mạnh mẽ xoa xoa trán bằng mu bàn tay. “Anh xuống đây để bắt tôi à?”

“Không.”

“Được rồi. Vậy thì anh muốn hỏi tôi chuyện gì?”

“Chỉ cần cô kể cho tôi nghe về chuyện đã xảy ra theo cách của riêng cô thôi, cô Wills. Bác sĩ Chesney, ông có muốn lên thăm bệnh nhân của mình không?”

Sự điềm đạm, nhã nhặn phong cách Scotland của Elliot đang phát huy tác dụng. Cô gái nhìn anh một cách suy đoán, và hơi thở của cô bắt đầu ít dồn dập hơn. Vươn tay lấy chiếc ghế anh kéo cho, cô ngồi xuống và bắt chéo chân. Cô đang mặc một chiếc váy dạ tiệc đen tuyền, không hề đeo bông tai hay bất cứ phụ kiện nào hết. Thậm chí cả nhẫn đính hôn cũng không.

“Thanh tra, chúng ta có buộc phải trò chuyện chỗ này không? Ý tôi là, trong căn phòng này?”

“Có.”

“Bác tôi có một lí thuyết,” cô nói. “Bất cứ khi nào ông ấy có một lí thuyết gì đó, ông ấy sẽ phải thử nghiệm nó. Và đây là kết quả.” Cô kể với anh về lí thuyết của Marcus.

“Cô Wills, tôi hiểu rằng mọi chuyện bắt đầu bằng cuộc tranh luận tại bàn ăn, có đúng thế không?”

“Đúng vậy.”

“Ai bắt đầu cuộc tranh luận? Tôi muốn hỏi ai là người dẫn dắt mọi người vào chủ đề đó?”

“Bác Marcus,” cô gái trả lời, có vẻ như hơi bị ngạc nhiên một chút.

“Và cô không đồng ý với ông ấy?”

“Đúng.”

“Tại sao, cô Wills? Dựa trên căn cứ nào?”

“Ồ, chuyện đó có quan trọng không?” Marjorie kêu lên, cô hơi mở to mắt và làm một hành động biểu hiện sự thiếu kiên nhẫn. Nhưng cô nhìn thấy vẻ kiên trì trên khuôn mặt Elliot, cả vẻ bối rối và hào hứng

nữa, thế nên cô tiếp tục. “Tại sao à? Chỉ để làm gì đó vậy thôi, tôi nghĩ thế. Từ sau khi chúng tôi trở về, mọi chuyện trở nên rất khó chịu, thậm chí ngay cả khi có mặt George ở đây. Đặc biệt là khi George ở đây. George là vị hôn phu của tôi. Tôi… Tôi đã gặp anh ấy trong chuyến tàu ra nước ngoài. Và lúc đó chính bản thân bác Marcus rất tự tin với lí thuyết của mình. Bên cạnh đó, tôi thực sự luôn tin tưởng vào những điều tôi đã nói với bác ấy.”

“Điều gì?”

“Tất cả đàn ông đều không mấy tinh mắt,” Marjorie bình thản nói. “Đó là lí do tại sao các anh lại làm nhân chứng tệ đến vậy. Các anh không hề chú ý. Các anh dành thời gian quanh quẩn trong mối quan tâm của bản thân, không thèm nhìn những thứ khác, luôn luôn tập trung vào công việc hay các vấn đề riêng. Vậy nên các anh không quan sát được. Tôi có nên chứng minh điều này không? Các anh luôn đùa cợt về một người phụ nữ, từ quần áo họ đang mặc đến những chi tiết như thắt lưng hay vòng cổ. Chà, các anh không nghĩ rằng phụ nữ cũng rất để ý xem một người đàn ông đang mặc gì sao? Và tôi không thể miêu tả lại chúng được à? Nó không phải là vấn đề về việc quan sát những người phụ nữ khác, nó là vấn đề về việc quan sát đơn thuần. Nhưng anh đã bao giờ chú ý xem những người khác đang mặc gì chưa? Ví dụ, một người đàn ông chẳng hạn? Không. Miễn là bộ đồ hoặc chiếc cà vạt của anh ta không quá gai mắt, các anh sẽ chẳng chú ý gì nữa cả. Anh có bao giờ chú ý đến những tiểu tiết chưa? Giày, hoặc là bàn tay của anh ta?”

Cô dừng lại, ngoái đầu nhìn những cánh cửa qua vai mình.

“Tôi kể với anh tất cả những điều này bởi vì tôi đã thề với bác Marcus rằng không có người phụ nữ thông minh nào lại sai lầm khi chỉ ra những điều cô ta đã chứng kiến. Tôi đã nói với bác ấy rằng nếu bác ấy tổ chức một màn trình diễn thì tôi không thể nào sai lầm được. Và tôi đã không nhầm.”

Marjorie cúi người về phía trước với vẻ cực kì thành khẩn.

“Anh thấy đó,” cô tiếp tục, “sau đó có người bước vào…”

“Khoan đã, cô Wills. Còn ai bất đồng với giả thuyết của bác cô nữa không?”

“Bác Joe về cơ bản cũng không tán thành. Và giáo sư Ingram phản đối rất mạnh mẽ. Anh biết đó, ông ấy là một giáo sư tâm lí học. Ông nói rằng quan điểm của bác tôi nhìn chung cũng hợp lí, nhưng riêng ông ấy thì không thể nào mắc sai lầm được. Ông nói mình được đào tạo đặc biệt cho việc quan sát, và ông biết tất cả những cái bẫy chứa trong đó. Ông ấy còn đề nghị cá cược năm mươi bảng với bác Marcus về vụ đó.”

Cô gái liếc nhìn qua ghế của bác sĩ Joe, nhưng bác sĩ Joe đã rời đi, một chiến tích đáng ghi nhận vì không ai nhận ra ông đã rời đi cả. Sĩ quan Bostwick đã trở lại căn phòng, và thiếu tá Crow thì đang khoanh tay, nghiêng người dựa vào nắp của cây đàn piano biểu diễn lớn.

“Vậy còn vị hôn phu của cô thì sao?”

“George? Ồ, anh ấy cũng không đồng ý. Nhưng ảnh cứ khăng khăng đòi quay lại toàn bộ buổi biểu diễn với một chiếc máy quay phim, như thế thì sau đó sẽ không thể xảy ra bất kì tranh cãi nào được.”

Elliot ngồi thẳng lên.

“Ý cô là mọi người có một cuốn phim thu lại những chuyện đã xảy ra ở đây?”

“Đúng, đương nhiên rồi. Đó là nguyên nhân tại sao cái đèn chụp ảnh lại ở đây…”

“Tôi biết rồi,” Elliot nói với hơi thở dài nhẹ nhõm. “Bây giờ những ai là nhân chứng cho cuộc biểu diễn này?”

“Chỉ có giáo sư Ingram, George, và tôi. Bác Joe có vài cuộc điện thoại gấp.”

“Nhưng còn người đàn ông bị đánh vào sau đầu thì sao? Anh Emmet trên lầu ấy? Anh ấy có mặt ở buổi biểu diễn không?”

“Không, không. Anh ấy là trợ lí của bác Marcus, anh không hiểu sao? Anh ấy đóng một vai nào đó trong buổi biểu diễn.”

“Dưới đây là những chuyện đã xảy ra, mặc dù chúng tôi không hề biết điều này cho đến khi mọi chuyện đã kết thúc,” cô gái giải thích. “Sau bữa tối bác Marcus và Wilbur Emmet ở cùng nhau và quyết định về buổi trình diễn họ dự định tiến hành tương tự như việc sắp xếp trò đố chữ. Sân khấu sẽ là phòng làm việc của bác Marcus – căn phòng đằng đó – và chúng tôi sẽ ngồi quan sát ở đây. Wilbur sẽ bước vào trong một bộ quần áo lạ lùng, càng kì dị càng tốt, chúng tôi sẽ phải miêu tả lại chúng sau buổi diễn. Anh ấy và bác Marcus sẽ làm nhiều hành động, và chúng tôi sẽ phải miêu tả lại chúng mà không được mắc sai lầm nào. Bác Marcus có một danh sách những câu hỏi được chuẩn bị sẵn cho chúng tôi. Rồi thì, khi gần đến nửa đêm bác Marcus gọi tất cả mọi người tụ tập lại đây, và hướng dẫn chúng tôi…”

Elliot ngắt lời.

“Phiền cô vui lòng ngưng một chút đã. Cô vừa nói gần nửa đêm. Không phải bắt đầu vào thời điểm đó là khá trễ sao?”

Anh cảm thấy có một ánh nhìn giận dữ không mấy rõ ràng hiện lên trên khuôn mặt cô.

“Đúng vậy. Giáo sư Ingram khá khó chịu về điều đó, bởi vì ông ấy muốn về nhà. Anh thấy đó, bữa tối đã xong lúc chín giờ mười lăm rồi. George và tôi thì đang ngồi trong thư viện chơi trò Rummy dài bất tận, băn khoăn không biết chuyện gì đang xảy ra, nhưng bác Marcus cứ khăng khăng đòi tiến hành vào giờ ấy.”

“Ông ấy có giải thích lí do tại sao không?”

“Bác ấy nói muốn chờ xem liệu bác Joe có về kịp không, nếu thế thì bác Joe có thể tham gia cùng mọi người. Nhưng, khi chờ đến mười hai

giờ kém mười lăm mà vẫn chưa thấy bác Joe trở về, bác ấy quyết định tiến hành luôn."

"Một điều khác nữa, cô Wills. Lúc đó mọi người không hề biết rằng anh Emmet sẽ tham gia vào việc này. Rằng anh ấy sẽ giúp bác cô với vai trò là một diễn viên trong màn trình diễn, đúng không?"

"Ồ đúng! Chúng tôi không hề thấy bóng dáng của Wilbur sau bữa tối. Tất cả mọi người chỉ biết rằng bác Marcus đang nhốt mình trong hai căn phòng đó để chuẩn bị mọi thứ thôi."

"Cô vui lòng tiếp tục."

"Rồi thì, bác Marcus gọi chúng tôi đến đây," cô gái tiếp tục, "và cho chúng tôi các chỉ dẫn. Những tấm rèm cửa sổ đã được cuốn lên,", cô ấy chỉ ra, "và những cánh cửa xếp đó thì đóng chặt nên chúng tôi không thể nhìn vào phòng làm việc được. Bác ấy đứng ở đây và hướng dẫn chúng tôi một chút."

"Cô có thể nhớ chính xác ông ấy đã nói gì không?"

Cô gái gật đầu.

"Tôi nghĩ là có. Bác ấy nói. *'Đầu tiên, mọi người sẽ ngồi trong bóng tối tuyệt đối trong suốt buổi biểu diễn.'* George phản đối, và hỏi rằng làm sao anh ấy có thể quay phim lại toàn bộ buổi diễn được nếu xung quanh tối thui. Bác Marcus giải thích rằng bác đã mượn bóng đèn dùng để chụp ảnh của tôi, cái mà tôi mua cho ông vào sáng hôm đó, và lắp nó trong văn phòng để ánh sáng có thể chiếu trực tiếp vào sân khấu mà mọi người sẽ quan sát. Như vậy chúng tôi sẽ tập trung vào sân khấu hơn."

Khi cô gái nói đến đây, Elliot cảm thấy có điều gì đó mơ hồ trong hướng điều tra của mình, sự mơ hồ đó rõ ràng như mùi nước hoa trên người của cô gái vậy.

"Và tôi vẫn nghĩ rằng việc sử dụng bóng đèn chụp hình có chứa một mánh lới nào đó," cô gái nói thêm.

“Tại sao?”

“Là do ánh mắt của bác Marcus,” cô ấy thốt lên. “Tôi đã sống chung với bác ấy trong một thời gian rất dài. Và do cả những điều bác ấy nói nữa. Bác ấy đã bảo*, ‘Thứ hai, mọi người không được lên tiếng hay cản trở dù có nhìn thấy gì đi chăng nữa. Rõ chưa?’* Cuối cùng, ngay trước khi bước vào căn phòng kia, bác lại nói*, ‘Hãy cẩn thận. Có thể có nhiều bẫy đấy.’* Sau đó bác đi vào trong phòng làm việc, và đóng những cánh cửa xếp lại. Tôi tắt đèn, và vài giây sau buổi biểu diễn bắt đầu.

“Nó khởi đầu khi bác Marcus mở toang những cánh cửa xếp. Tôi cảm thấy hào hứng và căng thẳng, dù tôi cũng không biết tại sao.

“Bác ấy ở đó một mình. Tôi có thể thấy gần như toàn bộ văn phòng. Sau khi mở những cánh cửa, bác đi bộ chậm rãi trở lại và ngồi xuống sau chiếc bàn ở chính giữa phòng, đối mặt với chúng tôi. Bóng đèn tròn dùng để chụp hình chuyên dụng nằm trong một cái đèn màu đồng kim loại, đặt phía trước bàn, hơi chếch về bên phải, vậy nên nó chiếu rõ ràng tất cả mọi thứ mà không cản trở tầm nhìn của chúng tôi về hướng bác Marcus. Có một luồng ánh sáng trắng chói lóa chết chóc cùng với chiếc bóng khổng lồ của bác Marcus nằm im lìm trên bức tường phía sau lưng bác ấy. Anh có thể thấy mặt đồng hồ trắng bóc trên bệ lò sưởi phía sau lưng bác, với con lắc lòe sáng và đung đưa qua lại. Lúc đó là nửa đêm.

“Bác Marcus ngồi đó, đối mặt với chúng tôi. Trên bàn có một hộp sô cô la, một cây bút chì và một cây bút. Đầu tiên ông ấy nhấc cây bút chì lên, sau đó là cây bút, và mỗi khi cầm ông đều giả vờ như đang viết gì đó. Sau đó ông nhìn quanh. Một trong những cửa sổ kiểu Pháp trong phòng làm việc đang để mở, và từ bãi cỏ, một sinh vật có vẻ ngoài kinh khủng với chiếc mũ chóp cao và đeo kính râm bước vào.”

Marjorie ngưng nói, và cô chỉ thành công một nửa trong việc cố gắng hắng giọng.

Nhưng cô vẫn tiếp tục kể lại:

“Nó cao khoảng sáu feet, không tính chiếc mũ chóp cao với vành cong. Nó mặc một chiếc áo mưa bẩn thỉu có cổ áo lật lên. Có thứ gì đó màu nâu xoắn quanh khuôn mặt nó, và nó đeo kính đen trên mặt. Nó mang một đôi găng tay bóng, và xách theo một loại cặp đeo vai màu đen mà các bác sĩ hay dùng. Chúng tôi không hề biết nó là ai, dĩ nhiên. Nhưng tôi không thích vẻ ngoài của nó. Trông nó giống một loại côn trùng hơn là người. Cao và gầy gò, anh biết đấy, với cặp kính râm lớn đen thui. George, người đang quay phim, đã buột miệng nói lớn, ‘Suỵt! Người Vô Hình!’ – và nó đã quay lại nhìn chúng tôi.

“Nó đặt chiếc túi bác sĩ lên bàn, và đứng quay lưng về phía chúng tôi, sau đó nó di chuyển sang đầu bên kia chiếc bàn. Bác Marcus đã nói gì đó với nó. Nhưng nó không nói lấy một lời, bác Marcus là người duy nhất nói chuyện. Không có bất kì tiếng động nào khác ngoại trừ tiếng tích tắc của chiếc đồng hồ trên bệ lò sưởi, và tiếng lách cách liền mạch phát ra từ chiếc máy quay phim của George. Tôi nghĩ những điều bác Marcus đã nói lúc đó là, *‘Giờ anh đã làm xong những gì cần làm trước đó rồi, anh còn định làm gì nữa ?’* Lần này (như tôi đã nói), nó đang đứng ở phía bên tay phải của chiếc bàn. Nó nhanh chóng lấy một chiếc hộp các tông nhỏ ra khỏi túi áo mưa, và lắc ra khỏi hộp một viên nhộng xanh giống như những viên nhộng dầu thầu dầu mà chúng ta hay uống khi còn nhỏ. Nó nhanh chóng nghiêng người, đè ngửa đầu bác Marcus ra, và nhét viên nhộng xuống họng bác ấy.”

Marjorie Wills ngừng lại.

Giọng cô đang run rẩy. Cô nhấc tay đặt lên cổ họng mình, cố hắng giọng một hai lần. Cô gặp khó khăn trong việc rời mắt khỏi cánh cửa đôi (giờ đã tối thui), nhưng cuối cùng cô cũng đẩy ghế quay lại đối mặt với chúng. Elliot cũng di chuyển theo cô.

“Sao vậy?” anh nhắc cô gái.

“Tôi không thể chịu đựng nổi,” cô nói. “Tôi đã nhảy dựng lên hoặc khóc lóc hoặc làm gì đó tương tự như thế. Đáng ra tôi không nên làm

điều đó, bởi vì bác Marcus đã cảnh báo chúng tôi không được ngạc nhiên dù có chuyện gì xảy ra. Bên cạnh đó, dường như mọi chuyện đều ổn cả. Bác Marcus đã nuốt viên nhộng, mặc dù bác ấy có vẻ không thích thú gì cho cam – bác ấy có trừng mắt với khuôn mặt cuốn kín mít kia một lần.

“Ngay sau khi chuyện này đã diễn ra xong, thứ quấn trong chiếc mũ chóp cao dọn dẹp lại chiếc giỏ xách, làm ra một cử chỉ giống như hạ người xuống và đi ra bằng chiếc cửa sổ kiểu Pháp. Bác Marcus ngồi cạnh chiếc bàn thêm vài giây nữa, làm động tác nuốt một chút, và đẩy chiếc hộp sô cô la đến một vị trí khác. Sau đó bác ấy đổ sụp xuống trước mặt.

“Không phải, không phải!” Marjorie kêu lên, khi mọi người xung quanh cô dường như tập trung hơn hẳn. “Đó chỉ là giả vờ thôi. Đó chỉ là một phần của buổi trình diễn thôi. Nó báo hiệu rằng buổi trình diễn đã kết thúc. Sau hành động đó lập tức bác Marcus đứng lên mỉm cười, bước ngang qua căn phòng và đóng những cánh cửa đôi lại. Và lúc đó chúng tôi biết rằng đã đến lúc khép màn.

“Chúng tôi bật đèn trong phòng này lên. Giáo sư Ingram gõ vào cánh cửa đôi, và yêu cầu bác Marcus bước ra chào khán giả. Bác Marcus đẩy mở cửa. Ông ấy trông… rạng rỡ, anh biết đấy, hài lòng với chính bản thân mình, hơn là khó chịu với thứ gì đó. Ông có một tờ giấy gấp cẩn thận nằm trong chiếc túi ngay ngực áo vét, và ông rút nó ra. Ông nói, ‘Giờ thì, các bạn thân mến, hãy lấy bút chì và giấy, và sẵn sàng trả lời vài câu hỏi.’ Giáo sư Ingram nói, ‘Nhân tiện, người đồng nghiệp có vẻ ngoài xấu xí của anh là ai thế?’ Bác Marcus nói, ‘Ồ, Wilbur đó mà. Cậu ấy giúp tôi lên kế hoạch cho toàn bộ mọi thứ.’ Và rồi bác ấy gọi lớn *‘Được rồi, Wilbur. Giờ cậu có thể ra đây được rồi.’*

“Nhưng không có ai trả lời bác ấy cả.

“Bác Marcus lại kêu lần nữa. Và vẫn không có tiếng trả lời nào vang lên hết.

“Cuối cùng bác ấy bực mình và đi đến chỗ cửa sổ. Một trong những chiếc cửa sổ của căn phòng này – anh thấy chứ? – đã được để mở, bởi vì đêm nay khá ấm. Giờ thì ánh đèn chiếu sáng trong cả hai căn phòng, và chúng tôi có thể nhìn ra vạt cỏ giữa căn nhà và những cái cây. Tất cả đồ đạc của thứ hồi nãy đang nằm trên mặt đất, chiếc mũ chóp cao và kính râm và chiếc túi có tên của người bác sĩ sơn phía trên, nhưng lúc đầu chúng tôi không thể nhìn thấy Wilbur.

“Chúng tôi tìm thấy anh ấy trong bóng râm phía bên kia của một cái cây. Anh ấy nằm trên mặt đất, bất tỉnh. Máu trào ra từ miệng và mũi anh ấy, chảy xuống bãi cỏ, và sau sọ của anh ấy có cảm giác khá mềm. Que cời lửa dùng để đánh anh ấy nằm ngay bên cạnh. Anh ấy đã bất tỉnh được một lúc rồi.” Cô giải thích, khuôn mặt cô nhíu chặt lại: “Anh thấy đấy, người đội mũ chóp cao và đeo kính râm hoàn toàn không phải là Wilbur.”

V. NGƯỜI THẾ CHỖ

“NGƯỜI ĐÓ HOÀN TOÀN không phải là Wilbur?” Elliot lặp lại.

Anh biết rõ điều mà cô gái muốn diễn đạt. Nhân vật lạ lùng trong chiếc mũ chóp cao kiểu cổ đang bắt đầu chuyển động và khuấy đảo trí tưởng tượng của anh.

“Anh thấy đấy, tôi vẫn chưa kể xong,” Marjorie nói với anh, bằng giọng lặng lẽ nhưng đầy đau khổ. “Tôi vẫn chưa kể cho anh về chuyện đã xảy ra với bác Marcus.

“Chuyện đó xảy ra ngay sau khi chúng tôi tìm thấy Wilbur đang nằm trên cỏ. Tôi không biết các triệu chứng mất bao lâu mới thể hiện ra ngoài. Nhưng khi họ đang nâng Wilbur lên, tôi có nhìn quanh, và tôi

thấy có chuyện gì đó không ổn đang xảy ra cho bác Marcus.

“Thành thật mà nói, tôi đã cảm thấy rùng mình. Tôi biết điều này dường như chỉ là trực giác và ý tưởng của riêng tôi, nhưng tôi không cưỡng lại được. Ngay giây phút đó tôi đã biết nó là gì rồi. Bác ấy đang nghiêng người dựa vào một cái cây, nửa người gập lại vì đau đớn, và đang cố gắng lấy lại hơi thở. Ánh đèn rọi ra từ căn nhà đang chiếu qua đám lá sau lưng bác ấy. Tôi không thể nhìn rõ lắm, nhưng ánh đèn có hắt lên một bên mặt của bác ấy, và làn da trông xù xì và có màu than chì. Tôi nói, ‘Bác Marcus, có chuyện gì vậy? Có gì không ổn sao?’ Và có thể tôi đã thét lên chứ không phải nói. Bác ấy chỉ lắc đầu dữ dội, và làm một cử chỉ như thể đang cố đẩy tôi ra xa. Sau đó bác bắt đầu giậm một chân trên mặt đất. Anh có thể nghe cả tiếng rên rỉ và than van trong hơi thở của bác ấy. Tôi lao về phía bác, và giáo sư Ingram cũng thế. Nhưng bác ấy gạt tay của giáo sư Ingram ra, và… ”

Cô gái không thể nói tiếp. Cô vỗ hai bàn tay mình lên mặt, che khuất đôi mắt, và vỗ mạnh lần nữa.

Thiếu tá Crow bước lên từ chỗ cây đàn piano.

“Vững vàng lên,” ông cộc cằn nói.

Sĩ quan Bostwick không nói lời nào. Ông chỉ khoanh tay lại và nhìn vào cô gái với vẻ tò mò.

“Rồi bác ấy bắt đầu *chạy,”* Marjorie nói với vẻ khủng hoảng. “Đó là điều mà tôi sẽ luôn luôn nhớ đến: bác ấy bắt đầu chạy. Lảo đảo qua lại, tiến lên rồi thụt lùi, mỗi hướng bác ấy chỉ đi được vài bước bởi vì không thể chịu được cơn đau. George và giáo sư đã cố túm lấy và giữ bác ấy lại, nhưng bác thoát đi và chạy qua cửa sổ vào phòng làm việc của mình. Bác ấy sụp xuống ngay bên cạnh chiếc bàn. Chúng tôi nâng bác ngồi vào ghế, nhưng bác ấy chẳng nói được lời nào nữa. Tôi đi gọi điện thoại cho bác Joe… Tôi biết phải tìm ông ấy ở đâu: bà Emsworth đang chuẩn bị sinh con. Bác Joe về đến trong khi tôi đang gọi điện, nhưng đã quá trễ. Lúc đó anh có thể ngửi thấy mùi hạnh nhân đắng

tỏa khắp phòng. Tôi vẫn nghĩ còn hi vọng cứu bác ấy. Nhưng George nói, 'Đứng lên thôi, bác ấy đi rồi.' Tôi biết ý của anh ấy là gì. Và đúng là như vậy thật."

"Thật không may," thiếu tá Crow gầm gừ. Câu nói này không hợp lí lắm, nhưng nó rất chân thành.

Sĩ quan Bostwick vẫn không nói gì cả.

"Cô Wills," Elliot nói, "tôi không muốn gây cho cô quá nhiều áp lực lúc này…"

"Tôi ổn mà. Tôi thực sự rất ổn."

"Nhưng cô nghĩ bác mình bị đầu độc bởi viên nhộng xanh đó đúng không?"

"Dĩ nhiên. Bác ấy không thể nói được bất cứ điều gì, bởi vì chất độc đã tác động lên hệ thần kinh hô hấp của bác, nhưng bác đã cố gắng chỉ vào cổ họng mình."

"Lúc đó ông ấy không nuốt thứ gì khác nữa chứ?"

"Không."

"Cô có thể miêu tả viên thuốc con nhộng này cho tôi được không?"

"Thì, như tôi đã nói, nó trông như những viên nhộng dầu thầu dầu mà chúng ta từng sử dụng khi còn nhỏ. Chúng có kích cỡ khoảng một trái nho, và được làm từ gelatin dày. Bạn nghĩ chúng chẳng thể trôi xuống cổ họng được, nhưng chúng có thể, một cách dễ dàng. Nhiều người dân quanh đây vẫn sử dụng những viên nhộng đó." Cô gái kìm bản thân lại, rất nhanh liếc nhìn anh, và khuôn mặt hơi đỏ lên một chút.

Elliot lờ hành động này đi.

"Vậy đây là quan điểm của cô: Cô nghĩ rằng ngay trước màn trình diễn có ai đó đã tấn công anh Emmet?"

"Đúng vậy."

“Nghĩa là có ai đó đã ngụy trang bản thân bằng những trang phục kì lạ mà thậm chí ngay cả ông Marcus Chesney cũng không nhận ra. Sau đó người này đóng vai của anh Emmet trong suốt buổi trình diễn. Nhưng thay vì một viên nhộng vô hại, loại mà ông Chesney định nuốt vào như một phần của buổi trình diễn, người này đã thay thế bằng một viên nhộng độc?”

“Ồ, tôi không *biết!* Nhưng đúng, tôi nghĩ thế.”

“Cảm ơn, cô Wills. Lúc này tôi sẽ không làm phiền cô nữa.” Elliot đứng lên. “Cô có biết giáo sư Ingram và anh Harding đang ở đâu không?”

“Trên lầu với Wilbur. Họ đang ở trên đó.”

“Cô giúp tôi hỏi xem liệu họ có thể xuống đây được không nhé? Ồ, và thêm một điều này nữa!”

Cô gái đã đứng lên, mặc dù có vẻ bồn chồn, và dường như không vội rời đi cho lắm. Cô nhìn anh một cách dò hỏi.

“Sớm thôi, tôi sẽ yêu cầu cô làm một bản tường trình rất chi tiết về tất cả mọi thứ cô đã nhìn thấy trong suốt buổi trình diễn ” Elliot tiếp tục nói. “Nhưng có vài điều chúng ta có thể giải quyết ngay bây giờ. Cô đã mô tả một phần trang phục của người kia, áo mưa, và những thứ tương tự. Nhưng còn quần và giày của anh ta thì sao?”

Biểu hiện của cô gái trở nên tập trung hơn. “Quần và giày…?”

“Đúng vậy. Cô đã nói lúc nãy,” Elliot nói, cảm thấy sự ngượng ngùng đang gào thét trong hai tai, “rằng cô luôn luôn chú ý đến những đôi giày. Vậy còn giày và quần của người này trông thế nào?”

“Cái đèn đó,” Marjorie trả lời, sau khi tạm dừng lại một chút, “được đặt trên bàn làm việc để chiếu ánh sáng thẳng, vậy nên những thứ nằm gần sàn nhà thì khá tối. Nhưng tôi nghĩ tôi có thể nói với anh được. Vâng, tôi khá chắc chắn về điều này.” Ánh mắt lóe lên vì giật mình của cô trở nên kiên định hơn. “Anh ta mặc một chiếc quần tây

bình thường, màu đen, với một sọc màu tối hơn kéo dài từ lưng quần xuống phía dưới. Và đi một đôi giày dự tiệc bằng da thật đã qua xử lí.”

“Có phải tất cả đàn ông có mặt tối nay đều mặc vét không, cô Wills?”

“Đúng vậy. Tất cả, ngoại trừ bác Joe. Bác ấy cũng được yêu cầu mặc vét, nhưng bác ấy nói nếu một bác sĩ mặc đồ dự tiệc đi thăm bệnh thì sẽ đem lại hiệu quả tâm lí không tốt. Bác ấy nói rằng nó khiến bệnh nhân nghĩ bác sĩ đó không tập trung vào công việc. Nhưng anh không nghĩ rằng…”

Elliot mỉm cười, mặc dù anh cảm thấy nụ cười của mình đang biến thành một chiếc mặt nạ giả dối.

“Có bao nhiêu người quanh đây thường mặc trang trọng như vậy khi ăn tối?”

“Theo tôi biết thì không có ai cả,” Marjorie nói. Rõ ràng cô đang càng ngày càng kích động. “Thường thì chúng tôi cũng không ăn mặc như vậy. Nhưng tối nay bác Marcus yêu cầu chúng tôi làm điều đó, vì vài lí do.”

“Lần đầu tiên ông ấy yêu cầu như thế à?”

“Chà đại khái là lần đầu tiên kể từ khi chúng tôi có nhiều khách đến thăm. Nhưng giáo sư Ingram khó mà tính là khách được, và George cũng thế.”

“Cảm ơn, cô Wills. Ông thiếu tá Crow và sĩ quan Bostwick có câu hỏi nào không?”

Cả hai người lắc đầu, mặc dù Bostwick trông có vẻ hung hiểm. Marjorie vẫn nhìn Elliot với vẻ tra xét thêm một lúc nữa, sau đó cô bước ra khỏi phòng và đóng cửa lại một cách nhẹ nhàng đáng kinh ngạc, nhưng anh nghĩ mình đã nhìn thấy cô run bắn lên. Cả căn phòng sáng sủa lại chìm vào im lặng.

“Hừm,” thiếu tá Crow nói.

“Cậu biết đấy,” ông nói thêm, trong khi chăm chú nhìn Elliot bằng đôi mắt sắc lẹm, “tôi không thích lời khai của cô gái đó.”

“Tôi cũng không,” Bostwick nói, và thận trọng buông đôi tay đang khoanh lại của mình xuống.

“Nhìn bề ngoài thì vụ án này khá rõ ràng,” thiếu tá Crow lầm bầm nói với vẻ khinh thường. “Ai đó đã nghe lỏm được và nhìn thấy Chesney và Wilbur Emmet đang chuẩn bị cho màn trình diễn, và biết được về chương trình sẽ diễn ra. Hắn ta hạ gục Emmet, thế vai của cậu ta, và thay viên thuốc vô hại bằng viên thuốc có độc. Chất gelatin mất một tới hai phút để tan hoàn toàn. Vậy nên Chesney sẽ không phát hiện được vấn đề khi nuốt viên nhộng. Ông ấy đã không hề la lớn ngay lập tức rằng mình bị đầu độc, hoặc cố gắng dừng vụ giết người lại. Kẻ sát nhân có thể chậm rãi biến mất, để lại các đồ ngụy trang ở bên ngoài. Khi gelatin tan ra, chất độc sẽ gây tử vong trong vòng vài phút. Mọi chuyện rất rõ ràng. Đúng vậy. Bề ngoài là như thế. *Nhưng…”*

“A!” Bostwick làu bàu thốt ra, khi cảnh sát trưởng vừa nói xong từ cuối cùng. “Tại sao hắn lại đánh ngất cậu Emmet? Hả, thưa ngài?”

Elliot đột nhiên ý thức được rằng con người lực lưỡng trong góc phòng kia sắc sảo hơn anh mong đợi rất nhiều. Dĩ nhiên Bostwick là một cảnh sát kỳ cựu, nhưng anh không ngờ được rằng ông ấy lại sắc sảo như thế. Người sĩ quan lắc người tới lui, đặt lưng cách tường một khoảng, và giờ thì ông nhìn Elliot với một biểu cảm rõ ràng và đầy nghi ngờ như thể vừa bật một chiếc đèn pha lên.

“Chính xác, thanh tra,” thiếu tá Crow đồng tình. “Như Bostwick nói, tại sao lại phải tấn công anh Emmet? Tại sao không để *Emmet* tự đưa cho Chesney viên nhộng độc đã đánh tráo theo kế hoạch ban đầu của màn trình diễn? Nếu kẻ giết người đã biết họ định làm gì rồi, tất cả những gì hắn cần làm chỉ là đánh tráo những viên nhộng. Tại sao phải

mạo hiểm tấn công Emmet, mặc quần áo ngụy trang vào và đối mặt với nguy cơ bị phát hiện, rồi bước vào đây trước mắt tất cả mọi người – tại sao lại đặt bản thân mình vào những rủi ro kinh khủng đó trong khi tất cả những gì hắn ta cần làm chỉ là thay thế viên nhộng, và để người khác làm hết phần việc dơ bẩn còn lại?"

"Tôi nghĩ," Elliot thận trọng lên tiếng, "đó chính là điểm mấu chốt của vụ án."

"Điểm mấu chốt của vụ án?"

"Đúng vậy, thưa ngài. Trong kế hoạch trình diễn, ông Chesney không hề có ý định *nuốt* bất kì viên thuốc con nhộng nào cả.

"Hừm," thiếu tá Crow nói sau một khoảng ngừng ngắn.

"Ông ấy chỉ định giả vờ nuốt nó. Các ngài biết đấy, toàn bộ màn trình diễn này gài một chuỗi các loại bẫy quan sát. Các ngài có thể đã biết về những cái bẫy tương tự trong khóa tâm lí ở trường đại học."

"Không phải tôi," thiếu tá Crow nói.

"Tôi cũng không," sĩ quan Bostwick lẩm bẩm.

Tất cả sự ngang ngược trong người Elliot đột ngột trào lên dữ dội, không chỉ vì chuyện hai người họ không biết về thủ thuật tâm lí đó, mà còn bởi không khí lởn vởn mùi thù địch vừa xuất hiện trong căn phòng. Anh tự hỏi không biết nếu nói ra thì có nghe như thể mình là một kẻ huênh hoang không. Sau đó anh quyết định, với đầu tai đau nhói, rằng anh chẳng cần quan tâm đến chuyện đó làm gì.

"Trong giờ học tâm lí, giảng viên lấy một cái chai chứa một ít chất lỏng, thò lưỡi vào, làm ra vẻ mặt nhăn nhó, và nhận xét về vị đắng của chất lỏng chứa trong đó. Sau đó ông ta chuyển cái chai cho bạn. Thứ chất lỏng chứa trong chai là nước lọc có màu. Nhưng, nếu bạn không cẩn thận, bạn sẽ thề rằng thứ nước đó có vị đắng vì điều đó đã hằn sâu trong tâm trí bạn. Trường hợp thứ hai là nước đó thực sự đắng, và người giảng viên chỉ giả bộ nếm thử nó – và bảo bạn như thể

ông ta đã thực sự nếm nó. Nếu bạn không chú ý thật kĩ những hành động của người giảng viên, bạn sẽ thật sự nốc thứ nước đó vào.

“Rất có thể, đó chính là điều đã xảy ra ở đây. Ông Chesney đã cảnh báo họ coi chừng những cái bẫy. Hai người nhớ chứ, cô Wills nói rằng ông ấy trông rất ngạc nhiên và bực dọc khi viên nhộng bị nhét vào miệng mình. Có khả năng hướng dẫn ông ta đưa ra cho Emmet chỉ là giả bộ đưa viên thuốc, và ông ấy sẽ giả vờ nuốt xuống. Nhưng tên sát nhân đã thực sự đẩy nó xuống họng ông, chỉ thế thôi. Để tránh phá hủy buổi diễn, ông Chesney đã không thực hiện bất kì hành động phản kháng nào.” Elliot lắc đầu. “Và tôi sẽ rất ngạc nhiên nếu trong danh sách những câu hỏi ông ấy đã chuẩn bị sẵn, chúng ta không tìm được vài câu hỏi như: ‘Tôi tốn bao nhiêu thời gian để nuốt viên nhộng?’ hoặc câu gì đó tương tự.”

Thiếu tá Crow có vẻ bị ấn tượng.

“Trời ạ, thế là đủ hợp lí rồi!” ông thừa nhận, với một chút nhẹ nhõm. Rồi thì sự giận dữ và hoang mang cuốn phăng mọi biểu cảm khác. “Nhưng nghe này, thanh tra, dù mọi chuyện có xảy ra như vậy… Trời đất, vậy thì chúng ta đang phải đối phó với một kẻ điên hay sao?”

“Có vẻ đúng là vậy, thưa ngài.”

“Vậy thì hãy đối mặt thôi,” thiếu tá Crow nói. “Một kẻ điên, hoặc bất cứ cái tên nào mà chúng ta muốn gọi, từ chính căn nhà này.”

“A,” Bostwick lẩm bẩm. “Lại nữa!”

Cảnh sát trưởng hòa nhã nói. “Trước hết, làm sao người ngoài có thể biết mọi người trong căn nhà này đang định sắp xếp một cuộc quan sát thử nghiệm ở đây, ngay tối nay? Ngay cả chính thành viên trong đây cũng không hề biết về nó cho tới bữa tối, và chắc gì một người ngoài lại có thể thoải mái quanh quẩn bên những cái cửa sổ đó mà nghe lỏm những điều Chesney và Emmet đang sắp xếp. Hơn nữa, người ngoài này lại mặc quần tây và giày đi tiệc, lảng vảng quanh đây trong một đêm đặc biệt khi tất cả bọn họ đều mặc đồ trang trọng. Tôi

thừa nhận những ý tưởng trên không phải là kết luận cuối cùng, chúng chỉ là suy đoán thôi. Nhưng, mọi người thấy được điểm bất hợp lí rồi chứ?”

“Đúng vậy,” Elliot đáp lại một cách dứt khoát.

“Nếu hung thủ là ai đó trong căn nhà này, vậy có thể là ai được? Joe Chesney không nằm trong số nghi phạm. Nếu ông ấy rời khỏi hiện trường và chỉ trở về lúc nửa đêm, chắc chắn ông ấy bị loại khỏi vụ này. Wilbur Emmet thì gần như bị giết bởi kẻ sát nhân. Không còn ai khác ngoại trừ hai người giúp việc và một đầu bếp, những người hầu như không có khả năng. Sự lựa chọn duy nhất khác của chúng ta – đúng vậy, tôi biết điều này nghe khá kì cục – nhưng chỉ có duy nhất một khả năng khác nữa. Kẻ sát nhân có thể là một trong ba người có nhiệm vụ quan sát màn trình diễn trong căn phòng này. Đồng nghĩa với việc người này phải lẻn đi trong bóng tối, tấn công Emmet đáng thương, mặc quần áo ngụy trang vào, ép Chesney uống viên thuốc có độc, và lẻn trở lại trước khi đèn sáng.”

“Không, thưa ngài, nghe không khả thi,” Elliot khô khan tán thành.

“Nhưng chúng ta còn gì khác nữa chứ?”

Elliot không đáp lời.

Anh biết rằng bây giờ họ không được đưa ra bất kì giả thiết nào cả. Cho đến khi người ta tiến hành xét nghiệm tử thi, họ thậm chí còn không thể khẳng định được phương thức tử vong của Marcus Chesney, ngoại trừ khả năng ông ấy bị đầu độc bởi một trong các loại xyanua trong nhóm axit xyanhydric. Nhưng giả thiết cuối cùng của ngài cảnh sát trưởng đã kịp ghim vào đầu anh.

Anh nhìn quanh Phòng Nhạc. Nó rộng khoảng mười lăm feet vuông, được ốp ván màu xám với lớp mạ vàng nổi bật. Những chiếc cửa sổ kiểu Pháp đóng kín cùng những tấm màn nhung nặng nề màu xám tối. Về nội thất, căn phòng chỉ có một cây đàn piano biểu diễn, một chiếc máy quay đĩa có radio, một chiếc tủ Boule đứng cạnh cánh cửa dẫn ra

sảnh lớn, bốn chiếc ghế bành bọc nệm bằng gấm, và hai chiếc ghế kê chân. Do đó phần trung tâm căn phòng khá thoáng. Và một người – nếu cẩn thận tránh cây piano biểu diễn cạnh cửa sổ ra – thì hoàn toàn có thể băng qua căn phòng trong bóng tối mà không va phải bất kì thứ gì. Tấm thảm trải sàn, như họ đã nhìn thấy trước đó, quá dày nên có thể dễ dàng ngăn tiếng bước chân người.

"Đúng vậy," cảnh sát trưởng nói. "Cứ thử coi nào."

Công tắc điện ở ngay đằng sau chiếc tủ Boule đứng cạnh cửa dẫn ra sảnh. Elliot nhấn nút, và bóng tối ập xuống nhanh như chớp. Những chiếc đèn sáng đến nỗi hình ảnh lờ mờ của mấy ngọn nến điện gắn trên chùm đèn vẫn lồng vào nhau và co lại trước mắt Elliot trong bóng tối. Mặc dù màn cửa đang để mở, anh vẫn không thể phân biệt được bất cứ thứ gì bởi vì bầu trời bên ngoài rất u ám. Có một âm thanh lạch cạch nhẹ nhàng do các chốt kéo màn va vào nhau khi ai đó đang đóng những tấm màn lại.

"Tôi đang vẫy tay," giọng của cảnh sát trưởng vang lên trong bóng tối. "Hai người có thấy tôi không?"

"Hoàn toàn không," Elliot nói. "Ở nguyên chỗ đó nhé, tôi sẽ đi mở cánh cửa đôi."

Anh dò dẫm tìm đường trong bóng tối, tránh một chiếc ghế, và tìm thấy những cánh cửa. Chúng rất dễ mở và hầu như chẳng hề gây ra tiếng động nào. Sau khi di chuyển lên trước thêm khoảng tám hay chín feet, anh đã tìm thấy cái bàn và ngọn đèn bằng đồng. Anh bật công tắc, và ánh sáng trắng chói chang chết chóc hắt vụt lên trên bức tường đối diện. Sau đó Elliot lùi trở lại Phòng Nhạc để nghiên cứu.

"Hừm," thiếu tá Crow nói.

Thứ duy nhất có vẻ sống động trong cái "phòng làm việc" đó là chiếc đồng hồ. Họ thấy nó hoạt động một cách tàn nhẫn và bận bịu, trên bệ lò sưởi bằng gỗ bóng tối màu đằng sau người đàn ông đã chết. Nó là một chiếc đồng hồ lớn bằng đồng giả vàng, mặt đồng hồ đường

kính khoảng sáu inch, và có một quả lắc nhỏ bằng đồng đung đưa yếu ớt. Bên dưới nó, người đàn ông đã chết đang yên lặng ngồi. Thời gian trên chiếc đồng hồ chỉ một giờ kém năm.

Chiếc bàn làm bằng gỗ gụ, với một miếng thấm mực màu nâu. Và cái đèn bằng đồng đứng ngay phía trước, hơi chếch sang bên phải (từ góc nhìn của họ). Họ cũng đã thấy chiếc hộp sô cô la với lớp trang trí đầy hoa màu xanh dương. Bằng cách kiễng chân lên, Elliot có thể thấy cây bút chì đang nằm trên miếng thấm mực, nhưng không có dấu vết nào của cây bút mà Marjorie Wills đã tả cả.

Trên bức tường phía tay trái, họ có thể lờ mờ nhận ra hình dáng của một trong những khung cửa sổ kiểu Pháp. Phía bên tay phải họ, một chiếc bàn nắp cuộn đang đứng dựa vào tường, các ngăn bàn được đóng kín mít, với một cái đèn có chụp đèn màu xanh lá, và một tủ hồ sơ rất dài bằng thép sơn giả gỗ đặt phía trên. Đó là tất cả mọi thứ trong căn phòng, trừ một cái ghế và một chồng tạp chí hay là catalog đang tràn ra trên sàn nhà. Họ thấy nó được đặt ngay trước sân khấu, bên cạnh những cánh cửa. Khi quan sát vị trí của những chiếc ghế trong Phòng Nhạc, những nhân chứng hẳn phải ngồi cách Marcus Chesney khoảng mười lăm feet.

“Tôi không thấy được gì nhiều ở phía đó,” thiếu tá Crow quan sát một cách nghi ngờ. “Cậu có thấy gì không?”

Đôi mắt của Elliot bắt gặp mảnh giấy gấp mà anh đã thấy lúc nãy, mắc kẹt sau chiếc khăn tay trong túi áo vét của người đàn ông đã chết.

“Tôi có thấy, thưa ngài,” anh chỉ ra. “Theo như lời khai của cô Wills, đó hẳn là danh sách những câu hỏi mà ông Chesney đã chuẩn bị.”

“Đúng vậy, nhưng tờ giấy đó thì có vấn đề gì sao?” cảnh sát trưởng gần như hét lên. “Giả sử như ông ta đã chuẩn bị một danh sách những câu hỏi. Việc đó tạo nên được sự khác biệt gì cho chúng ta?”

“Chỉ có một điều, thưa ngài,” Elliot nói, cảm thấy cả mình cũng

muốn hét lên. “Ngài không thấy rằng toàn bộ màn trình diễn này được thiết kế như một chuỗi bẫy quan sát cho các nhân chứng hay sao? Có thể một nửa những điều họ đã thấy đều có chứa mẹo lừa nào đó. Và kẻ sát nhân đã tận dụng điều này. Những cái bẫy quan sát đã giúp hắn ta, đã bảo vệ hắn ta, và có lẽ vẫn đang là vỏ bọc của hắn. Nếu chúng ta có thể tìm ra chính xác những thứ họ đã chứng kiến, hoặc họ nghĩ mình đã chứng kiến, chúng ta có thể có manh mối về kẻ giết người. Ngay cả một gã mất trí cũng sẽ không phạm tội một cách bừa bãi, bất ngờ, cởi mở như thế này nếu không có điều gì đó trong kế hoạch của ông Chesney có khả năng bảo vệ hắn, điều gì đó khiến cảnh sát mắc phải một sai lầm chết người, điều gì đó cung cấp cho hắn một bằng chứng ngoại phạm, điều mà có Chúa mới biết! Không phải quá rõ ràng sao?”

Thiếu tá Crow nhìn thẳng vào anh.

“Cậu sẽ tha thứ cho tôi thôi, thanh tra,” ông bất ngờ lên tiếng với vẻ lịch sự, “nếu tôi vẫn nghĩ rằng trong suốt buổi tối nay cách cư xử của cậu có gì đó rất kì lạ. Tôi cũng tò mò sao cậu lại biết được họ của vị hôn phu của cô Wills. Tôi chưa hề đề cập đến nó.”

(Ôi, chết tiệt!)

“Xin lỗi ngài.”

“Không sao,” người kia đáp lại, với sự trang trọng tương tự. “Ít nhất chuyện đó cũng không phải vấn đề quan trọng. Ngoài ra, về chuyện danh sách các câu hỏi, tôi khá đồng ý với cậu. Hãy xem coi chúng ta có tìm được gì từ nó không. Cậu nói đúng: nếu có bất kì câu hỏi bẫy nào, hoặc bất kì câu hỏi nào về những cái bẫy, chúng sẽ phải ở ngay đây.”

Ông rút mảnh giấy ra khỏi túi áo người đàn ông đã chết, mở nó ra, và trải trên miếng thấm mực. Đây là những gì họ đọc được, những chữ viết tay nằm gọn gàng trong tờ giấy.

Hãy trả lời chính xác những câu hỏi sau:

Có cái hộp nào trên bàn không? Nếu có, hãy miêu tả nó.
Tôi đã cầm từ bàn lên những đồ vật nào? Theo thứ tự ra sao?
Lúc đó là mấy giờ?
Chiều cao của người vào phòng bằng chiếc cửa sổ kiểu Pháp là bao nhiêu?
Miêu tả trang phục của người này.
Anh ta mang theo thứ gì trong tay phải? Miêu tả vật thể này.
Miêu tả hành động của anh ta. Anh ta có di chuyển bất cứ vật nào đang nằm trên bàn không?
Anh ta đã đưa tôi nuốt thứ gì? Tôi mất bao lâu để nuốt thứ đó?
Anh ta đã ở trong phòng bao lâu?
Ai hay những ai đã lên tiếng? Họ đã nói gì?

Lưu ý – Phải trả lời đúng nghĩa đen cho mỗi câu hỏi ở trên, nếu không câu trả lời sẽ không được tính.

"Trông nó có vẻ đủ rõ ràng đây," thiếu tá Crow lẩm bẩm, "nhưng có những cái bẫy trong này. Nhìn phần lưu ý đi. Và chắc chắn cậu đã đúng về việc giả vờ nuốt viên nhộng, thanh tra. Câu số tám. Tuy nhiên…"

Ông gấp tờ giấy lại và đưa nó cho Elliot, anh cẩn thận đặt nó vào cuốn sổ ghi chép của mình. Sau đó thiếu tá Crow bước lùi về phía cánh cửa đôi, mắt ông ghim chặt vào chiếc đồng hồ.

"Tuy nhiên, như tôi đang nói…"

Một luồng sáng tràn ngang vào Phòng Nhạc khi cánh cửa dẫn đến sảnh bật mở. Bóng của một người đàn ông đang đóng khung ở đó, và họ thấy có tia sáng lóe lên trên chiếc đầu hói của ông.

"Chào!" Một giọng nói sắc nét và có tông hơi cao lên tiếng. "Ai trong đó vậy? Mọi người đang làm gì thế?"

"Cảnh sát," thiếu tá Crow nói. "Không sao đâu. Vào đi, Ingram. Anh bật đèn giúp tôi nhé."

Sau một lúc loay hoay bên cạnh cửa vì xác định sai hướng, vị khách mới đến dò dẫm sau cái tủ Boule và bật công tắc. Và Elliot nhận ra rằng ấn tượng ngắn ngủi đầu tiên của mình về giáo sư Ingram, trong kí ức kẹt ở khoảng sân tại Pompeii, sẽ phải được sửa sang lại đôi chút.

Khuôn mặt tròn, sáng sủa, dễ mến của giáo sư Ingram, cùng với vẻ ngoài bệ vệ và những cử động sung sức tạo ấn tượng cho mọi người rằng ông là một người lùn và to béo. Đôi mắt xanh có vẻ thành thật luôn rạng rỡ, cái mũi nhỏ nhắn dễ nhìn, và hai chùm tóc đen rối rắm trên tai ở hai bên cái đầu hói càng củng cố ấn tượng này hơn nữa. Ông có xu hướng hạ thấp đầu mình xuống và nhìn lên với vẻ trêu chọc rất hợp với cách ông đối mặt với cuộc sống. Nhưng hiện tại, tất cả những ấn tượng này đều dịu đi – dịu đi, và thêm chút sợ hãi. Khuôn mặt ông không đều màu, phía trước áo sơ mi có một nếp nhăn sâu và lồi ra khỏi áo ghi lê như bột mì nở bung trong lò nướng. Và ông cọ các ngón tay của bàn tay phải lại cùng nhau như thể đang cố gắng phủi bột phấn khỏi chúng. Thật ra, Elliot thấy được, rằng ông có chiều cao trung bình, và ông cũng không béo lắm.

"Đang tái dựng lại hiện trường, hả?" Ông gợi chuyện. "Chào thiếu tá. Chào sĩ quan."

Thái độ của ông có một sự nhã nhặn vô hình khiến tât cả mọi người nở nụ cười, giống như cái vụt nhẹ của một chiếc roi trên đàn ngựa vậy. Ấn tượng đầu tiên của Elliot là sự thông minh và nét sắc sảo toát ra từ khuôn mặt chân thành đó.

"Và đây, tôi đoán," ông ngần ngại nói thêm, "là anh chàng từ Scotland Yard mà Joe Chesney đã kể với tôi. Chào buổi tối, thanh tra."

"Được rồi," thiếu tá Crow nói. Ông tiếp tục câu chuyện một cách hơi đột ngột. "Nghe này, anh biết đấy. Chúng tôi đều dựa vào anh cả."

"Dựa vào tôi?"

"Thì, anh là một giáo sư tâm lí học. Anh sẽ không bị những thủ thuật đánh lừa. Anh đã nói như vậy mà. Anh có khả năng kể cho chúng tôi về việc thực sự đã xảy ra trong buổi biểu diễn chết tiệt đó. Có thể chứ?"

Giáo sư Ingram liếc nhanh qua những cánh cửa đôi. Biểu hiện của ông đã thay đổi.

“Tôi nghĩ vậy,” ông dứt khoát trả lời.

“Chà, vậy mới đúng!” thiếu tá Crow nói bằng điệu bộ tranh luận hào hứng hơn hẳn. “Cô Wills đã kể cho chúng tôi rằng có vài cái bẫy đã được cố ý gài vào buổi diễn .”

“Ừ. Anh gặp con bé rồi à?”

“Đúng vậy. Và, từ những gì chúng tôi thu được, thì toàn bộ buổi diễn này hẳn là được thiết kế thành một chuỗi các cạm bẫy…”

“Còn hơn thế nữa,” giáo sư Ingram nhìn thẳng vào thiếu tá nói. “Tôi tình cờ biết được rằng, màn trình diễn này còn được thiết kế để cho mọi người thấy cách đầu độc những viên sô cô la trong cửa hàng của bà Terry mà không có ai thấy được tên giết người làm chuyện đó.”

VI. CHUẨN BỊ CHO NHỮNG CÁI BẪY

ĐỂ GIẤU ĐI vài ý tưởng mới nảy ra trong đầu, Elliot bước vào phòng làm việc của Marcus trước khi bất kì ai kịp bình luận gì thêm. Anh bật cái đèn có nắp chụp màu xanh lá nằm trên chiếc bàn có nắp cuộn lên, và tắt bóng đèn dùng để chụp hình trên bàn làm việc đi. Tuy ánh sáng thường có vẻ hơi yếu, nhưng nó vẫn cho anh thấy Marcus Chesney đang cuộn tròn trên chiếc ghế của mình lần cuối cùng trong đời.

Vậy là sao? Theo như sĩ quan Bostwick kể lại, hai ngày trước khi bị giết, Marcus Chesney đã đến hỏi cảnh sát về kích cỡ chính xác của những chiếc hộp đựng sô cô la tại cửa hàng của bà Terry. Giờ đây, có một chiếc hộp sô cô la rẻ tiền đang nằm trên bàn, và có một nhân vật

bí ẩn xuất hiện tại “màn trình diễn”. Nhưng bằng cách nào mới được chứ?

Elliot trở về Phòng Nhạc, nơi thiếu tá Crow cũng đang đau đầu bởi cùng một vấn đề.

“Nhưng làm sao,” cảnh sát trưởng hỏi, “làm sao ông ấy có thể minh họa cách ai đó đầu độc những viên sô cô la tại cửa hàng của bà Terry bằng việc khiến một ông ba bị, dù thứ đó là gì đi chăng nữa, thô bạo nhét một viên nhộng xanh vào miệng mình được chứ?”

Giáo sư Ingram hơi nâng vai lên. Đôi mắt ông vẫn còn căng thẳng khi liếc vào căn phòng có chứa xác chết.

“Tôi hầu như không thể trả lời anh được,” ông chỉ ra. “Nhưng, nếu anh muốn biết suy đoán của tôi, có lẽ ý của Chesney là viên nhộng xanh chỉ đóng vai trò như một yếu tố phụ – một phần của buổi diễn, có lẽ thậm chí còn là một phần không mấy quan trọng. Tôi đoán điều quan trọng thật sự mà chúng tôi cần quan sát là những việc xảy ra với hộp sô cô la đặt trên cái bàn đó.”

“Tôi nghĩ,” cảnh sát trưởng lên tiếng sau khi ngừng lại suy nghĩ một lúc, “rằng mình nên tránh ra khỏi việc này. Cậu tiếp tục đi, thanh tra.”

Elliot chỉ vào một trong những chiếc ghế bành bọc nệm bằng gấm ra ý mời, và giáo sư Ingram nhẹ nhàng ngồi xuống.

“Bây giờ, thưa ông. Có phải ông Chesney đã kể với ông rằng: mục đích thực sự của buổi diễn này là để cho mọi người thấy cách đầu độc những viên sô cô la mà không bị ai chú ý, đúng thế không?”

“Không. Nhưng ông ấy đã ám chỉ như vậy.”

“Khi nào?”

“Ngay trước khi buổi diễn bắt đầu. Tôi đã tóm được ông ấy! Tóm được vụ việc đó, ý tôi là thế! Có câu này cho anh đây: hành động của ông ấy nghe như thể được nhồi đầy các yếu tố hài hước vậy.” Giáo sư Ingram run rẩy một chút, và sau đó sự nhã nhặn của ông dường như

trở nên sắc sảo hơn. “Nghe này, thanh tra. Ngay từ bữa tối, tôi đã biết có gì đó rất lạ về mong muốn biểu diễn một cách đột ngột và vội vàng của Chesney. Chủ đề đó dường như chỉ vô tình được đề cập, và dần dần cuộc tranh luận dẫn tới thử thách cuối cùng của Marcus. Nhưng ông ấy đã có ý định khơi mào cuộc tranh cãi từ trước. Ông ấy có kế hoạch đó trước khi chúng tôi ngồi vào bàn ăn tối. Tôi có thể thấy điều đó, và Emmet trẻ tuổi luôn cười toe toét như một con sói bất cứ khi nào cậu ta nghĩ không ai nhìn thấy mình.”

“Thưa ông?”

“Chà! Đó chính là lí do tại sao tôi lại phản đối việc trì hoãn buổi diễn đến quá muộn như vậy, và cả việc tốn gần ba tiếng đồng hồ vô ích sau bữa tối trước khi ông ấy sẵn sàng cho mọi chuyện nữa. Tôi sẽ không đụng đến lòng tự trọng của một người đàn ông, điều mà tôi cho rằng rất quan trọng. Nhưng dường như việc này đang đi quá xa. Tôi đã nói một cách thành thật, ‘Anh định chơi trò gì vậy?’ bởi vì chỉ có một mình tôi ở đó. Ông ấy liền nói riêng với tôi rằng, ‘Hãy quan sát cẩn thận, và anh có thể nhận ra cách những viên sô cô la của bà Terry đã bị đầu độc, nhưng tôi cá là anh sẽ chẳng nhận ra đâu.’”

“Ông ấy có suy đoán nào sao?”

“Hiển nhiên.”

“Một suy đoán mà ông ấy dự định chứng minh trước mắt tất cả mọi người?”

“Hiển nhiên.”

“Và,” Elliot làm ra vẻ tình cờ hỏi, “ông ấy đã có nghi ngờ ai là kẻ đầu độc?”

Giáo sư Ingram ngước mắt lên trong một khoảnh khắc ngắn ngủi. Có một nỗi lo âu dày đặc trong đôi mắt ông. Nếu áp sự lo lắng này lên một khuôn mặt quá đỗi ôn hòa, bạn có thể nói rằng trông ông ấy như bị ám vậy.

“Đó chỉ là ấn tượng cá nhân của tôi thôi,” ông thừa nhận.

“Nhưng ông ấy không nói với ông, hay đưa cho ông bất kì manh mối nào à?”

“Không. Nếu vậy thì chương trình sẽ bị tiết lộ trước mất rồi.”

“Và ông nghĩ rằng kẻ đầu độc đã giết Marcus vì ông ấy biết điều đó?”

“Đúng vậy, có thể lắm chứ.” Giáo sư Ingram cựa quậy người trên ghế. “Nói với tôi đi, thanh tra. Anh có phải một người thông minh không? Một người có hiểu biết nhất định?” Ông cười khan. “Làm ơn, chỉ mất một lát thôi. Hãy để tôi giải thích tại sao tôi lại hỏi như vậy. Với tất cả sự tôn trọng dành cho người bạn tốt Bostwick đây, tôi không hề nghĩ cách giải quyết vụ việc đến giờ phút này lại khiến chúng tôi tin tưởng anh ấy được.”

Biểu hiện của thiếu tá Crow trở nên ảm đạm và cứng nhắc.

“Anh ấy,” ông chậm rãi nói, “đã cố thực hiện nghĩa vụ của mình…”

“Ồ, đừng nói mây thứ nhảm nhí đó nữa,” giáo sư Ingram lên tiếng mà không mang theo chút bực mình nào cả. “Dĩ nhiên anh ta đã cố. Chúa cứu giúp chúng ta, tất cả chúng ta! Nhưng làm tròn nhiệm vụ không có nghĩa là đào được đến sự thật, đôi khi làm tròn nhiệm vụ có ý nghĩa hoàn toàn ngược lại. Tôi không nói rằng có bất cứ nhân viên cảnh sát nào chống lại Marjorie Wills. Tôi biết là không có, nhưng dù vậy, cháu gái của bạn tôi thậm chí còn không thể đi bộ xuống đường mà không lâm vào nguy cơ bị đám trẻ con ném bùn vào mặt. Người ta đã thực hiện những nỗ lực thật sự nào để giải quyết vấn đề những viên sô cô la bị đầu độc? Phương pháp gây án là gì? Tội danh đó thuộc loại nào? *Tại sao* những viên sô cô la độc ấy lại nằm trong cửa hàng của bà Terry?”

Ông nện nắm đấm vào tay vịn ghế.

“Sĩ quan Bostwick,” ông tiếp tục, “lại cổ vũ một cách nhẹ nhàng,

chung chung rằng kẻ điên là kẻ điên, và rồi anh đến đây. Và để củng cố những lời buộc tội chống lại Marjorie, họ trích dẫn một vụ án tương tự – một vụ án tương tự rất khả quan, ngạc nhiên thật! – của Christiana Edmunds."

Thiếu tá Crow không bình luận gì.

"Giống nhau hử? Chưa bao giờ có hai vụ án nào hoàn toàn khác biệt như thế này, chỉ cần dựa trên một căn cứ quan trọng thôi: động cơ gây án. Christiana Edmunds là kẻ điên, nếu anh nghĩ vậy, nhưng cô ta có động cơ gây án như phần lớn những kẻ sát nhân khác. Người phụ nữ trẻ tuổi này, năm 1871 tại Brighton, rơi vào lưới tình mãnh liệt với một vị bác sĩ đã có gia đình, người không đáp lại cô ta. Đầu tiên cô ta cố gắng đầu độc vợ của người bác sĩ bằng strychnine nhưng thất bại. Vụ việc vỡ lở, cô ta bị cấm lại gần căn nhà, và bỏ đi trong trạng thái điên cuồng. Để chứng minh rằng mình vô tội, như cô ta tuyên bố – để chứng tỏ rằng có một kẻ đầu độc đang lảng vảng trong thị trấn, một kẻ nào đó khác không thể là Christiana Edmunds được – cô ta liền nảy ra ý tưởng giả mạo những viên sô cô la bọc kem trong một cửa hàng đồ ngọt, và giết được cả khối người. Rất tốt. Sự tương đồng nằm ở đâu chứ? Có bất cứ thứ gì tương tự như vậy từng xảy đến với Marjorie chưa? Nếu có, thì động cơ gây án nằm ở đâu? Trái lại, vị hôn phu của con bé, sau khi đến Sodbury Cross và nghe những tin đồn về con bé, thì lại đang sắp sửa đào hôn và lẩn mất dép."

Nói đến đoạn này vẻ mặt của giáo sư Ingram chỉ có thể gọi là giận dữ một cách ngây thơ, vẻ mặt đó còn được nhấn mạnh hơn nữa nhờ tiếng sột soạt của vạt áo sơ mi phía trước ngực. Ông hơi bật cười, sau đó còn trở nên im lặng hơn trước.

"Đừng bận tâm đến chuyện đó," ông ấy nói. "*Anh* cần gì thì cứ hỏi tiếp đi."

"Cô Wills," Elliot bất ngờ hỏi, "đã từng đính ước với bất kì ai trước kia chưa?"

“Sao anh lại hỏi chuyện đó?”

“Có chưa, thưa ông?”

Một lần nữa Ingram lại ném về phía anh cái liếc mắt ngắn ngủi và không thể đọc ra được điều gì. “Không, theo tôi biết thì không. Tôi cho rằng Wilbur Emmet thích con bé. Nhưng cái mũi đỏ và toàn thể – tôi xin lỗi – toàn thể con người không chút thu hút nào của cậu ta khiến người khác khó mà tiến cử câu ta cho bất kì ai được, cho dù Marcus có ưa thích đi chăng nữa. Tôi hi vọng điều tôi nói đáng tin cậy chứ?”

Đến đây, thiếu tá Crow liền can thiệp vào. “Tôi nghe nói, Chesney,” ông nói bằng chất giọng không cảm xúc, “Chesney đã làm nản lòng *tất cả* những người theo đuổi thích hợp với cô ấy và không cho họ đến đây gặp cô ấy lấy một lần.”

Giáo sư Ingram lưỡng lự.

“Theo một cách nào đó thì đúng là vậy. Ông ấy gọi điều đó là tiếng gào khóc quấy nhiễu cuộc sống yên bình của mình. Ông ấy không thực sự ngăn cấm họ, nhưng…”

“Tôi đang băn khoăn,” thiếu tá Crow nói, “tại sao chàng trai mà Marjorie gặp ở nước ngoài này lại nhận được sự chấp thuận của Chesney dễ dàng đến vậy.”

“Ý anh là,” giáo sư nói thẳng, “ý anh là Marcus lo lắng khi để con bé rời khỏi sự bảo vệ của mình à?”

“Tôi… không nói thế.”

“Bạn tôi ơi, đương nhiên là anh không nói vậy rồi. Trong bất cứ trường hợp nào anh cũng không đúng rồi. Marcus thích Harding trẻ tuổi – một chàng trai có nhiều triển vọng – và sự kính trọng có hơi phóng đại của cậu ta với Marcus có thể đã giúp ích ít nhiều. Nhưng tôi có thể hỏi tại sao chúng ta lại tranh cãi về vấn đề này không? Dù điều chúng ta đang nói là đúng hay sai,” nói tới đây, mặt trước áo sơ mi của giáo sư Ingram lại tạo ra một tiếng tách sắc lẹm khác, “thì hoàn toàn

có thể khẳng định rằng Marjorie chẳng liên quan gì đến vụ sát hại bác mình cả.”

Dường như nhiệt độ phòng lại thay đổi lần nữa. Elliot đành đảm nhận chủ đề nhạy cảm này.

“Ông có biết cô Wills nghĩ gì về việc đó không, thưa ông?”

“Nghĩ về việc gì?”

“Rằng có ai đó đã đánh ngất anh Emmet, đóng vai của anh ấy, và sử dụng viên nhộng độc trong màn trình diễn?”

Ingram nhìn anh một cách tò mò. “Đúng vậy. Dường như đó là cách giải thích khả thi nhất, không phải sao?”

“Vì vậy cho nên, ai đó đã nghe lỏm được kế hoạch mà ông Chesney và anh Emmet bàn bạc trong căn phòng này sau bữa tối? Một người nào đó đứng ngoài cửa ra vào hoặc ngoài cửa sổ?”

“Đúng vậy nhỉ,” giáo sư lẩm bẩm.

Trong khoảnh khắc, có một nụ cười nửa miệng nhợt nhạt xuất hiện trên khuôn mặt ông. Ông ấy đang nghiêng người về phía trước, hai bàn tay nắm chặt đặt trên đầu gối và khuỷu tay mở ra như một đôi cánh. Ông đang có nét mặt khờ khạo kì quặc của những người thông minh khi họ đang mải suy nghĩ và sắp xếp những sự kiện thành một chuỗi nhất định trong đầu mình. Rồi ông lại mỉm cười.

“Đúng vậy nhỉ,” ông lặp lại. “Giờ hãy để tôi hỏi anh câu hỏi của chính anh, thanh tra.” Ông vẫy tay trong không khí một cách mê hoặc. “Câu hỏi tiếp theo của anh là, ‘Ông đang ở đâu vào lúc từ chín giờ mười lăm đến nửa đêm?’ và ‘Marjorie và George Harding đang ở đâu vào lúc từ chín giờ mười lăm đến nửa đêm?’ Nhưng anh sẽ còn đi xa hơn. ‘Tất cả mọi người đang ở đâu vào thời điểm màn trình diễn đang được tiến hành?’ Đó là câu hỏi quan trọng nhất. ‘Liệu một trong những người quan sát có thể lợi dụng bóng tối để lẻn ra ngoài, đóng vai gã bù nhìn nham hiểm đội mũ chóp cao không?’ Đó là những điều anh muốn

biết, đúng không?"

Đôi mắt của thiếu tá Crow nheo lại.

"Đúng vậy," Elliot nói.

"Đó là một câu hỏi hợp lí," giáo sư Ingram thoải mái đáp lời. "Và nó xứng đáng với một câu trả lời hợp lí, và tôi sẽ nói cho anh câu trả lời đó. Tôi sẵn sàng đọc lời thề trung thực trước bất kì phiên tòa nào trên thế giới này để chứng minh rằng không ai trong chúng tôi rời khỏi căn phòng trong suốt màn trình diễn."

"Hừm. Một tuyên bố khá mạnh mẽ, thưa ông?"

"Không hề."

"Ông có biết trong đây tối đến thế nào không?"

"Tôi biết rất rõ trong đây tối thế nào. Đầu tiên, với cây đèn dùng trong chụp ảnh chiếu sáng trong căn phòng bên kia, bên này sẽ hoàn toàn không tối tăm như anh nghĩ. Thứ hai, tôi còn có nguyên nhân khác, và tôi hi vọng những người đồng hành của tôi sẽ chứng thực chúng. Thực ra, chúng ta có thể hỏi họ."

Ông đứng dậy rời khỏi ghế, và như một ông bầu thực sự, ông ra hiệu về phía cánh cửa thông ra sảnh, khi Marjorie và George Harding bước vào.

Và Elliot dò xét vị hôn phu mới của Marjorie.

Tại Pompeii, anh chỉ thấy phía sau đầu của Harding. Và bây giờ khi đã được nhìn đầy đủ phía trước thì anh lại mơ hồ cảm thấy khó chịu. George Harding không quá hai lăm, hai sáu tuổi. Anh ta có vẻ ngoài tốt bụng, thẳng thắn và nhiệt tình. Anh ta hoàn toàn không khiến người khác ý thức được sự hiện diện của mình, và di chuyển giữa mọi người một cách tự nhiên như thể một con mèo luồn qua đám đồ trang trí trên tủ búp phê. Anh ta khá đẹp trai theo kiểu miền Nam châu Âu: mái tóc đen quăn trông có vẻ thô và xoắn, khuôn mặt rộng, và đôi mắt tối màu chỉ có một biểu cảm duy nhất. Đây chính là đặc điểm khiến Elliot

cảm thấy khó dung hòa được với dáng vẻ một cậu học sinh nhiệt tình của anh ta. Có lẽ anh ta sẽ là người khách được chào đón ở bất cứ nơi nào, và anh ta biết rõ điều đó.

Ngay lúc ấy Harding nhìn thấy xác của Marcus Chesney đằng xa sau những cánh cửa xếp đang để mở, và dáng vẻ anh ta trở nên tràn đầy âu lo.

“Chúng ta có thể đóng những cánh cửa đó lại không?” anh ta hỏi, nắm lấy vai của Marjorie để sát vào vai mình. “Ý anh là, em không phiền chứ?”

Marjorie gỡ vai cô ra trong sự ngạc nhiên rõ ràng của Harding.

“Cũng khá ổn mà,” cô nói, tuy nhiên vẫn nhìn thẳng Elliot.

Elliot đóng những cánh cửa đó lại.

“Marjorie bảo rằng anh muốn gặp tôi,” Harding tiếp tục nói, nhìn quanh một cách thân thiện nhất có thể. Khuôn mặt anh ta trông khá mờ ảo. “Chỉ cần cho tôi biết những điều cần làm để giúp đỡ mọi người. Tôi chỉ có thể nói đây là một hành động thối tha tồi tệ, và… Ồ, anh biết đấy!”

(Bây giờ chúng ta đang nhìn Harding qua đôi mắt của Elliot, chứ không hẳn là bản chất thực sự của anh ta, và do đó sẽ không công bằng nếu nhấn mạnh ấn tượng xấu mà Elliot có vào câu nói thẳng thắn và những cử chỉ đơn giản mà Harding đã thực hiện. Với những người yêu thích anh ta, như thiếu tá Crow và sĩ quan Bostwick, lời nói của Harding nghe khá chân thành.)

Elliot chỉ vào một chiếc ghế và mời anh ngồi xuống. “Anh là Harding?”

“Đúng vậy,” người kia tán đồng, giờ đây anh ta trở nên thân thiện như một chú cún nhỏ lo lắng làm hài lòng người khác. “Marjorie nói anh muốn tất cả chúng tôi kể lại những chuyện đã xảy ra ở đây khi mà… chà, khi mà người bác đáng thương gặp chuyện.”

“Anh ấy còn muốn hơn thế nữa kìa,” giáo sư Ingram cười nhẹ. “Anh ấy nghi ngờ cậu hoặc Marjorie hoặc tôi…”

“Từ từ đã, thưa ông,” Elliot đột ngột nói. Anh quay sang hai người kia. “Mời ngồi.” Không khí trong căn phòng bỗng có chút không thoải mái. “Đúng, chúng tôi sẽ cần một bản lời khai, nhưng tôi muốn hỏi các bạn vài câu hỏi khác, và những câu trả lời có thể sẽ giá trị hơn bất kì lời khai nào. Mọi người biết rằng ông Chesney đã chuẩn bị một danh sách những câu hỏi cho mọi người về màn trình diễn của ông ấy chứ?”

Chính Marjorie là người trả lời, sau khi im lặng một chút. “Có, dĩ nhiên. Tôi đã nói với anh điều đó mà.”

“Nếu bây giờ các bạn được hỏi những câu hỏi giống như vậy, các bạn có thể trả lời chúng một cách chính xác được không?”

“Có, nhưng xem này,” Harding nói. “Tôi có thể làm tốt hơn như vậy nữa kìa, nếu anh muốn biết chuyện gì đã xảy ra. Tôi có một cuộn phim quay lại vụ việc.”

“Phim màu?”

Harding chớp mắt.

“Phim màu? Chúa ơi, không! Chỉ là loại bình thường thôi. Quay phim màu ở trong nhà, đặc biệt là trong điều kiện ánh sáng đó, sẽ…”

“Vậy thì tôi e rằng nó sẽ không giúp ích được chúng ta trong một số vấn đề,” Elliot nói. “Bây giờ cuộn phim đó đâu?”

“Tôi đã nhét nó vào trong chiếc máy quay đĩa có radio đằng đó khi mọi chuyện bắt đầu trở nên ồn ào.”

Anh ta có vẻ thất vọng với cách mà Elliot tiếp nhận tuyên bố của mình, như thể có một sự sụt giảm tinh thần đang lảng vảng đâu đó. Elliot đi đến chỗ chiếc máy hát và kéo nắp lên. Một hộp máy quay phim bằng da, nắp để mở và có máy quay ở bên trong, đang nằm trên chiếc đĩa có cảm giác hơi ngả màu xanh lá của máy quay đĩa. Phía sau

anh là ba nhân chứng đang lúng túng ngồi trong những chiếc ghế, và đều đang nhìn vào anh. Anh có thể thấy hình ảnh phản chiếu của họ trong tấm kính của bức tranh treo trên bức tường phía trên máy quay đĩa. Anh cũng có thể thấy được (trong tấm kính) cái nhìn bối rối, dò hỏi mà thiếu tá Crow ném về phía sĩ quan Bostwick.

"Tôi có một danh sách ở đây," Elliot giải thích, lấy miếng giấy ra khỏi cuốn sổ ghi chú của mình. "Những câu hỏi trong này tốt hơn bất kì câu hỏi nào mà tôi có thể hỏi mọi người, bởi vì chúng được thiết kế một cách rõ ràng để bảo vệ những điểm mấu chốt của vụ việc."

"Những điểm nào?" Marjorie nhanh chóng hỏi.

"Đó là điều mà chúng tôi đang cố tìm ra. Tôi định lần lượt hỏi mỗi người trong các bạn những câu hỏi giống nhau, và tôi muốn mỗi người trả lời đầy đủ nhất có thể."

Giáo sư Ingram nhướn đôi lông mày gần như vô hình của mình lên. "Thanh tra, anh không sợ rằng chúng tôi có thể dựng nên một câu chuyện sao?"

"Tôi khuyên ông không nên làm vậy, thưa ông. Và tôi không nghĩ ông phải làm vậy, bởi vì bác sĩ Chesney đã kể với tôi rằng các bạn đã mâu thuẫn với nhau ở tất cả mọi chỗ. Nếu các bạn trở lại thời điểm đó một lần nữa, tôi sẽ biết được chuyện đó. Vậy thì, bây giờ mọi người có thật sự nghĩ rằng mình có thể dùng lòng kiêu hãnh và trả lời một cách hoàn toàn chính xác những câu hỏi này không?"

"Có," giáo sư Ingram nói với một nụ cười tò mò.

"Có!" Marjorie nói một cách mạnh mẽ.

"Tôi không chắc," Harding nói. "Tôi quan tâm đến việc quay hình hơn là cẩn thận quan sát chi tiết. Nhưng tất cả cũng như nhau thôi, tôi nghĩ thế, có. Trong công việc chúng tôi cần phải để mắt đến…"

"Công việc của anh là gì, anh Harding?"

"Tôi là một nhà nghiên cứu hóa học," Harding đáp, thẳng thắn như

thể anh ta đang thốt ra một thách thức lớn lao gì đó. “Nhưng đừng bận tâm. Tiếp tục đi.”

Elliot đóng nắp máy quay đĩa lại và trải quyển sổ ghi chú của mình lên trên nó. Như thể một nhạc trưởng đã nhấc chiếc gậy chỉ huy lên, một bánh răng đã bắt đầu quay, một tấm màn đã kéo lên để lộ ra ánh sáng. Trong tâm can và linh hồn mình, Elliot biết rằng danh sách câu hỏi này chứa tất cả những manh mối dẫn đến sự thật mà anh cần. Sự khôn khéo ở đây không chỉ là nắm bắt ý nghĩa của câu trả lời, mà còn là nắm bắt được ý nghĩa thật sự của câu hỏi.

“Câu hỏi đầu tiên,” anh nói, và có một tiếng cót két sắc nét phát ra từ những chiếc ghế chứa các vị thính giả đang gắng sức chuẩn bị tinh thần.

VII. CÁC LỜI KHAI KHÁC BIỆT

"CÂU HỎI ĐẦU TIÊN. *Có cái hộp nào ở trên bàn không? Nếu có, hãy miêu tả nó.* Cô Wills?"

Khóe miệng vốn ôn hòa của Marjorie trở nên nghiêm nghị. Cô vẫn đang giữ đôi mắt gắn chặt vào Elliot, và đôi mắt ấy đang thể hiện sự tức giận.

"Nếu anh nói đây là chuyện quan trọng, vậy tôi sẽ trả lời," cô nói với anh. "Nhưng không phải việc này khá rùng rợn sao? Ngồi đây và hỏi những câu như thể chúng ta đang chơi một trò chơi, với bác ấy…" Cô nhìn về hướng những cánh cửa đóng kín và lại quay đi lần nữa.

"Chuyện này rất quan trọng, cô Wills. *Có cái hộp nào ở trên bàn*

không? Nếu có, hãy miêu tả nó."

"Dĩ nhiên là có một cái hộp ở trên bàn. Nó nằm ở phía bên tay phải của bác Marcus, quay mặt về phía trước. Một hộp sô cô la caramel khối lượng hai pound của hãng Henry. Tôi không thấy nhãn, vì lúc đó tôi đang ngồi, nhưng tôi biết đó là sô cô la caramel của Henry bởi chiếc hộp có in hoa màu xanh lá cây sáng trên vỏ ngoài."

George Harding quay lại và nhìn cô gái.

"Vô lý," anh ta nói.

"Cái gì vô lý?"

"Màu sắc của những bông hoa," Harding nói. "Anh không biết nhiều về sô cô la, và anh đồng ý đó là một cái hộp khối lượng hai pound, và nó có hoa văn ngoài vỏ. Nhưng những bông hoa không phải màu xanh lá cây sáng. Chúng có màu xanh dương đậm. Chắc chắn là màu xanh dương."

Biểu cảm của Marjorie không hề thay đổi gì cả. Cô quay đầu với vẻ kiêu hãnh và duyên dáng cổ điển. "Anh yêu, dù anh có không làm phiền và khiến em muốn la ó thì tối nay cũng đã đủ tệ hại lắm rồi. Làm ơn đừng như vậy nữa. Những bông hoa đó màu xanh lá cây. Đàn ông luôn nhầm lẫn màu xanh lá với xanh dương. Đừng, đừng, đừng đùa quá trớn, không phải tối nay."

"Ồ, được rồi, nếu em đã nói vậy," Harding nói với vẻ hối lỗi pha chút hờn dỗi. "Không, nếu như thế thì quá lắm!" anh ta nói thêm một cách tràn trề hi vọng. "Chúng ta có trách nhiệm phải nói thật. Những bông hoa đó có màu xanh dương, màu xanh dương đậm, và…"

"Anh yêu…"

"Khoan đã," Elliot thình lình xen vào. "Giáo sư Ingram nên giải quyết vấn đề này. Thế nào, thưa ông? Màu nào mới đúng?"

"Cả hai bọn họ đều đúng," Ingram trả lời, bắt chéo đôi chân mập mạp của mình một cách nhàn nhã. "Và vì vậy, cùng lúc đó, cả hai bọn

họ đều sai.”

“Nhưng cả hai chúng cháu không thể nào *cùng* sai được!” Harding phản đối.

“Tôi nghĩ hai đứa hoàn toàn có thể,” giáo sư Ingram nói một cách lịch sự. Ông quay sang Elliot. “Thanh tra, tôi đang kể với anh về sự thật theo nghĩa đen. Bây giờ tôi có thể giải thích, nhưng tôi muốn chờ một chút nữa. Một trong số những câu hỏi tiếp theo sẽ giải thích cho việc này.”

Elliot ngẩng đầu lên.

uLàm sao ông biết những câu hỏi tiếp theo là gì, thưa ông?” anh hỏi.

Có một sự im lặng dường như vừa chui ra và lan tỏa rộng khắp, như thể mọi ngóc ngách của căn phòng này đều bị nó lấp đầy. Qua những cánh cửa đóng kín, bạn hầu như tưởng tượng ra mình đang nghe được tiếng đồng hồ tích tắc trong phòng làm việc.

“Dĩ nhiên là tôi không biết,” giáo sư Ingram ôn tồn đáp lời. “Tôi chỉ đang đơn thuần chờ mong một câu hỏi chắc chắn sẽ xuất hiện trong danh sách này thôi.”

“Ông đã bao giờ nhìn thấy danh sách này trước đây chưa, thưa ông?”

“Chưa. Thanh tra, vì Chúa, lúc này làm ơn đừng cố làm tôi rối lên với những chuyện lặt vặt như vậy. Tôi là một con ngựa chiến, một kẻ lừa đảo giàu kinh nghiệm, một ông bầu đứng sau màn bạc. Những thủ thuật đó đều là những trò cũ rích với tôi, tôi từng tự mình làm thử chúng hàng ngàn lần trong các lớp học. Tôi biết chính xác cách chúng hoạt động. Nhưng, chỉ vì tôi không thể bị chúng qua mặt, đừng rơi vào cái bẫy mà tôi đang cố đánh lừa anh. Nếu tiếp tục những câu hỏi trong danh sách đó, anh sẽ thấy chính xác ý nghĩa của điều tôi đang nói.”

“Cái hộp có màu xanh lá,” Marjorie nói với đôi mắt khép hờ nhìn cố

định trên một góc trần nhà. “Màu xanh lá, xanh lá, chắc chắn là xanh lá. Làm ơn tiếp tục đi.”

Elliot cầm cây bút chì của mình lên.

“Vậy tiếp theo là câu hỏi thứ hai. *Tôi đã cầm từ bàn lên những đồ vật nào? Theo thứ tự ra sao?* Ông Chesney,” anh diễn giải lại câu hỏi, “từ khi bắt đầu ngồi xuống, đã cầm những đồ vật nào từ bàn lên, và cầm lên theo thứ tự thế nào? Cô Wills?”

Marjorie lập tức trả lời.

“Tôi đã kể với anh về điều đó rồi mà. Sau khi ngồi xuống bác ấy cầm lên một cây bút chì, và giả vờ như viết gì đó lên miếng thấm mực, rồi đặt cây bút chì xuống. Sau đó bác ấy cầm bút mực lên, và cũng giả vờ như dùng nó để viết. Bác ấy đặt nó xuống ngay trước khi thứ trong chiếc mũ chóp cao bước vào.”

“Anh thì sao, anh Harding?”

“Vâng, đúng vậy,” Harding thừa nhận. “Ít nhất, phần đầu tiên thì đúng là vậy. Ông ấy đã cầm một cây bút chì lên – một loại bút chì màu hơi xanh hoặc đen – và đặt nó xuống. Nhưng đồ vật thứ hai ông ấy cầm không phải một cây bút mực. Đó là một cây bút chì khác, cùng màu nhưng khác chiều dài.”

Marjorie lại quay đầu lại lần nữa. “George,” cô nói mà giọng vẫn không có sự biến đổi nào, “anh cố ý làm điều này để hành hạ em đấy à? Làm ơn đi, em thực sự muốn biết. Anh cứ phải phản đối mọi điều em nói mới được hả?” Sau đó cô thét lên: “Em biết đó là một cây bút chì. Em đã thấy ngòi bút, và đầu của cây bút mực, nó màu đen hay xanh gì đó. Một cây bút nhỏ. Làm ơn đừng tiếp tục cố gắng…”

“Ồ, nếu em nghĩ vậy,” Harding nói với vẻ bị tổn thương lòng kiêu ngạo. Anh ta quay đôi mắt chỉ có một biểu cảm duy nhất về phía cô. Và với sự bực mình cùng cực trào lên trong người Elliot, biểu cảm của cô gái thay đổi và trở nên lo lắng. Trong tâm trí của Elliot đang có một

bức tranh về một cặp tình nhân, trong đó vẻ quyến rũ nam tính của Harding đang lan truyền sự độc tài của nó đến một người phụ nữ thông minh nhưng tha thiết, và nó đang chơi một trò chơi đầy mưu ma chước quỷ.

“Tôi xin lỗi,” Marjorie nhìn anh. “Cũng không có gì khác cả, đó vẫn là một cây bút.”

“Một cây bút chì.”

“Ông nói sao, giáo sư Ingram. Bút mực hay bút chì?”

“Trên thực tế,” người giáo sư đáp, “nó không phải là cả hai thứ ấy.”

“Thật sao trời!” thiếu tá Crow thì thầm một cách mệt mỏi.

Giáo sư Ingram giơ tay lên.

“Anh không thấy sao?” ông hỏi. “Anh không hiểu rằng tất cả những thứ này đều là bẫy rập và mẹo lừa cả sao? Vậy các anh còn mong đợi điều gì nữa chứ?” Giọng ông nghe có vẻ hơi khó chịu. “Đơn giản là Marcus đã thiết lập một trong những cái bẫy thông thường cho mọi người, và họ đã bị sụp hố. Đầu tiên, như hai người kia đã nói khá chính xác, ông ấy cầm lên một cây bút chì thường và giả vờ như đang dùng nó viết gì đó. Việc này đã điều chỉnh suy nghĩ của mọi người. Sau đó ông ấy nhấc một vật không phải là bút mực hay bút chì lên (mặc dù nó có kích thước và hình dạng hoàn toàn không hề giống bút chì), và giả vờ viết nó. Mọi người ngay lập tức bị ảo giác tâm lí rằng mình đang nhìn thấy một cây bút mực hay một cây bút chì. Dĩ nhiên thứ ông ấy cầm lên hoàn toàn không phải cả hai thứ đó.”

“Vậy nó là gì?” Elliot hỏi.

“Tôi không biết.”

“Nhưng…”

Đôi mắt chân thành của Ingram lóe lên. “Bình tĩnh nào, thanh tra. Để tôi nói hết đã!” ông đề nghị bằng chất giọng hơi thiếu chuyên

nghiệp. “Tôi đã đảm bảo sẽ nói cho anh biết cái bẫy nằm ở đâu. Tôi cũng đã đảm bảo sẽ chỉ ra những chỗ khiếm khuyết của màn trình diễn. Nhưng tôi không hề cam kết sẽ nói với anh về *đồ vật* ông ấy cầm lên. Và tôi thừa nhận chính tôi cũng chẳng biết đó là gì nữa.”

“Nhưng ông không thể mô tả nó sao?”

“Trong một chừng mực nào đó thì, có.” Giáo sư dường như đang rất bực mình. “Một thứ gì đó giống cây bút mực, nhưng mỏng và nhỏ hơn, màu xanh dương thẫm, tôi nghĩ vậy. Tôi có nhớ Marcus đã gặp vài khó khăn trong quá trình nhấc nó lên.”

“Phải, thưa ông, nhưng nhìn nó tương tự như loại vật thể nào?”

“Tôi không biết. Đó là việc đang quấy rầy tôi đây. Nó… Khoan đã!” Nói tới đây hai tay của Ingram nắm chặt quanh tay vịn của chiếc ghế đang ngồi, và ông cố gắng giữ tự chủ như thể ông sẽ nhảy khỏi ghế nếu không làm vậy. Sau đó sự nhẹ nhõm hoặc vài cảm xúc khác quét qua khuôn mặt ông. Ông buông lỏng cơ thể cùng tiếng *whoosh* và nắm chặt lấy ý tưởng đó. “Tôi biết rồi,” ông nói thêm. “Giờ tôi biết nó là gì rồi.”

“Vâng, thưa ông?”

“Nó là một cái cái phi tiêu của ống thổi.”

“Cái gì cơ?”

“Tôi nghĩ vậy,” giáo sư nói với bọn họ, như thể đã vượt qua được một rào cản cực lớn. “Chúng tôi có một số phi tiêu ống thổi ở Bảo tàng Lịch sử Tự nhiên ở trường đại học. Chúng dài dưới ba inch, làm bằng vụn gỗ mỏng, màu đen, có đầu nhọn nhô ra. Của người Nam Mỹ hoặc người Mã Lai hoặc người Borneo hay vùng nào đó giống giống vậy. Khái niệm địa lí của tôi lúc nào cũng loạn hết cả lên.”

Elliot nhìn Marjorie. “Bác của cô có cái ống thổi phi tiêu nào trong nhà không, cô Wills?”

“Không, chắc chắn là không. Ít nhất, tôi chưa từng nghe về nó.

Thiếu tá Crow hứng thú xen vào. “Ý anh là,” ông nói với giáo sư Ingram, “một chiếc phi tiêu có tẩm độc?”

“Không, không, không, không nhất định. Tôi nghi ngờ rằng, ở đây, chúng ta đã có một ví dụ tuyệt vời về cách trí tưởng tượng ảnh hưởng tới suy nghĩ cá nhân của con người, ảnh hưởng đó sâu đến mức không ai trong chúng ta có thể nhớ được những thứ mình đã thấy. Trong thoáng chốc có người nhớ ra rằng anh ấy từng thấy phi tiêu tẩm độc, và rồi chúng ta sẽ bị ý tưởng đó dẫn đến nơi nào khác. Hãy kiểm soát bản thân!” Ingram nói. Ông lấy hơi, và làm một cử chỉ dang rộng tay ra. “Tất cả những gì tôi nói là tôi đã thấy thứ gì đó trông như một cái phi tiêu ống thổi. Đã rõ ràng chưa? Vậy tiếp tục với mấy câu hỏi đi.”

George Harding gật đầu.

“Đúng vậy,” anh ta tán thành. Và Elliot ngạc nhiên thấy trên khuôn mặt anh ta xuất hiện ánh nhìn tò mò khi Harding liếc về phía giáo sư. Nó biến mất trong nháy mắt, nhanh đến nỗi Elliot cũng không kịp nắm bắt được gì. “Chúng tôi dường như không thể đồng ý với nhau hơn được nữa. Hãy tiếp tục với những câu hỏi đi.”

Elliot ngần ngừ. Anh vừa nảy ra một ý kiến mới, và anh muốn đào sâu vào đó. Nhưng chuyện đó không cần phải vội.

“Câu hỏi tiếp theo,” anh nhìn bản danh sách, “có lẽ đề cập đến sự xuất hiện của nhân vật mặc đồ ngụy trang đi vào qua chiếc cửa sổ kiểu Pháp. Dù vậy, cứ hiểu theo cách mọi người muốn. *Lúc đó là mấy giờ*?”

“Nửa đêm,” Marjorie nói ngay.

“Khoảng nửa đêm,” George Harding cũng thừa nhận.

“Nói một cách chính xác tuyệt đối,” giáo sư Ingram nói, đặt hai lòng bàn tay lại cùng nhau, “thì lúc đó chỉ còn một phút nữa là đến nửa đêm.”

Nói đến đây ông dừng lại như thể đang dò hỏi, và Elliot đưa ra thắc

mắc mà ông dường như đang trông đợi.

"Vâng, thưa ông. Nhưng tôi có một câu hỏi riêng. Ông thực sự biết rằng lúc đó là mười hai giờ kém một phút nhờ nhìn đồng hồ đeo tay, hay ông biết lúc đó là mười hai giờ kém một phút nhờ chiếc đồng hồ trên bệ lò sưởi trong văn phòng? Tôi biết bây giờ chiếc đồng hồ đó chạy chính xác, nhưng ngay lúc ấy nó có chạy đúng không?"

Giáo sư Ingram nói một cách khô khan.

"Tôi cũng đã tự đặt ra câu hỏi đó," ông nói. "Tôi đã băn khoăn không biết liệu Marcus có thể nào can thiệp vào chiếc đồng hồ và thay đổi thời gian để tạo thử thách cho chúng tôi không, bởi vì như thế thì sau này chúng tôi sẽ thề rằng thời gian trên chiếc đồng hồ lúc đó là thật. Nhưng tôi nghĩ không có sự gian lận nào ở đây cả." Một lần nữa, trông ông ấy có vẻ bực mình. "Theo quy tắc thì một loại mẹo lừa như thế sẽ không được tiến hành. Đây là một bài kiểm tra sự quan sát. Marcus yêu cầu tắt đèn, và hậu quả là chúng tôi không thể thấy giờ trên đồng hồ đeo tay của mình được. Do đó, nếu ông ấy cho chúng tôi một chiếc đồng hồ để định giờ, thì cách duy nhất chúng tôi có thể xác định thời gian là chiếc đồng hồ trên bệ lò sưởi đó. Tôi coi đó như là một loại thỏa thuận ngầm. Tôi có thể nói với anh những thời điểm mà mọi chuyện xảy ra nhờ chiếc đồng hồ đó. Nhưng tôi không thể nói liệu chiếc đồng hồ có chạy đúng ngay từ thời điểm bắt đầu hay không."

Marjorie nói:

"Chà, thực ra *tôi* có thể xác định được chuyện giờ giấc. Dĩ nhiên là chiếc đồng hồ đó chạy đúng."

Cô nói với vẻ quyết liệt, bất ngờ và có vẻ bối rối. Như thể cô không nghĩ mọi việc sẽ phát triển theo hướng này, hoặc như thể sự tuyệt vọng trong việc khiến mọi người thấy được nguyên nhân đã đẩy cô ấy tới giới hạn mệt mỏi cuối cùng.

"Tôi có những lí do hợp lí nhất để biết rõ điều ấy," cô cho họ biết. "Ồ, nó không phải một câu hỏi về khả năng quan sát, cụ thể là khả

năng quan sát của tôi! Tôi có thể chứng minh điều đó một cách dễ dàng. Dĩ nhiên chiếc đồng hồ chạy đúng. Nhưng dù sao, điều đó tạo nên sự khác biệt gì được chứ?"

"Nó tạo nên sự khác biệt rất lớn," thiếu tá Crow nói, "với bằng chứng ngoại phạm của những người không có mặt tại hiện trường."

"Joe Chesney," giáo sư Ingram lầm bầm, và huýt sáo. "Mong anh thứ lỗi," ông nói thêm.

Nếu như lần trước ông đã có thể ảnh hưởng đến mọi người với nụ cười mỉm nhẹ nhàng, thì bây giờ (rõ ràng bằng sự lỡ miệng của mình) ông cũng đã ảnh hưởng đến mọi người với một thứ nhẹ nhàng khác. Elliot tự hỏi không biết từ "gợi ý" được định nghĩa trong từ điển thế nào. Dù nó có là gì chăng nữa, Ingram rõ ràng đã khuấy động một mặt nước yên tĩnh.

"Bác Joe sao?" Marjorie thét lên. "Bác ấy thì làm sao chứ?"

"Anh cứ tiếp tục với mấy câu hỏi đi," giáo sư đề nghị, và cười trấn an với cô gái.

Elliot, sau khi ghi chú nhanh, đã quyết định tăng nhịp độ.

"Chúng ta có thể tranh luận về mấy thứ đó sau, nếu mọi người không phiền. Chỉ cần cho tôi câu trả lời ngắn gọn nhất có thể. Tiếp theo: *Chiều cao của người vào phòng bằng chiếc cửa sổ kiểu Pháp là bao nhiêu?"*

"Sáu feet," Maijorie lập tức trả lời. "Dù sao, hắn ta có cùng chiều cao với Wilbur, và tất cả chúng ta đều biết rõ chiều cao của Wilbur. Hắn có cùng chiều cao với Wilbur và bác J..." Cô dừng lại.

"Sáu feet có vẻ đúng," Harding quyết định sau khi suy nghĩ. "Nếu có bất cứ điều gì tôi muốn nói thì đó là nó cao hơn mức đó một chút, nhưng có lẽ đó chỉ là hiệu ứng từ chiếc mũ trông có vẻ hoang dã đó."

Giáo sư Ingram đằng hắng.

“Không có thứ gì, theo tôi biết, gây bực bội hơn là cứ liên tục mâu thuẫn trong những chi tiết thế này.”

Và dưới vẻ ngoài khá điềm tĩnh của ông rõ ràng là cơn giận đang sẵn sàng sôi trào. Cơn thủy triều của những ý tưởng mới đang được khuấy động. Đôi mắt của Marjorie đang tóe lửa.

“Ôi chao, tôi không thể chịu đựng được điều này! Chắc bác không định nói hắn ta mập và lùn đấy chứ?”

“Không, cháu thân mến. Giờ thì thoải mái nào.” Giáo sư Ingram nhìn Elliot. “Thanh tra, đây là câu trả lời. Người vào phòng bằng chiếc cửa sổ đó khoảng năm feet chín inch, về chiều cao, như anh Harding hay bản thân tôi, đã nói. Không thì (hãy chú ý điểm này) hắn ta là một người đàn ông cao sáu feet bước đi với đầu gối khuỵu xuống sau chiếc áo khoác dài đó để giả như là một người có chiều cao thấp hơn. Trong bất kì trường hợp nào, thì chiều cao của hắn ta cũng nằm trong khoảng năm feet chín.”

Xung quanh lặng ngắt như tờ.

Thiếu tá Crow, người đang đeo chiếc kính gọng vành – thứ mà bằng cách nào đó đã phá hủy vẻ ngoài đầy nghiêm túc của ông – đưa tay lên quệt ngang trán. Ông đang ghi chú lại ở mặt sau của một cái phong bì.

“Nghe này,” ông bắt đầu.

“Vâng?”

“Giờ tôi hỏi ông điều này,” cảnh sát trưởng nói với vẻ tức giận có chừng mực, “tôi hỏi ông, với tư cách hai người đàn ông, đó là câu trả lời kiểu gì vậy? Hoặc là anh ta cao năm feet chín inch, hoặc có thể là anh ta cao sáu feet. Nghe này, Ingram. Nó khiến tôi nghĩ rằng anh đang gieo rắc những ý tưởng trong đầu mọi người. Bất cứ chỗ nào có khả năng gây mâu thuẫn với ai đó, anh liền phủ nhận họ. Anh muốn nghe tranh cãi đến vậy à?”

“Tôi rất sẵn lòng.”

“Chà, tất cả đều đồng ý rằng có một hộp sô cô la khối lượng hai pound nằm trên bàn, và rằng vật thể đầu tiên mà Chesney nhấc lên là một cây bút chì. Nhưng hãy nhìn vào phần còn lại. Tôi đã ghi lại những thắc mắc của riêng mình rồi.”

Ông ném chiếc phong bì qua cho giáo sư Ingram, người kiểm tra nó và sau đó lướt quanh những dòng ghi đáng chú ý sau:

Màu của hộp sô cô la là gì?	Wills	Xanh lá
Harding	Xanh dương	
Ingram	Cả hai	
Vật thứ hai mà Chesney nhấc lên là gì?	Wills	Một cây bút
Harding	Một cây bút chì	
Ingram	Một cái phi tiêu ống thổi	
Lúc đó là mấy giờ?	Wills	Nửa đêm
Harding	Khoảng nửa đêm	
Ingram	Mười hai giờ kém một phút	
Gã đội mũ cao bao nhiêu?	Wills	Sáu feet
Harding	Sáu feet	
Ingram	Năm feet chín	

“Sự đồng thuận duy nhất ở đây.” Thiếu tá Crow tiếp tục, “là về thời gian. Và đó có lẽ lại là điểm bất hợp lí nhất của màn trình diễn này.”

Giáo sư Ingram đứng lên.

“Tôi không nghĩ tôi hiểu anh, thiếu tá,” ông nói. “Anh hỏi tôi, như một nhân chứng có chuyên môn, kể lại cho anh những điều thực sự đã xảy ra. Anh mong đợi những khác biệt. Anh muốn tìm ra những điều không nhất quán. Và rồi vì vài nguyên nhân nào đó anh dường như bực mình với tôi khi tôi chỉ chúng ra cho anh.”

“Tôi biết, và tất cả những điều đó đều rất tốt.” Thiếu tá Crow đáp lại, chỉ chiếc phong bì vào ông ấy. “Nhưng còn chuyện hộp sô cô la thì sao? Một chiếc hộp có thể màu xanh lá hoặc màu xanh dương, nhưng chết tiệt là nó không thể nào là cả hai màu đó được, và đó chính xác là những điều anh đã nói. Giờ thì có thể anh sẽ hứng thú nếu biết rằng”, nói tới đây, mặc dù Elliot và Bostwick điên cuồng ra dấu hiệu, ông đã ném sự thận trọng của cảnh sát ra sau đầu, “có thể anh sẽ hứng thú

khi biết rằng chiếc hộp trong căn phòng đó có *màu xanh dương.* Màu xanh dương với họa tiết hoa trên đó. Và vật thể duy nhất nằm trên chiếc bàn đó là một cây bút chì hơi bẹt. Không có bất kì dấu hiệu nào của vật thể thứ hai: dù là một cây bút, hay một cây bút chì khác, hoặc một chiếc phi tiêu ống thổi. Một hộp sô cô la màu xanh dương, một cây bút chì, không có gì khác. Tôi có thể hỏi anh sẽ nói gì về việc này không?"

Giáo sư Ingram lại ngồi xuống lần nữa, một nụ cười châm biếm nở trên môi ông.

"Có," ông nói, "nếu có cơ hội, tôi sẽ giải thích ngay."

"Được rồi, được rồi." Thiếu tá Crow lớn tiếng càu nhàu, nâng bàn tay của mình lên như thể đang bắt đầu một điệu chào. "Cứ làm theo cách của anh, và giải thích khi mà anh muốn; tôi sẽ rút lui. Tiếp tục đi, thanh tra. Xin lỗi vì đã xen vào. Đây là buổi diễn của anh."

Và trong suốt vài phút tiếp theo, Elliot bắt đầu cảm thấy rằng những bất đồng của họ đã kết thúc. Hai câu hỏi tiếp theo và một nửa số còn lại được trả lời bằng sự đồng thuận gần như tuyệt đối. Những câu hỏi này, những câu liên quan đến gã yêu tinh đến từ chiếc cửa sổ kiểu Pháp, bao gồm: *Miêu tả trang phục của người này? Anh ta mang theo thứ gì trong tay phải? Miêu tả vật thể này. Miêu tả hành động của anh ta.*

Những câu hỏi đó làm nổi bật lên bức tranh về một sinh vật lố bịch ngớ ngẩn, người có vẻ như đã để lại ấn tượng mạnh mẽ cho tất cả bọn họ. Từ chiếc mũ chóp cao đến cái khăn choàng cổ len màu nâu, kính mát, áo mưa, và chiếc quần tây đen với giày đi tiệc, tất cả mọi người đều không bỏ lỡ bất kì chi tiết nào trong số đó. Mỗi người đều mô tả chính xác chiếc túi đen, được sơn những chữ *R. H. Nemo, M.D.* màu trắng bên trên, và được mang trong tay phải của người khách. Chi tiết mới mẻ duy nhất là người khách này có đeo một đôi găng tay bằng cao su.

Sự đồng thuận này đã khiến Elliot bối rối và hoang mang, cho tới khi anh nhớ ra rằng tất cả những nhân chứng không chỉ một lần có cơ hội quan sát bộ trang phục này. Phần lớn đồ đạc của hắn ta, bao gồm cả bộ tóc giả màu đen, đã bị vứt xuống ngoài cửa sổ phòng làm việc. Những nhân chứng đã không chỉ nhìn thấy chúng trong suốt màn trình diễn. Họ còn nhìn thấy chúng sau đó, khi họ ra ngoài để tìm Wilbur Emmet.

Tuy nhiên, ngay cả như thế, họ cũng không hề bỏ lỡ hành động nào của người khách trên sân khấu. Hình dáng của gã đeo kính đen này, bao gồm cái cúi chào và gật đầu dưới bóng lớn của ánh sáng trắng, dường như đã đổ đầy tâm trí họ như một cơn ác mộng. Họ tả lại sự xuất hiện của hắn. Họ miêu tả cái cách mà, khi nghe lời chế nhạo khinh suất của George Harding từ vị trí người xem, gã đã quay lại và nhìn vào họ. Sau đó họ kể lại cách gã đi đến phía bên phải cái bàn, rút hộp thuốc ra khỏi túi áo, lấy viên nhộng, và…

Nhưng trong tất cả các chi tiết đó, đâu mới là đầu mối?

Đó là điều mà Elliot muốn biết. Anh đã gần kết thúc danh sách câu hỏi, và đến tận đây anh vẫn chưa thấy điều gì có thể dẫn đường cho mình cả. Có xuất hiện mâu thuẫn trong lời khai của các nhân chứng, đúng vậy. Nhưng những điều đó sẽ giúp ích bằng cách nào?

"Chúng ta sẽ tiếp tục," anh nói với họ. "Vậy chúng ta sẽ kết thúc với câu hỏi này. *Anh ta có di dời bất kì vật nào đang nằm trên bàn không?"*

Ba giọng nói vang lên gần như cùng một lúc.

"Không," Marjorie nói.

"Không," George Harding nói.

"Có," giáo sư Ingram nói.

Trong sự ồn ào theo ngay sau đó, Harding nói chắc nịch. "Thưa ngài, tôi thề là không. Hắn ta chưa bao giờ chạm vào cái bàn đó. Hắn ta…"

"Dĩ nhiên là hắn không rồi," Marjorie nói. "Bên cạnh đó, hắn ta có thể dời vật gì đi được chứ? Thứ duy nhất có vẻ di chuyển được là một cây bút – hay bút chì, hay phi tiêu ống thổi, bất cứ thứ gì mà anh dùng để gọi nó – và tôi biết hắn đã không lấy thứ đó. Bác Marcus đặt nó xuống miếng thấm mực trước mặt mình. Và thứ đội mũ chóp cao đó chưa bao giờ lại gần miếng thấm mực ở trước mặt bác Marcus. Vậy hắn ta có thể di dời vật gì được chứ?"

Giáo sư Ingram ra hiệu cho mọi người yên lặng. Giờ đây trông ông có vẻ hơi dữ tợn.

"Đó," ông nói, "là điều mà tôi đã kiên nhẫn cố gắng nói với mọi người. Cụ thể hơn: Hắn ta lấy đi một chiếc hộp sô cô la caramel Henry hoa màu xanh lá cây, và thay thế bằng một hộp sô cô la bọc kem bạc hà có vỏ in hoa màu xanh dương, đó là chiếc hộp đang nằm ở trên bàn bây giờ. Các bạn muốn sự thật theo thực tế. Vậy nó đây. Đừng hỏi tôi hắn ta làm điều đó bằng cách nào! Khi đặt chiếc túi đen lên bàn, hắn ta đặt nó xuống ngay trước chiếc hộp màu xanh lá cây. Khi lấy chiếc túi đi, và bước ra khỏi phòng, chiếc hộp trên bàn là màu xanh dương. Tôi nhắc lại: Đừng hỏi tôi hắn ta đổi hộp bằng cách nào. Tôi không phải ảo thuật gia. Nhưng tôi nghĩ câu trả lời cho vài vụ đầu độc tệ hại nằm trong hành động nhỏ nhặt đó. Tôi đề nghị các anh sử dụng trí thông minh của mình vào đây. Tôi cũng tin rằng việc này đã gỡ bỏ một vài sự nghi ngờ của thiếu tá Crow về sự minh mẫn hay lòng tin đối với tôi. Và trước khi có bất cứ vụ mất bình tĩnh nào xảy ra tối nay nữa, có ai có thể làm ơn cho tôi một điếu thuốc không?"

VIII. CHIẾC HỘP CỦA NHỮNG TRÒ CHƠI KHĂM

ELLIOT CHẲNG BIẾT giáo sư Ingram có hút được điếu thuốc nào không. Bởi vì lời giải đáp cho trò tráo đổi này đã đột nhiên đến với anh mà không hề báo trước.

"Xin lỗi. Xin tạm ngừng một chút," anh nói. Và, vòng qua chiếc piano, anh bước ra ngoài qua một trong những chiếc cửa sổ kiểu Pháp.

Khi đang suy nghĩ, anh đóng những tấm rèm nhung dày sau lưng mình lại. Ở đây, trên lối đi hẹp bằng cỏ nằm giữa căn nhà với một dải những cây hạt dẻ vàng, không khí lạnh hơn rất nhiều. Trời cũng tối tăm hơn, hiện giờ ánh điện đã mờ đi và chỉ có một bóng đèn tròn loại thường đang sáng trong phòng làm việc của Marcus. Anh cảm thấy

ảnh hưởng của khoảng thời gian chết giữa đêm khi nhận ra dường như cơ bắp và xương trong cơ thể mình đang kêu răng rắc mệt mỏi. Anh cũng nghĩ mình nghe thấy tiếng chuông ngân vang đâu đó. Nhưng anh không chú ý tiếng chuông đó, sự chú ý của anh được tập trung vào đống đồ đạc của bác sĩ Nemo đang la liệt cạnh những cái cửa sổ nằm ngoài phòng làm việc.

Chiếc giỏ đeo vai màu đen đó.

Giờ thì anh đã biết tại sao sự xuất hiện của chiếc giỏ đó lại khiến anh mơ hồ cảm thấy quen thuộc rồi. Nó có kích thước lớn hơn túi thuốc của bác sĩ, mặc dù có hình dạng tương tự và không to bằng chiếc vali bình thường. Một chiếc giỏ tương tự như vậy là một trong những hiện vật được trưng bày trong Bảo tàng Đen của Scotland Yard.

Anh quỳ xuống bên cạnh chiếc giỏ đang nằm gần chiếc mũ và cái áo mưa. Nó làm bằng da bóng, và trông vẫn còn mới. Tên của bác sĩ Nemo được sơn ở một bên, trông khá thô sơ với lối in hoa. Elliot sử dụng khăn tay để mở chiếc giỏ ra. Bên trong có một chiếc hộp sô cô la caramel Henry khối lượng hai pound, bìa hộp có thiết kế in hình những bông hoa xanh lá sáng màu.

“Chính là nó,” anh nói lớn.

Chiếc giỏ này là người bạn của những tên trộm trong cửa hàng bán kẹo. Anh nhấc cái giỏ lên và nhìn vào bên trong. Chiếc giỏ này ban đầu được dùng cho những màn ảo thuật giải trí, sau đó những tên trộm đã sử dụng nó để tấn công những cửa hàng bách hóa, những tiệm trang sức, hay bất cứ cửa hiệu nào có chứa hàng hóa giá trị được trưng bày công khai.

Bạn chỉ cần bước vào một cửa hàng, mang theo chiếc giỏ trông có vẻ vô hại này. Bạn ngẫu nhiên đặt nó xuống quầy, trong khi bạn nhìn vào một món hàng nào đó khác. Nhưng bạn đặt chiếc giỏ xuống ngay trên thứ bạn muốn lấy cắp. Đáy của chiếc giỏ được trang bị một loại dụng cụ “quặp lò xo” của những ảo thuật gia, dụng cụ này sẽ chộp

vào túi những thứ nằm bên dưới nó. Sau đó, bạn chỉ cần không tỏ ra đáng ngờ, nhấc chiếc giỏ lên và rời cửa hiệu đó là được.

Như vậy hành động thiên tài của bác sĩ Nemo sẽ trở nên vô cùng rõ ràng. Hắn ta đã bước vào phòng làm việc, đặt chiếc giỏ lên bàn, và trong khi làm thế, hắn xoay lưng về phía khán giả. Hắn đặt cái giỏ đeo vai có quặp lò xo xuống, không phải ở trước chiếc hộp màu xanh lá cây, mà là phía bên trên nó. Chiếc túi sẽ có thể mang được những đồ vật nặng hơn một hộp sô cô la tương đối nhỏ và nhẹ. Sâu trong túi áo mưa hắn ta có một chiếc hộp sô cô la bạc hà màu xanh dương. Trong lúc cúi xuống để đặt chiếc giỏ lên bàn, hoặc trong khi cúi người nhấc nó lên lại, hắn đã luồn chiếc hộp này ra phía sau cái giỏ và tận dụng tấm lưng quay lại với khán giả để che giấu hành động đó. Trước những khán giả đang kinh ngạc và kích động, việc ấy không đòi hỏi kĩ năng gì nhiều. Và tất cả những hành động này được thực hiện với sự giúp đỡ của Marcus Chesney, theo hướng dẫn của Marcus Chesney, như một phần kế hoạch của Marcus Chesney nhằm lừa các nhân chứng bất cứ khi nào họ chú ý đến…

Nhưng phát hiện trên giúp giải quyết vụ án này, hoặc vụ án tại cửa hàng đồ ngọt như thế nào? Có phải như vậy nghĩa là chiếc hộp sô cô la tại cửa hiệu của bà Terry đã được thay thế hoàn toàn bằng một cái hộp khác không?

“Này!” có một giọng thì thầm đột ngột vang lên.

Elliot nhảy dựng một chút. Đó là một giọng nói thầm, khàn khàn hơi gay gắt, và nó vọng xuống từ ngay phía trên đầu anh. Elliot ngẩng lên, và nhìn thấy khuôn mặt của bác sĩ Joseph Chesney đang nhìn xuống từ một cửa sổ tầng trên. Bác sĩ Joe đang nghiêng người rất xa khỏi khung cửa sổ, đến nỗi Elliot băn khoăn không biết liệu khối thịt nặng nề đó có thể sụp xuống như túi đồ giặt ủi hay không.

“Dưới đó mọi người điếc hết à?” bác sĩ Joe thì thầm. “Mấy người không nghe thấy tiếng chuông cửa reo hay sao? Sao chẳng có ai trả lời

hết vậy? Nó reo được năm phút rồi. Của đáng tội, tôi không thể một mình lo liệu hết tất cả mọi thứ được. Tôi có một bệnh nhân ở đây đấy…”

Elliot tỉnh táo lại. Đó dĩ nhiên là những người đến từ sở cảnh sát: bác sĩ khám nghiệm tử thi, người chụp hình và người lấy dấu vân tay. Họ đã được triệu tập đến từ cách đây mười hai dặm.

“Và này!” bác sĩ Joe gầm lên.

“Vâng?”

“Để Marjorie lên đây được không? Anh ta đang gọi con bé.”

Elliot nhanh chóng nhìn lên. “Anh ấy có ý thức rồi à? Tôi có thể gặp anh ấy không?”

Một nắm tay rậm lông giận dữ thò ra ngoài tay áo lủng lẳng, lắc về phía anh từ cửa sổ. Từ ánh sáng hắt lên ở phía dưới, bộ râu hoe đỏ của bác sĩ Joe có phần nào đó trông gần giống như Mephistophelean.

“Không, chàng trai, cậu ta không có ý thức. Không phải kiểu ý thức mà anh muốn. Và anh không thể gặp cậu ta tối nay được, ngày mai cũng không, hoặc vài tuần hay vài tháng nữa vẫn chưa được. Hiểu chứ? Và nói Marjorie lên đây ngay. Mấy cô giúp việc không tốt tí nào. Một trong số họ làm vỡ đồ, và người còn lại đang trốn sau giường. Ôi, lạy Chúa!”

Sau đó cái đầu lùi lại vào trong.

Elliot thu thập đồ đạc của bác sĩ Nemo một cách rất chậm rãi. Tiếng chuông đã không còn vọng lại từ đằng xa nữa. Một cơn gió lạnh đang bắt đầu thổi xoáy trong đêm khuya tĩnh lặng. Nó di chuyển những chiếc lá cũ rụng đầy mặt đất. Nó mang theo mùi đất nồng và mục nát của mùa thu. Và sau đó, do sự nhấn nhá của cơn gió hoặc do một cánh cửa đã được mở ra, nó lại mang đến một mùi khác ngọt ngào hơn. Mùi ấy ngửi giống như mùi hương mờ nhạt dường như đã thấm đẫm vào căn nhà theo thời gian. Sau đó Elliot đột nhiên nhớ ra, ở nơi nào đó

gần đây, có một nhà kính rộng nửa mẫu Anh đang nằm im lìm trong bóng tối. Đó là mùi hương của cây đào, cây hạnh nhân, những loại cây có quả chín từ tháng Bảy đến tháng Mười, cho ra loại quả mà mùi của nó đã ám vào Bellegarde ngay lúc này.

Anh mang đồ đạc của bác sĩ Nemo vào trong phòng làm việc, ngay lúc đó cánh cửa phòng làm việc (dẫn đến sảnh lớn) mở ra, và sĩ quan Bostwick mang hai người khách mới, theo như ông giới thiệu là bác sĩ West và trung sĩ Matthews, bước vào. Thiếu tá Crow theo ngay phía sau họ. Matthews nhận được các chỉ dẫn về vân tay và hình ảnh, và bác sĩ West cúi xuống xem xét xác của Marcus Chesney.

Thiếu tá Crow nhìn Elliot hỏi.

“Sao rồi, thanh tra?” Ông ấy hỏi. “Tại sao anh lại quyết định ra ngoài bất ngờ như vậy? Anh đã tìm thấy gì rồi?”

“Tôi đã tìm ra cách hắn tráo đổi những hộp sô cô la, thưa ngài,” Elliot nói, và giải thích về chiếc giỏ ảo thuật.

Người kia bị ấn tượng mạnh. “Gọn gàng,” ông thừa nhận. “Gọn gàng một cách hiểm độc. Nhưng nghe này, dù thế, Chesney lấy đâu ra một chiếc giỏ xách lừa đảo như vậy chứ?”

“Ông có thể mua chúng tại một số nhà cung cấp dụng cụ ảo thuật ở London.”

“Cậu nghĩ rằng ông ta đã đặc biệt đặt mua chiếc giỏ đó?”

“Có vẻ đúng là thế, thưa ngài.”

Thiếu tá Crow bước qua và kiểm tra cái giỏ. “Điều đó nghĩa là,” ông suy nghĩ lại, “ông ấy đã có ý định thực hiện màn trình diễn này một thời gian trước rồi. Cậu biết không, thanh tra”, thiếu tá Crow dường như đang cố kìm nén bản thân không đá một cái thật mạnh vào cái giỏ trước mặt, “chúng ta càng điều tra xa hơn, màn trình diễn chết tiệt này lại càng trở nên quan trọng. Và dường như nó lại càng chẳng giúp ích được chúng ta gì cả. Chúng ta đang ở đâu đây? Chúng ta có gì

trong tay rồi?… Khoan đã! Có phải vẫn còn thêm vài câu hỏi nữa trong danh sách của Chesney không?”

“Đúng vậy, thưa ngài. Ba câu nữa.”

“Vậy thì vào đó và tiếp tục đi,” cảnh sát trưởng nói với cái liếc mắt đầy cay đắng hướng về hướng những cánh cửa đôi đóng kín. “Nhưng trước khi anh đi, tôi muốn hỏi xem liệu anh có chú ý đến điều đã đặc biệt kẹt trong đầu tôi giữa mớ hỗn độn này không?”

“Vâng?”

Thiếu tá Crow chỉnh lại tư thế và hướng đứng của mình. Ông duỗi xương cổ tay và ngón trỏ như thể đang cố đe dọa ai đó. “Có trò lừa phỉnh gì đó trong chiếc đồng hồ,” ông tuyên bố.

Họ nhìn vào chiếc đồng hồ. Bác sĩ West đã bật bóng đèn trắng sáng rực để nghiên cứu cái xác, và một lần nữa, mặt đồng hồ trắng bóc đầy nhạo báng với đồ trang trí bằng đồng và cái khung cẩm thạch lại nhìn chằm chằm vào họ từ trên bệ lò sưởi.

Thời gian trên đó chỉ hai giờ kém hai mươi.

“Này! Tôi sắp phải về nhà rồi,” thiếu tá Crow đang nhìn thì đột nhiên nói. “Nhưng dù sao cũng hãy nhìn nó đi. Giả như Chesney đã thay đổi cái đồng hồ đó thì sao? Có thể ông ấy đã thực hiện điều đó trước buổi trình diễn. Sau đó, khi màn diễn kết thúc (mọi người nhớ không?) ông ấy đã đóng cánh cửa đôi lại trong đó, và không đi ra Phòng Nhạc cho tới khi Ingram gõ cửa bảo ông ấy ra ngoài để hạ màn. Suốt thời gian đó ông ấy có thể đã thay đổi chiếc đồng hồ trở lại đúng giờ, đúng không?”

Elliot khá nghi ngờ chuyện đó.

“Tôi cho ông ấy có thể làm điều đó, thưa ngài. Nếu ông ấy muốn.”

“Dĩ nhiên là ông ta có thể chớ. Không thể nào dễ dàng hơn.” Thiếu tá Crow đi đến chỗ bệ lò sưởi, len người vào phía sau cái ghế của người chết. Ông quay chiếc đồng hồ, hơi va mạnh vào nó một chút,

cho tới khi lưng nó đối diện với tầm mắt họ. “Anh thấy hai bộ phận đó không? Một cái là chìa khóa để lên dây đồng hồ. Thứ còn lại là đầu một cái chốt nhỏ bạn xoay vòng để đổi vị trí các kim đồng hồ. Ồ!”

Ông nhìn chằm chằm vào cái đồng hồ, cúi xuống gần hơn, và Elliot cũng tham gia với ông. Đúng là, ở đó, có một cái chìa khóa nhỏ bằng đồng ở mặt sau chiếc đồng hồ. Nhưng họ không thấy chiếc chốt hay trục quay còn lại, chỉ có một cái lỗ tròn nhỏ ở đó thôi.

“Nó đã bị rơi ra,” Elliot nói, “và rơi vào phía bên trong lớp vỏ ngoài của chiếc đồng hồ.”

Anh cúi xuống gần hơn. Bên trong cái lỗ tròn cực nhỏ đó anh chỉ có thể thấy một mẩu nhỏ xíu sáng màu, và có một vết xước còn mới nằm quanh cái lỗ, ngay trên lớp kim loại hơi xỉn của cái đồng hồ.

“Nó mới bị hư gần đây thôi,” anh giải thích. “Đó có thể là ý của cô Wills khi nói rằng cô ấy chắc chắn là chiếc đồng hồ chạy đúng. Ngài thấy không, thưa ngài? Cho tới khi thợ đồng hồ đến, không ai có thể thay đổi vị trí các cây kim dù có cố gắng cách mấy đi chăng nữa.”

Thiếu tá Crow nhìn chằm chằm vào chiếc đồng hồ.

“Vớ vẩn,” ông nói. “Không gì dễ hơn, chỉ cần làm thế này.”

Ông quay chiếc đồng hồ lại lần nữa với mặt số hướng ra ngoài.

Sau khi mở lớp kính tròn bảo vệ mặt đồng hồ ra, ông tìm cách xếp lại hai cây kim đồng hồ.

“Tất cả những việc anh cần làm,” ông tiếp tục, “chỉ đơn giản là đẩy thôi…”

“Mong ngài bình tĩnh!” Elliot nói.

Thậm chí cả thiếu tá Crow cũng phải bỏ tay ra, và chấp nhận thua cuộc. Những cây kim bằng kim loại này rất mỏng mảnh. Cách duy nhất để đẩy chúng xê dịch là bẻ cong hoặc gỡ chúng ra. Rõ ràng là, vị trí của hai cây kim không thể bị dịch chuyển đi dù chỉ là một phần

giây. Elliot đứng lùi lại. Anh bắt đầu bật cười dù biết hoàn cảnh hoàn toàn không phù hợp. Những cây kim tiếp tục quá trình chế nhạo của chúng, cái trục kim loại giữ chúng nháy mắt nhanh với anh, và tiếng tích tắc của chiếc đồng hồ chạm đến tai anh như thể một hợp âm trầm sâu sắc của trò tiêu khiển, tất cả những điều đó khiến anh gần như bật cười ngay trước mặt cảnh sát trưởng. Đây là một biểu tượng. Anh đang nhìn vào cơn ác mộng của những nhà viết tiểu thuyết — một chiếc đồng hồ không thể nào bị can thiệp vào được.

"Ra là thế," anh nói.

"Đó không phải là thế," thiếu tá Crow nói.

"Nhưng, thưa ngài…"

"Có một trò bịp trong chiếc đồng hồ đó," người kia tuyên bố bằng giọng nhấn mạnh, chậm rãi và khẳng định chắc nịch như đang đưa ra một lời thề. "Tôi thừa nhận tôi không biết trò đó là gì. Nhưng anh sẽ thấy nó được chứng minh sớm thôi."

Ngay lúc này cái bóng đèn dùng để chụp ảnh, sau khi sáng bùng lên chói chang và bốc khói dày đặc, đột ngột tự động tắt ngúm. Chuyện đó làm tất cả bọn họ giật mình, và ngược lại, cái bóng đèn có chụp đèn màu xanh lá ở trong góc phòng giờ đây trông lại có vẻ ảm đạm đi hẳn. Nhưng bác sĩ West đã quay lại. Ông là một người đàn ông lớn tuổi đeo kính không gọng, và trông có vẻ mệt mỏi.

"Anh muốn tôi nói gì về vụ này đây?" ông nói với thiếu tá Crow.

"Chà, thứ gì đã giết chết ông ấy?"

"Là axit xyanhydric hoặc một chất nào đó trong nhóm xyanua. Sáng mai tôi sẽ khám nghiệm tử thi và cho anh biết rõ hơn."

"Một chất trong nhóm xyanua sao? Bác sĩ Joe Chesney nói rằng đó là xyanua mà."

Bác sĩ West có vẻ đang tự biện giải cho mình. "Có lẽ anh đang nghĩ về kali xyanua. Đó là một chất trong nhóm muối xyanua có nguồn gốc

từ axit xyanhydric. Mà tôi đồng ý nó là chất độc phổ biến nhất trong nhóm này.”

“Hãy để tôi thừa nhận sự thiếu hiểu biết của mình,” thiếu tá Crow nói. “Tôi có nghiên cứu về chất strychnine cho một vụ án khác, nhưng tôi không có nhiều kinh nghiệm trong những tình huống thế này. Chà, cho rằng ai đó đã giết Chesney bằng axit xyanhydric hay một chất trong nhóm xyanua đi. Vậy chất đó đến từ đâu? Và làm thế nào để có được nó?”

“Tôi có vài ghi chú ở đây,” người bác sĩ nói với ông, mò mẫm trong túi theo kiểu chỉ có thể gọi là sự vội vàng một cách chậm rãi. Ông lên tiếng với vẻ thỏa mãn khiêm nhường. “Chúng tôi không thường xuyên có cơ hội tiếp xúc với một vụ đầu độc bằng axit xyanhydric, anh biết đấy. Nó hiếm, rất hiếm. Tôi đã ghi chú lại vài điều trong vụ án của Billy Owens, và tôi nghĩ tốt hơn tôi nên mang chúng theo cùng.”

Ông tiếp tục nói với vẻ đầy biết ơn:

“Axit xyanhydric nguyên chất (HCN) là chất mà người thường gần như không thể tiếp xúc được. Mặt khác, bất kì nhà hóa học giỏi nào cũng có thể dễ dàng chiết xuất nó ra từ những chất không chứa độc (Ý tôi là chiết xuất một cách bất ngờ, không được định trước là sẽ ra danh sách chất độc ấy). Muối của nó, kali xyanua (KCN), thì thường được sử dụng trong nhiếp ảnh, như mọi người có lẽ đã biết. Đôi khi nó cũng được sử dụng như thuốc trừ sâu cho những loại cây ăn quả…”

“Cây ăn quả,” thiếu tá Crow lẩm bẩm.

“Nó được sử dụng để mạ điện nữa. Người ta cũng dùng nó trong chai độc nữa”

“Chai độc là gì?”

“Trong ngành nghiên cứu về côn trùng,” bác sĩ nói, “thì chai độc là thứ dùng để bắt bướm. Chai độc không gây đau đớn chứa 5% KCN,

người ta có thể mua chúng ở cửa hàng nhồi xác động vật. Nhưng để mua được những thứ đó, dĩ nhiên, người mua sẽ phải kí vào một hồ sơ xác nhận độc dược."

Elliot xen vào. "Tôi có thể hỏi ông một câu được không, bác sĩ? Có đúng là trong hạt đào có chứa axit xyanhydric không?"

"Có, đúng vậy," bác sĩ West xác nhận, lấy tay xoa xoa trán.

"Và bất cứ ai cũng có thể chưng cất axit xyanhydric bằng cách nghiền nhỏ hạt đào và nấu sôi chúng lên, đúng thế không?"

"Tôi đã được hỏi câu đó trước đây rồi," bác sĩ West nói, xoa trán mạnh hơn. "Hoàn toàn đúng. Nhưng tôi ước tính rằng để sản xuất một liều thuốc độc đủ gây chết người từ hạt đào sẽ cần hạt của khoảng năm nghìn sáu trăm quả đào. Điều này khó mà khả thi được."

Sau một lúc im lặng, sĩ quan Bostwick nặng nề nói. "Chất độc phải đến từ một *nơi nào đó,"* ông chỉ ra.

"Đúng vậy. Và lần này các anh sẽ phải lần theo dấu nó," cảnh sát trưởng nói. "Chúng tôi đã để lỡ chất strychnine nhưng chúng tôi sẽ không bỏ qua xyanua dù có phải lục tung mọi cuốn sổ xác nhận độc dược ở nước Anh này lên. Đó là công việc của anh, sĩ quan. Nhưng, tiện đây, bác sĩ, ông có biết những viên nhộng màu xanh lá cây đó không, những viên nhộng thầu dầu ấy?"

"Có, nhưng sao?"

"Giả sử như ông định cho một liều xyanua vào một trong những viên nhộng ấy. Làm sao ông nhét thuốc độc vào một viên nhộng được. Dùng một chiếc kim tiêm dưới da à?"

Bác sĩ West đáp lại. "Đúng, nghe khá khả thi. Nếu không đưa vào đủ nhiều, lớp vỏ gelatin và chất dầu sẽ vững vàng bảo vệ chất độc. Chúng cũng sẽ che giấu mùi và vị của xyanua. Chỉ 0,9 grain axit xyanhydric khan là đã gây tử vong rồi. Dược phẩm chứa kali xyanua, tất nhiên, sẽ yếu hơn. Nhưng tôi cảm thấy hợp lí khi nói, hai hay ba grain cũng sẽ

mang lại hiệu quả tương tự.”

“Và mất bao lâu nó mới gây chết người?”

“Tôi không biết chính xác liều lượng,” bác sĩ West nhìn với vẻ có lỗi. “Thường thì tôi đoán các triệu chứng sẽ xuất hiện trong vòng mười giây. Tuy nhiên, ở đây, lớp gelatin cần phải tan chảy, và dầu thầu dầu cũng sẽ làm chậm quá trình hấp thu chất độc. Ta có thể nói sẽ mất đến hai phút thì các triệu chứng mới xuất hiện rõ rệt được. Với phần còn lại, mọi thứ phụ thuộc vào liều lượng của chất độc. Tình trạng kiệt sức hoàn toàn sẽ nhanh chóng theo đến. Nhưng việc đó có thể xảy đến trong ba phút, hoặc cả nửa giờ sau nạn nhân vẫn chưa cảm thấy gì.”

“Được rồi, nó khớp với những gì chúng tôi biết,” thiếu tá Crow nói. Ông thực hiện một hành động thể hiện sự bực bội. “Dù sao, thanh tra, tôi đề nghị anh trở vào và làm việc với đám người đó lần nữa.” Ông gật đầu một cách ám chỉ về phía những cánh cửa đôi đóng kín. “Hãy tìm hiểu xem liệu họ có chắc thứ mình nhìn thấy là một viên nhộng thầu dầu hay không. Viên nhộng đó có thể là một phần của cái bẫy nào đó. Tìm ra… Không, lột trần sự thật ra khỏi tất cả trò hề đó, và rồi chúng ta sẽ biết mình đang ở đâu.”

Elliot, vui mừng vì có cơ hội được làm việc một mình, đi vào Phòng Nhạc rồi đóng những cánh cửa lại sau lưng mình. Ba đôi mắt đang dán chặt vào anh.

“Tối nay tôi sẽ không giữ mọi người lại lâu hơn nữa,” anh nói với họ một cách thân thiện. “Nhưng đó là nếu các bạn không phiền làm sáng tỏ những vấn đề còn lại.”

Giáo sư Ingram chăm chú nhìn anh. “Đợi chút,” ông đề nghị. *“Anh* đã làm sáng tỏ vấn đề kia chưa, thanh tra? Anh đã tìm ra những hộp sô cô la thực sự đã bị đánh tráo như cách tôi nói rồi chứ?”

Elliot do dự gật đầu. “Đúng vậy, thưa ông, tôi không ngại nói với ông rằng quả đúng là như vậy.”

“A!” Giáo sư Ingram nói, với vẻ thỏa mãn mang thêm phần tự đắc. Ông ngồi trở lại vào ghế, trong khi Marjorie và George Harding nhìn ông một cách khó hiểu. “Tôi đang hi vọng điều đó. Rồi thì chúng ta sẽ sẵn sàng trên con đường hướng tới lời giải cho vụ án này.”

Marjorie đang định lên tiếng, nhưng Elliot không cho cô ấy cơ hội.

“Đây là câu hỏi thứ chín của ông Chesney, về người đàn ông đội mũ chóp cao. *Anh ta đã đưa tôi nuốt thứ gì? Tôi mất bao lâu để nuốt thứ đó?* Tất cả các bạn đều đồng ý rằng đó là một viên nhộng thầu dầu, đúng không?”

“Tôi khẳng định,” Marjorie trả lời. “Ông ấy mất hai hay ba giây để nuốt nó.”

“Chắc chắn là nó có hình dạng viên nhộng thầu dầu,” giáo sư Ingram trả lời thận trọng hơn. “Và ông ấy đã gặp một chút khó khăn khi nuốt xuống.”

“Tôi không biết bất cứ điều gì về những viên nhộng đó hết,” Harding nói. Khuôn mặt anh ta trắng bệch, có vẻ bồn chồn và không chắc chắn, Elliot tự hỏi tại sao. *“Tôi* cho rằng đó là một quả nho, một quả nho xanh, và tôi đã tự hỏi tại sao ông ấy không bị nó làm cho nghẹt thở. Nhưng nếu cả hai người nhận ra là viên nhộng, thì được rồi. Tôi đồng ý.”

Elliot chuyển sang chế độ tấn công. “Chà chúng ta sẽ trở lại câu hỏi đó sau. Giờ là một câu hỏi vô cùng quan trọng. *Anh ta đã ở trong phòng trong bao lâu ?”*

Anh hỏi rất nghiêm túc, và vẻ trào phúng đã bắt đầu lan rộng trên khuôn mặt của Ingram, còn Marjorie thì lại có vẻ do dự.

“Có cái bẫy nào trong câu hỏi đó không?” cô hỏi. “Ý anh là từ lúc hắn ta bước qua cánh cửa sổ kiểu Pháp đến lúc hắn bước ra mất bao lâu đúng không? Chắc chắn là không lâu lắm. Hai phút, tôi nghĩ thế.”

“Hai phút rưỡi,” Harding nói.

“Hắn ở trong phòng,” giáo sư Ingram nói, “chính xác là ba mươi giây. Cứ lặp lại hết lần này đến lần khác, với sự đều đều đến mức nhàm chán như vậy, con người sẽ cho là thời gian đã rất lâu. Thực ra, Nemo khá mạo hiểm. Anh gần như không có cơ hội để quan sát anh ta, mặc dù anh nghĩ là có. Nếu anh muốn, thanh tra, tôi sẽ cho anh toàn bộ lịch trình thời gian của màn trình diễn, bao gồm cả những hành động của Chesney. Tôi có nên làm thế không?”

Khi Elliot gật đầu, giáo sư Ingram nhắm mắt lại.

“Hãy bắt đâu với thời điểm khi mà Chesney lẻn qua những cánh cửa đó và tôi tắt hết đèn trong đây. Sau khi tôi tắt đèn, khoảng hai mươi giây sau thì Chesney mở cửa ra và bắt đầu buổi diễn. Có đúng một phút trôi qua trước khi Nemo xuất hiện. Phần của Nemo kéo dài trong ba mươi giây. Sau khi hắn ta đi, Chesney ngồi thêm ba mươi giây nữa, rồi ông ấy ngã về phía trước giả vờ chết. Sau đó ông ấy đứng lên và lại đóng những cánh cửa lại. Tôi gặp vài khó khăn trong quá trình bật đèn: tôi luôn luôn mò sai hướng bất cứ khi nào đụng đến cái công tắc chết tiệt đó. Mất hai mươi giây nữa. Nhưng toàn bộ màn trình diễn, từ lúc tắt đèn đến khi bật đèn lại, tốn khoảng hai phút hai mươi giây.”

Marjorie tỏ ra hoài nghi, và Harding chỉ nhún vai. Họ không mâu thuẫn với nhau, nhưng rõ ràng họ không mấy tán đồng. Cả hai trông đều trắng bệch và mệt mỏi. Marjorie run lên một chút, và đôi mắt của cô thì vô cùng căng thẳng. Elliot biết rằng đêm nay là một đêm áp lực hơn bình thường rất nhiều.

“Và câu hỏi cuối cùng,” anh nói. “Đây rồi. *Ai hay những ai đã lên tiếng? Họ đã nói gì?”*

“Tôi thấy mừng vì đây là câu hỏi cuối cùng,” Marjorie quan sát và nuốt nước miếng. “Và lần này ít nhất tôi biết mình không thể sai được. Thứ trong chiếc mũ chóp cao không hề nói lời nào.” Cô quay mặt nhìn giáo sư Ingram với vẻ quyết liệt. “Bác không phủ nhận điều đó, đúng không?”

“Không, cháu thân mến, ta không phủ nhận điều đó.”

“Và bác Marcus chỉ nói một lần. Đó là ngay sau lúc thứ đội mũ chóp cao vừa đặt chiếc giỏ xách đen lên bàn và bước qua góc tay phải của cái bàn. Bác Marcus đã nói, ‘Giờ anh đã làm những gì cần làm trước đó rồi, anh còn định làm gì nữa?’ ”

Harding gật đầu. “Đúng vậy. ‘Giờ anh xong những gì cần làm trước đó rồi, anh còn định làm gì nữa?’ Hoặc điều gì đó tương tự như thế, dù sao thì, tôi không đảm bảo thứ tự câu chữ chính xác được.”

“Và đó là toàn bộ những điều đã được nói ra?” Elliot kiên nhẫn hỏi.

“Toàn bộ mọi thứ.”

“Tôi không đồng ý,” giáo sư Ingram nói.

“Ôi, *chết tiệt!”* Marjorie gần như hét lên. Cô dậm mạnh chân. Elliot giật mình và khá sốc với cách mà khuôn mặt mềm mại của cô, một khuôn mặt gần như bình thản của thời Victoria, lại có thể thay đổi đến mức đó. “Quỷ tha ma bắt bác đi!”

“Marjorie!” Harding la lớn. Sau đó anh ho khan, và bắt đầu thực hiện một cử chỉ xấu hổ về phía Elliot, như một người lớn đang muốn đánh lạc sự chú ý của em bé bằng cách làm mặt hề.

“Không cần phải cư xử như thế, cháu yêu,” giáo sư Ingram nhẹ nhàng nói với cô gái. “Bác chỉ đang cố giúp cháu thôi. Cháu biết điều đó mà.”

Marjorie đứng lưỡng lự trong một lúc. Sau đó nước mắt bắt đầu dâng lên trong đôi mắt cô, và màu sắc trên khuôn mặt khiến cô có vẻ đẹp rất chân thật mà thậm chí sự co giật của cái miệng cũng không át đi được.

“Cháu x-xin lỗi,” cô nói.

“Ví dụ như,” giáo sư Ingram tiếp tục theo đuổi lời nói của mình, như thể chẳng có gì xảy ra cả, “nói rằng không có điều gì khác được

nói trong suốt buổi trình diễn thì không đúng theo nghĩa đen.” Ông nhìn Harding. *“Cậu* đã lên tiếng, cậu biết đấy.”

“Cháu đã lên tiếng?” Harding lặp lại.

“Đúng. Khi bác sĩ Nemo vào phòng, cậu đã di chuyển lên phía trên để canh tầm nhìn tốt hơn cho máy quay phim của cậu, và cậu nói. ‘Suỵt! Người Vô Hình!’ Tôi nghĩ điều đó đúng phải không?”

Harding đưa tay chà chà mái tóc đen cứng rắn của mình. “Đúng vậy, thưa bác. Cháu có thể đã cố tỏ ra vui nhộn. Nhưng mẹ kiếp! Câu hỏi không liên quan đến điều đó. Nó chỉ liên quan đến những điều mà những người trên sân khấu nói thôi chứ, không phải sao?”

“Và cháu,” giáo sư Ingram tiếp tục nói với Marjorie, “cháu cũng lên tiếng, hoặc là thì thầm. Khi Nemo cho bác cháu nuốt viên nhộng thầu dầu đó, và buộc ông ấy nghiêng đầu ra sau cho đến khi nó xuống họng, cháu đã thốt ra một loại tiếng thét hay tiếng phản đối. Cháu đã nói hay thì thầm là, ‘Đừng! Đừng!’ Nó không lớn, nhưng nó rất dễ nhận ra.”

“Cháu không nhớ có nói điều gì cả,” Marjorie trả lời, chớp mắt. “Nhưng mấy điều đó để làm gì?”

Tông giọng của giáo sư trở nên dễ chịu hơn.

“Ta đang chuẩn bị cho cháu chống lại sự tấn công tiếp theo của thanh tra Elliot đây. Ta đã cố nói với cháu từ lúc nãy lâu rồi: Anh ta luôn băn khoăn không biết liệu có phải một trong ba chúng ta đã lẻn ra khỏi đây và giết bác của cháu trong hai phút khi đèn tắt không. Bây giờ, ta đang thề rằng ta đã nhìn và nghe cháu nói, cả hai đứa bây, trong suốt thời gian khi Nemo đang ở trên sân khấu. Ta có thể thề rằng hai người chưa bao giờ rời căn phòng này. Nếu hai đứa cũng ở thế có thể làm điều tương tự cho ta, chúng ta sẽ bày ra giá trị của bộ ba chứng cứ ngoại phạm mà dù có là Scotland Yard cũng không thể phá vỡ. Hai đứa có ở vị trí có thể thề không? Các cháu nói gì?”

Elliot chuẩn bị tinh thần. Anh biết rằng, vài phút tiếp theo sẽ mang mình đến điểm mấu chốt của vụ án.

IX. BỘ BA CHỨNG CỨ NGOẠI PHẠM

LẦN NÀY CHÍNH HARDING là người đứng lên. Đôi mắt anh ta mở lớn – "như mắt bò vậy", Elliot gọi chúng như thế, đầu anh đã đi qua cả chuỗi động vật để tìm cho được thứ minh họa về Harding chính xác nhất – với vẻ cảnh giác. Anh ta vẫn giữ lại vẻ mặt tốt bụng máy móc, cũng như không hề suy giảm sự tôn trọng của mình dành cho cảnh sát; nhưng đôi bàn tay nhiều lông của anh ta có vặn vẹo đôi chút.

"Nhưng tôi đang quay phim mà" anh ta phản đối. "Nhìn xem, đó là cái máy quay phim. Anh không nghe nó đang chạy sao? Thật sự không nghe à?"

Sau đó anh ta cười to, với vẻ quyến rũ rất chân thực. Dường như

anh ta hi vọng rằng có ai đó sẽ bật cười với mình, và anh ta thấy bực khi không ai làm vậy.

“Tôi biết rồi,” anh ta nói thêm, mắt nhìn xa xôi. “Tôi từng có lần đọc được một câu chuyện.”

“Bây giờ, thật đấy hả?” giáo sư Ingram hỏi.

“Vâng,” Harding nói một cách khá nghiêm túc. “Một gã có chứng cứ ngoại phạm vì mọi người thề rằng họ đã nghe được cậu ta làm việc liên tục trên máy đánh chữ. Nhưng hóa ra là cậu ta có một cái máy tạo ra tiếng động như tiếng máy đánh chữ khi cậu ta không ở đó. Lạy Chúa, anh nghĩ rằng có thứ gì sẽ sử dụng máy quay thay tôi khi tôi không có ở đây hả?”

“Nhưng điều đó thật vô lí,” Marjorie hét lên, như thể đây là đỉnh điểm của sự bối rối. “Em đã thấy anh. Em biết anh đã ở đó mà. Đó có phải là điều anh nghĩ không, thanh tra?”

Elliot nở nụ cười không cảm xúc của mình.

“Cô Wills, tôi chưa hề nói bất cứ điều gì cả. Là giáo sư đây đã đưa ra tất cả những gợi ý đó. Dù sao thì, chúng ta có thể cân nhắc đến điểm đó, ngay cả khi,” anh rất thông cảm với họ, “chỉ để xong chuyện. Dù vậy, lúc đó nơi này rất tối, đúng không?”

Giáo sư Ingram trả lời anh, trước khi những người khác kịp lên tiếng.

“Có lẽ trong khoảng hai mươi giây đầu thì trong này rất tối, cho đến khi Chesney mở những cánh cửa đôi đó ra. Sau đó đã có đủ ánh sáng hắt ra từ chiếc bóng đèn dùng để chụp ảnh gần bức tường phía xa phòng làm việc, thế nên lúc đó không thể gọi trong này là tối om được. Các đường nét hiện lên một cách rõ ràng đến hoàn hảo, tôi nghĩ những người đồng hành cùng tôi cũng sẽ kể với anh như vậy.”

“Đợi một chút, thưa ông. Lúc đó mọi người đang ngồi như thế nào?”

Giáo sư Ingram đứng dậy, và cẩn thận sắp xếp ba cái ghế có tay vịn thành một hàng ngang cách mỗi bên khoảng ba feet. Những chiếc ghế đối mặt và cách khung cửa đôi khoảng tám hay chín feet, do đó toàn bộ khoảng cách từ Marcus Chesney đến đây sẽ vào khoảng mười lăm feet.

"Chesney đã sắp xếp mấy cái ghế trước khi chúng tôi đến đây," giáo sư Ingram giải thích, "và chúng tôi không xáo trộn chúng. Tôi ngồi ở đây, phía bên tay phải và gần chỗ đèn nhất." Ông đặt tay lên lưng ghế. "Marjorie ngồi ở giữa. Harding ngồi ở chiếc ghế cuối cùng bên kia."

Elliot quan sát vị trí. Sau đó anh quay sang hỏi Harding.

"Nhưng anh đã làm gì ở chỗ quá xa xôi bên trái vậy?" anh hỏi. "Không phải ngồi chính giữa thì sẽ thuận lợi hơn cho việc quay phim sao? Từ vị trí này anh đâu thể quay được hình ảnh Nemo bước qua cửa sổ."

Harding lau trán.

"Bây giờ, để tôi hỏi anh điều này: Làm thế quái nào mà tôi biết trước được chuyện gì sẽ xảy ra chứ?" anh ta hỏi gặng, mặt đối mặt. "Ông Chesney không hề giải thích trước cho chúng tôi xem cần phải tìm kiếm thứ gì. Ông ấy chỉ nói, 'Ngồi đằng đó!' và tôi hi vọng anh không nghĩ tôi dự định sẽ tranh cãi với ông ấy về điều đó. Georgie bé nhỏ sẽ không làm điều đó. Tôi đang ngồi – hay, đúng hơn, tôi đang đứng, khoảng *chỗ này*, và tôi đã có tầm nhìn đủ đẹp rồi."

"Ôi, cuộc tranh cãi này để làm gì vậy?" Marjorie nói. "Dĩ nhiên anh ấy phải ở đây rồi. Tôi đã nhìn thấy anh ấy di chuyển ra phía sau để quay trọn hình ảnh. Và tôi cũng ở đây. Không phải sao?"

"Cháu không hề rời khỏi đây," giáo sư Ingram ôn tồn khẳng định. "Ta đã cảm thấy cháu."

"Sao?" Harding nói.

Khuôn mặt của giáo sư Ingram trở nên không mấy vui vẻ. "Ta cảm

thấy sự hiện diện của con bé, cậu trai. Ta nghe tiếng con bé thở. Ta có thể vươn tay và chạm vào con bé. Đúng là con bé đang mặc một bộ váy tối màu, nhưng anh cũng nhìn thấy đấy, con bé có một làn da rất trắng, và hai bàn tay cùng khuôn mặt con bé hiện ra rõ ràng trong bóng tối giống như mặt trước chiếc áo sơ mi cậu đang mặc vậy." Khẽ hắng giọng, ông quay sang Elliot. "Điều tôi đang cố nói với anh, thanh tra, đó là tôi cam đoan rằng cả hai người bọn họ đều không có lúc nào rời khỏi căn phòng này. Harding luôn trong tầm mắt của tôi. Marjorie thì ở chỗ tôi có thể chạm vào được. Giờ thì, nếu hai người có thể chứng minh điều tương tự cho tôi."

Ông nghiêng đầu một cách lịch sự và sắc sảo về hướng của Marjorie. Elliot cảm thấy, cách xử sự của ông giống như cách một bác sĩ kiểm tra mạch của bệnh nhân, và có một sự tập trung và tĩnh lặng trên khuôn mặt ông lúc này.

"Dĩ nhiên bác ở đó chứ," Marjorie thét lên.

"Cô chắc không?" Elliot hỏi tới cùng.

"Tôi hoàn toàn chắc chắn về điều đó. Tôi đã thấy áo sơ mi và cái đầu hói của ông ấy," cô gái tiếp tục nhấn mạnh, "Ồ, tôi đã thấy mọi thứ! Tôi cũng đã nghe tiếng ông ấy thở. Anh chưa bao giờ có cảm giác tinh thần về sự hiện diện của một người nào đó à? Anh sẽ không biết nếu có người rời nhóm hay sao?"

"Còn anh, anh Harding?"

Harding ngần ngại lên tiếng.

"À thì, nói thật, phần lớn thời gian tôi đã dán chặt mắt vào ống ngắm của máy quay. Vậy nên tôi không có nhiều cơ hội để quan sát chung quanh. Mà khoan, mặc dù vậy!" Anh ta đánh nắm đấm tay phải vào gan bàn tay trái, và một biểu cảm gần như nhẹ nhõm xuất hiện trên khuôn mặt như thể có một bánh xe đang quay vòng sau đôi mắt anh ta. "Haa! Giờ đợi đã, đừng hối tôi. Ngay sau khi gã đội mũ chóp cao đó bước ra ngoài khung hình, tôi có nhìn lên, và bước lùi lại, sau

đó tắt máy quay. Tôi đã va vào một chiếc ghế khi tôi lùi lại, vậy nên tôi có nhìn quanh," anh ta vừa xoay cổ tay vừa nói tiếp, "và tôi có thể nhìn thấy Marjorie đủ gần. Tôi có thể thấy đôi mắt cô ấy sáng lên, theo cách nào đó. Điều đó không hợp lí theo khoa học lắm, nhưng anh biết ý tôi là gì mà. Dĩ nhiên là tôi biết cô ấy lúc nào cũng ngồi đó, bởi vì tôi đã nghe thấy cô ấy nói lớn rằng: 'Đừng'. Nhưng tôi cũng đã thấy cô ấy, và dù sao đi chăng nữa," nụ cười toe toét của anh ta khiến không khí trong phòng trở nên vui vẻ hơn, "anh có thể chắc chắn rằng cô ấy chẳng cao năm feet chín hay sáu feet còn gì. Dù sao việc này cũng chẳng liên quan gì đến chúng tôi hết, đúng không?"

"Và cậu có nhìn thấy tôi chứ?" giáo sư Ingram hỏi.

"Sao?" Harding nói, mắt vẫn dính chặt vào Marjorie.

"Tôi nói là, cậu đã thấy tôi trong bóng tối chứ?"

"Ô, chắc chắn rồi. Cháu nghĩ bác đã cố cúi người nhìn đồng hồ đeo tay. Bác lúc nào cũng ngồi đó cả."

Harding đã lấy lại vẻ rạng rỡ và lòng hăng hái bất thường của mình, như thể anh ta đang định phô diễn dáng vẻ khệnh khạng với ngón cái móc vào áo ghi lê của mình vậy.

Nhưng Elliot lại bắt đầu cảm thấy mình đang dò dẫm trong một làn sương mù thậm chí còn dày đặc hơn lúc nãy. Vụ án này là một bãi lầy tâm lí. Song anh khá chắc chắn rằng những người này đang nói sự thật, hay đúng hơn anh nghĩ rằng họ đang nói thật.

"Anh thấy đấy, trước mắt anh," giáo sư Ingram giải thích, "là một tập hợp chứng cứ ngoại phạm cực kì hoàn hảo. Không thể có chuyện một trong số chúng tôi lại liên quan đến án mạng này được. Đó là nền tảng để anh điều tra vụ án này, bất kể theo cách nào. Dĩ nhiên, anh có thể chọn nghi ngờ câu chuyện của chúng tôi; nhưng không gì dễ dàng hơn là kiểm chứng những chuyện đó. Dựng lại hiện trường! Để chúng tôi ngồi đây theo hàng như chúng tôi ngồi lúc đó, tắt hết đèn đi, bật cái bóng đèn dùng để chụp ảnh trong căn phòng kia lên, và anh sẽ tận

mắt thấy rằng dù ai trong chúng tôi cũng hoàn toàn không thể rời căn phòng đó mà không bị nhìn thấy.”

“Tôi e rằng chúng ta không thể làm điều đó lúc này, thưa ông, trừ khi ông có một cái bóng đèn dùng để chụp ảnh khác,” Elliot nói. “Chiếc đèn kia vừa mới hết sáng. Hơn nữa…”

“Nhưng…!” Marjorie kêu lên. Cô kiềm chế bản thân lại, nhìn chằm chằm vào những cánh cửa đóng kín với đôi mắt hoang mang rối loạn.

“… hơn nữa,” Elliot tiếp tục, “các bạn có thể không phải là những nhân chứng duy nhất. Tôi có một điều muốn đặc biệt hỏi cô, cô Wills. Mới vừa nãy cô đã nói cô chắc chắn chiêc đồng hồ trong phòng làm việc chạy đúng. Tại sao cô lại chắc chắn về điều đó?”

“Phiền anh lặp lại lần nữa được không?”

Elliot hỏi lại lần nữa.

“Bởi vì nó đã bị vỡ rồi,” Marjorie đáp, kéo sự chú ý của mình lại. “Ý tôi là, cái chốt dùng để chỉnh kim đồng hồ đã bị phá hỏng hoàn toàn, vậy nên anh hoàn toàn không thể thay đổi giờ của chiếc đồng hồ đó. Và nó là một chiếc đồng hồ chạy rất chính xác. Kể từ khi chúng tôi mua về nó chạy không sai một giây.”

Giáo sư Ingram bắt đầu bật cười.

“Tôi hiểu. Chiếc đồng hồ bị hỏng khi nào vậy, cô Wills?”

“Sáng hôm qua. Pamela – một trong những người giúp việc – đã làm rơi nó khi cô ấy đang quét dọn văn phòng của bác Marcus. Cô ấy đang lên giây chiếc đồng hồ, tay kia thì cầm giá nến, và cô ấy va cái giá nến vào cái chốt lên giây và làm nó rơi ra. Tôi đã nghĩ bác Marcus sẽ rất giận dữ. Anh biết đấy, chúng tôi chỉ được phép lau dọn phòng làm việc của bác ấy một tuần một lần. Bác ấy giữ tất cả sổ sách công việc trong đó, và đặc biệt chúng tôi không được phép chạm vào bản thảo viết tay mà bác ấy đang viết trên đó. Nhưng bác ấy đã không hề…”

“Không hề làm gì?”

“Bác ấy đã không hề nổi giận, ý tôi là vậy đó. Hoàn toàn ngược lại nữa. Bác ấy có vẻ phân vân. Tôi đã nói rằng chúng tôi có thể gửi chiếc đồng hồ xuống cửa hàng nhà Simmond dưới thị trấn và sửa nó lại. Bác ấy đã đứng nhìn vào chiếc đồng hồ trong vòng một phút, và bất thình lình phá ra cười. Bác ấy nói, ‘Không, không, cứ để nó đó: giờ thì nó được đặt giờ một cách chính xác, không thể điều chỉnh, và rằng trông nó rất vui.’ (Nó là một chiếc đồng hồ tám ngày, lúc ấy đã được lên dây rồi.) Bác ấy cũng nói rằng Pamela là một cô gái xuất sắc, và sẽ là diễm phúc cho cha mẹ già của cô ấy. Đó là những gì tôi nhớ được.”

Giờ thì, tại sao, thanh tra – thám tử Elliot nghĩ, tại sao một người đàn ông lại đứng trước một chiếc đồng hồ và bất ngờ phá ra cười? Nhưng anh không có nhiều thời gian để suy tư. Như để đẩy mớ rắc rối này lên đến đỉnh điểm, thiếu tá Crow bỗng xuất hiện từ cửa ra vào dẫn đến sảnh chính căn nhà.

“Tôi có thể gặp anh một lát được không, thanh tra?” ông yêu cầu với giọng là lạ.

Elliot bước ra và đóng cửa lại. Đó là một cái sảnh rộng rãi, được ốp gỗ sồi sáng màu, với cầu thang rộng và thấp, sàn nhà bóng loáng đến nỗi phản chiếu lại cả cạnh của những tấm thảm trải sàn. Một chiếc đèn đứng đang được bật, tạo nên một vùng ánh sáng bên cạnh cầu thang và chiếu vào chiếc điện thoại nằm ở trên bệ.

Thiếu tá Crow vẫn giữ được vẻ ngoài bình tĩnh giả tạo của mình, nhưng đôi mắt ông trông đầy ẩn ý. Ông ra hiệu về phía chiếc điện thoại. “Tôi vừa mới nói chuyện với Billy Emsworth xong,” ông nói.

“Billy Emsworth? Đó là ai?”

“Người có vợ sinh con tối nay. Người mà Joe Chesney đến gặp: anh chưa biết sao? Tôi biết rằng đã rất trễ rồi, nhưng tôi nghĩ Emsworth có thể vẫn đang ngồi chúc mừng với một hay hai người bạn. Đúng là như thế, và tôi đã nói chuyện với anh ta. Tôi không nói gì về vụ án cả, tôi chỉ chúc mừng, dù vậy tôi hi vọng anh ấy không băn khoăn tại sao tôi

lại gọi điện thoại vào lúc hai giờ sáng chỉ để chúc mừng suông." Thiếu tá Crow hít một hơi dài. "Chà, nếu chiếc đồng hồ trong văn phòng chạy đúng, Joe Chesney có một bằng chứng ngoại phạm hoàn toàn vững vàng."

Elliot không nói gì cả. Anh đã đoán trước được điều này.

"Bé con được sinh vào khoảng mười một giờ mười lăm. Sau đó Chesney ngồi xuống và nói chuyện với Emsworth và bạn bè của anh ta cho đến gần nửa đêm. Tất cả bọn họ đều nhìn đồng hồ đeo tay khi ông ta rời khỏi đó. Khi Emsworth thấy ông ấy đi ra cửa, chuông đồng hồ nhà thờ vừa điểm mười hai giờ. Và Emsworth bước lên và làm một bài diễn văn về một khởi đầu tươi mới và tốt đẹp. Vậy nên thời gian ông ấy rời đi đã được xác định. Bây giờ, Emsworth sống ở phía bên kia của Sodbury Cross. Vậy nên Joe Chesney không thể nào đến đây kịp vào thời điểm vụ án mạng xảy ra. Anh nghĩ sao về điều đó?"

"Chỉ một điều thôi, thưa ngài, rằng tất cả bọn họ đều có bằng chứng ngoại phạm," Elliot kể lại cho ông ấy nghe.

"Chắc chắn không?" thiếu tá Crow nói.

"Có, thưa ngài," Elliot nói.

"Chuyện này rầy rà rồi đây."

"Đúng vậy, thưa ngài."

"Phiền phức *chết tiệt!"* cảnh sát trưởng nói to lên với một tiếng gầm nhẹ. "Anh có nghĩ họ nói thật không, về việc lúc đó không quá tối để theo dõi chuyển động của mọi người ấy?"

"Tất nhiên chúng ta phải xác thực lại điều đó." Elliot do dự nói. "Nhưng bản thân tôi đã chú ý thấy sự ảnh hưởng của ánh sáng chói lòa từ căn phòng bên kia. Thành thật thì tôi không nghĩ nó đủ tối để một người có thể lẻn ra mà không bị nhìn thấy. Và nói thật hơn nữa thì, thưa ngài, tôi tin họ."

"Anh không nghĩ rằng có thể ba người bọn họ đã cùng nhau dựng

nên câu chuyện này à?”

“Mọi điều đều có thể. Dù vậy…”

“Anh không nghĩ thế?”

Elliot thận trọng suy nghĩ. “Ít nhất thì,” anh quyết định, “dường như chúng ta không thể chỉ tập trung sự chú ý vào các thành viên của gia đình này được. Chúng ta cần mở rộng phạm vi điều tra. Thứ bóng ma mặc áo khoác dự tiệc bên ngoài hoàn toàn có thể là một người nào đó ngoài kia. Khoan đã, tại sao ngài lại hỏi vậy?”

“Tôi sẽ nói với anh điều này,” thiếu tá Crow lạnh nhạt nói. “Bởi vì Bostwick và tôi vừa mới tìm ra bằng chứng, bằng chứng chỉ ra rằng kẻ sát nhân phải là một thành viên của gia đình này hoặc là một người có mối quan hệ gần gũi với họ.”

Trong khi Elliot lại một lần nữa được trải nghiệm cảm giác chuyện xảy ra không đúng tí nào, rằng anh đang phải nhìn vụ án qua những cặp mắt kiếng méo mó, thì cảnh sát trưởng đã kéo anh về phía cầu thang. Thực ra, cách cư xử của thiếu tá Crow có phần nào đó hơi ép buộc.

“Chuyện này rất bất thường. Bất thường nhất từ đầu tới giờ,” ông nói, đánh lưỡi lục cục một cách vô nghĩa, “nhưng giờ việc đó đã xong và đã được làm rất tốt. Khi Bostwick đi lên cầu thang để xem liệu chàng trai Emmet này có đủ khỏe để nói chuyện với chúng ta hay chưa, ông ấy nghĩ mình nên nhìn qua phòng tắm một chút. Trong tủ thuốc ở phòng tắm đó ông ấy đã tìm thấy một chiếc hộp chứa những viên nhộng dầu thầu dầu.”

Nói tới đây ông nhìn anh dò hỏi.

“Điều đó không nhất thiết là một chi tiết quan trọng, thưa ông. Tôi hiểu rằng loại thuốc đó khá phổ biến.”

“Cứ cho là vậy đi. Giả dụ như thế! Nhưng còn nữa. Ẩn sau lưng của chiếc kệ cạnh bồn rửa, ông ấy tìm thấy một cái lọ thủy tinh dung tích

một ounce, trong đó một phần tư chai chứa đầy axit xyanhydric tinh khiết…

"Tôi nghĩ điều đó sẽ nện anh một cú ra trò," thiếu tá Crow nói với vẻ hơi hài lòng. "Tôi biết vì tôi cũng bị vậy, đặc biệt là khi bây giờ anh lại nói với tôi rằng tất cả mọi người trong căn nhà này đều có bằng chứng ngoại phạm. Anh nên nhớ rằng, nó không phải là dung dịch kali xyanua yếu ớt. Nó là chất lỏng tinh khiết, chất độc gây chết người nhanh nhất Trái Đất. Ít nhất thì đó là điều mà chúng tôi nghĩ. West sẽ giúp chúng ta phân tích chất đó, nhưng lúc này ông ấy khá chắc chắn. Thực ra nó nằm ngay trên nhãn dán của cái chai, 'Axit Xyanhydric, HCN'. Bostwick đã ngó qua và không thể tin nổi vào mắt mình. Ông ấy cũng mở nắp chai, nhưng ngay khi ngửi được mùi hương thoảng qua ông ấy liền đóng nắp lại với tốc độ nhanh nhất trong những hành động ông ấy từng làm trong đời. Ông ấy từng nghe rằng người hít sâu phải mùi axit xyanhydric cũng có thể mất mạng, và West nói đúng là thế. Hãy nhìn qua cái chai đẹp đẽ này đi."

Ông cẩn thận đưa tay vào túi. Ông rút ra một cái chai nhỏ xíu có nút chai được đẩy xuống gần ngang tới cổ chai, và ông nghiêng nó để cho anh thấy chất lỏng không màu bên trong. Bên ngoài thân chai là một mảnh giấy được dùng keo gắn chặt, trên đó có dòng chữ "Axit Xyanhydric , HCN" được in bằng mực thô. Thiếu tá Crow đặt nó xuống bàn để điện thoại dưới cái đèn đứng và nhanh chóng lùi lại như thể ông vừa mới châm ngòi một khẩu đại bác đặc biệt nguy hiểm.

"Không tìm thấy dấu vân tay," ông giải thích. "Đừng đứng gần nó quá," ông căng thẳng nói thêm. "Thậm chí bây giờ anh có thể ngửi thấy mùi của nó không?"

Elliot có ngửi thấy thật.

"Nhưng thứ này được lấy từ đâu chứ?" anh nói. "Ông đã nghe bác sĩ West nói rồi đấy. Trên thực tế một người thường không thể tự chiết xuất axit xyanhydric tinh khiết được. Người duy nhất có thể có được

nó là…”

“Tôi biết. Một kĩ thuật viên. Hay có thể nói là một nhà nghiên cứu hóa học. Nhân tiện, anh bạn Harding này đang làm gì ở đây?”

Dù là may mắn hay xui xẻo thì Harding cũng đã bước ra khỏi Phòng Nhạc.

Dường như anh ta đang ở trong một tâm trạng đặc biệt vui vẻ và sung sức khi Elliot bỏ lại anh ta trong căn phòng đó. Tâm trạng này có vẻ không giảm thiểu đáng kể lắm, mặc dù anh ta đứng khá gần cái chai đang đặt trên bàn và chắc chắn là có thể đọc được nhãn của nó. Anh ta chống một tay lên khung cửa, như thể định tạo dáng chụp ảnh. Sau đó anh ta bước lên với nụ cười mỉm đầy tôn trọng, và hướng đến cảnh sát trưởng.

“HCN?” anh ta hỏi, chỉ tay vào cái chai trước mặt.

“Đó là thứ mà cái nhãn nói, anh bạn trẻ.”

“Ông có phiền nếu tôi hỏi ông tìm thấy nó ở đâu không?

“Trong phòng tắm. Có phải cậu đã đặt nó vào đó không?”

“Không, thưa ngài.”

“Nhưng cậu sử dụng thứ này trong công việc của mình chứ, đúng không?”

“Không,” Harding dáp lại ngay. “Không, thành thật là không,” anh ta thêm vào. “Tôi sử dụng KCN – kali xyanua – và sử dụng rất nhiều. Tôi đang thực hiện một quy trình mạ điện làm bạc giả không khác gì so với bạc thật. Nếu tôi có thể bán nó ra thị trường, và có hậu thuẫn tài chính đầy đủ để không dính vào mấy kẻ lừa đảo, thì tôi sẽ cách mạng hóa toàn ngành.” Anh ta nói mà không hề có bất cứ dấu hiệu nào chứng tỏ mình đang khoe khoang, anh ta nói như thể đang nêu ra một thực tế. “Nhưng tôi không sử dụng HCN. Nó không tốt cho tôi.”

“Tốt, thành thật là thành thật,” thiếu tá Crow nói với vẻ hơi cứng

nhắc. “Dù sao chăng nữa, cậu có thể điều chế ra HCN được, đúng không?”

Harding nói với cái miệng run rẩy mãnh liệt và dữ dội khi anh ta tạo thành chữ, đến nỗi Elliot tự hỏi liệu có phải anh ta bẩm sinh đã bị chứng nói lắp hay không, một chứng bệnh mà có vẻ như những bất lợi khác, anh ta đã vượt qua được. Harding nói:

“Dĩ nhiên tôi có thể điều chế nó. Bất kì ai khác cũng thế thôi.”

“Đừng đánh đồng mọi người với cậu, chàng trai trẻ.”

“Thôi được, nghe này! Ông cần gì để sản xuất HCN? Tôi sẽ nói với ông. Ông sẽ muốn (cần nghe được hơn là muốn) có muối xyanua của kali cacbonat, không hề độc, có thể mua ở bất kì đâu. Ông sẽ muốn dầu sunfat, thứ phổ biến với tên gọi axit sunfuric, có thể lấy nó từ bình ắc quy của động cơ xe hơi gần ông nhất, ai chả biết điều đó? Ông cũng cần nước lọc bình thường nữa. Đặt ba nguyên liệu này vào cùng nhau chưng cất, quá trình chưng cất mà bất kì đứa bé tóc vàng nào cũng có thể xoay xở thực hiện trong căn bếp của bà ngoại, và ông sẽ có thứ trong chiếc bình kia. Bất kì ai, với một cuốn sách hóa học sơ cấp mở ra trước mặt, cũng có thể làm được điều đó.”

Thiếu tá Crow liếc nhìn Elliot một cách khó chịu. “Và đó là tất cả những gì cậu cần làm để tạo ra axit xyanhydric sao?”

“Đó là tất cả. Nhưng đừng tin tưởng tôi hoàn toàn, vấn đề là… Chà, thưa ngài, có gì đó không đúng ở đây. Ông có phiền nói với tôi điều này không: ông nói rằng ông tìm thấy thứ đó trong phòng tắm. Tôi không ngạc nhiên lắm. Nếu là hồi trước thì tôi cũng có thể ngạc nhiên. Nhưng có phải ý ông là ông chỉ lấy nó trong phòng tắm, như là một tuýp kem đánh răng hay thứ gì đó tương tự như thế không?”

Thiếu tá Crow giơ hai tay ra. Ông cũng có ý nghĩ giống như anh ta.

“Căn nhà này đã cũ kĩ lắm rồi,” Harding nói trong khi nghiên cứu cái sảnh đẹp đẽ và lịch thiệp. “Nó trông ổn cả, nhưng nó có gì đó sai

lầm về phương diện hóa học. Tôi là một người ngoài. Tôi có thể nói vậy. Và giờ, nếu mọi người thứ lỗi cho tôi, tôi đang đến phòng ăn để uống một li whisky, và tôi đang cầu nguyện với các thánh rằng rượu sẽ không có vấn đề hóa học gì cả.”

Tiếng bước chân của anh ta kêu lọc cọc rất lớn trên sàn gỗ trần, bất chấp bây giờ đã là nửa đêm. Vùng ánh sáng đang run rẩy cạnh cầu thang, vạt thuốc độc rùng mình trong chiếc chai nhỏ, trên cầu thang một người đàn ông bị chấn động não đang lẩm bẩm như thầy tu, còn dưới cầu thang hai nhân viên điều tra nhìn nhau dò hỏi.

“Không dễ,” thiếu tá Crow nói.

“Không dễ thật,” Elliot thừa nhận.

“Anh có hai manh mối, thanh tra. Hai manh mối vững chắc và rõ ràng. Ngày mai Emmet trẻ tuổi có thể sẽ tỉnh lại và có khả năng kể cho anh nghe về chuyện đã xảy ra cho cậu ta. Anh cũng có cuộn phim – tôi sẽ rửa ra cho anh trước chiều mai; có một gã ở Sodbury Cross chuyên làm mấy việc như thế – và anh sẽ có thể biết chính xác những điều đã xảy ra trong suốt buổi trình diễn. Ngoài ra, tôi không biết anh có gì, và hãy chú ý rằng tôi nói là ‘anh’. Tôi có công việc riêng của tôi cần giải quyết. Ngày mai, tôi hứa với anh một cách danh dự, tôi sẽ không tham gia vào vụ này sâu hơn. Đây là vụ án của anh, và tôi mong anh vui mừng về điều đó.”

Elliot không hề thấy vui, vì vài lí do cá nhân. Nhưng về khía cạnh công việc, vụ án đã được ép xuống thành một vấn đề rõ ràng như thể dấu vân tay hai màu đen trắng:

Kẻ giết Marcus Chesney có thể liên quan đến ai đó trong căn nhà này.

Tuy nhiên tất cả mọi người trong căn nhà này đều có chứng cứ ngoại phạm vững vàng.

Do đó, ai là kẻ phạm tội? Và phạm tội như thế nào?

“Tôi có thể thấy rõ tất cả những chuyện đó.” cảnh sát trưởng đồng tình. “Nên hãy đi con đường mà anh thấy đúng đắn và làm rõ ràng vấn đề này. Cũng tương tự như thế, bản thân tôi có bốn vấn đề mà tôi sẵn sàng trả hai mươi pound để nhận được câu trả lời, ở đây, ngay lúc này, và không trì hoãn thêm phút nào nữa.”

“Vâng, thưa ngài?”

Thiếu tá Crow đã cư xử bớt trịnh trọng hơn. Giọng ông to lên một cách ai oán.

“Tại sao những cái hộp sô cô lại đổi từ xanh lá qua xanh dương? Có gì sai với cái đồng hồ chết tiệt đó? Chiều cao thật sự của gã đội mũ chóp là bao nhiêu? Và tại sao, tại sao Chesney lại dựng lên trò lừa với một chiếc phi tiêu ống thổi Nam Mỹ mà chưa ai từng nhìn thấy?”

X. CÔ GÁI Ở POMPEII

SÁNG HÔM SAU, lúc mười một giờ đúng, thanh tra Elliot lái xe vào Bath và dừng lại gần khách sạn Beau Nash, nơi nằm trên một con phố cụt đối điện với lối vào dẫn đến những phòng tắm kiểu La Mã.

Bất kì ai đã nói rằng trời luôn luôn mưa ở Bath có lẽ chỉ là những kẻ tâm địa hèn mọn muốn xuyên tạc thị trấn cao quý này, nơi những căn nhà cao từ thế kỉ mười tám trông như những góa phụ giàu có thời đó đang nhấp nháy mắt với những đoàn tàu lửa hay những chiếc xe hơi đi ngang. Nhưng (chính xác mà nói) đúng là trời đang mưa như trút nước trong buổi sáng đặc biệt này. Elliot, khi lội nước vào lối đi đến khách sạn, thì đang ở trong một tâm trạng chán nản cùng cực khi

nghĩ rằng anh hoặc phải giãi bày với ai đó hoặc phải ném vụ án đi và tường trình nguyên do với chánh thanh tra của mình. Đúng vậy, tối qua Elliot chỉ chợp mắt được có một chút. Và từ tám giờ sáng nay anh đã bắt đầu suy đi nghĩ lại về các vấn đề của vụ án. Nhưng anh không thể nào đuổi khỏi óc mình hình ảnh về Wilbur Emmet – với mái tóc bết dính, cái mũi đỏ và lớp da mặt lốm đốm – co giật trong cơn mê sảng và lẩm bẩm không thành lời. Đó là hình ảnh rối loạn cuối cùng mà anh thấy vào đêm hôm qua.

Elliot đi đến bàn tiếp tân, và hỏi về tiến sĩ Gideon Fell.

Tiến sĩ Fell đang ở trong phòng trên tầng. Mặc dù đã khá trễ, rất tiếc phải nói rằng, tiến sĩ Fell vẫn chưa làm việc. Elliot tìm thấy ông ngồi cạnh bàn ăn sáng trong một chiếc áo choàng dài bằng nỉ rộng như một cái lều. Ông đang uống cà phê, hút xì gà, và đang đọc một cuốn truyện trinh thám.

Cặp kiếng lọt thỏm trong gọng kính đen bản rộng của tiến sĩ Fell nằm vững vàng trên mũi ông. Bộ ria mép kiểu cướp biển của ông dựng đứng lên vì tập trung, má ông phập phồng ra vào liên tục, và những hơi thở sâu khi ông cố gắng xác định kẻ giết người tạo nên sự rung động nhẹ nhàng và mang đến vẻ sinh động cho chiếc áo choàng hoa tím to đùng mà ông đang mặc. Nhưng khi Elliot bước vào, ông đứng bật dậy mạnh mẽ đến nỗi gần như khiến cái bàn bị lật, giống kiểu một con thủy quái đang trồi lên từ dưới mặt nước biển vậy. Khuôn mặt ông hiện lên vẻ tươi cười chào mừng, khiến cho cả khuôn mặt ông đầy sức sống và sáng sủa hẳn lên, điều đó khiến Elliot cảm thấy tốt hơn nhiều.

"Ôi chao!" tiến sĩ Fell nói, siết chặt tay Elliot. "Chuyện này thật tuyệt. Không thể tin được, chuyện này quá tuyệt vời! Ngồi đi, ngồi đi, ngồi đi nào. Uống gì đi. Hay ăn gì cũng được. Nhé?"

"Chánh thanh tra Hadley cho tôi biết nơi có thể tìm ông, thưa tiến sĩ."

“Đúng vậy,” tiến sĩ Fell gật đầu, bật cười đầy tinh ranh, và thoải mái ngồi trở lại ghế và chiêm ngưỡng vị khách mới đến như thể Elliot là thứ hiện tượng mới mẻ mà ông chưa từng được nhìn thấy bao giờ. Sự hài lòng của ông lan tỏa khắp căn phòng. “Tôi đang đi tắm suối nước nóng. Việc này nghe có vẻ hay ho, thoáng đãng và đầy tính phiêu lưu. *Cras ingens iterabimus aequor.* Nhưng trải nghiệm thực tế lại thường không được như thế, và tôi thì hiếm khi bị dụ dỗ hát bài tửu ca sau mười hay mười lăm pint bia.”

“Ông định uống từng đấy cơ à?”

“Tôi sẽ uống mọi thứ đồ uống vào cỡ đấy,” tiến sĩ Fell nói một cách kiên quyết. “Nếu tôi không thể thực hiện xuất sắc một điều gì đó, tôi sẽ chẳng bao giờ đụng tay vào nó. Còn anh thế nào, thanh tra?”

Elliot cố gắng lên dây cót can đảm cho mình.

“Không tốt như trước,” anh thừa nhận.

“Ồ,” tiến sĩ Fell nói. Vẻ rạng rỡ tắt đi trên khuôn mặt ông, và ông chớp mắt. “Tôi nghĩ anh đến đây vì vụ Chesney đó đúng không?”

“Ông đã nghe về nó rồi à?”

“Hừm, đúng vậy,” tiến sĩ Fell khịt mũi, nói. “Người bồi bàn của tôi, một gã rất giỏi, người dù điếc đặc khi nghe tiếng chuông nhưng lại là bậc thầy trò đọc môi, đã kể hết cho tôi nghe vụ đó sáng nay. Ông ta biết được chuyện đó từ người giao sữa, cậu giao sữa thì nghe kể lại chính xác từ ai thì tôi quên mất rồi. Bên cạnh đó, tôi… Chà, tôi có biết Chesney.” Tiến sĩ Fell trông có vẻ phiền muộn. Ông gãi một bên chiếc mũi nhỏ nhắn và sáng bóng của mình. “Tôi đã gặp Chesney, và tôi cũng đã gặp gia đình của ông ấy, tại một buổi tiệc chiêu đãi khoảng sáu tháng trước. Và sau đó ông ấy có viết cho tôi một lá thư.”

Tiến sĩ lại ngần ngừ lần nữa.

“Nếu ông đã biết gia đình ông ấy,” Elliot chậm rãi nói, “thì mọi chuyện sẽ dễ dàng hơn. Tôi đến gặp ông không chỉ vì vụ án, tôi còn

đến vì một vấn đề cá nhân. Tôi không biết cái quái gì đang xảy ra với mình, hay phải làm gì với nó, nhưng nó cứ nằm ngay đó. Ông có biết Marjorie Wills, cháu gái của Chesney không?"

"Có," tiến sĩ Fell nói, chăm chú nhìn anh với một con mắt nhỏ sắc sảo.

Elliot đứng lên.

"Tôi đã phải lòng cô ấy," anh la lớn.

Anh biết rằng mình đang tạo ra một cảnh tượng kì lạ đứng lên và la hét tin tức như thể đang ném một cái đĩa vào mặt tiến sĩ, và hai tai anh nóng bừng lên. Nếu lúc đó tiến sĩ Fell bật cười, nếu tiến sĩ Fell bảo anh hạ giọng xuống, có lẽ anh sẽ tìm mọi cách duy trì phẩm giá của mình và bước ra khỏi phòng. Anh không thể chịu đựng được điều đó, nó là cảm xúc của anh mà. Nhưng tiến sĩ Fell chỉ đơn giản gật đầu.

"Khá là dễ hiểu," ông lẩm bẩm, với một sự tán đồng phóng khoáng và có phần đáng ngạc nhiên. "Thì sao?"

"Tôi mới chỉ nhìn thấy cô ấy hai lần trước đây," Elliot hét lên, đối mặt với tiến sĩ và quyết tâm nói tất cả mọi chuyện. "Một lần là ở Pompeii và lần còn lại là ở… Đừng bận tâm đến điều đó trong vài phút tới. Như tôi đã nói, tôi không biết mình bị cái quái gì nhập vào nữa. Tôi không lí tưởng hóa cô ấy. Khi tôi thấy cô ấy lại lần nữa vào đêm qua, tôi khó có thể nhớ được cô ấy trông thế nào vào hai lần đầu trước đó. Tôi biết chắc rằng cô ấy có thể là một kẻ đầu độc và một kẻ phản bội có vẻ ngoài dịu dàng đẹp đẽ. Nhưng tôi đã bước vào nhóm người đó tại một nơi ở Pompeii – ông không biết về chuyện ấy, nhưng tôi đã có mặt tại đó – và cô ấy đã đứng trong một nơi đại loại là một khu vườn, với chiếc mũ cởi ra và ánh mặt trời hạ xuống trên hai vai, và tôi chỉ đứng đó nhìn cô ấy, và sau đó tôi quay lại và bước ra ngoài. Đó là cái cách cô ấy di chuyển hay nói chuyện, hoặc cách cô ấy quay đầu… Một điều gì đó, hoặc chẳng có gì cả. Tôi không biết đó là gì.

"Tôi không có gan để đi theo và cố gắng làm quen với bọn họ, mặc

dù rõ ràng đó là những điều gã Harding đã làm. Tôi không biết tại sao tôi không thể buộc bản thân làm điều đó được. Không đơn thuần chỉ bởi vì tôi vừa nghe họ dàn xếp các thứ về việc kết hôn của cô ấy với Harding. Vậy nên hãy giúp tôi, tôi thậm chí còn không nghĩ về việc đó nữa. Nếu vụ này là do Harding, tôi sẽ cho rằng đó là thứ may mắn đáng nguyền rủa, và tôi sẵn sàng chấp nhận nó. Tất cả những gì tôi biết, đầu tiên là tôi đã phải lòng cô ấy, và, thứ hai, là tôi phải lấy ý tưởng đó ra khỏi đầu mình, bởi vì chuyện đó hoàn toàn vô nghĩa. Tôi không nghĩ là ông có thể hiểu được."

Cả căn phòng chìm vào yên tĩnh, chỉ có tiếng thở khò khè của tiến sĩ Fell, và tiếng nước bắn tung tóe của màn mưa bên ngoài.

"Anh đã đánh giá tôi rất thấp," tiến sĩ nói một cách trang nghiêm, "nếu anh nghĩ rằng tôi không hiểu được. Tiếp tục đi."

"Vậy thì, thưa ông, đó là tất cả. Tôi đã không thể loại bỏ ý nghĩ đó ra khỏi đầu mình được."

"Tôi nghĩ đó chưa phải là tất cả."

"Được rồi. Ông muốn biết về lần thứ hai tôi nhìn thấy cô ấy. Đó là một kiểu vận mệnh. Tôi biết trong tâm khảm rằng điều đó rồi sẽ xảy ra. Gặp ai đó một lần, cố gắng quên đi hoặc cố tránh xa người đó, và rồi ông đụng phải người này bất cứ khi nào ông quay đi. Lần tiếp theo tôi thấy cô ấy mới chỉ năm ngày trước đây, tại một cửa hàng dược phẩm nhỏ gần Royal Albert Docks.

"Khi tôi nhìn thấy họ tại Pompeii, tôi nghe ông Chesney đề cập đến tên của con tàu mà họ dùng để du lịch trở về nhà, và cả ngày khởi hành nữa. Tôi đã rời Italy ngày tiếp theo, trên đất liền, và trở về nhà cũng được hơn một tuần trước khi họ quay lại. Thứ năm tuần trước, ngày 29, tôi tình cờ có mặt ở vùng lân cận Royal Albert Docks để giải quyết một vụ án." Elliot ngừng lại. "Tôi thậm chí không thể nói với ông sự thật, đúng không?" anh hỏi một cách cay đắng. "Đúng, tôi đã bịa ra lí do để đến nơi ấy trong ngày đặc biệt đó, nhưng phần còn lại

của câu chuyện thì hoàn toàn chỉ là sự trùng hợp – hoặc ông có thể tự mình đánh giá.

“Hồ sơ đăng kí chất độc của dược sĩ này nằm trong diện nghi ngờ. Dường như anh ta đã loại ra nhiều loại độc hơn mức tự nhiên hoặc bình thường, đó là lí do tại sao tôi lại có mặt ở đó. Tôi bước vào và hỏi xem hồ sơ đăng kí chất độc. Anh ta nhanh chóng đưa nó cho tôi, và mời tôi ngồi xuống tại một phòng thuốc nhỏ phía sau cửa hàng, nơi được ngăn cách với quầy thanh toán bởi một bức tường các thứ chai lọ. Trong khi tôi đang nhìn vào cuốn sổ, một khách hàng bước vào. Tôi không thể thấy vị khách, và cô ấy cũng không thể thấy tôi, cô ấy nghĩ không có ai khác ở trong cửa hàng. Nhưng tôi biết rõ giọng nói đó. Đó là Marjorie Wills, và cô ấy muốn mua kali xyanua ‘cho mục đích chụp ảnh’.” Elliot lại ngừng lại lần nữa.

Bây giờ anh không hề nhìn thấy một căn phòng tại khách sạn Beau Nash. Thay vào đó, trước mắt anh hiện lên một cửa hàng tồi tàn trong ánh nắng chiều xám xịt, và anh còn ngửi được mùi hóa chất nhè nhẹ mà anh đã luôn luôn gắn nó với vụ án này. Có creosote trên sàn nhà; chóp của những lọ thủy tinh thấp phát ra ánh sáng mờ, và vắt ngang cửa hiệu, trong bóng tối, là một chiếc gương ố màu. Trong chiếc gương đó anh đã thấy hình ảnh phản chiếu của Marjorie Wills, đôi mắt cô mở to, khi cô di chuyển dọc theo quầy thanh toán để yêu cầu mua kali xyanua “cho mục đích chụp ảnh”.

“Có lẽ bởi vì tôi có mặt ở đó,” Elliot tiếp tục, “nên người dược sĩ bắt đầu hỏi cô ấy những câu hỏi về lí do tại sao cô ấy muốn mua chất đó, và công dụng của nó. Những câu trả lời cho thấy cô ấy biết về nhiếp ảnh cũng tựa như tôi biết về tiếng Phạn vậy. Có một cái gương nằm chắn ngang qua cửa hiệu. Ngay khi cô ấy đến đoạn bị lẫn lộn nghiêm trọng, thì cô ấy bất ngờ nhìn vào tấm gương. Cô ấy hẳn phải thấy tôi, mặc dù tôi nghĩ lúc đó cô ấy không nhìn thẳng vào tấm gương và bây giờ tôi vẫn không chắc chắn lắm. Bất thình lình cô ấy yêu cầu người dược sĩ bán cho mình một… Đừng bận tâm… Và chạy

ra khỏi cửa hàng.

"Đúng vậy. Một việc rất bình thường nhỉ?" anh nói thêm một cách hung hãn. Tiến sĩ Fell không bình luận gì.

"Tôi nghĩ rằng dược sĩ đó có gì đó rất mờ ám," Elliot chậm rãi nói, "mặc dù tôi chẳng tìm được chứng cứ. Nhưng trên hết, chánh thanh tra Hadley giao cho tôi – *chính tôi* - vụ đầu độc Sodbury Cross: vụ án mà (thật biết ơn) tôi đã đọc hết mọi chi tiết trong hồ sơ sau mấy tờ báo."

"Anh đã không từ chối vụ án?"

"Không, thưa ông. Dù sao chăng nữa thì tôi có thể từ chối nó không? Từ chối mà không kể với chánh thanh tra về những gì mà tôi đã biết?"

"Hừm."

"Đúng vậy. Ông đang nghĩ tôi phải bị đá ra khỏi lực lượng. Và ông hoàn toàn đúng."

"Chúa ơi, không," tiến sĩ Fell nói với đôi mắt mở lớn. "Sự hổ thẹn của lương tâm anh sẽ không trở thành nguyên nhân gây chết người đâu. Đừng nói mấy thứ vớ vẩn như thế nữa và tiếp tục câu chuyện đi."

"Đêm qua trong khi lái xe xuống đây tôi đã nghĩ về mọi khả năng có thể xảy ra. Vài giả thiết trong đó ngớ ngẩn đến nỗi khiến tôi rối tung lên khi nghĩ lại vào sáng nay. Tôi đã nghĩ về những chứng cứ chống lại cô ấy một cách có hệ thống. Tôi thậm chí đã nghĩ về việc đón cô ấy và chúng tôi sẽ cùng nhau chạy về vùng biển Phía Nam."

Anh ngưng lại, nhưng tiến sĩ Fell gật đầu một cách đầy cảm thông, như thể ông ấy hiểu được lí do của tất cả những chuyện đó. Và đó là sự khuây khỏa mang ý nghĩ to lớn, động viên Elliot tiếp tục nói.

"Tôi đã hi vọng cảnh sát trưởng – thiếu tá Crow – sẽ không chú ý gì cả. Nhưng hẳn là tôi đã hành động kì lạ ngay từ lúc bắt đầu, và theo

dần dần tôi lại càng ngày càng lấn sâu hơn nữa. Tệ nhất là lúc cô ấy gần như đã nhận ra tôi. Cô ấy không hề nhận ra tôi: đúng vậy, cô ấy không hề liên hệ tôi với tấm gương trong cửa hàng dược phẩm. Nhưng cô ấy biết mình đã nhìn thấy tôi trước đây và cô ấy vẫn đang cố nhớ xem đó là ở đâu.

“Trong thời gian còn lại, tôi đã cố gắng giải quyết vụ án mà không bị thành kiến ảnh hưởng – lại một lần nữa thỏa hiệp, đúng không? – và cố gắng xem nó như một vụ án thông thường. Liệu tôi có thành công hay không thì tôi cũng không biết, nhưng ông nhận ra rằng hôm nay tôi đang ở đây.”

Tiến sĩ Fell cân nhắc. “Hãy kể với tôi nào. Đặt vụ án ở cửa hàng sô cô la qua một bên, tối qua anh có tìm thấy bất cứ chứng cứ nào khiến anh tin rằng cô ấy có thể là người giết Marcus Chesney không?”

“Không! Không hề: thậm chí còn ngược lại nữa. Cô ấy có bằng chứng ngoại phạm lớn như một cái nhà kìa.”

“Vậy thì vấn đề mà chúng ta đang tranh luận ở đây là gì? Tại sao anh lại không phá án như bình thường được?”

“Tôi không biết, thật sự là như thế, thưa ông. Chỉ là vụ án này quá kì quặc và buồn cười và đáng nghi để lao bổ ngay vào phá án. Ngay từ đầu nó đã là một chiếc hộp đầy những mẹo lừa.”

Tiến sĩ Fell ngửa người ra sau, hít vài hơi xì gà, một biểu cảm cực kì tập trung xuất hiện trên khuôn mặt ông. Ông thả lỏng vai và hít thêm vài hơi thuốc nữa, như thể đang cân nhắc cẩn thận những lời anh nói. Kể cả gọng kính của ông cũng bị rung lên nhè nhẹ.

“Chúng ta,” ông nói, “hãy cùng kiểm tra vấn đề cảm xúc của anh nào. Không, đừng né tránh. Đây có thể là sự say đắm nhất thời hoặc cũng có thể là cảm xúc thật, nhưng trong cả hai vụ án tôi muốn hỏi anh một câu. Giả sử cô gái này là một kẻ giết người. Tôi nói là giả sử. Bây giờ, những tội ác đó sẽ không phải là tội ác cho đến khi chúng ta có thể tìm thấy chứng cứ buộc tội cô gái. Cả tôi cũng thấy cần phải

tập trung cao độ nếu muốn buộc tội bọn họ. Đây không phải là những vụ án thông thường, chúng là những vụ bất thường có tính toán, và người gây ra chúng thì đang an toàn như một con rắn hổ mang chúa vùng vẫy trong lãnh địa của mình. Rất tốt. Giả sử cô gái này là tội phạm, vậy anh có muốn biết điều đó không?"

"Tôi không biết nữa."

"Thế thì, anh có đồng ý rằng tìm ra sự thật là tốt không?"

"Tôi cho là thế."

"Tốt," tiến sĩ Fell nói, hít thêm vài hơi từ điếu xì gà của mình. "Giờ hãy để chúng ta nhìn mọi việc theo cách khác. Giả sử cô gái này hoàn toàn vô tội. Không, đừng làm tôi lơi lỏng với hơi thở phào nhẹ nhõm lạ lùng như thế. Hãy thực tế trong sự lãng mạn của mình. Giả sử cô gái này hoàn toàn vô tội. Vậy anh định làm gì?"

"Tôi không hiểu, thưa ông."

"Anh nói anh phải lòng cô ấy?"

Sau đó Elliot chợt nhận ra điều ông ấy muốn nói.

"Ồ, hãy để tôi nói rõ," anh nói. "Bản thân tôi không nuôi hi vọng rằng *mình* có thể có cơ hội với cô ấy. Ông nên nhìn thấy biểu hiện trên gương mặt cô ấy khi nhìn Harding. Tôi đã thấy rất rõ. Tôi xin nói với ông, thưa ông, điều khó khăn nhất tôi phải làm tối qua là đối xử công bằng với Harding. Tôi không có gì để chống lại anh ta cả, anh ta dường như là một người đứng đắn. Tôi chỉ có thể nói rằng có điều gì đó trong tâm can, điều mà khiến cho mỗi khi tôi nói chuyện với Harding, thì tôi đều cảm thấy không thoải mái."

Anh lại cảm thấy đôi tai mình ngứa ran lên lần nữa.

"Tôi cũng đã trải qua tất cả các loại ảo tưởng vào tối qua. Tôi tưởng tượng ra bản thân mình nhanh chóng bắt giữ Harding vì vụ giết người – vâng, còng tay và tất cả – và cô ấy nhìn tôi, và tất cả những lời nói khoa trương bật ra một cách tự nhiên nhất. Nhưng mọi sự đâu đơn

giản như thế. Harding là một ngõ cụt. Đáng nguyền rủa là ông không thể nào phạm tội giết người được khi mà ông phải ở trong một căn phòng với hai người đang nhìn mình, và hơn nữa ông lại nhìn thấy kẻ sát nhân thực sự cùng lúc ở một căn phòng khác. Harding có thể là một kẻ đào mỏ (tôi nghĩ anh ta là một kẻ đào mỏ), nhưng đó chỉ là điều bình thường rất con người diễn ra hằng ngày trên thế giới này thôi. Harding chưa bao giờ nghe đến Sodbury Cross cho tới khi anh ta gặp gia đình Chesney ở Italy. Vậy nên quên chuyện về Harding và, đặc biệt, quên chuyện về tôi đi."

"Ngoài vấn đề lương tâm," tiến sĩ Fell nhìn anh một cách trách cứ, "anh phải tống khứ sự nhún nhường chết tiệt của mình đi. Nó là một đức tính tuyệt hảo nhưng không có người phụ nữ nào có thể chịu đựng được đức tính đó đâu. Tuy nhiên, thôi cho qua phần đó đi. Thế nào?"

"Cái gì thế nào cơ?"

"Bây giờ anh cảm thấy thế nào?" tiến sĩ Fell hỏi.

Và Elliot đột nhiên nhận ra rằng anh đã cảm thấy tốt hơn, tốt đến nỗi anh muốn một tách cà phê và thứ gì đó để hút. Nó như thể trí thông minh của anh đã tập trung và minh mẫn trở lại. Anh không hiểu rõ lắm, nhưng ngay cả căn phòng cũng xuất hiện trong những sắc thái khác.

"Ừ hừm," tiến sĩ Fell đằng hắng, gãi gãi một bên mũi. "Vậy chúng ta sẽ làm gì tiếp? Anh biết đấy, anh đã quên rằng tôi mới chỉ được biết những chi tiết chung chung của vụ án. Và nguồn gốc sự xao động của anh cũng chẳng cung cấp được thêm chút thông tin nào. Nhưng anh sẽ làm gì nữa? Anh sẽ trở thành tên ngốc và quay lại giải thích với Hadley? Hay chúng ta sẽ lần theo những manh mối và tìm xem chuyện gì đã xảy ta? Tôi sẵn sàng hỗ trợ anh bất cứ khi nào có thể."

"Đúng thế!" Elliot gầm lên. "Đúng thế, đó chính xác là những gì chúng ta sẽ làm."

“Tốt. Trong trường hợp đó, ngồi xuống đây đã,” tiến sĩ Fell dứt khoát nói, “và hãy cẩn thận nói cho tôi biết những chuyện đã xảy ra ở đó.”

Elliot tốn cả nửa tiếng nữa để điều chỉnh bản thân về trạng thái khách quan mà bằng cách nào đó vẫn không thấy xấu hổ, và giữ cho não bộ bận rộn với những chi tiết nhỏ nhất của vụ án. Anh kết thúc với chi tiết về cái chai axit xyanhydric nhỏ trong tủ thuốc ở phòng tắm.

“… và đó là tất cả, mặc dù chúng tôi đã không hề rời khỏi căn nhà đó cho đến ba giờ sáng. Tất cả mọi người đều phủ nhận chai axit xyanhydric đó, thề rằng họ chẳng hề biết có một thứ như thế trong phòng tắm, và rằng nó không hề ở đó khi họ thay đồ dự tiệc tối hôm đó. Tôi cũng đã nhìn qua anh chàng Wilbur Emmet này, nhưng đương nhiên anh ấy chẳng nói được gì hữu dụng cho chúng tôi cả.”

Anh đã có một hồi ức sống động trong căn phòng ngủ đó, một căn phòng gọn gàng song không có gì thu hút, cũng như chính bản thân Emmet vậy. Anh nhớ lại con người cao lêu nghêu bị nhét trong đám chăn gối nệm, nhớ ánh sáng đèn gay gắt, nhớ đến sự xếp đặt tỉ mỉ của những hộp kem vuốt tóc và những chiếc cà vạt trên bàn trang điểm. Trên bàn làm việc lại có một chồng thư từ và hóa đơn biên nhận. Bên cạnh đó là một chiếc vali nhỏ màu vàng nhạt, trong đó Emmet mang theo đủ loại ống tiêm, kéo tỉa cành nhỏ, và những đồ vật gây tò mò mà qua đôi mắt của Elliot thì chúng chẳng khác gì những dụng cụ dùng trong phẫu thuật. Đến cả giấy dán tường cũng có hoa văn màu đỏ/vàng gợi nhớ đến những quả đào.

“Emmet đã nói rất nhiều, nhưng ông không thể nào tìm ra manh mối đáng giá từ những điều anh ta nói, ngoại trừ rằng thỉnh thoảng anh ta sẽ nói, ‘Marjorie!’ và họ đã phải khiến anh ấy yên tĩnh. Đó là tất cả, thưa ông. Giờ đây tôi đã nói với ông mọi thứ mà tôi biết, và tôi tự hỏi liệu ông có thể hiểu ra điều gì từ nó hay không. Tôi cũng băn khoăn không biết liệu ông có thể giải thích được những chuyện cực kì

bất thường trong vụ án này hay không."

Tiến sĩ Fell chậm rãi gật đầu một cách và đầy mạnh mẽ.

"Tôi nghĩ là tôi có thể," ông nói.

XI. CÂU HỎI KHÔNG CẦN THIẾT

"NHƯNG TRƯỚC KHI giải thích mọi chuyện," tiến sĩ Fell tiếp tục, ông dùng điếu xì gà chỉ trỏ một cách hăng hái, "tôi muốn làm rõ một điểm mà do tôi, hoặc đã không nghe được chính xác, hoặc là do ai đó đã phạm phải một sai lầm nghiêm trọng. Nó nằm trong đoạn cuối màn trình diễn của Chesney. (Hãy tưởng tượng) Chesney mới vừa mở những cánh cửa đôi đó ra để tuyên bố rằng buổi diễn đã kết thúc. Anh hình dung được chưa?"

"Rồi, thưa ông."

"Sau đó giáo sư Ingram nói với ông ấy, 'Nhân tiện, người đồng nghiệp có vẻ ngoài xấu xí của anh là ai thế?' và Chesney đáp, 'Ồ,

Wilbur đó mà. Cậu ấy giúp tôi lên kế hoạch cho toàn bộ mọi thứ.' Đúng thế không?"

"Vâng, đúng vậy."

"Ngoài lời khai của cô Wills anh đã có lời khai của những người khác về chuyện đó chưa?" tiến sĩ hỏi đến cùng. "Những người khác có xác nhận chuyện này không?"

"Có, thưa ông," Elliot đáp lại, có vẻ lúng túng. "Tôi đã lượt lại tất cả mọi chuyện với họ ngay trước khi tôi rời ngôi nhà."

Sắc thái của tiến sĩ Fell bỗng thay đổi nhẹ. Ông ngồi đó với cái miệng mở ra, tay cầm điếu xì gà lơ lửng trong không khí, và cứ nhìn chằm chằm người khách của mình bằng đôi mắt mở lớn kinh ngạc. Ông nói, với chất giọng thầm thì vang rền như gió thổi qua những đường hầm dưới lòng đất: "Ôi, thần Bacchus! Ôi Chúa ơi! Ôi quỷ thần thiên địa ơi! Điều này chưa xong đâu."

"Nhưng có gì sai lầm vậy?"

"Lấy bản danh sách mười câu hỏi của Chesney ra đi," tiến sĩ Fell hào hứng thúc giục. "Nhìn lại nó lần nữa. Nghiên cứu nó. Hoảng hốt đi. Anh không cảm giác được có gì đó không đúng sao?"

Elliot nhìn chằm chằm từ khuôn mặt của tiến sĩ Fell đến bản sanh sách câu hỏi, cảm thấy không thoải mái lắm với sự hào hứng cuồng nhiệt phát ra từ người kia. "Không, thưa ông, tôi không thể cảm giác được. Có thể bộ não của tôi đã không hoạt động hết sức."

"Không phải vậy," tiến sĩ nghiêm túc trấn an anh. "Chàng trai, hãy nhìn vào nó đi! Tập trung vào! Anh không thấy rằng Chesney đã hỏi một câu hỏi hoàn toàn không cần thiết và thậm chí còn vô lí hay sao?"

"Câu hỏi nào?"

"Câu số bốn. *'Chiều cao của người vào phòng bằng chiếc cửa sổ kiểu Pháp là bao nhiêu?'* Chết tiệt! Đây là một loạt danh sách câu hỏi mà ông ta đã cẩn thận chuẩn bị để hỏi họ. Những câu hỏi khôn ngoan, những

câu hỏi bẫy, những câu hỏi bất ngờ. Tuy nhiên, thậm chí trước khi ông ta bắt đầu hỏi các câu hỏi đó, ông ta đã bình tĩnh thông báo cho bọn họ chính xác người đó là ai. Anh nắm được không? Như anh trích lại lời nói của cô Wills, tất cả bọn họ đều biết chiều cao của Wilbur Emmet. Họ sống với anh ta, họ thấy anh ta hằng ngày. Cho nên, khi họ nghe trước được người đi vào là ai, họ không thể nào trả lời sai ở câu hỏi số bốn được. Vậy thì, tại sao Chesney lại bày trước câu trả lời trong khi ông ấy dự định sẽ hỏi họ điều đó?"

Elliot khó chịu rủa một tiếng. Sau đó anh bắt đầu ngẫm nghĩ lại.

"Dù vậy, không nên kết luận vội vã. Nếu có một cái bẫy trong đó thì sao, thưa ông?" anh gợi ý. "Giả sử như Emmet đã nhận được chỉ dẫn – giáo sư Ingram nói với tôi giả thuyết này – rằng cậu ta phải khom người xuống bên dưới cái áo mưa, thế thì chiều cao của cậu ta sẽ thấp hơn ba inch so với chiều cao thực sự, thì sao? Vậy nên ông Chesney đã thiết lập một cái bẫy như vậy cho họ. Khi ông ấy cẩn thận nói với họ rằng đó là Emmet, ông ấy trông chờ họ rơi vào bẫy và trả lời theo chiều cao thực tế của cậu ấy: sáu feet. Trong khi thực ra thì chiều cao của người đàn ông khom người xuống trong chiếc áo mưa chỉ là năm feet chín."

"Có thể," tiến sĩ Fell cau có. "Tôi đồng ý, một cách chân thành, rằng buổi diễn nhỏ đó có nhiều bẫy hơn những cái mà các anh có vẻ như đã nhận ra được. Nhưng về việc Emmet có khom xuống hay không, tôi không tin tưởng cho lắm. Anh đã mô tả chiếc áo mưa đó dài và vừa người. Cách duy nhất một người có thể giảm chiều cao của mình đi ba inch là cong đầu gối và lướt trên sân khấu với những bước đi ngắn. Bây giờ, tôi sẵn sàng thách thức bất cứ ai làm điều đó mà không để đầu gối nhô ra dưới chiếc áo, tạo nên tướng đi kì lạ và khiến cho khán giả biết rõ ràng chiêu trò của anh ta. Ngược lại, mọi người dường như đều có cảm giác rằng gã này đứng thẳng và bước đi cứng nhắc. Bất cứ điều gì cũng có thể, tôi thừa nhận, nhưng…"

"Ý ông muốn nói chiều cao thực sự của anh ta là năm feet chín?"

“Ồ,” tiến sĩ Fell nói với vẻ hơi lạnh nhạt, “có một khả năng đặc biệt khác sẽ khiến anh giật mình, đó là hắn ta thực sự cao sáu feet. Hai nhân chứng đã nói vậy mà, anh biết đấy. Bất cứ điểm nào giáo sư Ingram bất đồng ý kiến với họ, anh lại tự động tin vào giáo sư. Có lẽ anh làm vậy là đúng, nhưng chúng ta không phải… Hừm, chúng ta không cần phải tự đưa mình vào ngõ cụt bằng việc đối xử với giáo sư Ingram như một nhà tiên tri hay một thầy bói hoặc một người phát ngôn của Kinh Thánh.”

Elliot lại suy nghĩ lại lần nữa.

“Hoặc,” anh gợi ý, “ông Chesney có thể đã bị căng thẳng hoặc lo lắng, và buột miệng nói ra tên của Emmet mà không suy nghĩ.”

“Rất khó có chuyện đó,” tiến sĩ Fell nói, “khi mà ông ấy lập tức gọi Emmet vào và nổi giận khi Emmet không xuất hiện. Không. Khó mà tin vào khả năng đó được, thanh tra. Một ảo thuật gia không dễ dàng để lộ những quân bài bí mật của mình trên sân khấu, anh ta cũng hiếm khi lo lắng và khiến khán giả chú ý đến cái bẫy đặc biệt bằng việc lỡ miệng nói ra tên người trợ lí. Chesney trong ấn tượng của tôi không phải là người như thế.”

“Lẽ ra tôi không nên nghĩ như vậy,” Elliot thừa nhận. “Nhưng việc này giúp được gì cho chúng ta? Nó chỉ tăng thêm một câu đố vào đống vấn đề mà chúng ta vẫn chưa giải quyết được. Hiện tại ông có thấy bất kì tia sáng nào trong việc này không?”

“Khá nhiều. Giờ đây mọi chuyện đã sáng tỏ, không phải sao, suy nghĩ của Chesney về cách những viên sô cô la bị đầu độc trong cửa hàng của bà Terry ấy?”

“Không, thưa ông, tôi vẫn mù tịt! Làm thế nào?”

Tiến sĩ Fell di chuyển chiếc ghế đang ngồi. Một biểu cảm vô cùng kiệt sức xuất hiện trên khuôn mặt ông. Ông làm một cử chỉ mập mờ và tạo ra những âm thanh bí ẩn trong cổ họng.

“Nghe này.” Ông nói với giọng phản đối. “Tôi nhấn mạnh là mình hoàn toàn không muốn ngồi đây như một nhà tiên tri bù nhìn, dịu dàng tặc lưỡi và đoạt lấy công sức điều tra của anh. Tôi luôn ghét cay ghét đắng loại người hợm hĩnh đó, và tôi sẽ chiến đấu với nó đến cùng. Nhưng tôi khẳng định những rối loạn cảm xúc đó hoàn toàn không hề tốt cho trí thông minh của anh.

“Giờ chúng ta hãy xét đến những vấn đề của số sô cô la bị đầu độc tại cửa hàng của bà Terry. Chúng bị đầu độc vào thời gian nào? Chúng ta phải chấp nhận những sự kiện thực tế nào? Đầu tiên: những viên sô cô la bị đầu độc vào một thời điểm nào đó trong ngày 17 tháng Sáu. Thứ hai: chúng có thể bị đầu độc bởi vài người khách đến cửa hàng trong thời gian đó, hoặc bởi cô Wills trong một vụ tráo đổi quỷ quyệt bằng tay thông qua cậu bé Frankie Dale. Có thể xác định rằng số sô cô la vào đêm ngày 16 không hề có vấn đề gì cả, bởi vì bà Terry đã lấy một nắm kẹo hoặc cỡ đó để tổ chức tiệc cho bọn trẻ. Những giả thiết đó có đúng không?”

“Đúng vậy.”

“Không hề,” tiến sĩ Fell nói. “Quá vô lí! Tôi phản đối,” ông nói tiếp với lòng nhiệt thành hăng hái, “rằng số sô cô la nhất định phải bị đầu độc vào ngày 17 tháng sáu. Tôi cũng phản đối ý kiến cho rằng chúng nhất định phải bị đầu độc bởi ai đó ghé qua cửa hàng vào ngày hôm đó.

“Bây giờ, thiếu tá Crow (nếu tôi nhớ không lầm) đã chỉ ra một phương pháp mà nếu kẻ sát nhân sử dụng nó, hắn ta có thể dễ dàng trà trộn những viên kẹo độc vào một hộp sô cô la để mở trên kệ. Kẻ đầu độc đã vào cửa hàng với một số kẹo có độc giấu trong tay hoặc trong túi. Hắn ta phân tán sự chú ý của bà Terry, và bỏ những viên kẹo độc vào chiếc hộp trên kệ. Đúng, chính xác, quả vậy! Rất dễ dàng. Có thể mọi chuyện đã diễn ra theo cách đó. Nhưng nếu anh nghĩ lại, thì không phải cách tiếp cận đó là quá đơn giản với một tên sát nhân đã chứng tỏ bản thân rất thông minh, như gã này sao? Giả thiết này

cho ta điều gì? Nó lập tức cho thấy vụ đầu độc đã được thực hiện vào một ngày cụ thể, và cho phép ta giới hạn số lượng nghi phạm gọn lại chỉ còn những người vào cửa hàng ngày hôm đó.

“Nếu anh đồng ý, tôi có thể gợi ý một phương pháp gây án khác tốt hơn.

“Chuẩn bị một chiếc hộp giống y như những chiếc hộp để *mở* trên kệ. Đừng (như một tên ngốc) đầu độc lớp kẹo nằm trên cùng trong chiếc hộp bản sao đó. Thay vào đó chỉ đầu độc sáu hay mười viên nằm cuối hộp. Đi vào cửa hàng của bà Terry và thay thế một chiếc hộp trên quầy hàng bằng chiếc hộp đã được chuẩn bị sẵn. Nếu không khách hàng nào có nhu cầu mua một lượng sô cô la nhân kem khá lớn, sẽ không ai lấy phải những viên kẹo có độc vào ngày hôm đó. Ngược lại thì trẻ em, theo thói quen, lại thường không mua kẹo sô cô la nhân kem. Chúng ưa thích kẹo cam thảo hoặc kẹo mắt bò hơn, vì chúng có thể mua được rất nhiều với số tiền tiêu vặt ít ỏi của mình. Vì thế rất có khả năng những viên kẹo sô cô la nhân kem đó đã ở trong cửa hàng một, hai, ba, bốn ngày, thậm chí là cả tuần trước khi có người với tay đến lớp kẹo có độc. Do đó kẻ sát nhân thực sự chắc chắn sẽ không bước vào cửa hàng vào ngày vụ án diễn ra. Và, dù những viên kẹo đó bị đầu độc vào thời gian nào, tôi dám cược rằng đó cũng là trước ngày tử vong, ngày 17 tháng Sáu.”

Lần này Elliot lớn tiếng nguyền rủa. Anh bước đến cửa sổ, nhìn ra màn mưa, và quay lại.

“Được, nhưng còn một điều nữa, ông không thể đi loanh quanh và không gây chú ý trong khi đang giấu một hộp sô cô la trong người, đúng không? Và còn phải công khai tráo đổi nó với một cái hộp khác nữa?”

“Có thể,” tiến sĩ Fell nói, “nếu anh có một cái giỏ có quặp lò xo. Tôi xin lỗi, chàng trai, nhưng tôi e rằng giỏ quặp lò xo đã tham gia vào vụ này. Những chiếc giỏ đó (hãy sửa lại nếu tôi nói sai) được điều khiển

bởi một cái nút bấm nằm ở phần tay cầm bằng da. Nhấn nút, chiếc giỏ chụp lên bất cứ thứ gì ở bên dưới. Hoặc nó có thể, dĩ nhiên, được sử dụng hoàn toàn ngược lại. Đặt thứ gì đó vào trong túi, nhấn nút để mở những khe lò xo, và cái giỏ sẽ thả đồ vật nằm bên trong xuống bất cứ nơi nào anh muốn."

Nói tới đây tiến sĩ Fell đưa tay làm hành động như đang thôi miên, hít hà một lát, trông có vẻ ảm đạm, và cuối cùng lại lên tiếng một cách chân thành.

"Đúng, chàng trai. Tôi e rằng đó là những gì đã xảy ra, nếu không thì chẳng có cách nào khác mà chiếc giỏ quặp lò xo lại có liên hệ với vụ này được. Kẻ sát nhân, như anh nói, không thể chơi đùa với những chiếc hộp để mở nếu hắn không có thứ gì đó giữ nó ổn định, có như vậy thì những chiếc hộp mới không rớt xuống khi trò bịp được tiến hành. Vì vậy chiếc giỏ chính là bạn của hắn.

"Kẻ đầu độc bước vào cửa hàng của bà Terry với một chiếc hộp chứa những viên kẹo độc nằm dưới đáy. Trong khi đánh lạc hướng sự chú ý của bà Terry, hắn ta thả chiếc hộp này lên quầy thanh toán. Sau đó hắn ta đặt giỏ lên trên chiếc hộp thật, tóm nó vào trong giỏ mà không để ai nhìn thấy; rồi đẩy chiếc hộp có kẹo độc vào đúng chỗ: hắn sẽ chỉ tốn một khoảng thời gian đủ để bà Terry lấy năm mươi điếu Players hoặc Gold Flake từ quầy thuốc lá phía đối diện thôi. Và Marcus Chesney đã nắm được mánh khóe này. Để minh họa cách thay đổi những chiếc hộp, ông ấy đã nhập về từ London một chiếc giỏ có quặp lò xo tương tự. Sau đó Chesney đã trình diễn với thủ thuật y chang vào đêm qua, mà không hề bị ai phát hiện."

Elliot hít một hơi thở sâu, sau đó im lặng.

"Cám ơn," anh nghiêm túc nói.

"Hả?"

"Tôi nói cám ơn ông," Elliot lặp lại, cười toe toét. "Ông đang kéo trí thông minh của tôi trở lại bình thường, thưa ông. Hoặc cho nó một cú

đá mông thiệt mạnh, nếu ông hiểu ý tôi.”

“Không có gì, thanh tra,” tiến sĩ Fell nói với một sự hài lòng mơ hồ.

“Nhưng cũng chẳng có gì thay đổi cả, ông có nhận ra rằng lời giải thích này đưa chúng ta vào một tình huống còn tệ hơn trước nữa không? Tôi tin vào nó. Tôi nghĩ đó là lời giải thích hợp lí nhất trong trường hợp này. Nhưng nó đảo lộn sự thật duy nhất mà chúng tôi đang có. Giờ thì không cách nào biết được thời điểm những viên sô cô la bị tráo đổi, ngoại trừ rằng việc đó rất có thể đã không xảy ra vào cái ngày mà cảnh sát đã tập trung điều tra trong gần bốn tháng nay.”

“Tôi rất xin lỗi vì đã đảo lộn kế hoạch,” tiến sĩ Fell nói, đưa tay xoa đầu một cách mạnh mẽ nhưng hối lỗi. “Nhưng chết tiệt! Nếu anh có một trí óc quanh co như của tôi, anh sẽ nhận ra rằng đây là việc không thể nào tránh khỏi, như con mèo in trên hộp cá hồi bằng thiếc vậy. Và tôi không đồng ý với anh rằng nó đưa chúng ta vào tình trạng tệ hơn trước. Ngược lại, nó có thể dẫn chúng ta đến thẳng sự thật.”

“Bằng cách nào?”

“Nói với tôi đi, thanh tra. Có phải anh đến từ một ngôi làng hay ít nhất là một thị trấn nhỏ không?”

“Không, thưa ông. Không chính xác lắm. Tôi đến từ Glasgow.”

“A. Nhưng tôi thì có,” tiến sĩ Fell nói với vẻ thỏa mãn. “Giờ chúng ta hãy nhận định lại tình hình. Kẻ giết người, mang theo một chiếc giỏ đeo vai có vẻ vô hại, bước vào cửa hàng. Chúng ta giả sử rằng kẻ sát nhân là ai đó biết bà Terry, chúng ta phải giả định như vậy. Anh đã bao giờ được trải nghiệm sự tò mò chín chắn, vô hại, và mang tính bản năng của những người bán hàng trong một cộng đồng nhỏ, đặc biệt là loại người mau chuyện như bà Terry chưa? Giả sử anh bước vào và mang theo một chiếc giỏ như vậy. Nó sẽ như kiểu, ‘Đi đâu thế, ông Elliot?’ ‘Đến miền Tây sao, ông Elliot?’… Hoặc thậm chí dù không nói ra, bà ấy cũng sẽ nghĩ như thế, bởi vì hình ảnh của anh với một chiếc giỏ đeo vai là một hình ảnh rất bất thường ở đấy. Một chiếc giỏ

đeo vai không phải là thứ anh thường mang bên người. Kí ức sẽ gắn liền vào tâm trí của bà ấy. Nếu bất kì ai bước vào cửa hàng trong suốt tuần lễ trước khi vụ đầu độc bằng sô cô la xảy ra, mang theo một túi hành lí đeo vai nhỏ, bà ấy có thể sẽ có vài kí ức về nó."

Elliot gật đầu. Nhưng anh có cảm giác rằng vẫn còn phải thực hiện một bước nữa, vẫn phải dò dẫm một bước nữa, khi tiến sĩ Fell nhìn anh với một sự tập trung cao độ.

"Hoặc là…?" tiến sĩ giục.

"Tôi nghĩ," Elliot lẩm bẩm, nhìn chằm chằm vào màn mưa bên ngoài cửa sổ. "Hoặc kẻ giết người là ai đó thường xách một chiếc túi dạng như vậy, và hình ảnh đó đã quá quen thuộc nên bà Terry không bao giờ nghĩ về điều đó đến lần thứ hai."

"Đó là một giả thuyết có thể kiểm chứng được," người kia nói, khịt mũi.

"Ý ông là bác sĩ Joseph Chesney?"

"Có lẽ. Có ai khác thường đi loanh quanh với một chiếc túi hoặc hộp đồ hoặc thứ gì đó tương tự không?"

"Chỉ có Wilbur Emmet thôi, họ bảo tôi vậy. Anh ta có một thứ gần giống như cái vali nhỏ màu vàng nhạt. Tôi đã thấy nó trong phòng anh ta, như tôi kể lúc nãy."

Tiến sĩ Fell lắc đầu.

"Chỉ có Wilbur Emmet," ông chỉ tay. "'Chỉ' Wilbur Emmet, chính anh nói đó. Thần linh ơi! Nếu một chiếc túi da có thể trở thành một chiếc túi quặp lò xo qua sự khéo léo của một nhà cung cấp các món đồ ảo thuật, vậy thì có lí do gì một chiếc vali nhỏ màu vàng nhạt lại không thể làm được điều tương tự? Rõ ràng là, khi thiếu tá Crow và sĩ quan Bostwick điều tra, họ chắc chắn sẽ bỏ qua Emmet, đúng không? Giáo sư Ingram, từ những gì anh kể, tôi nghi ngờ rằng ông ấy cũng đã làm vậy, và hẳn ông ấy sẽ chào đón chúng ta với một mớ lí thuyết ngay khi

chúng ta chọc mũi vào Bellegarde. Chúng ta phải cực kì cẩn thận với những cái bẫy. Do đó, dựa trên cơ sở những bằng chứng hiện có, tôi đảm bảo với anh rằng người duy nhất có khả năng phạm tội là Wilbur Emmet. Anh có muốn nghe những lí do tôi đưa ra không?”

XII. MỘT LẦN NỮA BỊ DỒN VÀO CHÂN TƯỜNG

ĐÔI KHI ELLIOT NGHĨ, tiến sĩ Fell không hẳn là một đối tượng thích hợp cho những ai phải trò chuyện với ông vào buổi sáng trong khi đang phải chịu đựng sự mệt mỏi vì uống quá chén đêm qua. Trí não ông chuyển động nhanh đến nỗi nó vòng quanh các xó xỉnh và biến mất ngoài cửa sổ trước khi tâm trí bạn có thể bắt kịp. Bạn ý thức được tiếng vù vù của những đôi cánh, thấy được đỉnh chóp của những từ ngữ lớn lao. Và sau đó, trước khi kịp nhận biết được chuyện gì đang diễn ra, thì cả công trình đồ sộ ấy đã ngay lập tức hoàn thiện một cách hợp lí mặc dù sau này bạn khó mà nhớ được.

“Bình tĩnh lại, thưa ông!” Elliot đề nghị. “Tôi đã biết ông đã từng có

suy luận tương tự trước đây, nhưng…”

“Không, nghe tôi đây,” tiến sĩ nói với vẻ cực kì tha thiết. “Anh phải nhớ rằng tôi đã bắt đầu cuộc đời mình với vai trò là một giáo viên trong trường học. Mỗi phút trong ngày, những chú bé luôn cố gắng kể cho tôi nghe những câu chuyện kì lạ hoặc những thứ tương tự khác, và bọn nhóc kể chúng một cách trôi chảy, đáng tin, với một sự khéo léo mà tôi chưa từng được nghe trừ lúc ở Old Bailey. Do đó tôi có lợi thế vượt trội hơn so với những cảnh sát khác. Tôi có nhiều kinh nghiệm hơn với những lời nói dối thường dùng. Và tôi chợt lóe lên ý nghĩ rằng anh đã quá ngoan ngoãn chấp nhận sự vô tội của Emmet.

“Ý nghĩ đó đã được gán cho anh, tất nhiên, bởi cô Wills, trước khi anh có thời gian để nghĩ. Vui lòng đừng tức giận, có thể cô ấy đã thực hiện nó trong vô thức. Nhưng anh bị ám ảnh về việc đó đến mức nào lận? Anh nói, ‘Tất cả mọi người trong căn nhà đó đều có bằng chứng ngoại phạm,’ – điều đó không đúng. Hãy giải thích, nếu anh sẵn lòng, làm sao Emmet lại có bằng chứng ngoại phạm được.”

“Ừ hử,” Elliot ậm ừ.

“Trên thực tế, không ai từng thấy qua Emmet. Các anh tìm thấy anh ta nằm bất tỉnh dưới một cái cây, với một que cời lửa cầm tay. Ai đó lập tức nói, ‘Rõ ràng cậu ta đã nằm đây một lúc lâu.’ Nhưng anh có bằng chứng y khoa nào (hoặc anh có thể) chứng tỏ anh ta đã nằm đó trong bao lâu không? Chuyện này không giống với việc công bố thời gian tử vong trong báo cáo khám nghiệm tử thi. Nó có thể mới chỉ xảy ra mười giây trước, hoặc hai hay ba phút trước. Các công tố thường gọi nó là trò-lươn-lẹo.”

Elliot hồi tưởng lại. “Thật vậy, thưa ông, tôi đã từng nghĩ về điều đó. Với giả thuyết này, hẳn người đàn ông đội mũ chóp cao phải là Emmet. Anh ta đã đóng vai của chính mình, ngoại trừ việc anh ta cho ông Chesney uống một viên nhộng độc. Sau đó anh ta sắp xếp để đánh vào đầu mình, tự tạo ra một vết rách để chứng minh bản thân không

có khả năng gây án, và cho thấy anh ta không thể là bác sĩ Nemo.”

“Chính xác. Và?”

“Anh ta là người dễ dàng hành động hơn bất kì ai khác,” Elliot thừa nhận. “Không có trò lừa gạt. Không cần mặc vào và cởi đống đồ hóa trang ra. Tất cả những gì anh ta phải làm là đóng phần việc của chính mình trong khoảng thời gian đã được lên kế hoạch sẵn. Tất cả những gì anh ta phải làm là thay thế viên nhộng vô hại bằng viên nhộng có axit xyanhydric. Anh ta biết mọi chi tiết nhỏ của vở diễn. Anh ta là người duy nhất biết tất cả chi tiết vở diễn. Anh ta…” Càng nghĩ nhiều về giả thiết này, Elliot càng cảm thấy tràn ngập tin tưởng. “Vấn đề là, thưa ông, tôi vẫn chưa biết gì *v*ề Emmet cả. Tôi chưa bao giờ nói chuyện với anh ta. Emmet là ai? Anh ta là gì? Cho đến nay, không có bất kì ai hướng mũi tên nghi ngờ vào Emmet hết. Anh ta được lợi ích gì khi giết ông Chesney?”

“Anh ta được lợi ích gì,” tiến sĩ Fell hỏi, “khi đầu độc strychnine vào một nhóm trẻ em vô tội?”

“Chúng ta trở lại với giả thiết anh ta chỉ đơn giản bị điên thì sao?”

“Tôi không biết. Nhưng điều đó có thể khiến anh cân nhắc về động cơ gây án nhiều hơn một chút. Đối với Emmet…” tiến sĩ Fell cau có, và dập tắt điếu xì gà. “Tôi nhớ có gặp cậu ta trong cùng buổi tiệc nơi tôi đã gặp Chesney. Cao, tóc tối màu, một gã mũi đỏ, với giọng nói và cách cư xử giống như bóng ma người cha của Hamlet. Cậu ta đi đứng lén lút, nói chuyện hơi ngâm nga, và đã làm đổ kem xuống đầu gối. Chủ đề chính để nói về cậu ta là ‘Wilbur già nua tội nghiệp.’ Đó là vẻ ngoài của cậu ta. Vậy còn những đạo cụ khác thì sao? Chiếc mũ chóp cao, áo mưa và các thứ khác? Có phải kích cỡ của chúng chỉ vừa với Emmet thôi không?”

Elliot nhìn qua cuốn sổ ghi chú.

“Chiếc mũ chóp cao có cỡ số 7; nó là một món đồ cũ thuộc sở hữu của chính Marcus Chesney. Cái áo mưa, vốn thuộc sở hữu của Emmet

thì có cỡ lớn của một người đàn ông bình thường. Người ta không làm áo mưa theo danh sách kích cỡ cẩn thận như đồ vét. Găng tay cao su, một đôi giá sáu xu từ cửa hàng Woolworth, tôi tìm thấy nó được cuộn lại một cách chuyên nghiệp trong túi phải của chiếc áo mưa."

"Và?" tiến sĩ Fell nói.

"Và đây là số đo của mọi người; Bostwick đã cung cấp chúng cho tôi. Emmet cao 6 feet, nặng 11,8 st, đội mũ cỡ 7. Bác sĩ Joseph Chesney cao 5 feet 11 inch, nặng 13 st, mũ cỡ 7. George Harding cao 5 feet 9 inch, nặng 11 st, mũ cỡ 6⅞. Giáo sư Ingram cao 5 feet 8 inch, nặng 12,2 st, đội mũ cỡ 7¼. Marjorie Wills cao 5 feet 2 inch, nặng 7,8 st – nhưng ông sẽ không muốn nghe điều đó. Cô ấy ngoại phạm trong vụ này," Elliot nói với vẻ hài lòng trầm mặc và dường như khá chắc chắn. "Những người khác thì hoàn toàn có thể mặc đống đồ ngụy trang đó mà trông chẳng hề kì quặc: ngoại trừ Emmet, hiện nay thứ duy nhất mà tất cả bọn họ có là bằng chứng ngoại phạm không bắt bớ gì được. Chúng ta chưa thể nói gì nhiều vào thời điểm này.Nhưng hiện nay mọi chuyện đều chỉ hướng nghi ngờ vào Emmet. Tôi tự hỏi, tại sao?"

Tiến sĩ Fell nhìn anh một cách tò mò. Anh sẽ nhớ ánh nhìn chăm chú này một thời gian dài sau đó.

"Những người bạn nghiên cứu về tâm lí học của chúng ta," tiến sĩ trình bày, "chắc chắn sẽ nói rằng Emmet là người chịu đè nén, loại người phải chịu đựng chứng Thèm khát quyền lực khủng khiếp. Tôi thừa nhận căn bệnh này rất phổ biến trong số những kẻ phạm tội đầu độc. Jegado, Zwanziger, Van de Leyden, Cream… Danh sách này dài bất tận. Tôi cũng được nghe rằng Emmet mắc một chứng bệnh (hãy để chúng ta in hoa tên căn bệnh) gọi là Cảm Xúc Vô Vọng dành cho cô Wills. Chà, tôi đảm bảo với anh, bất kì ý tưởng phạm tội nào cũng đều là có thể thôi. Nhưng cũng có khả năng," nói đến đây ông nhìn rất chăm chú vào người bạn ngồi trước mặt mình, "Emmet còn đóng một vai trò khác trong vụ án này: một vật tế."

“Vật tế?”

“Đúng vậy. (Anh có thấy rằng) vẫn có một cách giải thích khác về chiếc túi quặp lò xo và tên sát nhân trong cửa hiệu bán sô cô la.” Tiến sĩ Fell cân nhắc. “Tôi rất tò mò, thanh tra, về việc tên sát nhân đã tham chiếu rất nhiều chi tiết từ vụ án của Christiana Edmunds năm 1871. Tôi nhận ra dường như có một bài học từ vụ án cũ đó.”

Nỗi nghi ngờ lại ập đến với Elliot nhanh và đột ngột như thể một mũi tên lao vào bia ngắm.

“Thưa ông, ý ông là…”

“Hả?” tiến sĩ Fell nói, ông đã tỉnh táo lại và thật sự giật bắn người khỏi những suy tư trầm trọng của bản thân. “Không, không, không! Chúa lòng lành, không! Có lẽ anh không hiểu chính xác ý tôi cho lắm.” Ông khoa tay múa chân với vẻ kích động, dường như ông rất nóng lòng thay đổi chủ đề. “Chà, hãy ứng dụng giả thuyết mà anh có và bắt đầu nghiêm túc thảo luận về công việc thôi. Chúng ta sẽ làm gì? Bước tiếp theo của chúng ta là gì?”

“Chúng ta sẽ coi cuộn phim đó,” Elliot nói. “Đó là điều chúng ta sẽ làm, nếu ông quan tâm và muốn tham gia cùng. Thiếu tá Crow nói với tôi có một dược sĩ ở Sodbury Cross là một gã rất mê công việc làm phim không chuyên và đã phát triển hãng kinh doanh riêng của mình. Thiếu tá Crow đã gõ cửa nhà anh ta lúc ba giờ mười lăm sáng nay và anh ta hứa sẽ chuẩn bị sẵn sàng cuộn phim cho chúng ta trước giờ ăn trưa ngày hôm nay. Người dược sĩ này có một máy chiếu phim cá nhân ở tầng trên hiệu thuốc của mình. Thiếu tá Crow nói rằng anh ta đáng tin. Chúng tôi sẽ gặp nhau ở đó lúc một giờ để cho chạy toàn bộ cuộn phim. Trời ạ!” Elliot thô bạo nói, và lắc nắm tay mình. “Thứ này có thể giải quyết những vấn đề của chúng ta. Chuyện thực sự đã xảy ra, nó ở ngay trong màn hình đen trắng đó, không thể nói dối được! Tất cả mọi thứ chúng ta muốn biết! Tôi nói cho ông biết, chuyện đó dường như tốt đến mức không tưởng. Giả sử có gì sai sót với cuộn

phim thì sao? Giả sử nó không ra hình được? Giả sử…”

Anh đã không hề biết rằng một tiếng sau, anh sẽ nhận được một trong những cú sốc lớn nhất trong đời mình. Trong khi tiến sĩ Fell mặc quần áo, trong khi họ lái xe một quãng ngắn đến Sodbury Cross dưới bầu trời quang đãng, trong khi họ đậu xe ở con đường Đại Lộ xám ngắt bên ngoài cửa hiệu bán thuốc của Hobart Stevenson, Elliot đã lường trước hầu hết mọi khía cạnh, chỉ trừ đúng có một. Tiến sĩ Fell, trông như một tên cướp to lớn trong chiếc áo choàng không tay xếp nếp và chiếc mũ to vành, ngồi ở ghế sau, đã lớn tiếng đảm bảo để trấn an nỗi sợ của Elliot, anh cứ lo rằng người dược sĩ đã làm hỏng cuộn phim. Vào lúc họ đến anh gần như đã thuyết phục được bản thân rằng vụ án đã sắp khép lại.

Cửa hiệu của Hobart Stevenson, nằm ngay trung tâm Đại Lộ cực kì đông đúc, có một phong cách mang màu sắc nhiếp ảnh riêng biệt. Cửa sổ của nó trưng bày những chiếc hộp đựng phim nhỏ màu vàng xếp thành hình kim tự tháp. Một chiếc máy quay phim quay ra phía bên ngoài, và phía sau nó là một tấm áp phích trưng ra bức ảnh chụp những khoảnh khắc xuất thần đến khó tin. Từ đây bạn có thể nhìn dọc theo Đại Lộ và thấy cả cửa kính trưng bày của cửa hàng bà Terry, tiếp đến là một cái gara và trạm xăng, một hàng dài những cửa hàng chẳng trưng bày gì ngoài thức ăn, vài quán rượu, và đài phun nước uống ở ngay giữa con đường. Trông Đại Lộ như bị bỏ hoang, bất chấp luồng giao thông chính vẫn ngân nga những tiếng lao vun vút cô đơn và những nhân vật bất động như thể họ đang chăm chú nhìn ra từ những cửa sổ trưng bày các quầy hàng. Từ đây đến The Blue Lion, Elliot có cảm giác như mình bị theo dõi.

Chiếc chuông phía trên cánh cửa phát ra tiếng *ping* sắc gọn khi họ bước vào. Cửa hàng của Hobart Stevenson rất ảm đạm và đầy mùi hóa chất lờ mờ, nó mang lại cho Elliot những kí ức từ một nơi khác. Nhưng nó là một căn phòng nhỏ gọn gàng, có một mớ chai lọ được bao quanh bởi những cái chai lọ khác, từ chứng chỉ hoạt động được

đóng khung trên tường cho tới quả cân của những chiếc cân nằm cạnh quầy thanh toán. Hobart Stevenson – một người thanh niên trẻ tuổi tròn trịa có đôi môi mím chặt, đang mặc bộ vest trắng gọn gàng – luồn ra từ sau quầy thanh toán để gặp họ.

"Thanh tra Elliot đúng không?" anh ta nói. Rõ ràng là anh ta đã quá lo lắng về tầm quan trọng của vụ việc nên khẽ liếc mắt ra ngoài cửa, và đang cân nhắc có nên khóa cửa để không phải tiếp thêm vị khách nào khác không. Mỗi lọn trong bộ tóc dẹp trên đầu anh ta dường như cũng rung lên theo từng chuyển động của đôi mắt; Elliot quan sát anh, và quyết định rằng người này có thể tin được.

"Đây là tiến sĩ Gideon Fell," Elliot nói. "Xin lỗi vì đã đánh thức anh dậy tối qua."

"Không có gì, không có gì, tôi không phiền đâu," Stevenson nói, rõ ràng là không hề bận tâm về điều đó.

"Thế nào? Anh đã có cuộn phim chưa?"

"Đã sẵn sàng hết cho các anh rồi."

"Nhưng cuộn phim có… Ổn cả chứ? Ý tôi là, nó ra hình thế nào?"

"Không tệ, hoàn toàn không tệ chút nào," Stevenson trả lời một cách vui vẻ sau khi cân nhắc một chút. Đối với một nhà nhiếp ảnh nghiệp dư thì lời nhận xét đó khá là hào phóng. Anh chà hai bàn tay vào nhau, như thể đang cố xoa dịu điều gì đó. "Có hơi thiếu sáng một chút, hơi hơi thôi." Anh nghiêng đầu sang một bên, cẩn thận suy xét lại lần nữa. "Nhưng không tệ đâu. Không hề tệ. Không." Sau đó dường như anh không thể kiểm soát hoàn toàn được sự phấn khích trong người mình. "Tôi hi vọng anh sẽ không phiền, thanh tra. Tôi có chạy cuốn phim đó một lần trên máy chiếu của tôi, chỉ để đảm bảo rằng mọi chuyện đều ổn. Tôi đã sẵn sàng ngay từ lúc thiếu tá đến đây. Nếu anh không để tâm thì tôi xin phép nói rằng, chắc chắn anh sẽ có được vài thứ đáng chú ý trong đó. Những manh mối, tôi nghĩ anh sẽ gọi chúng như vậy."

Điều anh ta vừa tiết lộ khiến lông tơ sau cổ Elliot dựng ngược. Nhưng anh nói với vẻ tình cờ rất tự nhiên.

“Ồ? Có gì đặc biệt trong đó thế?”

“Những manh mối.” Stevenson lặp lại với thái độ tôn trọng. Anh ta nhìn quanh. “Ví dụ như, vật thể thứ hai mà ông Chesney nhặt từ bàn lên, và giả vờ dùng nó để viết…”

“Vâng?”

“Như tôi đã nói, tôi hi vọng anh không bận tâm. Tôi đã xem qua cuộn phim và phóng to màn hình để hoàn toàn chắc chắn về điều này. Và sau đó mọi chuyện quá đơn giản đến mức tôi bắt đầu phì cười. Bây giờ tôi vẫn chưa ngừng cười được.”

“Vậy sao? Nó là gì thế?”

“Anh sẽ không bao giờ đoán được đâu,” Stevenson quả quyết nói mà không hề bật cười. “Nó là một…”

“S-U-Ỵ-T!” tiến sĩ Fell gầm nhẹ.

Tiếng rít vang rền này hợp làm một với tiếng *ping* phát ra từ chiếc chuông trên cửa, khi cánh cửa ra vào mở ra và giáo sư Gilbert Ingram bước vào.

Khuôn mặt của giáo sư Ingram không hề xuất hiện sự bất ngờ. Ngược lại, ông đang mang một biểu cảm hết sức hài lòng. Ông đội mũ lưỡi trai và mặc bộ đồ tối màu có quần chẽn gối thụng bằng vải tuýt, thứ không hề làm nổi bật thân hình hơi mập của ông. Nhưng Elliot không để ý đến ánh nhìn thẳng thắn, hay cử chỉ chào hỏi lịch sự của ông, bằng bầu không khí mà ông mang vào cửa hàng. Khi ông ấy đứng trong cánh cửa mở toang, và như thể mọi cái nhìn dữ tợn của Sodbury Cross, tất cả sự tập trung chú ý trong cửa hàng này, đều bị thổi bay vào thông qua cánh cửa như một cơn gió. Bên ngoài trời đang bắt đầu tối hơn báo hiệu cơn mưa sắp đến. Giáo sư Ingram đóng cửa lại.

“Chào buổi sáng, thanh tra,” ông nói. “Và đây, tôi nghĩ, hẳn là tiến

sĩ Fell?” (tiến sĩ Fell nhận lời chào với một tiếng ậm ừ thân mật, và giáo sư Ingram mỉm cười.) “Tôi đã nghe rất nhiều điều tuyệt vời về ông, thưa ông, mặc dù tôi không chắc chúng ta có gặp nhau tại một buổi ăn tối hoặc dịp gì đó tương tự như vậy sáu tháng trước hay chưa. Nhưng dù sao, tôi đã được nghe Chesney nói chuyện về ông. Ông ấy đã viết cho ông một lá thư mới chỉ vài ngày trước, tôi nghĩ vậy, đúng không?”

“Đúng thế.”

“Tuy nhiên.” Giáo sư Ingram trở nên nghiêm túc. Ông quay sang Elliot. “Nếu sáng nay tôi ngủ quá giấc, thanh tra, tôi không nghĩ bất cứ ai sẽ trách cứ mình. Tôi đã vắt chân lên cổ mà chạy từ túp lều của mình lên đây.” Ông gồng người lên một cách hài hước để chứng tỏ rằng mình đã hết hơi. “Dường như tối qua tôi có nghe được anh lên kế hoạch cho… Ừm… Buổi xem trước cuộn phim đó ở đây, tại cửa hiệu Stevenson (chào buổi sáng, anh Stevenson!). Tôi không nghĩ mọi người sẽ phản đối mãnh liệt nếu tôi tham gia buổi chiếu cuộn phim đó chứ?”

Một lần nữa bầu không khí lại thay đổi một cách tinh tế. Elliot điềm tĩnh đáp. “Xin lỗi, thưa ông. Tôi e rằng điều đó là không thể.”

Sự thân thiện của Ingram bắt đầu biến thành bối rối. “Thật vậy ư, thanh tra?”

“Xin lỗi ông. Chính chúng tôi cũng chưa được xem nó nữa. Có lẽ ông sẽ có cơ hội xem cuộn phim này vào một thời điểm thích hợp hơn.” Khi anh nói đến đây cả căn phòng trở nên yên lặng.

“Thanh tra, anh không nghĩ rằng như vậy là hơi bất công sao?” giáo sư Ingram hỏi, với một sự thay đổi rất nhẹ trong giọng nói. “Dù sao, tôi đến với anh như một nhân chứng về chuyên môn. Tôi đã giúp anh với tất cả khả năng của mình, và chính anh người đầu tiên thừa nhận sự giúp đỡ ấy đã đem đến những chỉ dẫn hiệu quả. Nên đương nhiên tôi phải lo lắng xem coi liệu tôi có đúng không chứ.”

“Xin lỗi ông.”

Elliot di chuyển lùi lại phía quầy thanh toán. Anh va vào chiếc cân máy, khiến quả cân rung lên. Liếc mắt về bên trái, anh bắt gặp hình ảnh phản chiếu của mình trong một tấm gương ảm đạm treo trên tường. Và khi bất ngờ nhận ra rằng đa phần những người bán dược phẩm phải có những tấm gương như thế để biết có khách hàng nào vào cửa hàng không trong khi anh ta đang bận loay hoay ở sau phòng chứa thuốc, Elliot lại phải tìm hiểu xem những sự trùng hợp đó là tốt hay xấu. Nhưng phần lớn cái liếc mắt của anh là để quan sát giáo sư Ingram – người đã chăm chú nhìn ra dưới chiếc mũ vải tuýt, và bật cười.

"Chà, cũng không sao," giáo sư nói, trông sung sức, bận rộn và vui nhộn trở lại. "Tôi sẽ phải kiềm chế bản năng tò mò lại, vậy thôi, mặc dù anh đã làm tổn thương thói tự cao tự đại của tôi quá chừng đấy." Ông ngừng lại để cân nhắc. "Đúng vậy, chính nó: thói tự cao. Tuy nhiên, nếu anh không phiền, tôi thực sự muốn mua vài thứ, và sau đó tôi hứa sẽ không gây trở ngại nữa. Ông Stevenson! Một gói lưỡi dao cạo râu loại thường. Và một hộp thuốc viên thanh quản Strymo, cỡ nhỏ. Đúng, ở đó. Ồ, và anh có thể đưa tôi..."

Ông di chuyển dọc theo quầy tính tiền, và tiếp tục nói một cách nghiêm túc hơn:

"Tôi phải đến Bellegarde. Sẽ có một đám tang được tổ chức sau cuộc khám nghiệm tử thi, và tôi biết chiều hoặc tối nay Vickers sẽ từ Bath đến để đọc di chúc. Ngoài ra, tôi đang băn khoăn không biết Wilbur Emmet đã tỉnh lại hay chưa nữa."

"Tôi cho rằng," tiến sĩ Fell quan sát và bỗng bất ngờ nói. Ông lên tiếng một cách đột ngột đến nỗi tất cả bọn họ đều bị giật mình một chút. Chuyện đó như thể ông ấy bỗng đưa tay ra và nói chuyện với ai đó trên đường vậy. "Ông có giả thuyết nào đó đúng không?" tiến sĩ hỏi với vẻ cực kì hứng thú.

"A!" giáo sư Ingram nói. Ông đang cúi xuống chỉ vào vài loại thuốc

trong tủ bày hàng thấp hơn, nhưng ông nhanh chóng đứng thẳng lên. “Nếu tôi có, thưa ông, liệu đây có phải là thời gian hay địa điểm để trình bày điều đó không?”

“Không sao…”

“Không sao, như ông nói! Bây giờ, thưa ông, ông là một người thông minh. Tôi nghĩ tôi có thể dựa vào ông được.” (Elliot đột nhiên hoàn toàn bị lờ đi như thể anh là một người phụ nữ trẻ bằng giấy bìa có kích thước người thật đang quảng cáo xà phòng ở khuỷu tay mình.) “Tối qua tôi đã nói với thanh tra rồi, tôi đã nói với tất cả bọn họ tới vài lần, rằng họ đang tiếp cận vụ này không đúng hướng, rằng họ đã KHÔNG HỀ cân nhắc đến yếu tố quan trọng duy nhất ở đây. Ý tôi, dĩ nhiên, là động cơ gây án.” Khuôn mặt ông đỏ lên, có vẻ như đang tập trung. “Tôi không cần thảo luận về chuyện đó lúc này. Nhưng tôi cần phải nói một điều. Ông đã nghe vê động cơ giết người, một trong những động cơ có tác động mạnh nhất với tâm lí học tội phạm, thứ đại khái có thể gọi là ham muốn quyền lực chưa?”

“Ôi trời,” tiến sĩ Fell nói.

“Xin lỗi ông?”

“Không, là tôi xin lỗi,” tiến sĩ Fell nói một cách nghiêm túc và có phần có lỗi. “Chỉ là tôi hầu như không hề mong đợi mọi chuyện lại lao vào tôi sớm như vậy thôi.”

“Ông phản đối nó sao? Hãy nói tôi biết: ông có tin rằng, vụ đầu độc tại cửa hàng của bà Terry và vụ đầu độc tối qua được thực hiện bởi hai thủ phạm khác nhau không?”

Tiến sĩ Fell cáu kỉnh đáp. “Không. Ngược lại, tôi gần như chắc chắn rằng chúng được thực hiện bởi cùng một người.”

“Tốt. Vậy thì đâu là mối liên kết khả thi giữa hai vụ đó? Và một động cơ gây án khả thi khác đang nằm ở đâu?”

Chiếc máy đếm tiền kêu lên một cách sắc lạnh. Giáo sư Ingram, đưa

tay nhận về một gói hàng, quay lại một chút và nhìn nó như thể gói hàng đã khiến ông nảy ra một ý tưởng mới. “Tôi chỉ có thể nói lại lần nữa: chỉ có một động cơ duy nhất cho cả hai vụ án mạng. Kẻ giết người chẳng đạt được gì từ việc giết Frankie Dale đáng thương và gần như giết những đứa trẻ nhà Anderson. Hắn ta cũng chẳng được gì từ việc giết Marcus Chesney. Ý tôi là về mặt vật chất. Cả Marjorie và Joe Chesney, như tất cả chúng ta đều biết, sẽ được thừa kế một khối lượng tài sản lớn. Nhưng tên giết người,” nói đến đây ông mở mắt ra, “lại chẳng thu được gì. Chà, tôi không nên đứng đây nói chuyện và làm mất thời gian làm việc của các anh. Chào ông, tiến sĩ Fell. Chào anh, anh Stevenson. Chào anh.”

Ông ấy không đóng cửa hoàn toàn khi bước ra ngoài. Có cảm giác lớp kiếng rung nhẹ khi một chiếc xe tải chạy qua Đại Lộ gây ra tiếng động ầm ầm như sấm. Mùi không khí ẩm lạnh và mùi ẩm mát của những cái cây tràn vào, khuấy động mùi hóa chất trong cửa hiệu lên. Tiến sĩ Fell đang huýt sáo thầm bản “Auprès de Ma Blonde”. Elliot, người biết những dấu hiệu này, tỏ ra do dự.

Sau đó tiến sĩ nhấc chiếc gậy chống cầm tay của mình lên và chỉ về hướng cánh cửa.

“Tôi đảm bảo với anh tôi không phải một người nghi ngờ thái quá,” ông nói. “Nhưng quý ông đó *có* chứng cứ ngoại phạm đúng không?”

“Một chứng cứ cứng như gang đúc. Đó là rắc rối. Những chứng cứ ngoại phạm ở đây không phải cái kiểu một ai đó, bằng cách dùng thủ thuật với tàu lửa hoặc xe ô tô, có thể thực hiện một bước nhảy ma thuật từ nơi này đến nơi khác. Các chứng cứ ngoại phạm lần này hầu hết đều là việc xác nhận sự hiện diện của một người qua những người khác. Ngoài ra thì có một trường hợp khác, thì bằng chứng ngoại phạm là thông qua một chiếc đồng hồ không thể bị can thiệp. Không thể có thắc mắc gì…”

Elliot kìm bản thân lại, anh bất ngờ nhận ra rằng mình đang nói

chuyện trước một người ngoài như Hobart Stevenson. Anh cũng có thể thề rằng khuôn mặt của Stevenson đã xuất hiện một tia sáng thực sự thích thú khi nghe vài điểm trong những lời nhận xét vừa rồi của anh. Người bán dược phẩm, người đã trở nên nghiêm trang chuyên nghiệp trở lại, đang cố gắng để kìm lại một bí mật cực lớn.

Vậy nên Elliot sắc bén nói. “Anh đang dở chuyện với chúng tôi một phút trước, đúng không anh Stevenson?”

“Thành thật mà nói, thanh tra, tôi mong anh tự mình thấy chuyện đó. Nếu anh tin tưởng…”

“Ê!” tiến sĩ Fell nói.

Tiến sĩ đã lê thân và đẩy mình vòng đến phòng thuốc phía sau quầy thanh toán. Stevenson, rõ ràng đã bị mê hoặc bởi vị khách to lớn này, lập tức theo sau ông. Tiến sĩ Fell hào hứng nhìn chăm chú xung quanh.

“Anh cách li những chất độc ở đây thế nào?” ông hỏi, như kiểu hỏi thăm cách thoát nước thế nào.

“Theo từng nhóm thường dùng, thưa ông.”

“Có axit xyanhydric hay kali xyanua không?”

Lần đầu tiên từ khi đến đây, Stevenson mới tỏ vẻ hơi căng thẳng. Anh ta vuốt tóc ngược ra sau với cả hai tay, hắng giọng, và chuẩn bị đâu ra đấy.

“Không, không có axit xyanhydric. Tôi có một hay hai chế phẩm của kali xyanua. Nhưng, như tôi đã nói với ông Bostwick sáng nay…”

“Chúng bán chạy không?”

“Tôi không bán được đơn hàng nào trong mười tám tháng. Này, tôi nghĩ nói với ông cũng không sao chứ?” Anh ta nhìn Elliot, người đã tham gia cùng họ trong một lối đi chật chội và mờ tối giữa những cái chai, một cách đầy nghi ngờ. “Như đã nói, sáng nay tôi đã trả lời những câu hỏi của sĩ quan rồi. Và nếu anh đang nghĩ (tôi nói chỉ giữa

chúng ta thôi đấy) nếu anh đang nghĩ có bất cứ ai ở Bellegarde từng mua KCN từ bất cứ đâu, bất cứ người nào, để sử dụng trên cây ăn trái… Chà, tôi cho rằng, chuyện đó khó mà xảy ra được. Mức nhiệt độ trong những nhà kính đó quanh năm được giữ từ năm mươi đến tám mươi độ F, nên phun KCN vào bên trong sẽ đơn thuần giống như tự sát vậy.”

Việc này thực sự không khiến Elliot ngạc nhiên lắm.

“Tôi có thể cho anh xem bản đăng kí của tôi, nếu anh muốn,” Stevenson thêm vào.

“Không, không. Thành thật mà nói,” tiến sĩ Fell lên tiếng. “Tôi có hứng thú với nhiếp ảnh hơn. Đây dường như là một căn nhà của nghệ thuật nhiếp ảnh.” Ông nhìn thoáng qua xung quanh. “Nói tôi nghe coi. Anh có bán những bóng đèn dùng để chụp ảnh chứ?”

“Những bóng đèn dùng để chụp ảnh? Chắc chắn rồi.”

“Giờ, hãy cho tôi biết,” tiến sĩ Fell nói. “Giả sử tôi đã lắp một trong những cái bóng đèn đó vào đui, và bật nó lên, và giữ nó sáng đều. Nó có thể sáng được bao lâu trước khi không cháy được nữa?”

Stevenson nhìn thoáng qua ông.

“Nhưng ông không thể làm như vậy,” anh chỉ ra với vẻ khôn ngoan. “Ông chỉ ‘giữ nó sáng’ trong khi…”

“Đúng, đúng, tôi biết. Nhưng giả sử tôi là một kẻ lập dị. Giả như tôi lắp nó vào đui và cứ để đó. Nó sẽ sáng trong bao lâu?”

Người bán thuốc cân nhắc điều này.

“Tôi nghĩ là nó sẽ dùng tốt trong khoảng hơn một tiếng.”

“Anh có chắc chắn về điều đó không?”

“Vâng, thưa ông, khá chắc. Theo tôi được biết thì những thứ đó mang lại lợi nhuận tốt nhất mà.”

“Hmm. Ra thế. Có ai ở Bellegarde mua bóng đèn chụp ảnh từ cửa

hàng của anh vào sáng hôm qua không?”

Stevenson tỏ vẻ quan trọng. “Sáng hôm qua? Để tôi nghĩ đã.” (Anh ta không thật sự cần nghĩ về điều đó, Elliot quan sát.) “Có, cô Wills đã mua. Cô ấy đến cửa hàng vào khoảng mười giờ sáng và mua một cái. Nhưng, nếu ông không bận tâm tôi hi vọng ông không định trích dẫn hết mọi điều tôi nói. Tôi không muốn nghe bất cứ điều gì về bất cứ ai ở Bellegarde hết.”

“Cô Wills có thường mua chúng không?”

“Không thường, nhưng cũng thỉnh thoảng.”

“Mua cho chính cô ấy dùng à?”

“Không, không, không. Mua cho ông Chesney. Thỉnh thoảng họ có chụp ảnh trong nhà tại các nhà kính. Những quả đào, anh biết đấy, mẫu vật, và quảng cáo, những thứ tương tự. Hôm qua ông ấy đã bảo cô ấy mua một cái bóng đèn.”

Tiến sĩ Fell nhìn Elliot. “Thanh tra, anh có ghi lại rằng, cô Wills nói cái bóng đèn được sử dụng tối qua là một cái bóng mới do cô ấy tự mua.” Ông quay lại với Stevenson lần nữa. “Vậy là, bản thân cô Wills không học đòi trong nhiếp ảnh, đúng không?”

“Không, không, không hề. Cô ấy chưa bao giờ mua bất cứ thứ gì ở đây để sử dụng trong nhiếp ảnh cả.”

Andrew Elliot nhìn lên, bị kí ức đâm nhói. Và trong vài giây, như một bánh xe quay ngược, anh đã nhìn thấy Marjorie Wills nhìn mình trong tấm gương.

Tất cả bọn họ không hề nghe được tiếng *ping* nào từ cái chuông phía trên cánh cửa. Cánh cửa vẫn khép hờ, di chuyển và kêu cót két một chút. Họ cũng không hề nghe được tiếng bước chân. Những gì họ nghe được, khi Elliot ngước lên và thấy bản thân mình đang nhìn chăm chú vào khuôn mặt đầy đủ trong chiếc gương cách chưa đến năm feet, là một giọng nói rõ ràng, mềm nhẹ, phát âm từng từ chậm

rãi của người dược sĩ.

Sự phản chiếu xuất hiện đột ngột như thể trượt ra từ phía sau khung cảnh nào đó. Đôi môi cô ấy hơi mở ra, và cô ấy đang đội cùng một chiếc mũ mềm màu xám. Một bàn tay đeo găng của cô đang giơ lên một nửa, như chỉ vào thứ gì đó. Nhìn thẳng vào đôi mắt cô trong tấm gương mờ, Elliot đã thấy, ký ức về một gương mặt đang dần trở lại trong đôi mắt ấy.

Cô ấy đã nhớ.

Marjorie Wills đặt ngón tay lên miệng, như một đứa trẻ.

Và ngay lúc đó cửa trước xảy ra vụ vỡ kính, tiếng loảng xoảng của những mảnh kính vỡ rơi xuống và cuối cùng là một tiếng leng keng chậm rãi lan ra trong không gian tĩnh mịch, khi có ai đó từ đường phố bên ngoài ném một viên đá vào Marjorie Wills.

XIII. ĐỌC Ý NGHĨ?

ELLIOT NHẢY QUA quầy thu ngân và lao thẳng đến cái cửa. Hành động đó thuộc về bản năng, đó là sự huấn luyện trong quân ngũ. Nhưng hành động đó cũng là bởi vì anh không muốn chạm mắt với Marjorie Wills.

Anh mở toang cánh cửa, bước chân anh kêu lạo xạo trên lớp kính vỡ. Đột nhiên anh cảm thấy cực kì giận dữ với viên đá ác ý đó, đến nỗi anh gần như lách ra ngoài được thông qua ô tường bị vỡ. Sau đó anh đứng quan sát quanh quất con đường.

Cả con đường hoàn toàn trống rỗng. Người duy nhất trong tầm nhìn của anh – người đang đứng quá xa để có thể ném một viên đá – lại là

một cậu bé giao hàng bằng xe đạp, cậu ta đang cực nhọc nhấn những vòng xoay nặng nề trên bàn đạp và nhìn chăm chăm lên trời. Con đường Đại Lộ nằm đó một cách thanh bình và hiển nhiên như công việc thường ngày của nó.

Bây giờ, bình tĩnh nào.

Thậm chí dù bị máu nóng dồn lên đầu, anh vẫn cảm nhận được làn gió lạnh và tự kéo chặt áo lại. Anh không được hành động sai lầm. Anh không được lao ra một cách dữ dội, hay khiến bản thân làm điều ngốc nghếch. Và sau đó họ sẽ có cơ hội để cười nhạo cũng như tiếp tục ném đá. Anh có nên hét gọi cậu bé? Hay nên giải tán người bán rau quả bên kia đường? Không, lúc này thì tốt nhất là không. Khi chưa chắc chắn, nên chơi trò chờ đợi và để gã ném đá kia tự hỏi anh đứng đó làm gì thì hơn. Việc này gây hoảng sợ cho hắn ta hơn bất kì điều gì khác. Nhưng đây là lần đầu tiên anh tận mắt thấy những kẻ ngớ ngẩn, bí mật căm ghét Marjorie Wills lấy cô ra làm mục tiêu. Có lẽ Elliot đã yên lặng đứng nhìn con đường trong cả hai mươi giây. Sau đó anh trở lại cửa hàng.

Marjorie Wills đang nghiêng người dựa vào quầy thu ngân với hai tay bưng mắt.

“Nhưng tại sao?” cô nói một cách đáng thương. “Tôi… Tôi chẳng hề làm gì cả.”

“Họ không thể đập vỡ tiệm của tôi như vậy được,” Stevenson, người đang hơi tái xanh, nói. “Tôi cũng không hề làm gì cả. Họ không thể đập vỡ cửa sổ của tôi như vậy được. Tôi cho vậy là không đúng. Anh không định làm gì về chuyện đó à, thanh tra?”

“Có,” Elliot nói. “Nhưng ngay bây giờ…”

Stevenson dường như đang lưỡng lự, hoang mang giữa một vài ý định. “Cô có muốn ngồi xuống không, cô Wills? Ngồi vào ghế nhé? Hay trong phòng phía sau? Hay trên lầu? Vậy đi,” anh ta trở nên thận trọng hơn, “tôi không hề biết rằng mọi chuyện lại tệ hại đến mức này. Tôi

không nghĩ ra khỏi đây lần nữa là một ý định khôn ngoan cho cô đâu."

Điều này là quá sức chịu đựng của Elliot.

"Ồ, phải không?" anh nói. "Dù sao, chúng ta đang ở đâu đây? Ở Anh? Hay Đức? Chúng ta là gì chứ? Một bầy người không thuộc chủng tộc Aryan bị giam trong chỗ ẩn náu cuối cùng đấy à? Chỉ cần nói với tôi cô muốn đi đâu thôi. Và nếu bất kì ai có vẻ không thành thật với cô, tôi sẽ tống hắn vào tù trước khi chúng ta tìm ra được Nemo là ai."

Cô gái nhanh chóng quay đầu lại nhìn anh. Và có gì đó đã xảy ra, rõ ràng như thể chúng được in ngay trên tất cả những thùng hàng các tông nhiều vô tận xếp quanh cửa hàng. Không phải là điều anh vừa nói. Đó là bầu không khí mà những cảm xúc tỏa ra rõ ràng như cơ thể tỏa nhiệt. Elliot lại một lần nữa trở nên ý thức mãnh liệt với sự tồn tại của cô gái: mỗi chi tiết trên khuôn mặt, từ đường kẻ mắt đến dáng tóc sau thái dương. Nó chính là thứ được gọi với cái tên sự giao tiếp của con người.

"Bình tĩnh," tiến sĩ Fell nói.

Giọng nói điềm tĩnh, vang như sấm rền của tiến sĩ đã khiến anh tỉnh táo trở lại. Giọng ông nghe có vẻ khá hớn hở.

"Xét cho cùng," ông tiếp tục, "tôi không nghĩ rằng hoàn cảnh của chúng ta lại tệ đến mức đó. Cô Wills có muốn ngồi xuống không? Chắc chắn rồi! Cô ấy có muốn đi đâu không? Chắc chắn rồi! Này, sao lại không chứ? Cô có chuyện để làm ở đây đúng không, quý cô?"

"Tôi có… Gì cơ?" Cô gái vẫn đang nhìn Elliot với đôi mắt tập trung. Giờ thì cô tự đánh thức chính mình khỏi ánh nhìn đó.

"Xà phòng, kem đánh răng, muối tắm…"

"Ồ. Tôi… Tôi đến đây để gặp thanh tra." Giờ thì cô không nhìn anh nữa. "Thiếu tá… Thiếu tá Crow muốn anh ấy đến Bellegarde. Thêm lần nữa. Họ không thể tìm thấy anh ấy từ mười một giờ trở đi, và không ai biết anh ấy ở đâu. Chúng tôi đã cố gọi đến cửa hàng

Stevenson, bởi vì thiếu tá Crow nói anh… Anh ấy… Sẽ ở đây vào lúc một giờ. Nhưng không ai nhấc máy, và tôi thì nghĩ là lái xe qua Sodbury Cross sẽ giúp tôi rèn luyện tinh thần. Xe tôi đang ở bên ngoài, nếu họ vẫn chưa đâm thủng lốp.”

“Thiếu tá Crow? Nhưng tại sao lại ở Bellegarde? Ông ấy định đến đây lúc một giờ mà.”

“Anh vẫn chưa *nghe* à? Không ai nói với anh sao?

“Nói với tôi cái gì?”

“Về cái chết của Wilbur,” Marjorie nói.

Tiến sĩ Fell với tay tới vành chiếc mũ to vành đang đội và kéo nó lên hơi xa mắt mình một chút. Bàn tay to lớn của ông vẫn duy trì tư thế đó, che lại cặp mắt kiếng đang đeo.

“Tôi rất tiếc,” ông lẩm bẩm sau tay mình. “Vậy là tử vong do chấn động não à?”

“Không,” Marjorie nói. “Bác Joe nói rằng ai đó đã vào phòng lúc nửa đêm, với một ống kim tiêm dưới da chứa axit xyanhydric, và… Và tiêm nó vào tay anh ấy… Và anh ấy chết trong khi đang ngủ.”

Sự yên ắng lặng lẽ bao trùm cả căn phòng.

Tiến sĩ Fell bước ra từ sau phòng chứa thuốc. Ông ì ạch hướng về phía cửa, nơi ông đứng với cái đầu hạ thấp. Sau đó ông rút ra một chiếc khăn tay lớn in hoa đỏ sặc sỡ và hỉ mũi thật mạnh.

“Mọi người thứ lỗi,” ông nói. “Trước đây tôi đã bị cảm lạnh, nhưng chúng chẳng bao giờ chịu khỏi nhanh chỉ với sự chăm sóc hợp lí và tình yêu thương cả. Chuyện đó đã xảy ra thế nào?”

“Tôi không biết, chẳng ai biết cả.” Marjorie rõ ràng đang rất khó khăn mới giữ được bình tĩnh. “Đêm qua chúng tôi ngủ rất trễ, và chúng tôi không thức dậy cho đến gần mười một giờ sáng nay. Bác… Bác Joe đã nói không cần có người canh Wilbur. Sáng nay Pamela đi

vào phòng anh ấy và chỉ… Chỉ thấy anh ấy như thế.”

Cô hơi nhấc hai tay đang để bên váy lên, và lại thả chúng xuống.

“Tôi biết rồi. Anh Stevenson!”

“Tiến sĩ?”

“Có phải điện thoại của anh đã bị gác lệch không?”

“Theo tôi biết thì không,” người kia đáp lại đầy lo lắng. “Chắc chắn là tôi đã ở đây cả buổi sáng, tôi cũng không hiểu nổi nữa.”

“Tốt.” Tiến sĩ Fell quay sang Elliot. “Giờ tôi sẽ đưa ra một lời đề nghị. Anh phải gọi đến Bellegarde. Anh phải nói với thiếu tá Crow rằng, thay vì anh đến Bellegarde, ông ấy phải đến đây một lần…”

“Khoan đã! Tôi không thể làm vậy được, thưa ông,” Elliot phản đối. “Thiếu tá Crow là cảnh sát trưởng, ông biết đấy. Bostwick…”

“Tôi có thể lo chuyện đó,” tiến sĩ Fell nhẹ nhàng nói. “Tôi biết Crow rất rõ, từ vụ án Tám Thanh Kiếm. Thật ra, nói thật với anh, một cách nghiêm khắc và có lỗi,” nói tới đây khuôn mặt đỏ rực của ông trở nên đáng chú ý hơn, “Crow có yêu cầu tôi nghiên cứu vụ bà Terry khi chuyện chết tiệt này chỉ mới xảy ra. Tôi đã từ chối. Tôi từ chối bởi vì giải thích duy nhất tôi có thể nghĩ ra vào thời điểm đó nghe có vẻ quá điên cuồng và hoang đường, đến nỗi tôi đã không phát triển suy luận theo hướng đó. Nhưng bây giờ, dựa trên thực tế, tôi bắt đầu thấy giả thuyết đó không hoang đường chút nào. Giả thuyết đó bỗng trở nên quá hiển nhiên: những cái chết rõ ràng và dễ hiểu. Điều đó làm tôi sợ, đó là lí do tại sao tôi lại quá khẩn cấp và vô cùng sẵn sàng giải thích cho anh sáng nay.”

Ông lắc nắm tay của mình một cách mạnh mẽ.

“Và bởi vì tính khiêm tốn chết tiệt của tôi – *hừm!* - thêm hai người nữa đã chết. Tôi muốn anh ở đây. Tôi muốn Crow đến đây. Tôi muốn xem cuộn phim đó, ngay bây giờ, hơn bất kì điều gì khác mà tôi có thể nghĩ đến. Tôi muốn chỉ cho anh, trong màn hình lạnh lùng hai màu

đen trắng đó, những điều mà tôi nghĩ chính là chuyện đã xảy ra. Do đó tôi dự tính sẽ gọi điện thoại và ra lệnh cho những người khác như một gã cướp biển. Nhưng trong khi tôi đang gọi điện thoại," nói tới đây ông đã không còn lớn tiếng nữa, ông nhìn Elliot một cách rất điềm tĩnh, "tôi đề nghị anh hỏi cô Wills về những chuyện đã xảy ra tại cửa hàng dược phẩm kia."

Marjorie cứng người lại. Elliot giả vờ như không chú ý tới, anh nói với Stevenson.

"Anh sống phía trên cửa hàng này đúng không? Anh có căn phòng nào có thể cho tôi mượn trong vài phút không?"

"Có, dĩ nhiên. Nó là căn phòng nơi tôi dự định sẽ chiếu cuộn phim cho mọi người."

"Cám ơn. Anh dẫn đường giúp tôi được chứ? Cô Wills, mời cô!"

Cô gái không hề nói lời nào khi Stevenson dẫn họ lên cầu thang đến một căn phòng nghỉ thoải mái kiểu cổ nhìn ra con đường. Có những cánh cửa đôi (lại cửa đôi) nối giữa phòng này với một căn phòng ngủ. Chúng đang để mở, nhưng khoảng trống khung cửa được lấp đầy bằng một tấm màn buộc chặt với những giá vẽ tạo thành một màn hình trình chiếu. Những tấm màn cửa nặng nề để mở một nửa, và có lửa cháy trong lò sưởi. Một chiếc máy chiếu phim lớn, cuộn phim tròn của nó đã được lắp vào chỗ, đang đứng trên bàn.

Vẫn không nói lời nào, Marjorie bước qua chỗ ghế sô pha và ngồi xuống. Bây giờ thì Elliot lại phải chịu một phản ứng dữ dội: lương tâm của anh lại trỗi dậy lần nữa.

Marjorie nhìn quanh căn phòng bập bùng ánh lửa, như thể cô đang cố kiểm tra xem họ có ở một mình không. Sau đó cô gật đầu và nói một cách lãnh đạm:

"Tôi từng nói với anh rằng chúng ta đã gặp nhau trước đây rồi."

"Đúng vậy," Elliot đồng ý. Anh ngồi xuống cạnh cái bàn và mở cuốn

sổ ghi chú của mình ra, thứ cho thấy sự thận trọng tuyệt vời của mình. “Chính xác là thứ năm tuần trước, hiệu thuốc Mason & Son, số 16 đường Crown, nơi cô đã cố gắng mua kali xyanua.”

“Và anh vẫn chưa nói với bất cứ ai về điều đó.”

“Điều gì khiến cô nghĩ tôi chưa nói vậy cô Wills? Tại sao cô cho là tôi có thể bỏ qua chi tiết quan trọng này trong vụ án?”

Đây là một lời nói cay đắng. Anh cố tình nói như vậy, như một kiểu tạo điều kiện cho lương tâm của mình vùng lên. Anh tự hỏi mình đã tự phản bội bản thân nhiều đến thế nào khi ở tầng dưới, và cô ấy đã chú ý được bao nhiêu. Liệu cô ấy có cố gắng tận dụng điều đó và làm ra vẻ mình chỉ là một vị khách bất ngờ, bước vào cửa hàng ấy vì hứng thú nhất thời hay không, và anh không thể chịu đựng được điều đó.

Nếu anh hi vọng lời nói của mình đem lại hiệu quả gì đó, vậy thì rõ ràng anh đã có một hiệu quả ngay trước mắt. Màu sắc dần biến mất trên khuôn mặt cô. Đôi mắt cô, thứ từng mở to và bình tĩnh nhìn anh chăm chú, giờ đây đã nhấp nháy. Cô không thể hiểu được anh, và do đó, cô nổi giận.

“Ồ. Vậy là anh đến để bắt tôi đó hả?”

“Cái đó còn tùy.”

“Cố gắng mua muối xyanua ngay cả khi không mua được là phạm tội sao?”

Elliot nhấc cuốn sổ của mình lên và mở banh nó ra trên mặt bàn.

“Thành thật mà nói, cô Wills, và chỉ giữa chúng ta thôi, nói chuyện như thế thì có gì tốt chứ? Có ai lại giải thích kiểu đó không?”

Cô gái đang cực kì nhạy bén. Elliot khâm phục trí thông minh của cô kể cả khi anh nguyền rủa nó. Cô vẫn đang quan sát, chờ đợi, băn khoăn xem cần làm gì với anh. Và đôi tai cô ngay lập tức bắt được sắc thái lờ mờ của thái độ thôi-nào-xuống-nước-đi-tại-sao-cô-không-giúp-tôi, thứ mà anh đã không thể kiềm chế được mà đưa vào trong câu hỏi

bực dọc cuối cùng.

“Nếu tôi nói với anh sự thật, thanh tra, nếu tôi nói một cách thực sự và chân thành lí do tại sao tôi muốn loại độc đó, anh sẽ tin tôi chứ?”

“Nếu cô nói với tôi sự thật, thì có.”

“Không, đó không phải trọng điểm. Đó không phải là điều tôi muốn. Nếu tôi kể cho anh sự thật một cách trung thực, anh có hứa, *hứa* không kể với bất kì ai khác không?”

(Điều đó, anh nghĩ, là thật lòng.)

“Xin lỗi, thưa cô. Tôi e rằng tôi không thể hứa một điều như vậy được. Nếu nó liên quan đến cuộc điều tra…”

“Nhưng nó không liên quan.”

“Được rồi. Cô muốn làm gì với muối xyanua?”

“Tôi muốn dùng nó để tự sát,” Marjorie bình tĩnh nói.

Sau đó là một khoảnh khắc yên lặng ngắn ngủi, trong khi lửa trong lò đang lách tách cháy.

“Nhưng tại sao cô lại muốn tự sát?”

Cô gái hít một hơi sâu. “Nếu anh buộc phải biết, thì nguyên nhân là do tôi đã hoàn toàn phát ốm và cảm thấy quá kinh khủng với ý tưởng phải quay trở về nhà. Giờ tôi đã kể nó với anh. Tôi đã kể cho ai đó.” Cô nhìn anh một cách tò mò, như thể cô đang tự hỏi mình tại sao lại kể với anh điều đó.

Một cách vô thức, Elliot đã chuyển từ điệu bộ của một thám tử đang nghiêm túc đặt câu hỏi thành một điệu bộ gì đó khác, nhưng cả hai bọn họ đều không chú ý đến điều này.

“Ừ, nhưng nghe này! Có phải có lí do nào nữa khiến cô muốn tự sát không?”

“Anh cứ thử trải qua những chuyện mà tôi đã phải trải qua, ở đây,

thì biết. Anh bị đầu độc về tinh thần. Người bị đầu độc như vậy thì mỗi phút trong ngày đều mong muốn bị bắt giam cho rồi, và anh lại không được toại nguyện vì không có đủ bằng chứng. Sau đó anh cố gắng rời đi trên con tàu Địa Trung Hải tráng lệ, thứ mà anh chưa bao giờ được trải nghiệm trong đời bất chấp sự thật bác của anh là một triệu phú. Sau đó cố gắng quay trở lại với những gì anh đã rời bỏ. Thử đi. Anh thử đi! Và xem anh cảm thấy thế nào."

Cô nắm chặt hai bàn tay lại.

"Ồ, giờ thì tôi đã vượt qua nó. Nhưng tất cả những gì tôi đã cảm thấy, từ giây phút tôi xuống khỏi tàu, đơn giản chỉ là tôi không thể vượt qua được. Tôi đã không ngừng nghĩ như thế. Nếu có khả năng ngừng cảm giác đó lại, tôi đã có thể bịa ra những câu chuyện hợp lí hơn, vậy thì tôi đã không lắp bắp và vấp váp và cảm thấy hoang mang khi người dược sĩ bắt đầu đặt câu hỏi. Sau đó tôi có nghĩ về điều này. Nhưng tất cả những gì có trong đầu tôi thời điểm đó, là tôi đã nghe rằng kali xyanua là chất giết người rất nhanh và nó sẽ không gây đau đớn. Tất cả những gì tôi cần làm chỉ là nuốt nó rồi chết. Và tôi nghĩ rằng ở nơi đó, tại khu East End của London sẽ chẳng ai biết hay nhớ tôi là ai. Tôi cho rằng việc quay trở lại đây đã làm tôi nghĩ như thế: nhìn thấy các ngôi nhà và mọi thứ."

Elliot đặt cây bút chì của mình xuống: "Nhưng còn vị hôn phu của cô thì sao?"

"Vị hôn phu của tôi?"

"Cô định kể với tôi rằng cô muốn mua thuốc độc để tự tử khi mà cô đang trên đường quay về nhà kết hôn à?"

Cô gái làm một cử chỉ ra chiều tuyệt vọng. "Tôi đã bảo đó chỉ là tâm trạng nhất thời thôi còn gì! Tôi đã nói rồi mà. Ngoài ra, đó là một câu chuyện khác. Mọi thứ đã rất tuyệt trước khi tất cả những chuyện này diễn ra, và tôi đã hi vọng thứ tốt đẹp hơn sẽ đến với mình. Khi tôi gặp George ở London…"

Elliot nói:

“Khi cô gặp anh ta ở *London!”*

“Ôi, chết tiệt,” Marjorie thì thầm, và đưa tay lên che miệng. Cô vẫn nhìn chằm chằm anh, sau đó một biểu hiện hoài nghi và mệt mỏi xuất hiện trên mặt cô. “Đừng bận tâm. Sao anh lại không nên biết chứ? Nó mang đến cho tôi nhiều điều tốt đẹp, rất nhiều điều tốt đẹp, nếu tôi có thể dỡ bí mật nặng nề này ra khỏi ngực mình.

“Tôi đã biết George từ lâu lắm rồi. Tôi đã gặp anh ấy tại một buổi tiệc ở London, một trong những dịp hiếm hoi mà bác Marcus để tôi vào thành phố một mình, và tôi thực sự đã phải lòng anh ấy. Tôi thường lẻn lên thành phố để gặp anh ấy. Ồ, chúng tôi đã không làm bất cứ điều gì cả. Tôi nghĩ tôi không có can đảm. Tôi là thế đấy.”

Cô nhìn chằm chằm xuống sàn nhà.

“Nhưng chúng tôi đã quyết định rằng giới thiệu George với bác Marcus lúc đó là không phải là hành động khôn ngoan. Đầu tiên, bác Marcus chưa bao giờ, chưa bao giờ, cảm thấy thích thú với việc mọi người đến để gặp riêng tôi. Tôi thực sự là một người quản gia tốt, và sẽ tiện hơn cho mọi thứ nếu giữ tôi… Anh biết ý tôi rồi đấy.” Cô đỏ mặt. “Thứ hai, George biết tất cả về thanh danh của bác Marcus. Nếu bác Marcus biết chuyện gì đang xảy ra sau lưng bác ấy thì sau đó sẽ có một chuỗi những việc khủng khiếp. Anh có thể thấy điều đó không?”

“Có. Tôi có thể thấy điều đó.”

“Vậy nên sẽ tốt hơn nếu chúng tôi dường như gặp gỡ nhau một cách tình cờ. Tốt nhất là ở nước ngoài. Bên cạnh đó, George nói dù sao anh ấy cũng cần một kì nghỉ. Dĩ nhiên George không có nhiều tiền, đặc biệt là cho một chuyến đi như thế. Nhưng tôi có vài trăm tiền bảo hiểm mà mẹ để lại, nên tôi rút về và như vậy George có thể tham gia chuyến đi.”

(Đồ con lợn, Andrew Elliot tự nhủ. Đồ con lợn chết tiệt. Con lợn

thông minh.)

Cô gái mở to mắt.

“Anh ấy không phải!” Marjorie hét lên. “Ý tôi là, anh ấy thông minh, nhưng anh ấy không phải là… Thứ kia. Anh ấy là người đàn ông tuyệt vời nhất mà tôi từng gặp, và rất tự tin vào bản thân. Đó là điều mà tôi yêu, tôi tin tưởng…”

“Xin lỗi,” Elliot bắt đầu, khi anh dừng lại một chút với một cảm giác quái lạ rằng thế giới đang trượt khỏi mỏ neo. “Đồ con lợn. Đồ con lợn chết tiệt. Con lợn thông minh.” Anh đã không nói to những từ đó. Anh đã nhìn thấy chúng trong đầu rõ ràng như thể chúng được viết hay đánh máy trên đó, nhưng anh đã không hề nói ra tiếng. Cô gái này có thể thông minh ngoại trừ đối với những vấn đề có liên quan đến gã George Harding. Nhưng cô ấy không phải một người đọc ý nghĩ.

Bản thân Marjorie có vẻ không hề để ý đến chuyện đó.

“Và điều tôi hi vọng,” cô nói, với một kiểu dữ dằn, “là George sẽ cho bác Marcus thấy những điều tuyệt vời của mình! Chà, tôi đã muốn anh ấy tạo được ấn tượng tốt. Tất nhiên là vậy. Nhưng cái đuôi *khúm núm* này lại vẫy quá nhiều. Có một ngày ở Pompeii bác Marcus quyết định vạch trần mọi thứ, chỉ như thế (cũng trước mặt Wilbur và giáo sư Ingram), và ở ngay giữa một chỗ công cộng nơi bất kì ai cũng có thể bước vào. Ông ấy đưa ra các yêu cầu chính xác cho George về cách xoay xở mọi thứ cho tương lai, và George nhận lấy như một con cừu ngoan ngoãn. Và anh thì hỏi tôi tại sao tôi lại cảm thấy chán nản và sẵn sàng gào thét khi bước xuống con tàu đó! Tôi đã biết sẽ không có cơ hội nào hết. Tôi đã thấy cuộc đời mình giống y như lúc trước. Dù có quay đi đâu tôi cũng chẳng thấy gì ngoài bác Marcus, bác Marcus, bác Marcus.”

Elliot ngồi thẳng lên.

“Cô không thích bác mình à?”

“Dĩ nhiên là tôi thích ông ấy. Tôi thương ông ấy. Nhưng đó không phải điểm chính. Anh có hiểu không?”

“C-có, tôi nghĩ thế.”

“Ông ấy rất tuyệt vời, theo cách của mình. Ông ấy làm mọi thứ cho tôi, và ông ấy bỏ hết mọi việc để cho tôi một kì nghỉ tuyệt vời khi tôi cần. Nhưng anh chỉ có thể nghe ông ấy nói chuyện trong vòng năm phút! Và sau đó những cuộc tranh cãi vô tận, không có hồi kết với giáo sư Ingram về chủ đề tội ác – thậm chí ngay cả khi có một tội ác thực sự ngay đây, giữa chúng tôi – và những bản thảo ‘tội phạm học’ của ông ấy…”

Elliot đột ngột nhấc bút chì của mình lên lần nữa.

“Bản thảo tội phạm học?”

“Đúng vậy. Tôi đã nói với anh rồi. Ông ấy luôn nghiên cứu học thuật, thứ này hay thứ khác, nhưng phần lớn là về khoa học tâm trí con người. Đó là lí do tại sao ông ấy lại gắn kết với giáo sư Ingram đến thế. Ông ấy từng nói, ‘Nào, anh chủ trương rằng nhà tâm lí thực hành sẽ làm sống dậy tội ác vĩ đại nhất. Thế tại sao anh lại không trở thành nhà tiên phong, vì lợi ích của khoa học, nhỉ? Hãy phạm vào một vụ án vô vụ lợi đơn thuần và chứng minh lí thuyết của anh đi.’ Bla bla!”

“Tôi biết rồi. Và giáo sư Ingram đã nói sao?”

“Ông ấy nói không, cám ơn. Ông ấy nói ông ấy sẽ không phạm tội cho tới khi nghĩ ra một chứng cứ ngoại phạm hoàn hảo…”

(Elliot đã nghe thấy điều này trước đây rồi.)

“… và, thậm chí cho dù một nhà tâm lí thực hành có khéo léo đến đâu, thì việc một người ở hai nơi cùng một lúc vẫn không thể xảy ra được.” Marjorie bắt chéo chân và ngả lưng dựa vào sô pha. “Điều khiến tôi rùng mình là họ luôn quá lạnh lùng và bình tĩnh về chuyện đó. Bởi vì, anh biết đấy, nó đã xảy ra rồi. Tất cả những điều kinh

khủng này đang tiếp tục, và chúng tôi không biết làm sao hay ai hay tại sao chuyện đó lại diễn ra. Và bây giờ Wilbur đã chết. *Wilbur,* người không bao giờ làm hại ai dù là nhỏ nhất, dù đó là Frankie Dale hay những đứa trẻ nhà Anderson hay chính bản thân bác Marcus. Tôi gần đến giới hạn chịu đựng của mình rồi, đặc… Đặc biệt là khi họ bắt đầu ném đá tôi và có trời biết chuyện gì có thể xảy ra với tôi. Như treo cổ hoặc thiêu cháy hoặc gì đó là tôi không biết là gì. Hãy giúp tôi! Làm ơn hãy giúp tôi!"

Cô ngừng lại.

Sự thẳng thắn mềm nhẹ và sống động tràn vào giọng nói của cô, một sự phản kháng mạnh mẽ, đến nỗi Elliot gần như đánh mất sự bình tĩnh trịnh trọng của mình. Cô đang nghiêng người tới trước, hai tay cô dang ra như thể yêu cầu sự trợ giúp để đứng lên khỏi ghế sô pha, và đôi mắt cô chưa bao giờ rời khỏi đôi mắt anh. Ở đây họ nghe thấy bên ngoài cánh cửa đang đóng có một tiếng ồn liên tục như tiếng bước đi nặng nề của chân một con voi dậm trên nền đất, và một âm thanh rống lên như voi đòi ăn. Sau đó, lại có một tiếng gõ cửa. Tiến sĩ Fell mở cánh cửa sang một bên, quay lại và chớp mắt nhìn họ.

"Tôi không muốn gián đoạn hai người," ông nói, "nhưng tôi nghĩ các bạn tốt hơn nên để các câu hỏi lại sau. Crow và Bostwick đang trên đường đến. Tôi nghĩ sẽ tốt hơn nếu cô đi khỏi đây, cô Wills. Anh Stevenson đang khóa cửa hàng, nhưng trợ lí của anh ấy sẽ lái xe đưa cô về nhà. Sau đó…"

Ông gắn chặt mắt vào chiếc máy chiếu phim.

XIV. CHIẾC ĐỒNG HỒ BẤT NGỜ

THIẾU TÁ CROW và sĩ quan Bostwick đi ngang qua Marjorie ở cửa khi cô đang bước ra ngoài. Nhưng thiếu tá Crow không nói lời nào cho tới khi cánh cửa đã được đóng lại. Ông ấy đã trở lại trạng thái bình thường.

"Chào buổi sáng, thanh tra," ông lịch sự nói. "Hoặc đúng hơn, là chào buổi chiều. Chúng tôi đã không thể nào tìm được anh sáng nay."

"Xin lỗi, thưa ngài."

"Không sao," người kia nói, vẫn giữ thái độ lịch thiệp. "Tôi chỉ muốn báo anh biết rằng có một vấn đề nhỏ: một cái chết khác, cần được xem xét đến thôi."

“Tôi đã nói là tôi xin lỗi, thưa ngài.”

“Vì anh đi với Fell bạn tôi, nên tôi cũng không có ý kiến gì. Anh đã may mắn hơn tôi nhiều. *Tôi* đã cố gắng khiến ông ấy hứng thú với vụ này vào tháng Sáu vừa rồi. Nhưng không được. Dường như vụ việc không làm ông ấy xúc động lắm. Không có những căn phòng bị bịt kín. Không có những yếu tố siêu nhiên. Không có chuyện vui tại khách sạn Royal Scarlet. Chỉ có một vụ giết người tàn bạo bằng strychnine, và vài người suýt bị giết. Nhưng bây giờ thì chúng ta đã có hàng loạt bằng chứng, và thêm hai nạn nhân nữa, những người mà, thanh tra, đáng giá cho anh xem xét.”

Elliot nhấc cuốn sổ ghi chú của mình lên.

“Tôi đã nói tới hai lần là tôi xin lỗi, thưa ngài,” anh chậm rãi đáp. “Tôi thấy không cần thiết phải nói thêm lần nữa. Và hơn nữa, nếu ngài muốn biết sự thật, tôi không cho rằng tôi đã bỏ bê những việc mà tôi nên tham gia vào. Nhân tiện, có cảnh sát nào ở Sodbury Cross không vậy?”

Bostwick, người cũng lấy ra một cái tẩu và đang gói thuốc, tạm ngưng không xoay thân chiếc tẩu nữa.

“Có, chàng trai,” ông nói. “Và tại sao bây giờ anh lại muốn biết điều đó?”

“Chỉ bởi vì tôi chẳng nhìn thấy bất kì ai cả. Ai đó đã đập vỡ một cánh cửa kính dưới lầu bằng một viên đá, và tạo ra tiếng ồn mà ông có thể nghe được từ Bath. Nhưng tôi lại chẳng thấy gã cảnh sát nào xuất hiện hết.”

“Mẹ kiếp,” Bostwick nói, đột nhiên thổi vào thân cái tẩu và nhìn lên lần nữa. Dù chỉ là một ảo ảnh quang học, nhưng khuôn mặt ông dường như phồng lên đến mức giật mình. “Giờ thì ý anh là sao đây?”

“Như tôi đã nói.”

“Nếu anh cho là,” Bostwick nói, “tôi đang nghĩ rằng – chú ý, tôi nói

là điều tôi nghĩ – rằng còn quá sớm để bắt giữ quý cô trẻ tuổi nào đó, người mà chẳng cần nêu tên ra… Thì đúng, đúng là tôi có nghĩ như vậy.”

“NÀY!” tiến sĩ Fell gầm lên.

Tiếng gầm đó thổi tung các khung cửa sổ, và khiến tất cả mọi người quay lại.

“Chuyện này phải dừng lại,” tiến sĩ Fell nghiêm túc nói. “Các anh đang tranh luận ngớ ngẩn đấy, và các anh biết rõ điều đó. Nếu phải lôi ai đó ra để trách móc, thì hãy trách móc tôi đây. Lí do thực sự cho tất cả sự huyên náo này (và chính các anh cũng biết rõ) đó là mỗi người trong các anh lại có những quan điểm, giới hạn, định kiến, và ngoan cố khác nhau về việc ai là người có tội. Chúa ơi, làm ơn dịu xuống đi, hoặc chúng ta sẽ chẳng đi được đến đâu cả.”

Thiếu tá Crow phá vỡ sự căng thẳng trong phòng bằng tiếng cười rộn ràng. Nó là một âm thanh chân thành, mộc mạc, kéo theo cả Elliot và Bostwick đều cười toe toét.

“Thằng cha già khó chịu này khá là đúng đấy!” thiếu tá Crow đồng tình. “Xin lỗi, thanh tra. Sự thật là (anh có thể gộp vào đây luôn) chúng tôi đã quá tập trung vào tình huống gay go mà chúng tôi không thể đối diện thẳng. Và chúng tôi phải nhìn thẳng vào vấn đề. Chúng tôi buộc phải *làm* điều đó.”

Bostwick đưa túi đựng thuốc lá của mình cho Elliot. “Làm một điếu nhé,” ông mời.

“Cám ơn. Tôi không ngại gì đâu.”

“Và giờ,” tiến sĩ Fell nói một cách đe dọa, “giờ thì mọi chuyện đã ổn và sự ấm áp thường thấy đã bao trùm trên tất cả…

“Tôi không thừa nhận rằng mình có một quan điểm giới hạn và định kiến,” thiếu tá Crow nói với vẻ nghiêm trang. “Tôi không có. Tất cả những gì tôi biết là tôi đã đúng. Khi tôi thấy Emmet khốn khổ nằm

ở đó…”

“A ha!” sĩ quan Bostwick lẩm bẩm, với một sự uốn giọng đầy hoài nghi và hung hãn đến mức khiến Elliot giật nảy mình. Anh tự hỏi không biết bây giờ hai bọn họ đang suy luận theo hướng nào.

“…nhưng không có manh mối nào để tiếp tục cả, thanh tra. Không có gì để nắm lấy. Có Emmet, thì đã chết. Có ai đó đã lẻn vào trong đêm và tiêm vào tay cậu ấy. Không ai biết, hoặc sẽ thừa nhận có biết, về bất kì điều đáng ngờ nào đêm qua. Bất kì ai cũng có thể thực hiện điều đó. Thậm chí cả một người ngoài cũng có thể, bởi vì họ không bao giờ khóa cửa ở Bellegarde. Rất ít người quanh đây khóa cửa vào buổi đêm. Tôi nói thậm chí cả một người ngoài cũng có thể thực hiện điều này mặc dù tôi biết mình nghĩ khác. À, nhân tiện, tôi có gặp qua West, để lấy báo cáo y tế rằng Chesney bị giết với khoảng một grain axit xyanhydric tinh khiết. Không có bất kì dấu vết nào của những thành phần khác nên ông ấy không thể bị giết bởi những chất thành phẩm như kali hay thủy ngân xyanua được. Và đó là tất cả những gì chúng tôi có.”

“Không, không phải thế đâu,” tiến sĩ Fell nói với sự thỏa mãn. “Đây là ông Stevenson. Giờ thì, bạn thân mến. Chúng tôi đã sẵn sàng rồi. Mở nó lên thôi.”

Sự yên lặng khó chịu đang dần len lỏi giữa bọn họ.

Stevenson, ý thức được tầm quan trọng của bản thân, bước lên một chút và có vẻ hơi bối rối. Sau khi lau trán, anh kiểm tra ánh sáng. Anh liếc nhìn vào những khung cửa sổ. Anh kiểm tra tấm màn chiếu treo trên khoảng trống giữa những cánh cửa đôi. Sau một lúc xem xét kĩ lưỡng cái bàn, anh kéo nó lùi lại, va mạnh vào tường, cho tới khi nó gần như dựa vào bức tường đối diện tấm màn chiếu. Sau đó anh đẩy nó hướng lên vài inch. Từ kệ sách, anh kéo ra một số tập của bộ sách *Bách khoa toàn thư Britannica,* và chất đống chúng trên bàn để tạo thành một chiếc bục cao hơn cho cái máy chiếu. Tất cả bốn nhà điều

tra bây giờ đều đang hút thuốc, vậy nên một đám mây bằng khói bắt đầu xuất hiện trong căn phòng mờ tối. Chúng có xu hướng lảng vảng ở đó mà không chịu tan đi.

“Thứ này sẽ không hoạt động đâu,” thiếu tá Crow đột nhiên nói. “Sẽ có gì đó sai sót thôi.”

“Nhưng thứ gì có thể bị sai sót được?” Elliot hỏi.

“Tôi không biết. Thứ chết tiệt gì đó. Chuyện này đang quá dễ dàng. Rồi anh sẽ thấy.”

“Tôi đảm bảo với ông là nó chạy tốt, thưa ông,” Stevenson nói, quay khuôn mặt nhễ nhại mồ hôi lại. “Mọi thứ sẽ sẵn sàng chỉ trong một giây nữa.”

Sự im lặng cứ kéo dài mãi, chỉ có âm thanh lạch cạch bí ẩn thỉnh thoảng vang lên trong khi Stevenson đang thao tác, hoặc những tiếng rít thê lương của các phương tiện giao thông vọng lại từ Đại Lộ. Stevenson nhích chiếc sô pha sang một bên để có tầm nhìn thẳng vào màn hình. Anh xếp lại mấy cái ghế. Có một nếp nhăn nhẹ trên màn chiếu, vậy nên anh lại thay đổi vị trí của một tấm bảng vẽ và khiến nếp nhăn đó biến mất. Cuối cùng, trong sự thở phào nhẹ nhõm của mọi người, anh chầm chậm lùi lại bằng gót chân và hướng về phía những cánh cửa sổ.

“Giờ, thưa quý ông,” anh nói trong khi dò dẫm tìm kiếm chỗ mấy tấm rèm cửa. “Sẵn sàng. Hãy lấy ghế ngồi trước khi tôi đóng màn lại.”

Tiến sĩ Fell ì ạch lê người đến chiếc sô pha. Bostwick nhẹ nhàng ngồi xuống bên cạnh ông. Elliot kéo một cái ghế đến gần, ở một bên màn hình. Có tiếng lách cách của những chiếc vòng vang lên khi một bộ rèm được kéo kín lại với nhau.

“Giờ, thưa quý ông…”

“Dừng lại!” thiếu tá Crow nói, lấy điếu thuốc ra khỏi miệng.

“Ôi trời đất ơi,” tiến sĩ Fell la ó, “giờ thì là chuyện gì?”

“Không cần phải nổi nóng như thế,” người kia phản đối. Ông dùng điếu thuốc trên tay chỉ trỏ vu vơ. “Giả như… Chà, giả như không có gì sai sót xảy ra.”

“Đó là điều chúng ta đang chờ xem, anh biết mà.”

“Giả sử như cuộn phim chạy tốt như chúng ta hi vọng. Có những điều chắc chắn chúng ta cần phải biết: chiều cao thực tế của bác sĩ Nemo chẳng hạn. Vậy nên bây giờ chúng ta cần thống nhất trước một số điểm, về việc chúng ta sẽ được biết gì? Bác sĩ Nemo là ai? Ý kiến của anh thế nào, Bostwick?”

Sĩ quan Bostwick quay khuôn mặt tròn vo ở trên mặt sau của chiếc ghế sô pha lại. Ông cầm điếu thuốc của mình theo cách như thể nó đang được treo lơ lửng phía sau đầu mình.

“Chà, thưa ngài, nếu ngài hỏi, tôi ngờ rằng chúng ta sẽ phát hiện được hắn ta chính là Wilbur Emmet thôi.”

“Emmet! Emmet? Nhưng Emmet chết rồi mà!”

“Lúc đó thì vẫn chưa chết,” sĩ quan chỉ ra.

“Nhưng – mà thôi, đừng bận tâm. Còn quan điểm của ông thì sao, Fell?”

“Thưa ông,” tiến sĩ Fell nói với vẻ nhã nhặn tinh tế, “quan điểm của tôi là đây. Quan điểm của tôi chỉ là tôi ước mình được phép có một quan điểm. Một mặt tôi khá chắc chắn những gì chúng ta sẽ nhìn thấy. Mặt khác tôi lại không hề chắc chắn về những điều chúng ta sẽ được xem. Còn bây giờ, tôi sẽ ngừng nguyền rủa những gì chúng ta biết, miễn là chúng ta có thể tiếp tục xem cuộn băng.”

“Bắt đầu đây!” Stevenson nói.

Những tấm màn còn lại cũng đã được đóng kín. Giờ đây trong bóng tối chỉ còn ánh sáng mờ nhạt của ngọn lửa trong lò, và tia sáng lập lè thoắt ẩn thoắt hiện của đầu một điếu thuốc. Ellliot bỗng cảm nhận được sự ẩm ướt thường bám lấy những căn nhà bằng đá cũ, cảm nhận

được sự ngột ngạt, và khói. Anh không hề gặp khó khăn trong việc định dạng khuôn mặt những người bạn đang ngồi cạnh mình: thậm chí cả khuôn mặt của Stevenson ở mặt sau của căn phòng nữa. Stevenson di chuyển vòng quanh, bước rón rén để tránh ổ điện gắn vào máy chiếu. Anh ta bật máy lên. Những tia sáng lập lòe phát ra từ chiếc máy, chiếu sáng anh ta như thể một nhà giả kim đang đứng trên lò nấu quặng. Và chùm tia sáng của máy chiếu, được khói bắt lấy và cuộn vòng quanh, xuất hiện trên màn hình trong hình dạng một vết đốm trắng có diện tích khoảng bốn feet.

Một chuỗi âm thanh lách cách nhỏ, và một tiếng click của thứ gì đó vừa được bật lên hay tắt đi vang lên từ phía sau căn phòng. Chiếc máy chiếu bắt đầu ngâm nga, tiếng vo vo ồn ào to dần. Màn hình lóe lên, chập chờn một chút và sau đó lại tối đen như mực.

Không hề xảy ra bất kì sai sót nào, và tiếng ồn vo vo vẫn tiếp tục tràn ngập căn phòng. Màn hình vẫn đang màu đen, có phát ra chút xám, và hơi rung nhẹ. Dường như nó sẽ cứ đen thui không hồi kết như thế hoài. Rồi một vệt ánh sáng lờ mờ xuất hiện và trở nên chói chang. Như thể một vết nứt thẳng đứng đang mở xuống từ trung tâm màn hình, và một vệt đen mơ hồ đẩy vệt sáng đó trải rộng ra. Elliot biết đó là gì. Đó là quang cảnh phía sau Phòng Nhạc, chỗ nối với phòng làm việc, và Marcus Chesney đang đẩy mở những cánh cửa đôi thông giữa hai căn phòng.

Có người ho khan. Hình ảnh nhảy lên một chút, sau đó họ đã nhìn thấy khung cảnh bên trong phòng làm việc ở Bellegarde, như thể khung cảnh đó vừa được cắt ra từ một mảng bóng tối vậy. Có một cái bóng di chuyển dọc theo cạnh của khung hình, rõ ràng đó là một người đàn ông đang đi bộ lại chỗ cái bàn. Harding đã quay hình từ một nơi hơi xa về bên trái quá, vậy nên bạn không thể nhìn thấy những cánh cửa sổ kiểu Pháp. Cuộn phim có ánh sáng mơ hồ khá tệ hại mặc dù những đường nét bóng đổ thì lại rất sắc nét. Nhưng rõ ràng bạn có thể le lói thấy bệ lò sưởi, mặt của chiếc đồng hồ quả lắc

lập lòe, mặt sau của chiếc ghế xoay công sở, mặt bàn rộng, hộp sô cô la có hoa văn xám, và hai đồ vật bé xíu giống như bút chì đang nằm trên miếng đệm giấy. Sau đó có một sự chuyển động ở phía rìa ánh sáng, và khuôn mặt của Marcus Chesney nhìn chăm chú ra từ màn hình.

Hình ảnh của Marcus Chesney không phải là một cảnh tượng dễ chịu. Do sự sắp đặt ánh sáng, do không có trang điểm, và do thế giới chập chờn thất thường tạo ra bởi khuôn máy quay không ổn định, trông ông như thể đã chết rồi vậy. Khuôn mặt ông không có chút máu nào, đôi lông mày nổi bật và hốc mắt trống rỗng, còn hai gò má thì cứ xuất hiện sọc tối bất cứ khi nào ông quay đầu lại. Nhưng Marcus đang có một kiểu biểu cảm cực kì bình tĩnh và kiêu ngạo. Ông nhấp nhô trong màn hình và chuyển động một cách nhàn nhã.

“Nhìn cái đồng hồ kìa,” ai đó kinh ngạc nói từ phía sau vai Elliot. Âm thanh đó lấn át cả tiếng vo vo ổn định của chiếc máy chiếu. “Nhìn cái đồng hồ đi! Mấy giờ thế?”

“LạyChúalònglành…” giọng của Bostwick vang lên.

Căn phòng đột nhiên bị khuấy động lên, như thể chính là các đồ vật đang di chuyển chứ không phải người.

“Trên đó là mấy giờ? Anh vừa nói gì thế?”

“Tất cả bọn họ đều sai rồi,” giọng của Bostwick vang lên lần nữa, “tôi nói vậy đó. Một trong số họ nói là nửa đêm, một người nói khoảng nửa đêm, và giáo sư Ingram nói mười hai giờ kém một phút. Tất cả họ đều sai. Là mười hai giờ một phút.”

“Suỵt!”

Thế giới trong màn hình không hề bị ảnh hưởng. Với một sự cân nhắc tuyệt vời Marcus Chesney đã kéo chiếc ghế xoay ra và ngồi xuống. Ông với tay đẩy hộp sô cô la về phía bên phải mình một chút, với sự tỉ mỉ tuyệt vời và hoàn toàn đối lập với sự nhấp nháy của cuộn

phim. Tiếp theo ông nhấc lên một cây bút chì mỏng, và ông dùng nó để giả vờ viết một cách chăm chỉ và e dè. Tiếp theo, ông dùng móng tay đào sâu vào miếng chặn giấy, và có gặp một chút khó khăn, ông đã lấy vật thể nhỏ xíu kia lên. Họ nhìn thấy nó một cách rõ ràng, ngay dưới ánh sáng.

Miêu tả của giáo sư Ingram về đồ vật này lóe lên trong tâm trí Elliot. Giáo sư đã miêu tả nói là một thứ giống như một cây bút, nhưng nhỏ và hẹp hơn. Ông ấy cũng mô tả nó như một mảnh gỗ mỏng, dài dưới ba inch, hơi đen, có đầu nhọn nhô lên. Và đây là một miêu tả chính xác.

“Tôi biết đó là gì,” thiếu tá Crow nói.

Tiếng ghế di chuyển phát ra những âm thanh kèn kẹt. Thiếu tá Crow bước nhanh ra khỏi nhóm người, lách qua một bên, và ló đầu vào chùm ánh sáng đang chiếu trên màn hình để nhìn kĩ hơn. Bóng của ông che phủ cả nửa màn hình, và một chuỗi các hình ảnh rõ nét của Marcus Chesney trở nên cong vẹo dữ dội, nhảy múa mờ ảo trên lưng của chiếc áo mưa mà thiếu tá đang mặc.

“Dừng hình lại,” thiếu tá Crow nói, hoàn toàn chìm trong chùm tia sáng của máy chiếu. Giọng ông trở nên cao hơn.

“Tôi biết nó là gì rồi,” ông lặp lại. “Nó là chiếc kim phút của chiếc đồng hồ.”

“Cái gì cơ?” Bostwick hỏi lại.

“Cây kim phút của chiếc đồng hồ trên bệ lò sưởi,” thiếu tá Crow la to, đưa ngón tay lên như để minh họa. “Chúng ta đã nhận thấy chiếc đồng hồ có đường kính sáu inch. Các anh có thấy không? Nó là một cây kim phút dài, trái ngược với cây kim giờ ngắn. Tất cả những gì Chesney phải làm trước buổi trình diễn là tháo đầu trục giữ mấy cây kim ra (chúng ta đã thấy chiếc đồng hồ có một cái đầu ốc vít), lấy cây kim phút ra khỏi cái trục, và thay thế cái ốc vít. Chiếc đồng hồ trong đó chỉ có một cây kim, đó là cây kim giờ đứng yên tại số mười hai.

“Chúa ơi, làm ơn! Các anh vẫn chưa nhận ra à? Chỉ có một cây kim giờ trên chiếc đồng hồ. Tất cả những nhân chứng đều nghĩ rằng họ đã thấy hai cây kim. Nhưng những gì họ thực sự thấy là cây kim giờ và một cái bóng đen, sắc nét của nó được tạo ra bởi ánh sáng rực rỡ chiếu lên từ bên dưới, cái bóng đổ xuống bên trên và bên cạnh trên mặt đồng hồ trắng.”

Ông chỉ tay, dường như đang phải vật lộn để không nhảy nhót ăn mừng.

“Điều này cũng lí giải tại sao lại có khác biệt trong các lời khai, các anh không thấy sao? Lời khai của những nhân chứng khác nhau do hướng mà họ thấy cái bóng đổ xuống khác nhau. Giáo sư Ingram, ngồi ngoài cùng bên phải, thấy cái bóng đổ lúc mười hai giờ kém một phút. Cô Wills, ngồi ngay trung tâm, thấy nó chết đứng ở lúc mười hai giờ. Cuộn phim này, được quay từ góc ngoài cùng bên trái, cho thấy lúc đó là mười hai giờ một phút. Sau màn trình diễn, khi Chesney cẩn thận đóng những cánh cửa đôi lại, tất cả những gì ông ấy phải làm là thay cây kim phút vào chiếc đồng hồ. Việc đó chỉ tốn khoảng năm giây. Và chiếc đồng hồ lại chạy đúng lần nữa. Nhưng trong suốt màn trình diễn Chesney đã có một cú lừa ngoạn mục, cầm cây kim phút ngay dưới mắt họ, và chẳng ai trong số họ thấy được nó.” Xung quanh chợt trở nên yên tĩnh.

Từ trong bóng tối vang lên âm thanh vỗ đùi tán thưởng của Bostwick, tiếng làu bàu xác nhận của tiến sĩ Fell, và tiếng lầm bầm của Stevenson khi anh ta vật lộn với một đoạn phim bị kẹt. Thiếu tá Crow nói thêm, bình tĩnh hơn, nhưng bùng nổ niềm tự hào trong giọng mình:

“Không phải khi đó tôi đã nói rằng có trò lừa gạt nào đó trong cái đồng hồ sao?”

“Ngài đã đúng,” Bostwick nói.

“Nghe hợp với các luận điểm tâm lí,” tiến sĩ Fell gật đầu một cách

mạnh mẽ, thừa nhận. “Mọi người biết đấy, tôi cược là trò đó có thể sẽ lừa được họ ngay cả khi không có bóng đổ trên chiếc đồng hồ. Khi đến nửa đêm chúng ta chỉ thấy một cây kim duy nhất, chúng ta không hề liếc mắt thêm lần nào nữa, thói quen sẽ đánh lừa chúng ta. Nhưng Chesney giỏi giang thậm chí còn đi xa hơn nữa và khiến cho kế hoạch của mình hoàn hảo gấp ba lần. Chúng ta bắt đầu thấy được, rằng đó là lí do tại sao ông ấy cứ khăng khăng đòi tổ chức chương trình vào khoảng nửa đêm. Ảo ảnh về bóng, cứ gọi thế, sẽ hoạt động khi cây kim ở bất kì vị trí nào trên mặt số. Nhưng do cây kim giờ chỉ thẳng đứng lúc nửa đêm, ông ấy sẽ đảm bảo được ba nhân chứng ngồi ở ba vị trí khác nhau sẽ thấy ba thời điểm chênh lệch đáng kể trên chiếc đồng hồ. Và ông ấy có thể bẫy được họ ít nhất là hai câu hỏi trong bảng danh sách mười câu của mình. Nhưng coi đây! Câu hỏi là – hãy bình tĩnh – câu hỏi bây giờ là, lúc đó *thật ra* là mấy giờ?”

“A,” Bostwick nói.

“Kim giờ lúc đó chỉ thẳng đứng, đúng không?”

“Đúng vậy.” Thiếu tá Crow khẳng định.

“Điều đó có nghĩa là,” tiến sĩ cau mày nói, “nếu cây kim giờ nằm vị trí đúng số mười hai trên chiếc đồng hồ đó, có nghĩa là vị trí của kim phút có thể ở bất kì đâu từ năm phút trước nửa đêm đến năm phút sau nửa đêm. Suốt thời gian đó cây kim giờ có thể coi là có vị trí thẳng đứng, phụ thuộc vào kích cỡ và cơ chế của chiếc đồng hồ. Thời điểm trước nửa đêm không khiến chúng ta bận tâm. Thời điểm sau nửa đêm có khiến chúng ta quan tâm. Bởi vì điều đó nghĩa là…”

Thiếu tá Crow đút điếu thuốc vào trong túi áo mình.

“Điều đó có nghĩa là,” ông nói, “bằng chứng ngoại phạm của Joe Chesney đã bị xuyên thủng. Chứng cứ ngoại phạm của ông ta phụ thuộc vào việc rời nhà Emsworth ngay lúc nửa đêm, cùng thời điểm (chúng ta giả định) mà bác sĩ Nemo tiến vào phòng làm việc tại Bellegarde. Joe Chesney thực sự đã rời nhà Emsworth lúc nửa đêm.

Nhưng bác sĩ Nemo không bước vào văn phòng và giết Chesney lúc nửa đêm. Không, thời điểm chính xác là quá nửa đêm. Có lẽ là mười hai giờ năm hay sáu phút. Joe Chesney có thể dễ dàng lái xe từ nhà của Emsworth đến Bellegarde trong ba phút. Điều đó rất dễ chứng minh. Ai đó kéo rèm lên đi. Tôi không có định kiến gì chống lại Joe Chesney, nhưng tôi đang có xu hướng nghĩ rằng ông ta chính là người mà chúng ta muốn."

XV. NHỮNG ĐIỀU TRONG CUỘN PHIM

CHÍNH ELLIOT LÀ người mở những tấm rèm trên một chiếc cửa sổ ra. Ánh sáng ban ngày tràn vào với sắc xám nhạt, làm chùm tia phát ra từ máy chiếu mờ hẳn đi, hé lộ hình ảnh thiếu tá Crow đứng trước một bức tranh vẫn đang bị bóp méo và yếu ớt mắc kẹt trên tấm màn treo giữa những cánh cửa xếp.

Và sự hào hứng của thiếu tá Crow đang không ngừng gia tăng.

"Thanh tra," ông nói, "bản thân tôi chưa bao giờ thông thạo trong việc phân tích. Nhưng việc này quá rõ ràng đến mức chúng ta không thể nào bỏ qua được. Anh biết chứ? Marcus Chesney già nua tội nghiệp thực sự đã lên kế hoạch theo cách mà người khác có thể giết

ông ấy.”

“Vậy nên?” tiến sĩ Fell trầm ngâm quan sát.

“Joe Chesney có thể đã biết tất cả về chiếc đồng hồ và ảo ảnh bóng. Anh có thấy điều đó không? Hoặc ông ta có thể quanh quẩn gần Bellegarde sau bữa tối. Marcus và Wilbur Emmet đang nghiên cứu về màn trình diễn, với những cánh cửa sổ để mở, trong gần ba giờ đồng hồ. Hoặc là, có nhiều khả năng hơn, Marcus và Emmet đã lên kế hoạch cho màn trình diễn từ nhiều ngày trướcv và Joe có thể đã biết hết mọi chuyện từ trước đó rồi.

“Ông ta biết Marcus sẽ không bắt đầu buổi diễn cho tới khi cây kim đồng hồ đó chạy đến chỗ thẳng đứng. Bình thường thì, anh biết đấy, chiếc đồng hồ đó sẽ không thể can thiệp vào được. Marcus không thể dịch chuyển được những cây kim. Nếu Joe có thể tạo ra một bằng chứng ngoại phạm tại nhà của Emsworth, nếu ông ta có thể trở lại Bellegarde, và nếu Marcus chọn bắt đầu buổi diễn vào thời điểm sau nửa đêm chứ không phải là thời điểm trước nửa đêm, Joe Chesney sẽ gặp may. Và chờ đã! Có một điều (Chúa ơi, tôi mới chỉ vừa nghĩ về điều này) có một điều ông ta chắc chắn phải làm sau đó.”

“Làm gì?” Elliot nói.

“Ông ta phải giết Wilbur Emmet,” thiếu tá nói. “Emmet biết tất cả về cái bẫy trong chiếc đồng hồ. Và có bao nhiêu người quanh đây, anh nghĩ, biết về cách sử dụng kim tiêm dưới da?” Thiếu tá có vẻ hoàn toàn tin tưởng vào lí thuyết của mình. “Các quý ông, chuyện đó cũng đơn giản như bất cứ thứ gì tôi từng nhìn thấy. Ông ta thông minh, gã đó cũng vậy. Ai sẽ nghi ngờ ông ta chứ?”

“Anh,” tiến sĩ Fell nói.

“Thế thì sao?”

“Trên thực tế, anh đã nghi ngờ ông ấy từ lâu,” tiến sĩ chỉ ra. “Ông ấy là nghi phạm đầu tiên anh nghĩ tới. Tôi ngờ rằng từ lâu trong đầu

anh đã khuấy lên một sự ngờ vực sâu sắc về cách cư xử quá om sòm của Joseph Chesney. Nhưng cứ tiếp tục đi."

"Trời, tôi chẳng có gì chống lại ông ta cả!" thiếu tá Crow phản đối một cách hơi cáu kỉnh. Ông lại trở về trạng thái kiểu cách lần nữa, và quay sang Elliot. "Thanh tra, đây là vụ án của anh. Sau sáng hôm nay, tôi sẽ chẳng còn việc gì để làm với nó hết. Nhưng tôi cho là anh đã có vài bệ đỡ rất chắc chắn ở đây. Mọi người đều biết Joe Chesney chán ghét công việc của mình, và đúng là thế. Và rằng Marcus bằng cách nào đó đã giữ ông ta phải làm việc hoặc buộc ông ta phải làm việc. Cho đến nay, đó là những luận điểm đáng quan tâm nếu anh muốn bắt giữ ông ta…"

"Những luận điểm nào?" tiến sĩ Fell chen ngang.

"Tôi không hiểu ý anh lắm."

"Tôi nói: những luận điểm nào cơ?" tiến sĩ Fell lặp lại. "Trong giả thiết cực kì thông minh của mình, anh dường như đã quên đi một sự kiện nhỏ thôi nhưng có thể vô cùng quan trọng. Joseph Chesney không phải là người chơi khăm anh bằng chiếc đồng hồ đó. Là anh trai của ông ấy, Marcus. Anh đã bị cuốn theo những bằng chứng lẫn lộn và đi sai hướng. Anh đang kết tội nhầm người đấy."

"Thì đúng là vậy, nhưng…"

"Và do đó," tiến sĩ Fell nhấn mạnh, "do vài trò quỷ thuật tâm lí mà anh đã tự thuyết phục mình rằng anh nên bắt giữ một người đơn giản chỉ bởi vì anh phá vỡ được một bằng chứng ngoại phạm mà ai đó khác đã dựng nên cho ông ấy. Anh thậm chí còn không nghĩ tự ông ấy đã dựng nên bằng chứng đó. Anh muốn bắt ông ấy chỉ đơn giản bởi vì ông ấy không có bằng chứng ngoại phạm. Tôi sẽ không bình luận gì nữa về những sơ hở khá rõ ràng trong giả thuyết của anh, tôi sẽ chỉ giới hạn bản thân mình vào sự quan sát đơn giản mà anh không thể làm được ở đây thôi."

Thiếu tá Crow rõ ràng đã bị xúc phạm.

“Tôi không hề nói bất cứ lời nào về việc bắt giữ Joseph Chesney. Tôi biết chúng ta cần phải có bằng chứng. Nhưng ông có gợi ý gì không?”

“Cứ tiếp tục xem cuốn phim thì sao, thưa ngài, Bostwick đề nghị, “và tìm ra sự thật đằng sau mọi chuyện?

“Hả?”

“Cái gã trong chiếc mũ chóp cao. Chúng ta vẫn chưa thấy anh ta.”

“… và hi vọng mọi người hiểu rằng,” tiến sĩ Fell nói một cách dữ dằn, khi mọi người lần nữa ngồi vào chỗ và những tấm màn lại được kéo lại, “lần này sẽ không ai làm gián đoạn quá trình chiếu phim nữa chứ? Đồng ý không? Tốt! Vậy thì làm ơn cố im lặng, kiềm chế bản thân và cùng xem chuyện gì đang xảy ra. Bắt đầu lại đi, anh Stevenson.”

Một lần nữa tiếng click và tiếng rè rè ngâm nga của chiếc máy chiếu lại tràn ngập căn phòng. Màn hình trình chiếu khiến họ im lặng, thậm chí còn không có cả tiếng ho và tiếng cựa người sột soạt. Giờ đây, khi Elliot nhìn vào màn hình, mọi thứ dường như quá rõ ràng đến nỗi anh tự hỏi làm sao mà tâm trí kết hợp cùng thị lực lại có thể đẩy trí tưởng tượng đi xa đến thế. Cây kim lớn hơn ở trên chiếc đồng hồ rõ ràng chỉ là một cái bóng, không hơn không kém. Marcus Chesney, người đang cầm cây kim thật và chăm chú giả vờ viết với nó, đang mang một biểu cảm hoàn hảo để che giấu điều đó.

Marcus Chesney thả cây kim xuống miếng thấm mực. Dường như ông ấy nghe thấy gì đó. Ông quay lại một chút, về bên phải. Khuôn mặt ông, xương xẩu và lõm vào một cách khó chịu do đổ bóng, đã đung đưa vòng quanh nên nhờ vậy họ có thể nhìn nó rõ hơn.

Và kẻ sát nhân bước vào trong màn hình.

Bác sĩ Nemo, trên thực tế, đã chầm chậm xoay lại và nhìn họ.

Hắn ta là một nhân vật mang vẻ ngoài tồi tàn. Lớp lông của chiếc

mũ chóp cao bị xù lên nghiêm trọng và trông cũ rích. Chiếc áo mưa màu xám sáng đục, có cổ áo dựng lên đến vị trí đáng ra phải có một đôi tai. Một vệt sáng mờ, thứ có thể là một con côn trùng hoặc nếp uốn của một chiếc khăn choàng, bao lấy phần không gian trống giữa chiếc mũ và cái áo mưa. Và cặp kính đen đang nhìn chằm chằm họ một cách khó hiểu.

Hình ảnh đầu tiên của Nemo trong màn hình cho họ một cái nhìn khá đầy đủ về hắn, mặc dù nó được quay từ góc bên trái. Hắn ta đứng trong phạm vi chiếu sáng, nhưng lúc đó hắn ta đang đứng quá xa về phía trước, còn ánh sáng thì lại được đặt quá cao, vì quá tối nên họ không thể nhìn thấy quần và giày của hắn ta một cách rõ ràng được. Những ngón tay phải đeo găng của hắn, mượt mà và không khớp như tay của một con ma nơ canh, đang mang theo một cái giỏ đen với tên bác sĩ Nemo ghi trên đó.

Sau đó hắn ta chuyển động với một sự nhanh nhẹn hiếm gặp.

Elliot, đã cảnh giác về chiếc giỏ từ trước, kịp thấy được điều hắn làm. Khi hắn quay lại nhìn Marcus Chesney, lưng hắn chỉ xoay một phần về phía họ, và họ có thể dễ dàng theo dõi hành động của hắn. Sau khi tiến đến gần cái bàn, hắn ta bỏ chiếc túi xuống. Hắn đặt nó ngay sau hộp sô cô la đang nằm trên bàn. Ngay sau đó, như thể đã thay đổi chủ ý, hắn nhấc chiếc giỏ lên lần nữa và đặt nó xuống ngay trên đỉnh hộp sô cô la. Hành động đầu tiên giúp hắn thả chiếc hộp đã được chuẩn bị sẵn lên bàn bằng chiếc giỏ quặp lò xo. Hành động thứ hai giúp hắn lấy chiếc hộp ban đầu cho vào túi.

“Vậy đó là cách hắn đã tráo đổi chúng!” Giọng của thiếu tá Crow vang lên trong bóng tối.

“S-U-Ỵ-T!” tiến sĩ Fell gầm lên.

Nhưng họ không có nhiều thời gian để suy nghĩ, tất cả mọi việc đã kết thúc quá nhanh. Khi Nemo vòng qua cái bàn và ra ngoài phạm vi chiếu sáng hắn trở thành một cái bóng lờ mờ khó chịu, như thể hắn ta

không hề tồn tại và đang mất dần tính vật chất của mình.

Sau đó họ thấy một người đàn ông bị giết.

Nemo đã xuất hiện trở lại ở đầu bên kia chiếc bàn. Marcus Chesney nói chuyện với hắn ta mà không phát ra âm thanh nào. Tay phải của Nemo – họ có thể nhìn thấy tay hắn vì bây giờ hắn đã quay lại đối diện phần nào với họ – đang đặt trong túi áo. Rồi hắn rút tay ra khỏi túi áo, chuyển động của hai bàn tay hơi thấp thoáng một chút, nhưng hắn đang lấy gì đó ra khỏi một thứ trông như một chiếc hộp các tông nhỏ.

Cho đến giờ phút này những hành động của Nemo đều vô cùng nhanh chóng và chuẩn xác. Bây giờ chúng lại trở thành một loại hiểm ác. Những ngón tay trái của hắn vòng chặt một cách nhẹ nhàng quanh cổ họng Chesney. Chúng di chuyển, và nâng cằm ông lên. Ngay cả dưới sự phản chiếu mờ ảo của cuộn phim cũng có thể thấy được rõ ràng sự hoảng hốt của Marcus Chesney. Tay phải Nemo luồn vào cái miệng bị cố định của ông ta, nhét viên nhộng vào trong đó, và vuốt phẳng cổ họng ông.

Sĩ quan Bostwick nói vọng ra từ trong bóng tối.

“A,” ông nói. “Đó là lúc mà cô gái thét lên, *‘Đừng, đừng!’*”

Nemo lại biến mất.

Cái bóng lờ mờ của hắn đi vòng quanh chiếc bàn và trở lại vị trí cũ, sau đó hắn ta nhặt chiếc túi đeo vai màu đen lên. Nhưng lần này hắn di chuyển trở lại về tận cùng phía mặt sau của căn phòng để bước ra ngoài. Một cách lờ mờ nhưng rõ ràng, ánh sáng trải lên toàn bộ con người hắn. Ánh sáng đó cho họ thấy cái quần tây đen và đôi giày đi tiệc. Nó cũng trưng ra khoảng cách từ vạt áo mưa đến sàn nhà. Trong giây lát họ có thể ước đoán chiều cao của hắn rõ ràng như thể họ có thước đo vậy.

“Dừng cuộn phim lại!” thiếu tá Crow nói. “Dừng ngay đó! Các anh

có thể thấy…”

Không Cần thiết phải dừng cuộn phim. Nó đã gần kết thúc. Với một chuỗi những tiếng ồn phát ra từ máy chiếu, màn hình nhấp nháy, đen dần đi, rồi trở nên trắng bóc và trống rỗng.

“Đó là tất cả,” giọng hơi khàn của Stevenson vang lên.

Trong một khoảng thời gian ngắn ngủi chỉ có Stevenson là di chuyển. Anh ta tắt máy, luồn qua phía sau nó và đi mở những tấm màn ra. Ánh sáng chiếu vào một cảnh tượng sinh động trong phòng. Thiếu tá Crow tỏ ra hài lòng. Sĩ quan Bostwick đang yên lặng và bí mật mỉm cười với cái tẩu của mình. Nhưng trên khuôn mặt của tiến sĩ Fell là một biểu cảm trông kinh ngạc như bị sét đánh đến nỗi thiếu tá phá lên cười.

“Tôi thấy có người vừa nhận một cú sốc rồi đó,” ông nhận xét. “Giờ thanh tra, tôi hỏi anh điều này. Chiều cao của bác sĩ Nemo là bao nhiêu?”

“Tôi nghĩ, ít nhất cũng phải sáu feet,” Elliot thừa nhận. “Dĩ nhiên, chúng ta sẽ phải lấy kính lúp để thực hiện vài nghiệp vụ đo lường. Hắn ta đứng ngang với cái lò sưởi đó, vậy nên có thể ước đoán khá dễ dàng. Các phép đo so sánh sẽ lo vụ đó. Nhưng có vẻ hắn ta cao khoảng sáu feet.”

“A,” Bostwick đồng tình. “Là sáu feet. Và mọi người có chú ý đến bước chân của gã đó không?”

“Ông nghĩ sao, tiến sĩ Fell?”

“Tôi không đồng ý,” tiến sĩ Fell gầm gừ.

“Nhưng anh không tin vào mắt mình sao?”

“Không,” tiến sĩ Fell nói. “Chắc chắn là không. Hoàn toàn không. Nhìn đống hỗn loạn mà chúng ta có bằng cách tin vào đôi mắt mình mà xem. Chúng ta đang du lịch trong một căn nhà đầy ảo giác, trong một chiếc hộp ảo thuật, và đặc biệt là trong một con tàu ma đầy thủ

đoạn. Khi nghĩ về trò lừa với chiếc đồng hồ, trong tôi lại tràn đầy một loại cảm giác kinh sợ. Nếu Chesney có thể nghĩ về một trò nguy hiểm tài tình như vậy, ông ấy hẳn có thể nghĩ ra những trò khác tương tự, thậm chí là còn đáng kinh ngạc hơn. Tôi không tin. Lớn tiếng mà nói, tôi sẽ không tin."

"Nhưng có nguyên nhân nào khiến ông nghĩ rằng đây cũng là một cái bẫy không?"

"Có," tiến sĩ Fell khẳng định. "Tôi gọi nó là vấn đề Câu Hỏi Không Cần Thiết. Nhưng thứ mà chúng ta có ở đây khó khăn và mới mẻ hơn nhiều."

"Như là?"

"Chà, hãy nhìn cách mà nhân chứng chuyên gia của chúng ta bị đẩy vào tình trạng khó khăn đi," tiến sĩ Fell lập luận, rút chiếc khăn tay in hoa sặc sỡ và vung nó ra. "Ba nhân chứng đã trả lời câu hỏi về chiều cao của bác sĩ Nemo. Marjorie Wills không phải là một nhân chứng đặc biệt tốt. Harding là một nhân chứng tệ. Giáo sư Ingram, mặt khác, lại là một nhân chứng thực sự giá trị. Tuy nhiên, trong câu hỏi về chiều cao này cả hai người được cho là không tốt lại trả lời đúng và giáo sư Ingram lại sai một cách tuyệt vọng."

"Tuy vậy, tại sao ông vẫn khăng khăng rằng hắn ta không cao sáu feet?"

"Tôi không khẳng định như thế. Tôi chỉ nói rằng có điều gì đó đáng nghi ở đây. Trong suốt thời gian qua, trong suốt thời gian gai góc, hỗn độn và khó khăn từ khi tôi biết về vụ án này, một câu hỏi cứ luôn làm phiền tôi đến phát điên. Nó vẫn còn quấy rầy tôi nhiều hơn bất kì vấn đề nào khác, và nó đây. Tại sao cuộn phim đó vẫn chưa bị phá hủy?

"Tôi nhắc lại," tiến sĩ Fell nói, vung vẩy cái khăn tay, "tại sao kẻ giết người lại không phá hủy cuộn phim đó? Sau cái chết của Chesney, khi họ mang Emmet lên lầu, cả tầng trệt của căn nhà bị bỏ hoang. Có rất nhiều cơ hội, rất dễ dàng, để phá hủy cuộn phim. Chính bản thân

các anh cũng thấy Phòng Nhạc trống rỗng khi các anh đến. Chiếc máy quay này bị giấu một cách đầy bất cẩn dưới nắp của cái máy hát. Tất cả những gì kẻ sát nhân phải làm là mở chiếc máy quay ra, phơi cuộn phim dưới ánh sáng, và thế là xong. Các anh không thể bảo tôi: tên giết người *muốn* có một đoạn phim thật nổi bật của chính mình để cảnh sát soi nó dưới kính hiển vi. Không, không, không hề."

"Nhưng Joe Chesney…" thiếu tá Crow lại bắt đầu.

"À đúng rồi: giả sử tên giết người là Joe Chesney. Giả sử ông ta đã giết Marcus, nhờ vào trò xảo trá trên chiếc đồng hồ để tạo bằng chứng ngoại phạm, chính xác như cách anh nói. Nhưng người đàn ông này không thể là một người hoàn toàn mất trí. Nếu là người đóng vai bác sĩ Nemo, ông ta đã biết Harding đang ở đó nỗ lực quay phim tất cả mọi thứ. Ông ấy hẳn phải biết một cuộc kiểm tra lại cuộn phim sẽ ngay lập tức tiết lộ sự thật về cây kim phút bị mất, về chiếc đồng hồ bị chơi khăm, và đánh ngã toàn bộ kế hoạch, như nó đang làm ngay lúc này. Bây giờ, ông ấy đã gọi điện thoại đến đồn cảnh sát cho anh lúc mấy giờ?"

"Lúc mười hai giờ hai mươi."

"Được rồi. Và mấy giờ anh đến Bellegarde?"

"Khoảng hai mươi lăm phút sau."

"Đúng. Chính xác. Vậy, nếu ông ấy đã gọi điện thoại cho anh, ông ấy phải xuống cầu thang, cách đó không quá ba bước là Phòng Nhạc. Tại sao ông ấy không dành thêm hai giây nữa, bước vào Phòng Nhạc, và phá hủy chứng cứ có thể vạch mặt mình?"

Mặt thiếu tá Crow đã trở nên hơi đỏ.

"Ông ấy tóm được ngài rồi đó, thưa ngài," Bostwick nói một cách cộc lốc.

"Ý anh là cái quái gì thế, tóm được tôi rồi á?" thiếu tá Crow nói với vẻ cứng ngắc không tự nhiên. "Tôi không biết. Có thể ông ta không thể

tìm được máy quay phim.”

“Chậc, chậc,” tiến sĩ Fell tặc lưỡi, biểu thị sự không tán đồng.

“Nhưng mà anh, sĩ quan,” thiếu tá Crow truy, “đang trịch thượng một cách quá đáng với toàn bộ việc này, có lẽ anh có thể giúp chúng ta thoát ra nhỉ. Anh có thể làm ơn giải thích tại sao kẻ sát nhân đã không phá hủy cuộn phim không?”

“Có, thưa ngài, tôi nghĩ tôi có thể. Chuyện là như thế này. Kẻ sát nhân không đủ điều kiện để phá hủy cuộn phim, còn một tên sát nhân khác thì lại không muốn nó bị hủy.”

“Cái gì? Hai kẻ giết người?”

“Đúng, thưa ngài. Anh Emmet và cô Wills.”

Bostwick nói chuyện thân mật với điếu thuốc trên môi, kiểm tra nó thật kĩ lưỡng. Khuôn mặt ông mang một biểu cảm nặng nề, ảm đạm, trầm ngâm; và ông nói với vẻ hơi khó khăn.

“Tôi đã không nói gì nhiều về vụ này. Nhưng tôi suy nghĩ rất nhiều, cách này hay cách khác. Và nếu ngài muốn biết tôi nghĩ gì, tôi không phiền kể với mọi người, và tôi có thể cung cấp cho mọi người một chút bằng chứng thực sự nữa.

“Giờ, gã bị quay hình lại,” ông chỉ lên màn hình, “đó là anh Emmet. Không nghi ngờ gì cả. Nhìn vào chiều cao của hắn đi. Nhìn vào cái cách anh ta bước đi. Chỉ cần ra ngoài tìm bất kì ai quanh đây, đưa cho họ cuộn phim đó, hỏi họ người đàn ông duy nhất mà họ biết có bước đi kiểu thế, và họ sẽ nói đó chính là anh Emmet.

“Tôi chưa bao giờ tin tưởng câu chuyện có ai đó đã đánh ngất Emmet và thế chỗ anh ta. Tôi không tin, và không tin là đúng. Cô Wills, chính cô ta đã đẩy mọi chuyện vào đầu chúng ta trước khi chúng ta biết cô ta đang bận làm gì. Quá nhiều như một bộ phim vậy. Lạy Chúa,” ông ngồi dậy, “ai lại muốn lao vào tất cả đống rắc rối không tưởng đó khi mà tất cả những gì anh ta cần làm chỉ là cho một

chút xyanua vào li trà của quý ông già đó trong bất kì ngày nào? Lỡ như lớp ngụy trang của anh ta rơi xuống thì sao? Lỡ như cái mũ rớt ra, hoặc là cái khăn choàng bung ra thì sao? Chuyện đó đã không xảy ra, nhưng nó có thể lắm. Hay lỡ như quý ông già đó chộp lấy anh ta, điều cũng có khả năng lắm chứ. Nhưng không, thưa ngài. Và như tiến sĩ Fell nói. Kẻ giết quý ông già nua đó đời nào lại muốn để lại một cuộn phim quay hết tất cả mọi việc cho cảnh sát sử dụng, vậy thì tại sao anh ta không tiến hành phi tang?

"Tôi đã không hề chợp mắt tối qua vì nghĩ về chuyện này. Và bất thình lình tôi nói với bản thân, 'Mẹ kiếp,' " ông tát đầu gối mình một cái, " 'mẹ kiếp,' tôi nói, 'vậy viên nhộng kia ở đâu?' "

Elliot nhìn ông.

"Viên nhộng kia?" anh hỏi, khi Bostwick đã bình tĩnh trở lại.

"A. Viên nhộng khác. Chúng ta nghĩ – cô Wills đã khiến chúng ta nghĩ – rằng có ai đó đánh ngất Emmet và đặt một viên nhộng độc vào thế chỗ một viên nhộng thường. Được rồi, cho là thế đi. Nếu vậy, viên nhộng kia đâu? Viên nhộng vô hại ấy? Chúng ta đã tìm khắp nơi, tất cả mọi chỗ, trong cái áo mưa và cái túi đeo chéo và tất cả những nơi khác. Và chúng ta có tìm thấy viên nhộng kia không? Không, chúng ta đã không tìm thấy. Nghĩa là chỉ có một viên, chính là viên là anh Emmet có, viên mà anh ta nhét vào họng quý ông già kia."

Thiếu tá Crow huýt sáo.

"Tiếp tục đi," ông nói.

"Và có một thứ khác nữa chúng tôi cũng không tìm thấy,"

Bostwick lập luận, hướng về phía Elliot. "Là chiếc hộp nhỏ đó. Chiếc hộp nhỏ bằng các tông, nơi anh ta lấy viên nhộng ra. Chúng ta có tìm thấy thứ đó trong cái áo mưa không? Không, chúng ta không thấy. Nhưng tôi tự nghĩ, 'nó có thể ở đâu?' tôi nói 'Ở đây!' Vậy nên sáng hôm nay tôi đã ngó qua nơi mà tôi nghĩ nó có thể xuất hiện, và

đúng là như vậy."

"Ở đâu?"

"Trong túi áo khoác phía bên phải của anh Emmet. Cái áo được treo trên một cái ghế trong phòng ngủ của Emmet, họ đặt nó vào đó sau khi cởi đồ cho anh ta."

"Điều này," thiếu tá Crow nói, "có vẻ tệ đây."

"Tôi có thể hoàn thành tốt giả thuyết của mình, thưa ngài, giờ tôi đang tiếp tục đây." Bostwick nói nhanh hơn và thậm chí với vẻ trầm trọng hơn. "Ai đó đã giết anh Emmet vào đêm qua. Nghĩa là có ai đó đã móc nối với anh Emmet trong việc giết quý ông già. Việc Emmet làm mọi thứ cho cô ấy thì ai cũng biết. Hoặc không thì cô ấy đã cho anh ta một viên nhộng độc, mà không cho anh ta biết trong viên nhộng đó có gì, và bảo anh ta tiếp tục buổi diễn và nhét nó xuống họng quý ông già nua kia. Nhưng tôi không thể chắc chắn về suy luận cuối cùng này, bởi vì Emmet đã tự đánh ngất mình để có bằng chứng ngoại phạm, vậy nên có vẻ như có một sự dàn xếp giữa bọn họ. Dù sao chăng nữa, tại sao cô ta lại hét to, *'Đừng, đừng!'* khi quý ông già bị sát hại, và phủ nhận điều mình đã nói sau đó?

"Điều đó rất bất hợp lí và không phải một phản xạ tự nhiên, trừ khi cô ta biết rõ chuyện gì đang diễn ra. Và đúng là cô ta đã biết tất cả. Vào phút cuối cô ta đã không thể kiềm chế bản thân mình. Chuyện này đã xảy ra trước đây. Anh có thể không nhớ, anh Elliot, nhưng tôi đã đọc rất nhiều về những vụ án mạng mà anh giải quyết ở London. Và tôi sẽ nói cho anh biết chuyện đó đã từng xảy ra ở đâu. Phụ nữ không thể kiềm chế bản thân, thậm chí khi chính họ là người bắt đầu tất cả các rắc rối. 'Đừng, đừng!' là những gì mà người phụ nữ Edith Thompson bắt đầu hét lên khi gã Bywaters chạy ra và đâm chồng của bà ta trên đường họ trở về từ rạp chiếu phim."

Ông ấy ngừng lại, thở dốc.

Thiếu tá Crow làm một động tác không thoải mái.

“Chứng cứ chống lại Wilbur Emmet,” Elliot thừa nhận, “thì… Chà, nếu ông có thể khiến mọi người xác nhận Emmet là người đàn ông trong đoạn phim, thì vậy là xong.” Anh cảm thấy lúng túng và không thoải mái, nhưng anh vẫn đối mặt sự thật. “Đến lúc này thì mọi chuyện vẫn tốt đẹp. Nhưng chứng cứ chống lại cô Wills ở đâu? Chúng ta không thể bắt giữ cô ấy chỉ bởi vì cô ấy nói, ‘Đừng, đừng!’ được. Bằng chứng đó không đủ tốt.”

“Hoàn toàn có bằng chứng,” Bostwick đáp lại. Một lần nữa khuôn mặt ông lại trở nên đỏ bừng. Ông do dự, và sau đó ông quay sang và quát qua vai mình: “Hobart Stevenson, nếu anh hé môi bất cứ lời nào nghe được trong căn phòng này ra ngoài, tôi sẽ tìm và bẻ cổ anh. Và anh biết là tôi sẽ làm thật đấy”

“Tôi sẽ không nói lời nào đâu, sĩ quan,” Stevenson, người đang nhìn chăm chú mọi người, nói. “Tôi xin thề.”

“Nhớ đấy, tôi chắc chắn sẽ biết tin nếu anh dám để lộ,” Bostwick cảnh báo, nhìn trừng trừng anh ta. Ông quay lại với những người khác, “tôi định cho mọi người biết điều này ngay lúc đang xem đoạn phim. Tôi vẫn chưa hề đề cập đến nó, thậm chí cả với thiếu tá, bởi vì tôi muốn mọi việc chắc chắn. Nhưng hoàn toàn có bằng chứng. Anh vừa nói một phút trước, thưa ngài rằng không có nhiều người trừ các bác sĩ biết cách sử dụng kim tiêm dưới da. Nhưng cô ấy biết. Cô ấy đã học được cách sử dụng thứ đó qua dịch bệnh cúm kinh hoàng sáu hay bảy năm trước. Cô ấy đã giúp bác sĩ Chesney tiêm chủng cho mọi người.”

“Và chính anh, chàng trai, cũng đã nói,” ông nhìn về phía Elliot, “rằng chúng tôi đã không hề nhiệt tình với việc bắt giữ những người ném đá vào cô ấy. Giờ thì điều đó không đúng, và tôi cũng không thích hành động đó. Không một chút nào. Nếu ai đó làm nhiễu loạn sự yên bình, tôi sẽ làm hết bổn phận của mình. Tôi cược với anh rằng quan tòa sẽ trả công bằng cho bất cứ ai trong sạch. Tôi đã cảnh báo anh rằng tôi có bằng chứng mà. Anh nghĩ sao về thứ này?”

Ông lấy trong túi áo khoác của mình ra một cái phong bì. Ông để nó mở nên họ có thể nhìn vào bên trong. Ông bước quanh nhóm người với cái phong bì đó. Bên trong nó chứa một cái kim tiêm dưới da nhỏ. Pit tông của nó được mạ kền, và trong ống thủy tinh nhỏ xíu bên trong họ có thể thấy một vết bẩn không màu chạy qua chạy lại. Chiếc kim tiêm tỏa ra mùi hạnh nhân đắng rất rõ ràng.

“Được,” Elliot nói. “Được rồi.” cổ họng anh rất khô và đôi mắt anh nóng lên. “Ông đã lấy thứ đó ở đâu vậy?”

“Tôi có thói quen dòm ngó xung quanh,” Bostwick nói. “Đó là lí do tại sao tôi yêu cầu thiếu tá bảo cô Wills tới đây gặp anh. Tôi đã tìm thấy nó trong đáy giả của một hộp trang sức trên bàn trang điểm trong phòng ngủ của cô Wills.”

Ông đưa chiếc phong bì cho Elliot và sau đó khoanh tay lại.

“Chuyện đó,” thiếu tá Crow nói, hắng giọng, “dường như không có khe hở nào. Anh nói gì đây, thanh tra? Anh có muốn một lệnh bắt giữ không?”

“Không cho tới khi nào tôi có một cơ hội nói chuyện với cô ấy về chuyện đó,” Elliot nhẹ nhàng nói. Anh hít một hơi thở sâu. “Nhưng, như anh nói, tôi e rằng đó chính là chân tướng. Ý ông thế nào, tiến sĩ?”

Tiến sĩ Fell ép hai tay lên lau vệt tóc xám của mình. Ông rên rỉ, ông bày ra khuôn mặt cực kì do dự.

“Nếu tôi có thể chắc chắn! Nếu tôi có thể,” ông lí luận, “chui ra khỏi mớ bòng bong đang hiện hữu trong trí óc mình! Tôi không biết phải nói gì. Việc này đang ồn ào quanh tai tôi theo cách mà tôi chưa bao giờ nghĩ là nó có thể. Cũng có thể là họ đã đúng…”

Niềm hi vọng của Elliot rơi xoảng xuống quanh tai anh.

“… nhưng một cuộc trò chuyện nhỏ với cô gái, dĩ nhiên, nên được chỉ định trước khi…”

“Nói chuyện với cô ấy!” sĩ quan Bostwick gầm lên, cuối cùng cũng mất kiểm soát. “Nói chuyện với cô ấy! A! Đó là điều mà chúng ta luôn luôn làm, chính là nó đó. Cô gái ấy có tội, thưa ông, và chúng ta biết rõ điều đó. Chúa biết cô ta có mọi thời cơ, mọi cơ hội. Chúng ta không thể đối xử công bằng hơn nữa với cô ta như thể cô ta có đặc quyền. Và chúng ta có gì? Chúng ta biết điều gì đã xảy ra. Cô ta lại là một Edith Thompson khác, ngoại trừ việc cô ta tệ hơn nhiều. Đối với người phụ nữ tên Thompson, tôi biết rằng bà ta,” ông liếc nhanh nhìn Elliot, “thậm chí đã cố mồi chài người cảnh sát đến để lấy lời khai sau vụ giết người. Và điều tôi đang nói ở đây là, lịch sử lúc nào cũng có thể lặp lại.”

XVI. MANH MỐI CHIẾC HỘP CÁC TÔNG

VÀO LÚC BỐN RƯỠI CHIỀU, tiến sĩ Fell và thanh tra Elliot đi cùng với sĩ quan Bostwick vào phòng ngủ của Marjorie Wills.

Hai người đầu tiên trong số họ đã ăn trưa một cách rất yên lặng tại quán The Blue Lion. Họ im lặng bởi vì thiếu tá Crow đang ở cùng họ. Và, mặc dù thiếu tá đã tuyên bố rằng sau khi vấn đề đặc biệt này được sáng tỏ, ông ấy không còn việc gì với vụ án nữa, nhưng Elliot không chắc chắn về điều này lắm. Elliot, thực ra, đang có khuynh hướng trở nên ủ ê và hơi khó tính khi mà các manh mối đã được ráp lại với nhau. Anh cứ không ngừng tự nói với bản thân rằng đây chính là sự thật, và rằng chuyện là thế, và những thứ đại loại vậy. Hồi tưởng lại

thì, cuộc phỏng vấn với Marjorie, và sự hấp dẫn của cô đối với anh, dường như có vẻ quá giả tạo đến độ khiến anh chẳng nói được gì. Có thể họ sẽ treo cổ cô ấy, và thế là xong. Nhưng làm thế quái nào mà cô ấy có thể đọc được những suy nghĩ của anh?

Anh đã hai lần có mặt ở buổi treo cổ. Anh không thích nhớ những chi tiết của việc đó chút nào.

Khi họ đến Bellegarde, anh nhận thấy (với một cảm giác nhẹ nhõm nghẹn lại trong người) rằng Marjorie đã ra ngoài. Cô ấy đã lên xe đi cùng Harding. Pamela – người giúp việc xinh đẹp – nói. Cô ấy đã đi đến Bath hoặc Bristol gì đấy, Lena – người giúp việc tóc đỏ – nói. Cùng với bà đầu bếp Grinley, cả hai bọn họ đều đang ở trong tình trạng tinh thần không tốt, bởi vì chẳng còn ai khác trong căn nhà. Một ông McCracken nào đó – người từng làm trợ lí của Emmet tại những nhà kính – sẽ liên tục đến đây để chào họ và đảm bảo mọi chuyện đều tốt đẹp. Bác sĩ Chesney, mặc dù đêm qua ông ấy đã ngủ tại Bellegarde, nhưng bây giờ ông ấy đã đi rồi. Cả những người giúp việc lẫn đầu bếp đều không có gì để khai thêm về cả hai cái chết những đêm trước.

Bellegarde đang nằm dịu dàng và tươi vui trong ánh nắng mùa thu. Những viên gạch vàng và xanh dương của nó, mái nhà dốc đứng với những đầu hồi kiểu Hà Lan mảnh mai của nó, có vẻ như chẳng che giấu bí mật nào cả. Wilbur Emmet cũng vậy, anh ta đã chết một cách rất yên bình. Những cửa sổ trong phòng ngủ của anh ta quay mặt ra hướng tây, ánh sáng mặt trời nhạt màu đổ lên giường qua những tấm màn cửa chưa đóng kín. Đầu của anh ta đã được băng bó, và khuôn mặt bị sưng tím nhẹ, nhưng khuôn mặt ra đi của anh trông thanh thản và gần như có vẻ thu hút. Anh ta đang nằm thẳng, chăn đắp lên ngực và cánh tay phải, ống tay áo pyjama quay ngược trở lại ra bên ngoài. Bác sĩ West đã được phép di chuyển cái xác để thực hiện khám nghiệm tử thi, vào lúc đó ông ấy chỉ có thể nói rằng Emmet dường như đã mất mạng bởi một liều axit xyanhydric dưới da, có thể là bằng một cây kim tiêm dưới da. Không gì có thể yên tĩnh và khiến trí tưởng tượng

bay xa hơn sự sợ hãi. Thậm chí ngay cả tiến sĩ Fell, người đang nhìn quanh căn phòng ngập nắng với họa tiết giấy dán tường giống như những quả đào đó, cũng không thể không rùng mình nhẹ.

“Được rồi,” Bostwick chăm chú nhìn ông ấy với vẻ đồng tình. “Giờ vui lòng đi lối này.”

Phòng ngủ của Marjorie ở phía trước căn nhà. Nó cũng là một nơi tươi vui, rộng rãi với giấy dán tường màu kem có hoa văn ô vuông. Nội thất trong phòng làm bằng gỗ óc chó, những cánh cửa sổ được che chắn bằng rèm vải xếp nếp màu nâu vàng. Bên cạnh chiếc giường là một kệ sách thấp có mặt hướng ra ngoài, nó chứa hơn hai mươi cuốn sách, và Elliot liếc nhanh vào tựa đề của chúng. Một loạt sách hướng dẫn du lịch đến Pháp, Ý, Hy Lạp và Ai Cập. Một cuốn từ điển tiếng Pháp. Và một tờ báo che đi cuốn *Tiếng Ý thật dễ. Rừng và biển. Nơi nỗi buồn bắt đầu. Trò khôi hài. Bức tranh của Dorian Gray. Tuyển tập các vở kịch của J. M. Barrie. Những câu chuyện cổ của Hans Christian Andersen, Biên niên sử của một người tình độc ác.* Và – anh tự hỏi không biết Bostwick có chú ý hay không – vài quyển sách giáo khoa về Hóa học.

Bostwick đã chú ý đến chúng, “Ồ, mọi người sẽ thấy vài thứ ở đó đấy. Trên cái kệ sách thấp thấp kìa.”

“Ừm. Khá là nhiều loại, không phải sao?” tiến sĩ Fell lẩm bẩm, quay lại nhìn chiếc kệ sách qua vai. “Tính cách của quý cô trẻ này bắt đầu trở nên thú vị hơn tôi nghĩ rồi đây.”

“Đã đủ thú vị với tôi rồi, thưa ngài,” Bostwick nói một cách dứt khoát. “Nhìn đây.”

Chiếc bàn trang điểm được đặt giữa những cánh cửa sổ. Ngay chính giữa bàn, hơi lùi về sau chiếc gương tròn, là năm chiếc hộp vàng hoa mĩ kích thước khoảng năm inch vuông. Tất cả các mặt của chúng đều được làm tròn các góc, và chúng đứng trên bốn cái chân hộp ngắn ngủn. Sự khéo léo này là một sản phẩm thủ công của người Ý, với thiết kế hình Đức Mẹ Maria và Con Chúa trên nắp hộp. Cái đáy giả, chỉ

cao khoảng ¼ inch, được che giấu một cách khéo léo và kín đáo. Cái đáy đó làm việc trên cơ chế lò xo, muốn mở ra cần phải ấn vào bông hoa hồng nhỏ xíu ở một trong bốn cái chân. Bostwick minh họa cho họ thấy.

“Tôi nghĩ,” Elliot chậm rãi nói, “cô ấy có chiếc hộp này từ chuyến đi ra nước ngoài?”

“Dám lắm.” Bostwick lãnh đạm nói. “Vấn đề là…”

“Và, do đó, những thành viên khác trong gia đình có thể biết về chiếc đáy giả?”

“Ra là vậy!” tiến sĩ Fell ầm ầm nói, quay lại nhìn anh. “Anh ám chỉ là nó đã được thả vào đây?”

Elliot thành thật nói. “Tôi không biết. Tôi thừa nhận đó là điều đầu tiên tôi nghĩ đến. Nhưng nếu có ai đó đã thả cây kim tiêm vào chiếc hộp này, tôi cũng thừa nhận rằng tôi không thấy được sự logic và nguyên nhân trong đó. Hãy đối mặt với chuyện này.” Anh bước qua bước lại trong căn phòng, trầm ngâm. “Chúng ta phải thừa nhận sự thật là kẻ giết người thực sự hoặc là một thành viên của gia đình này hoặc là một người rất gắn bó mật thiết với Chesney. Chúng ta không thể đi lệch khỏi điều đó được. Nếu đây là một tiểu thuyết, thì kẻ giết người có thể dễ dàng hóa ra là một người ngoài hoàn toàn không liên quan, ví dụ như dược sĩ Stevenson chẳng hạn.”

Bostwick mở to mắt. “Này, này, này! Anh không phải đang nói…”

“Không. Chuyện đó không thể nào. Và chúng ta đều biết điều đó. Nhưng ai trong số họ lại có lí do để…”

Anh kìm bản thân lại, và cả anh lẫn Bostwick đều nhìn quanh, bởi có tiếng cảm thán phát ra từ tiến sĩ Fell. Tiến sĩ Fell không hề hứng thú với hộp trang sức. Thay vào đó ông vu vơ kéo nửa ngăn kéo bên phải của chiếc bàn trang điểm ra, một cách gần như lơ đãng. Từ chỗ này ông lấy ra một chiếc hộp chứa bóng đèn dùng để chụp ảnh: trong

hộp trống rỗng. Ông ước chừng cân nặng của nó trên tay. Ông khịt mũi ngửi. Sau khi gắn chặt gọng kính lại trên mũi, ông cầm chiếc hộp lên soi trước ánh sáng như thể đang nghiên cứu một chai rượu vang.

"Ôi chao, tôi nói này," tiến sĩ Fell nói thầm.

"Sao, thưa ngài?"

"Nhỏ hơn một chút, và giá bao nhiêu thế nhỉ," tiến sĩ Fell nói. "Nghe này. Nếu không ai phản đối, tôi rất muốn nói chuyện với người giúp việc phụ trách dọn dẹp căn phòng này."

Chính Elliot là người đi tìm kiếm mấy người giúp việc, vì dáng vẻ của tiến sĩ Fell trông như thể sẽ bắt đầu nện thình thịch vào một cánh cửa, và sẵn sàng phá nó để xông vào. Anh tìm ra rằng Lena – người giúp việc tóc đỏ – là người chịu trách nhiệm dọn dẹp căn phòng. Nhưng Pamela – cô giúp việc xinh đẹp – cứ khăng khăng đòi đi cùng bạn mình để hỗ trợ về mặt tinh thần. Và thế là cả hai bọn họ đối mặt với tiến sĩ Fell trong một bầu không khí căng thẳng và trang trọng mà (sau này Elliot đã rút kinh nghiệm được) khiến anh khá buồn cười.

"Chào," tiến sĩ Fell nhã nhặn nói.

"Chào ông," cô giúp việc tóc đỏ nói, có vẻ không hợp tác lắm. Nhưng Pamela, mặt khác, lại cười mỉm với vẻ hào hứng.

"Ha ha ha," tiến sĩ Fell nói. "Trong các cô ai là người chịu trách nhiệm việc dọn dẹp căn phòng này mỗi sáng?"

Sau khi nhanh chóng nhìn quanh, Lena trả lời một cách ngang ngược rằng chính là cô.

"Từng thấy thứ này trước đây chưa?" tiến sĩ Fell hỏi, tay cầm chiếc hộp bằng bìa các tông.

"Có, tôi có thấy," Lena trả lời. "Cô ấy mang nó về sáng hôm qua."

"Cô ấy?"

"Cô Marjorie." Lena nói, sau khi nhận một cú huých nhẹ từ người

đồng hành của mình. “Cô ấy đã lên đường và mua nó từ sớm, và khi cô ấy trở về tôi đang quét dọn phòng, vậy nên tôi mới biết.”

“Nó có phải một manh mối không, thưa ông?” Pamela hỏi, với một sự háo hức ngây thơ.

“Đúng vậy. Cô có biết cô ấy đã làm gì với nó không?”

Lena quắc mắt nhìn. “Cô ấy đặt nó vào ngăn kéo bàn trang điểm ở bên đó, cái mà ông đã mở ra ấy. Và tốt hơn thì ông nên đặt nó trở lại, nếu đó là nơi ông lấy nó.”

“Sau đó cô có thấy lại nó không?”

“Không, tôi không thấy.”

Lúc này có một sự hoảng sợ thuần túy xuất hiện trên khuôn mặt Lena, nhưng thái độ của Pamela thì khác. *“Tôi* có thấy nó sau đó,” cô tự nguyện nói.

“Thật à? Khi nào?”

“Mười hai giờ kém mười lăm đêm qua,” Pamela nhanh chóng trả lời.

“Á à!” tiến sĩ Fell nói với vẻ nhẹ nhõm, mạnh mẽ và thô lỗ đến nỗi thậm chí cả Pamela cũng che người lại và khuôn mặt của Lena trở nên xanh xao xám xịt. “Mong cô lặp lại lần nữa, tôi rất xin lỗi,” ông thúc giục, vẫy vẫy tay và tỏ vẻ kinh ngạc. Bostwick đang nhìn ông chằm chằm.

“Tốt hơn là bồ nên cẩn thận,” Lena nói một cách mạnh mẽ. “Bồ sẽ bị vào tù, đó là những gì sẽ xảy ra cho bồ.”

“Tôi sẽ không phải vào tù đâu,” Pamela nói. “Đúng không?”

“Dĩ nhiên là không rồi,” tiến sĩ Fell nói với cô, ông đã dịu lại. “Cô có thể kể tôi nghe chuyện đó không? Hãy cố gắng kể tôi nghe chuyện đó nào.”

Pamela dừng lại đủ lâu để nở một nụ cười bí mật và đắc thắng với

người đồng hành của mình. “Tôi đã lấy nó cho ông Chesney,” cô giải thích. “Tối qua tôi ngủ trễ, nghe radio…”

“Cái radio ở đâu?”

“Trong bếp. Và sau đó tôi ra khỏi bếp và bắt đầu vừa ngáp vừa bò lên cầu thang, nhưng ngay lúc đó ông Chesney bước ra khỏi phòng làm việc.”

“Sau đó?”

“Ông ấy nói, ‘Này, cô đang làm gì trên đó thế? Đáng ra cô phải đi ngủ rồi chứ.’ Tôi nói một cách lịch sự, ‘Tôi đang nghe radio, tôi đang tính đi ngủ.’ Ông ấy định nói gì đó, nhưng ngay lúc đó giáo sư Ingram ra khỏi thư viện. Ông Chesney nói với tôi ‘Cô có biết cái bóng đèn dùng để chụp ảnh mà cô Marjorie vừa mua hôm nay không? Nó ở đâu?’ Tôi biết chuyện đó, bởi vì Lena đã kể cho tôi nghe…”

“Đừng có mà cố lôi tôi vào đấy,” Lena thét lên.

“Ôi, bồ đừng có dở người thế chớ!” Pamela nói, đột ngột trở nên nhạy cảm và thiếu kiên nhẫn. “Chuyện đó chẳng có gì cả, không hề! Tôi đã nói rằng nó ở trên lầu. Ông Chesney nói, ‘Thế thì, cô chạy lên lấy giùm tôi được chứ?’ Và tôi đã làm thế, và mang nó xuống cho ông ấy trong khi ông ấy đang nói chuyện với giáo sư, và sau đó tôi đi ngủ.”

Dù tiến sĩ Fell đang có dòng câu hỏi nào trong đầu, thì nó cũng bị Lena làm gián đoạn.

“Tôi không thèm quan tâm trong chiếc hộp có gì đó hay không,” Lena bùng nổ. “Tất cả những gì tôi biết là tôi đang phát ốm vì phải nói đây nói đó, mà lúc nào cũng phải giữ bí mật về cô ấy.”

“Lena! S-u-ỵ-t!”

“Không, và tôi sẽ không S-u-ỵ-t,” Lena khoanh tay lại, nói. “Tôi không tin cô ấy đã làm những điều mà họ nói cô ấy đã làm, nếu không Pop của tôi sẽ không để tôi ở đây, không dù chỉ trong một phút. Và anh ấy đã bảo tôi thế, và dù sao chăng nữa tôi cũng không sợ cô ấy.

Tôi không sợ cả mười cô ấy ấy chứ. Nhưng cô ấy không làm những việc thông thường mà mọi người làm, và đó là lí do tại sao họ lại bàn tán về cô ấy. Tại sao hôm qua cô ấy lại một mình đến chỗ giáo sư Ingram, một phần buổi sáng và cả nửa buổi chiều, trong khi mà vị hôn phu của cô ấy, chàng trai đẹp đẽ mà các ông đã gặp, lại ngồi đây? Còn những chuyến đi đến London thường xuyên của cô ấy, khi mà đáng ra cô ấy phải đến nhà bà Morrison để đọc sách, thì sao? Là để gặp một người đàn ông, chỉ thế thôi."

Lần đầu tiên sĩ quan Bostwick tỏ ra hứng thú.

"Những chuyến đi đến London? Những chuyến đi đến London nào?" ông hỏi.

"Ồ, tôi chỉ biết thế," Lena mơ hồ nói.

"Tôi đang hỏi cô, chuyện đó diễn ra khi nào?"

"Đừng bận tâm chuyện đó diễn ra khi nào," Lena nói, giờ đây đã hoàn toàn tỉnh táo lại và đang ở trong trạng thái gần như run rẩy. "Đó là những chuyến đi để gặp một người đàn ông, chỉ có thế. Và thế là đủ tốt rồi."

"Nghe đây, cô gái," Bostwick nói, mất bình tĩnh, "chúng tôi cần biết điều đó, nếu cô biết điều gì là tốt cho cô. Tại sao trước đây cô lại không kể những chuyện này này với chúng tôi?"

"Bởi vì Pop của tôi bảo tôi rằng sẽ đánh tôi nếu tôi dám đề cập chuyện đó với bất kì ai, đó là lí do. Và, dù sao chăng nữa, chuyện đó là năm hay sáu tháng trước rồi, vậy nên nó không liên quan đến việc này. Không có gì liên quan đến vụ này, thưa ngài Bostwick. Những gì *tôi* đang nói là, nếu tất cả chúng ta được phép cư xử như cô ấy…"

"Người đàn ông cô ấy đến gặp ở London là ai?"

"Làm ơn đi, chúng tôi có thể đi ngay bây giờ không?" Pamela xen vào, dùng khuỷu tay huých nhẹ vào sườn bạn đồng hành của mình.

"Không, các cô đang giữ manh mối quan trọng nên không thể đi bây

giờ được! Người đàn ông cô ấy đến gặp ở London là ai?”

“Chắc chắn là tôi không biết rồi. Tôi có đi theo cô ấy đâu.”

“Người đàn ông cô ấy đến gặp ở London là ai?”

“Ôi, dù sao thì chúng tôi cũng có nhân phẩm chứ, đúng không?” Cô gái tóc đỏ nói, mắt mở lớn. “Thì, tôi không biết. Và tôi vẫn cho là mình không nên biết làm gì, nếu ông có cho tôi hết tất cả tiền trong ngân hàng Anh quốc cũng không. Tất cả những gì tôi biết là cậu trai đó làm việc trong một phòng thí nghiệm hay nơi nào đó như thế, bởi vì cậu ta có viết thư. Không, và ông cũng đừng nghĩ lung tung, địa chỉ được in ngay trên phong bì! Đó là lí do sao tôi lại biết.”

“Một phòng thí nghiệm hả?” Bostwick lặp lại, chậm rãi và nặng nề. Tông giọng của ông đã thay đổi. “Giờ hai cô ra ngoài đi. Và chờ ở bên ngoài cho đến khi tôi gọi.”

Mệnh lệnh này dễ thực hiện hơn nhiều, vì từ lúc nãy Lena cuối cùng cũng đã bật khóc. Những sự kiện trong đêm hôm trước, cộng thêm những hành vi hơi mang tính đe dọa, là hơi quá với cô ấy. Pamela, người nhìn chung bình tĩnh hơn nhiều, lo lắng đưa cô ra ngoài. Và Bostwick xoa trán mình.

“Một phòng thí nghiệm sao?” Ông xem xét ý tưởng này lần nữa.

“Ông nghĩ chuyện đó đáng quan tâm à?” Elliot hỏi.

“Tôi sẽ nói với anh lí do tại sao. Tôi nghĩ cuối cùng chúng ta cũng có được ít may mắn, và có cơ hội phản công lại điều đã đánh bại chúng ta trước đây: nơi cô ta lấy thuốc độc,” sĩ quan tuyên bố. “Đó là kinh nghiệm của tôi. Mọi thứ đang ăn khớp với nhau, không biết là may hay rủi nữa. Đó là thứ chúng ta cần. Một phòng thí nghiệm! Chà, chết tiệt! Tôi… Dù vậy, quý cô trẻ tuổi này có ham mê đặc biệt với các nhà hóa học, không phải sao? Đầu tiên là gã này, sau đó là anh Harding…”

Elliot quyết định.

“Harding chính *là* gã đó,” anh nói và giải thích mọi chuyện.

Trong suốt quá trình giải thích của anh, trong khi đôi mắt của Bostwick càng ngày càng mở lớn và tiến sĩ Fell vẫn ủ rũ nhìn chằm chằm ra ngoài cửa sổ, Elliot có một ý nghĩ rằng chuyện đó không phải là tin tức mới mẻ với tiến sĩ. Những kí ức trong buổi sáng, khi mà tiến sĩ đã lượn lờ hơi quá gần để nghe lỏm, lại quay về trong đầu anh. Nhưng tiếng huýt sáo Bostwick cho anh lại quá dài và phức tạp so với những âm thanh thông thường.

“Anh khám phá ra điều này bao lâu rồi?” ông hỏi.

“Khi cô ấy đang cố gắng, như ông nói, mồi chài một nhân viên cảnh sát.”

(Anh cảm giác được đôi mắt của tiến sĩ Fell đang nhìn mình.)

“À,” Bostwick nói, như thể vừa được mở mang đầu óc. “Vậy nó chỉ là… Đừng bận tâm.” Người sĩ quan mơ hồ hít một hơi, giảm bớt sự tức tối. “Điều quan trọng là, giờ chúng ta đã nắm được vụ án. Chúng ta đang rất an toàn. Chúng ta có thể biết cô ta lấy chất độc ở đâu: cô ta lấy nó từ anh Harding. Có thể cô ta đã đến thăm phòng thí nghiệm của anh ta, cô ta có quyền vào nơi đó, cô ta có thể ăn cắp bất cứ thứ gì cô ta muốn, và còn ai khôn ngoan hơn nữa nào? Hả? Hoặc là…” Ông ngừng lại một chút, một biểu cảm tối sầm và nặng nề xuất hiện trên khuôn mặt ông. “Giờ đây, tôi lại băn khoăn điều gì? Tôi suy nghĩ điều gì? Anh Harding là một loại quý ông rất dễ chịu, nhưng chuyện này ngày càng phức tạp hơn, toàn bộ mọi chuyện, phức tạp hơn chúng ta đã nghĩ. Nếu như họ đã lừa chúng ta từ lúc bắt đầu thì sao? Nếu như cô ta và Harding đã cùng nhau lên kế hoạch toàn bộ chuyện này thì sao? Anh sẽ nói gì về chuyện đó?”

“Tôi sẽ nói rằng sự thật không thể xảy ra theo cả hai giả thuyết của ông cùng một lúc, thưa ông.”

“Như thế nào?”

“Chà, thưa ông, ông nói về một vụ án.” Elliot gần như gầm lên. “Nhưng ông phải bám sát vào vụ án chứ. Chuyện gì đây? Đầu tiên, cô

ấy gây án một mình. Sau đó cô ấy móc ngoặc với Emmet gây án. Giờ thì cô ấy giết Emmet và móc ngoặc với Harding. Trời ạ, hãy nói chuyện hợp lí coi nào. Ông không thể buộc tội cô ấy đi lòng vòng khắp nơi và cấu kết với mọi người mà cô ấy gặp để giết người được."

Bostwick đút tay vào túi trong tư thế nhàn nhã. "Ô? Giờ ý anh là sao khi nói vậy hả chàng trai?"

"Không phải tôi đã nói rất rõ rồi sao?"

"Không, chàng trai, tôi e là không đâu. Ít nhất, anh cũng làm rõ ràng được vài điều, tôi e là thế, nhưng những điều khác thì không. Anh nói như thể anh vẫn không tin rằng cô gái trẻ này có tội vậy."

"Với vai trò là một người chỉ tin vào sự thật thuần túy," Elliot nói, "ông nói đúng, tôi vẫn không tin chuyện đó."

Có một tiếng đổ vỡ nhỏ bỗng vang lên. Tiến sĩ Fell, người chưa bao giờ có thể gọi là cẩn thận trong khi chuyển động, vừa mới thành công làm một chai nước hoa rơi ra khỏi bàn trang điểm. Sau khi liếc mắt nhìn xuống, thấy rằng nó không bị vỡ, và để yên nó ở đó, ông thở ra với một biểu hiện cực kì vui mừng. Sự nhẹ nhõm tỏa ra từ ông ấy như hơi nước bốc lên từ lò sưởi. Tiến sĩ Fell nói:

"Bởi một mình tôi có thể kể những câu chuyện được kể
Người bán thịt của Rouen, Berrold đáng thương
Đất đai bị thống trị bởi những vị vua trên ngai vàng…"

"Sao vậy?"

"Ha!" tiến sĩ Fell nói, vỗ mạnh vào ngực mình như Tarzan. Rồi ông hụt hơi sau câu trích dẫn đầy kiêu ngạo, thở khò khè một hay hai lần, và chỉ vào cửa sổ. "Tốt hơn chúng ta nên," ông tiếp tục, "nên quyết định dựa trên một kế hoạch nhất định. Chúng ta nên quyết định ai là người chúng ta nên tấn công, nơi nào chúng ta nên tấn công, và tại sao chúng ta nên tấn công. Cô Wills, anh Harding, và bác sĩ Chesney lúc này đang lái xe đến. Có lẽ nên sắp xếp một cuộc nói chuyện thân mật.

Nhưng có một điều tôi phải nói ngay bây giờ. Elliot, chàng trai của tôi, tôi quả thực rất vui vì anh đã nói những điều vừa rồi.”

“Vui? Tại sao?”

“Bởi vì anh nói khá đúng,” tiến sĩ Fell đáp đơn giản. “Cô gái đó không có liên quan nhiều với bất kì vụ án nào trong đó đâu.” Xung quanh im lặng như tờ.

Để hồi phục lại từ đầu óc trống rỗng, Elliot kéo mở tấm màn ở cửa sổ gần nhất và liếc nhìn ra ngoài. Phía dưới là bãi cỏ trước được cắt tỉa gọn gàng của Bellegarde, với con đường bằng sỏi ngăn nắp và bức tường đá thấp phía trước. Một chiếc xe mui trần, do Harding cầm lái, vừa mới rẽ vào những cánh cổng. Marjorie ngồi bên cạnh anh ta trên băng ghế trước, và bác sĩ Chesney ngồi uể oải trên ghế sau. Thậm chí ở khoảng cách đó Elliot cũng thấy hơi lố bịch khi bác sĩ Chesney lại cài một bông hoa trắng ở khuyết áo, mặc dù ông ta mặc bộ đồ vest tối màu.

Elliot đã không nhìn vào biểu cảm trên khuôn mặt của Bostwick.

“Bây giờ, đây là kế hoạch của anh,” tiến sĩ Fell thuyết phục. “Anh dự định sẽ giả vờ liếc mắt chân thành và khéo léo nhất, và quát mắng cô ấy. Anh dự định sẽ khoa trương về chiếc kim tiêm dưới da trước mặt cô ấy. Anh dự định sẽ tấn công cho tới khi cô ấy thú tội. Anh dự định sẽ dùng cách ngắn nhất, thực tế nhất để khiến cô ấy phát điên và khiến cô ấy làm điều gì đó ngu ngốc. Chà, lời khuyên đơn giản nhất cho anh là: Đừng. Đừng nói một lời nào về chuyện đó. Hơn nữa, trên thực tế cô ấy không hề có tội…”

Bostwick nhìn ông. “Vậy là ông cũng ở phía đó,” ông nói bằng giọng nặng nề.

“Đúng vậy,” tiến sĩ Fell nói. “Trời đất ơi, đúng vậy đấy! Tôi ở đây để đảm bảo sự không thỏa đáng, sự khập khiễng, và sự mù quáng không gây ra bất kì tổn thương nào. Nếu không làm được điều đó thì tôi sẽ không đáng là một đồng bốn xu Birmingham trong việc này. Làm

ơn ở yên với cái tẩu của anh và châm nó đi. Tôi nói này, nếu anh đẩy việc này đi xa hơn, thì chính tay anh sẽ tự phá tung vụ án này lên đấy. Chuyện đó sẽ khá là đáng tiếc, bởi vì cô gái đó không có tội và tôi có thể chứng minh điều đó. Chúng ta đã bị lừa bởi một manh mối sai lầm, to lớn và mơ hồ nhất mà tôi từng gặp. Anh có thể nghe sự thật ngay bây giờ. Và quên những cái phòng thí nghiệm chêt tiệt của anh đi. Marjorie Wills không liên quan gì đến nơi đó cả. Cô ấy không hề ăn trộm, mượn, hay thu được chất độc đó từ phòng thí nghiệm của Harding, và Harding cũng không, tôi rất xin lỗi phải nói như vậy. Điều đó có rõ ràng không?"

Trong sự hào hứng hoặc bực mình, ông ra dấu về phía cửa sổ. Đó là nguyên do tại sao tất cả bọn họ lại bước đến quan sát những điều đang xảy ra bên dưới.

Chiếc xe đang nhàn nhã chạy lên con đường vào nhà, còn cách cửa trước khoảng hai mươi feet. Harding đang nhìn xuống Marjorie, người dường như đang đỏ mặt và hơi ngập ngừng, và nói gì đó với cô ấy. Harding đã không hề nhìn vào kính chiếu hậu để xem chuyện gì đang xảy ra sau lưng anh ta – thực tế anh ta cũng chẳng có lí do nào để làm vậy. Bác sĩ Joseph Chesney ngồi nghiêng người về phía trước trên băng ghế sau, hai nắm tay của ông đặt lên đầu gối và có một nụ cười mỉm nở trên khuôn mặt ông. Những người quan sát có thể nhìn rõ từng chi tiết một cách sinh động: bãi cỏ ướt mưa, những cây hạt dẻ vàng lá dọc con đường, và nụ cười mỉm đó cho thấy bác sĩ Chesney có hơi say một chút.

Sau một cái liếc mắt nhìn căn nhà, bác sĩ Chesney lấy bông hoa trắng ra khỏi khuyết áo và ném nó qua cửa xe, lăn lóc dưới con đường dẫn vào nhà. Có một sự xóc nảy nhẹ trên băng ghế sau, và ông với tay vào túi áo khoác. Thứ ông rút ra khỏi túi là một khẩu súng lục cỡ 38. Nụ cười mỉm vẫn ở trên khuôn mặt đầy tàn nhang của ông. Nghiêng người về phía trước, ông vững vàng đặt khuỷu tay của mình lên mặt sau của ghế trước, ép họng khẩu súng vào sau cổ của George Harding,

và bóp cò. Những con chim bị giật mình bay khỏi đám dây leo do xung động của cú bắn, và có một cú giật máy cùng tiếng khàng khạc vang lên khi động cơ của chiếc xe khựng lại.

XVII. HOA CẨM CHƯỚNG TRẮNG

SĨ QUAN BOSTWICK già hơn Elliot hai chục tuổi, nhưng ông đang đi xuống cầu thang với tốc độ chỉ sau anh khoảng một hay hai bước. Trong một phần giây Elliot đã băn khoăn không biết liệu những gì anh vừa nhìn thấy có phải là một ảo giác không, một ảo giác trong bãi cỏ sân trước đầy yên tĩnh, như một trong những ảo giác về Marcus Chesney chẳng hạn. Nhưng việc Harding bất thình lình đổ nhào xuống một bên từ ghế lái, và tiếng thét của Harding, thì không phải ảo giác.

Khi Marjorie đột nhiên lấy lại ý thức và kéo phanh, chiếc xe không có người lái ấy đang chầm chậm trượt lùi gần hết con đường. Lúc Elliot đến được nơi đó, bác sĩ Chesney đang đứng lên trên băng ghế

sau, rõ ràng là hoàn toàn tỉnh táo. Elliot dự kiến sẽ tìm thấy Harding đang nằm vắt ngang qua bên hông xe với một viên đạn trong não. Nhưng những gì anh thực sự thấy là Harding, người đã lần mò chộp được cánh cửa và tìm cách mở được nó ra, đang bò trên cả bốn chân ngang qua con đường rải sỏi để đến bãi cỏ, nơi anh ta ngã quỵ xuống. Hai vai anh ta rụt lên đến tận tai. Máu đang chảy ra từ sau cổ, vòng quanh cổ áo, hẳn là anh ta có thể cảm nhận được điều đó, và nó dọa anh ta chết khiếp. Những từ mà anh ta nói nghe khá kì cục. Trong bất kì hoàn cảnh nào thì mấy từ đó nghe cũng có vẻ lố bịch hết.

"Tôi bị bắn," anh ta đang nói với giọng cao hơn tiếng thì thầm một chút. "Tôi bị bắn. Ôi, Chúa ơi, tôi đã *bị bắn."*

Sau đó anh ta chờ một lát, rồi quằn quại trên bãi cỏ. Vì thế Elliot biết rằng anh ta không phải người chết hoặc thậm chí là một người sắp chết cũng không.

"Nằm yên!" anh nói. "Nằm yên đó!"

Lời rên rỉ của Harding đã tăng đến mức khủng bố. Bác sĩ Chesney lại khác, ông nói năng mạch lạc hơn hẳn. "Bắn trật rồi," ông ta nhấn mạnh, cầm lấy khẩu súng lục, "bắn trật rồi." Có vẻ như điều mà ông mong muốn gây ấn tượng với tâm tưởng người nghe, hết lần này đến lần khác, là tin tức đáng kinh ngạc rằng viên đạn đã bị bắn trượt.

"Chúng tôi đã chú ý đến việc đó, thưa ông," Elliot nói. "Đúng, anh đã bị bắn," anh nói với Harding. "Nhưng anh vẫn chưa chết, đúng không? Anh không cảm thấy mình đang chết đúng không? Này!"

"Tôi…"

"Yên nào! Để tôi ngó qua xem." Elliot vỗ về, đỡ lấy vai của anh ta khi Harding nhìn anh một cách đờ đẫn, khó hiểu. "Anh không thấy đau, đúng không? Tay ông ấy hẳn đã bị lắc hay sao đó. Viên đạn lệch sang một bên và sượt qua da sau cổ anh. Vùng da có bị bỏng, nhưng anh chỉ bị một vết cắt chưa tới một phần mười inch. Anh không thấy đau, đúng không?"

“Đừng bận tâm,” Harding nói khẽ. “Than vãn là không tốt. Hãy đối mặt với điều đó. Phải mạnh mẽ, đúng không? Ha, ha, ha.” Mặc dù anh ta dường như chẳng nghe Elliot nói gì, và đã thì thầm nói với vẻ gần như hoàn toàn đùa cợt, Harding vẫn cho Elliot một ấn tượng mới. Elliot nghĩ bộ não vô cùng sắc bén của anh ta đã nghe được lời chẩn đoán, ngay lập tức dịch ý nghĩa, thậm chí là dịch nghĩa trong trạng thái vô cùng sợ hãi, sau đó nhận ra rằng nó đang trên đà khiến bản thân trở nên ngớ ngẩn, và anh ta nhanh chóng giả vờ như đang ở trong trạng thái diễn xuất xuất thần.

Elliot thả hai vai anh ta ra.

“Ông sơ cứu vết thương được chứ?” anh hỏi bác sĩ Chesney.

“Cái túi,” bác sĩ Joe nói, vừa nuốt khan một hay hai lần và phe phẩy cổ tay về hướng cửa trước, vừa nói. “Cái túi màu đen. Túi dụng cụ của tôi. Ở dưới cầu thang trong sảnh.”

“Ôi chà,” Harding hòa nhã nói.

Và Elliot buộc phải ngưỡng mộ anh ta. Bởi vì bây giờ Harding đang ngồi trên đám cỏ và phá ra cười.

Harding có vẻ rất sẵn sàng nói chuyện. Nhưng vết thương đó hẳn là rất đau, đấy là chỉ riêng từ đám bột nổ thôi. Nếu vết cắt sâu hơn chỉ nửa inch nữa thì Harding sẽ khó mà qua khỏi, và bây giờ anh ta lại đang mất máu. Tuy vậy, Harding, mặc dù trông vẫn xanh xao, dường như đã rạng rỡ hơn hẳn. Trông anh ta như thể thực sự hưởng thụ vết thương đó vậy.

“Bác là một tay súng tệ, bác sĩ Joe,” anh ta chỉ ra. “Nếu bác có thể trượt từ một vị trí như thế thì bác sẽ không bao giờ thành công được đâu. Này, Marjorie?”

Marjorie đã leo ra khỏi xe và chạy đến chỗ anh ta.

Bác sĩ Chesney – người đụng vào Marjorie khi cả hai di chuyển – đã ngừng lại ngay chỗ bậc lên xuống của xe ô tô và nhìn cô chăm chú.

“Chúa ơi, cháu không nghĩ là ta cố ý bắn cậu ta đấy chứ?”

“Tại sao không?” Harding cười toe. “Bình tĩnh nào, Marjorie. Coi chừng máu.” Đôi mắt anh ta mở lớn, kiên định và tỏa sáng lấp lánh, nhưng anh ta líu lo không ngừng trong khi vỗ nhẹ vào vai cô. “Không, không, cháu xin lỗi. Cháu biết bác không cố tình. Nhưng có một khẩu súng bắn vào sau cổ mình thì không được vui cho lắm.”

Đây là toàn bộ những điều Elliot nghe được, vì anh đã đi vào căn nhà để lấy túi dụng cụ. Khi anh trở lại, bác sĩ Chesney đang kinh hãi hỏi sĩ quan Bostwick một câu y chang.

“Anh không nghĩ tôi đã cố ý bắn cậu ta đấy chứ, sĩ quan?”

Bostwick, với khuôn mặt nặng nề hơn bao giờ hết, trả lời một cách dứt khoát.

“Tôi không biết ông có ý gì. Tôi chỉ biết những gì tôi đã thấy.” Ông chỉ ra. “Tôi đang đứng trên cái cửa sổ đó. Và tôi thấy anh cố ý rút khẩu súng đó ra khỏi túi quần và chỉ vào cổ anh Harding, và…”

“Nhưng đó chỉ là một trò đùa thôi. Khẩu súng đâu có được nạp đạn.”

“Không ư, thưa ông?”

Bostwick quay lại. Cả hai phía của cửa trước đều có cột trụ trang trí được sơn màu vàng xám xịt, tôn lên mái hiên hình tam giác dẹp nằm bên trên cửa ra vào. Viên đạn đang găm trên cây cột bên tay trái. Nhờ vào việc bàn tay bất ngờ bị xoay đi, nó đã lọt qua giữa Harding và Marjorie, tránh được kính chắn gió của chiếc xe, và, né được Marjorie một cách kì diệu.

“Nhưng nó có được nạp đạn đâu,” bác sĩ Chesney nhất quyết nói. “Tôi có thể thề đó! Tôi biết vì tôi đã nhấn cò vài lần trước đó rồi. Nó vẫn trống không khi chúng tôi ở…” Nói tới đây ông ngưng lại.

“Ở đâu?”

“Đừng bận tâm. Anh bạn, anh không nghĩ tôi sẽ làm một điều như vậy chứ, đúng không? Tại sao ư, vì nó sẽ khiến tôi trở thành một…” ông ngập ngừng, “một kẻ giết người.”

Sự hoang mang ngờ vực trong lời nói của bác sĩ Chesney, sự ám chỉ trong trận cười liên tục khi ông chế giễu bản thân mình, đều mang sức thuyết phục cao. Có điều gì đó gần như ngây ngô trong cách ông nói. Ông giữ bình tĩnh khá tốt dù bị vây quanh bởi những người buộc tội mình. Ông đã, một cách ẩn dụ, đi lòng vòng đề nghị mọi người uống với mình một li, và họ đã từ chối. Kể cả bộ râu và ria mép màu hung ngắn ngủn cũng dựng đứng lên vì sự tổn thương bất ngờ đó.

“Tôi đã nhấn cò vài lần rồi,” ông lặp lại. “Nó không có đạn.”

“Nếu ông đã làm thế,” Bostwick nói, “và có một vỏ đạn thực sự trong ổ đạn, ông chỉ phải đặt nó vào đúng vị trí. Nhưng đó không phải vấn đề, thưa ông. Ông mang theo một khẩu súng ngắn có đạn theo bên người để làm gì?”

“Nó không được nạp đạn.”

“Dù có nạp hay không, tại sao ông lại mang theo một khẩu súng lục?”

Bác sĩ Chesney mở miệng, và lại đóng lại. “Chỉ là một trò đùa thôi,” ông nói.

“Một trò đùa?”

“Một kiểu đùa giỡn.”

“Anh có giấy phép mang theo khẩu súng đó không, thưa ông?”

“Chà thì, không hoàn toàn. Nhưng tôi có thể lấy giấy phép dễ thôi,” người kia khịt mũi, đột nhiên trở nên hung hăng. Ông đè lại bộ râu của mình. “Tất cả những chuyện vớ vẩn này là sao đây? Nếu tôi muốn bắn ai đó, anh nghĩ rằng tôi sẽ chờ ngay bên ngoài căn nhà này, rút một khẩu súng ra và bắn sao? Ôi, bậy bạ. Vớ vẩn. Còn gì nữa đây, anh muốn tôi mất hết kiên nhẫn thật à? Nhìn cậu ta xem, chảy máu như

một con lợn! Để tôi đi. Đưa cái túi đó cho tôi. Vào nhà với tôi, George. Đó là nếu cậu nghĩ mình vẫn có thể tin tưởng tôi được.”

“Đương nhiên rồi,” Harding nói. “Cháu sẽ nắm lấy cơ hội.”

Mặc dù Bostwick đang nổi giận, ông cũng khó mà can thiệp vào việc đó được. Elliot để ý thấy giờ đây tiến sĩ Fell đang ì ạch bước ra khỏi nhà. Cả Harding và bác sĩ Chesney đều nhìn ông với vẻ bất ngờ khi họ bước vào.

Bostwick quay sang Marjorie.

“Giờ, thưa cô.”

“Vâng?” Marjorie lạnh lùng nói.

“Cô có biết tại sao bác mình lại mang theo một khẩu súng không?”

“Ông ấy đã nói rằng đó là một trò đùa. Ông biết bác Joe rồi đấy.”

Một lần nữa Elliot lại không thể thăm dò được thái độ cô gái. Cô ấy đang dựa người vào một bên chiếc xe, và dường như đang bận cố gắng tách vài đốm trắng nhỏ xíu bám trên đế giày ẩm ướt của mình ra. Cô chỉ liếc nhìn anh trong một khoảnh khắc ngắn ngủi.

Elliot di chuyển đến chắn trước mặt người sĩ quan đang giận dữ.

“Có phải cô đã ở với bác mình suốt cả buổi chiều không, cô Wills?”

“Đúng thế.”

“Mọi người đã đi đâu?”

“Lái xe.”

“Ở đâu?”

“Chỉ… chỉ là lái xe vậy thôi.”

“Có dừng ở đâu không?”

“Ở một hay hai quán rượu. Và ghé qua chỗ của giáo sư Ingram.”

“Cô đã từng thấy khẩu súng của bác cô trước khi ông ấy rút ra và

nổ súng tại đây chưa?”

“Chuyện đó anh phải hỏi ông ấy thôi,” Marjorie trả lời, với giọng điệu y như cũ. “Tôi không biết bất cứ gì về chuyện đó hết.”

Khuôn mặt của sĩ quan Bostwick nói, “Úi chà, đúng vậy không thế?” Bostwick đã cố gắng kiềm chế bản thân để không nổi điên lên. “Dù cô biết hay không, quý cô,” ông nói lớn, “có thế cô sẽ quan tâm khi biết rằng chúng tôi có một hay hai câu hỏi về cô, chính bản thân cô, những câu hỏi mà cô chắc chắn *có th*ể trả lời được.”

“Ồ?”

Sau lưng sĩ quan, biểu cảm trên khuôn mặt tiến sĩ Fell trở nên vô cùng ác liệt. Ông đang phồng má chuẩn bị tuôn ra một tràng diễn văn, có vẻ như không còn cần thiết nữa. Sự can thiệp đến từ một nơi khác. Người giúp việc kín miệng Pamela vừa mở cửa trước, ló đầu ra ngoài làm điệu bộ chỉ vào các nhà điều tra, chuyển động môi thật nhanh mà không thốt ra bất kì lời nào, và đóng cửa lại lần nữa. Ngoại trừ Marjorie, chỉ có Elliot thấy được chính xác những chuyện đã xảy ra. Hai giọng nói gần như đồng thời vang lên.

“Vậy là các anh đã lục lọi phòng của tôi?” Marjorie nói.

“Vậy đó là cách cô thực hiện điều đó!” Elliot nói.

Nếu có chủ định khiến cô gái giật mình, anh đã không thể nào thành công hơn. Cô giật đầu quay lại. Anh chú ý thấy đôi mắt cô sáng lên một cách khác thường. Cô nhanh chóng lên tiếng:

“Cách làm điều gì?”

“Cách khiến cô như đọc được suy nghĩ của người khác. Trên thực tế, cô đang đọc môi.”

Marjorie rõ ràng đang kinh ngạc. “Ồ. Ý anh là,” cô nói thêm với vẻ thù địch, “khi anh gọi George đáng thương là một con lợn thông minh? Đúng, đúng, đúng. Tôi là một người đọc môi khá thành thạo. Có lẽ đó là điều duy nhất tôi *làm* tốt. Một người đàn ông già từng làm việc cho

chúng tôi đã dạy tôi. Ông ấy sống ở Bath, ông ấy…”

“Có phải tên ông ấy là Tolerance không?” tiến sĩ Fell hỏi.

Đến thời điểm này, Bostwick muộn màng thừa nhận, người sĩ quan đang tiến dần đến kết luận là tiến sĩ Fell đã phát điên. Nửa tiếng trước tiến sĩ có vẻ đã phát điên đủ rồi, và Bostwick thì luôn luôn ghi nhớ một cách đầy tôn trọng công việc của ông trong vụ án Tám Thanh Kiếm và vụ án Trang viên Waterfall. Nhưng suốt cuộc đối thoại trong phòng ngủ của Marjorie Wills, dường như có thứ gì đó đã trượt vào não của tiến sĩ Fell. Không gì có thể vượt qua niềm vui, một niềm vui gần như quỷ quyệt, với cái cách mà ông phát âm cái tên Tolerance.

“Có phải tên ông ấy là Henry S. Tolerance không? Có phải ông ấy đang sống ở đường Avon không? Có phải ông ấy là bồi bàn ở khách sạn Beau Nash không?”

“Phải, nhưng…”

“Thế giới quỷ quái này nhỏ bé thật đấy, cô biết không,” tiến sĩ Fell nói qua kẽ răng. “Đừng bao giờ để những lời vô vị rơi nhẹ nhàng hơn vào tai cô. Sáng nay tôi vừa nhắc đến người bồi bàn tài giỏi, bị điếc của mình với anh bạn Elliot đây xong. Tôi đã nghe bản tường thuật đầu tiên về vụ sát hại bác của cô từ ông ấy. Nhờ vào Tolerance, thưa cô. Tolerance yêu dấu. Cô phải gửi Tolerance năm đồng shilling vào Giáng Sinh này thôi. Ông ấy xứng đáng được nhận điều đó.”

“Ông đang nói về cái quái gì thế?”

“Bởi vì ông ấy sẽ chứng minh được ai là người đã giết bác cô,” tiến sĩ Fell nói, thay đổi tông giọng của mình và nói một cách nghiêm túc. “Hoặc, ít nhất, ông ấy sẽ là người chịu trách nhiệm chứng minh điều đó.”

“Ông không nghĩ tôi là thủ phạm à?”

“Tôi biết là cô không giết người.”

“Nhưng ông biết ai làm điều đó đúng không?”

“Tôi biết người làm điều đó,” tiến sĩ Fell nói, nghiêng đầu qua một bên.

Cô gái có vẻ như đang chăm chú nhìn ông trong một thời gian rất lâu, biểu cảm trong đôi mắt cô không nhiều hơn trong đôi mắt một con mèo là mấy. Sau đó, dò dẫm một cách phỏng chừng, cô với tay lên phía trước chiếc xe và rút cái túi xách của mình ra như thể cô đang chuẩn bị chạy thật nhanh về phía ngôi nhà.

“Họ có tin tôi không?” cô hỏi, bất ngờ hất đầu về phía Bostwick và Elliot.

“Những gì chúng tôi tin, thưa quý cô,” Bostwick ngắt lời, “không quan trọng. Nhưng ngài thanh tra,” ông nhìn về hướng Elliot “vượt đường xa đến đây (vượt đường xa đến đây, phiền cô lưu ý điều này) rõ ràng là để hỏi cô một vài câu hỏi.”

“Về chiếc kim tiêm dưới da đúng không?” Marjorie nói.

Sự run rẩy nơi các ngón tay giờ đây có vẻ như đã lan ra toàn bộ cơ thể cô gái. Cô nhìn chằm chằm vào cái móc khóa của chiếc túi xách, mở nó ra và đóng nó lại tạo ra một loạt tiếng cách cách căng thẳng. Đầu cô cúi thấp, do đó vành của chiếc mũ xám mềm mại che mất khuôn mặt nhỏ nhắn của cô.

“Tôi đoán các ông đã tìm thấy nó,” cô tiếp tục, cố làm thông suốt cổ họng mình một cách khó khăn. “Tự tôi đã tìm thấy nó, sáng nay. Ở đáy cái tráp đựng trang sức. Tôi đã muốn giấu nó đi, nhưng tôi không thể nghĩ ra nơi nào tốt hơn trong căn nhà và tôi sợ phải mang nó ra khỏi căn nhà. Làm sao bạn *có th*ể làm tiêu biến hoàn toàn một đồ vật được? Làm sao bạn *có th*ể đặt nó ở đâu đó và đảm bảo là không ai thấy bạn làm điều đó? Không có bất kì dấu vân tay nào của tôi trên đó. Nếu có thì tôi cũng đã lau đi rồi. Nhưng tôi không phải là người đặt nó vào chiếc tráp trang sức đó. Tôi không làm.”

Elliot lấy cái túi phong bì ra khỏi túi áo mình và giơ nó lên cho cô gái thấy.

Cô ấy không nhìn anh. Giờ đây không có sự giao tiếp nào diễn ra giữa họ, mặc dù trên thực tế có lẽ điều đó chưa từng tồn tại. Chỉ có một sợi dây thừng đứt gãy, một đường kẻ chết, một bức tường mới được dựng lên.

“Đây có phải là kim tiêm dưới da không, cô Wills?”

“Phải. Là nó. Tôi nghĩ thế.”

“Thứ này có phải là của cô không?”

“Không. Nó là của bác Joe. Ít nhất, nó giống như những chiếc kim mà bác ấy sử dụng. Và nó có dòng chữ ‘Cartwright & Co.,’ và có ghi loại kim cùng mã số kinh doanh trên đó.”

“Mọi người có thể,” tiến sĩ Fell mệt mỏi yêu cầu, “quên chiếc kim tiêm dưới da đó một lát hay không vậy? Thậm chí, mọi người có thể loại bỏ chiếc kim tiêm dưới da đó ra khỏi tâm trí không? Cái kim tiêm chết bầm! Việc có chữ gì trên đó hoặc là nó thuộc sở hữu của ai, hoặc làm cách nào nó lại ở trong cái tráp đựng trang sức thì có gì khác nhau chứ, nó có thể giúp các anh biết ai đặt nó vào đó được à? Không, tôi cho là không. Nhưng nếu cô Wills thực sự tin tưởng vào điều mà tôi đã nói với cô ấy một phút trước,” ông nhìn cô gái một cách kiên định, “thì thay vào đó, cô ấy có thể nói cho chúng ta, về khẩu súng lục.”

“Khẩu súng lục?”

“Ý tôi là,” tiến sĩ Fell nói, “cô có thể nói cho chúng tôi biết chiều nay cô, Harding và bác sĩ Chesney thực sự đã đi đâu.”

“Ông cũng không biết chuyện đó à?”

“Ôi, Chúa ơi, tôi không biết!” tiến sĩ Fell gầm lên, làm một vẻ mặt nhăn nheo xấu xí. “Có thể tôi đoán sai lắm chứ. Tất cả chỉ là câu hỏi về bầu không khí đang bao quanh mọi người. Bác sĩ Chesney có bầu không khí riêng, theo cách riêng của mình. Harding có theo cách của anh ta. Cô cũng có, theo cách của riêng cô. Nhìn cô đi. Làm ơn đừng nói với tôi rằng tôi là một con lừa ngớ ngẩn. Có những dấu hiệu rõ

rành rành ở đây.”

Nâng cây gậy của mình lên, ông chỉ vào bông cẩm chướng trắng đang nằm trên đường, bông cẩm chướng mà bác sĩ Chesney đã lấy ra khỏi khuyết áo và ném bỏ khi chiếc xe tiến đến gần căn nhà. Sau đó tiến sĩ Fell dịch chuyển cây gậy chống của mình xuống chạm vào giày của Marjorie. Theo bản năng, cô giật giày ra, kéo bàn chân tránh đi, nhưng những đốm màu trắng đang bám chặt vào đế giày cô giờ đã nhanh chóng bám vào vòng sắt bịt đầu của chiếc gậy.

“Họ đã không ném hoa giấy vào cô, dĩ nhiên,” tiến sĩ nói. “Nhưng hình như tôi nhớ rằng mặt đường lát bên ngoài văn phòng đăng kí trên đường Castle thường phủ thứ này rất dày. Và hôm nay là một ngày ẩm ướt. Tôi có phải nói toẹt loại chuyện này ra không?” ông nói thêm một cách gay gắt.

Marjorie gật đầu.

“Đúng vậy,” cô lạnh lùng nói. “George và tôi vừa kết hôn tại văn phòng đăng kí ở Bristol chiều nay.”

Vì vẫn không có ai lên tiếng, suốt đoạn thời gian tạm ngừng họ có thể nghe thấy những tiếng ồn bên trong ngôi nhà, cô gái cố gắng giải thích lần nữa.

“Nó là một giấy phép đặc biệt. Chúng tôi đã có nó vào ngày hôm kia.” Giọng cô gái hơi cao lên một chút. “Chúng tôi… chúng tôi định tuyệt đối giữ bí mật chuyện đó. Trong vòng một năm.” Giọng cô vẫn còn cao. “Nhưng vì các ông là những vị thám tử thông minh, còn chúng tôi là một đám tội phạm rác rưởi mà các ông đang nghi ngờ, nên vậy đó. Các ông biết rồi đấy.”

Sĩ quan Bostwick nhìn cô chằm chằm.

Sau đó ông kích động tuôn ra một bài nói chuyện chân thành.

“Cô gái của tôi,” ông nói với giọng không thể tin được, “Trời ạ! Tôi không tin nổi. Tôi không thể tin nổi. Thậm chí cả khi tôi đang nghi

ngờ cô – nhưng chúng ta sẽ không thảo luận điều đó bây giờ. Nghe này, ngay cả khi như vậy tôi cũng không thể tin rằng cô sẽ làm một chuyện như thế này, hay là gã bác sĩ đó sẽ cho phép cô làm vậy. Điều đó khiến tôi choáng đấy."

"Ông không chấp thuận cuộc hôn nhân của tôi sao, ông Bostwick?"

"Chấp thuận cuộc hôn nhân?" Bostwick lặp lại, như thể những từ ngữ đó hoàn toàn vô nghĩa với ông ấy. "Cô quyết định và thực hiện điều này khi nào?"

"Chúng tôi dự định thực hiện việc đăng kí hôm nay. Đó là điều chúng tôi đã lên kế hoạch rồi. Dù sao thì chúng tôi cũng định sẽ kết hôn một cách yên tĩnh tại văn phòng đăng kí nào đó, bởi vì George ghét nhà thờ và các hoạt động phiền phức khác. Rồi bác Marcus chết, và tôi cảm thấy quá… quá… mà thôi, dù sao đi nữa, sáng nay chúng tôi đã quyết định là dù có chuyện gì xảy ra, chúng tôi cũng sẽ đi và kết hôn. Và tôi có lí do của mình. Tôi nói cho ông biết, tôi có những lí do riêng của mình để làm điều đó!"

Cô gái gần như hét vào mặt ông.

"Chúa lòng lành," Bostwick nói. "Đó chính là chuyện đã khiến tôi choáng đấy. Tôi đã biết gia đình cô trong mười sáu năm. Tôi nói thẳng với cô như vậy. Và rằng dù bác sĩ đã để cô làm điều này, thì ông Chesney trong mộ thậm chí cũng không…"

Cô quay lưng đi.

"Thôi," Marjorie nói, với đôi mắt ầng ậc nước, "Ít nhất thì cũng phải có ai đó chúc mừng tôi, hoặc ít nhất sẽ nói hi vọng tôi được hạnh phúc chứ?"

"Tôi hi vọng thế," Elliot nói. "Cô biết mà."

"Bà Harding," tiến sĩ Fell nghiêm nghị bắt đầu, và cô gái run lên vì tên gọi bất ngờ, "Tôi mong cô thứ lỗi. Sự thiếu tế nhị của tôi đã quá hiển nhiên, đến nỗi việc tôi quá ngớ ngẩn cũng sẽ không gây ngạc

nhiên cho mọi người lắm. Tôi chúc mừng cô. Và tôi không chỉ hi vọng cô sẽ hạnh phúc. Tôi hứa với cô rằng cô sẽ được hạnh phúc."

Ngay lúc đó tâm trạng của Marjorie đã thay đổi trong nháy mắt.

"Và dù vậy, không phải chúng ta đang ủy mị quá à?" cô kêu lên, với một nụ cười châm biếm trên mặt. "Và đây là một người cảnh sát vụng về," cô nhìn Bostwick, "bất ngờ nhớ ra ông ta biết rõ gia đình tôi đến mức nào, ý tôi là gia đình Chesney. Và xem ông ấy thích siết một sợi thòng lọng quanh cổ tôi chưa kìa! Tôi đã kết hôn. Tôi đã kết hôn được chưa. Tôi có lí do của mình. Ông có thể không hiểu, nhưng tôi có những lí do của riêng tôi."

"Tôi chỉ nói..." Elliot bắt đầu.

"Quên đi," Marjorie cắt ngang với vẻ vô cùng lạnh lùng. "Anh đã nói tất cả những gì cần nói. Vậy nên bây giờ anh có thể đứng quanh xem với khuôn mặt bảnh chọe và tỏ vẻ uy nghiêm như một con cú. Giống như giáo sư Ingram. Anh nên thấy khuôn mặt *ông ấy* khi chúng tôi lái xe ghé qua nhà và nhờ ông làm người chứng hôn thứ hai. Không, không, ồ, không. Hết sức khó chịu. Ông ấy thậm chí còn không thể tán thành chúng tôi.

"Nhưng tôi đã quên hết rồi. Tất cả những gì các ông muốn là biết về khẩu súng lục, đúng không? Tôi có thể dễ dàng nói với anh điều đó, và nó thực sự là một trò đùa. Có lẽ khiếu hài hước của bác Joe không được tế nhị như đáng ra nó phải thế, nhưng ít nhất ông ấy cũng đã trấn tĩnh lại khi mọi người không được như thế. Bác Joe nghĩ sẽ là một trò đùa rất tuyệt nếu giả vờ rằng đây là thứ mà bác ấy gọi là đám cưới 'súng săn'. Và ông ấy sẽ cầm khẩu súng đó theo cách mà người nhân viên đăng kí không thể thấy nhưng chúng tôi có thể, và ông ấy có thể giả vờ là ông ấy ở đó để ép buộc George cưới tôi."

Bostwick chậc lưỡi.

"Ồ!" ông lẩm bẩm, với một tia sáng trông như nhẹ nhõm lướt qua trên mặt. "Tại sao trước đây cô lại không nói thế? Ý của cô là..."

“Không, tôi không có ý gì cả,” Marjorie nói một cách gần như dịu dàng. “Ông thật là một bậc thầy nói giảm nói tránh đấy! Sao ông không nói toạc ra rằng tôi kết hôn để tránh bị treo cổ về tội giết người đi? Thậm chí ông còn thông cảm rằng tôi kết hôn chỉ… chỉ để cưới vậy thôi. Điều này tốt đẹp thật.” Cô reo lớn một cách vui vẻ. “Không, ông Bostwick. Sau tất cả những điều ông nghĩ tôi đã làm, hẳn là chuyện đó đã khiến ông giật mình ghê gớm. Nhưng (như ông sẽ nói) sự trong sạch của tôi vẫn không bị bôi bẩn. Một thế giới kiểu gì chứ. Dù sao chăng nữa, đừng bận tâm điều đó. Ông muốn biết về khẩu súng lục, và tôi đã nói cho ông. Tôi không biết làm sao một viên đạn lại tìm được cách nằm trong đó. Có lẽ là do sự bất cẩn của bác Joe. Nhưng nó chỉ đơn thuần là một vụ tai nạn, và không ai có ý định giết ai cả.”

Tiến sĩ Fell lịch sự nói:

“Đó là cảm giác của cô à?”

Với tất cả sự thấu hiểu nhanh chóng, cô ấy không lập tức hiểu được điều này. “Ý ông là việc George bị bắn không phải là một…” cô bắt đầu, và sững lại. “Ông không định nói kẻ sát nhân lại dính líu đến việc này lần nữa đấy chứ?”

Tiến sĩ Fell nghiêng đầu.

Bóng tối đang đổ lên Bellegarde. Ở hướng đông ngọn đồi thấp đang chuyển thành màu xám, nhưng bầu trời phía tây vẫn đỏ như lửa. Đó là bầu trời đối diện với những cánh cửa sổ của Phòng Nhạc, văn phòng làm việc, và những cánh cửa sổ ở phòng ngủ của Wilbur Emmet phía bên trên. Một trong những cửa sổ đó, Elliot lơ đãng nhớ lại, chính là cái cửa sổ mà bác sĩ Chesney đã thò đầu qua vào tối qua.

“Ông có cần tôi làm gì nữa không?” Marjorie trầm giọng nói. “Nếu không, làm ơn để tôi đi.”

“Dĩ nhiên,” tiến sĩ Fell nói. “Nhưng tối nay chúng tôi sẽ muốn gặp cô.”

Cô gái đã đi rồi, và ba người còn lại im lặng đứng cạnh lỗ đạn ghim trên cây cột trang trí màu vàng. Elliot hầu như đã không hề chú ý đến cô. Có lẽ, sau đó anh nhớ tại, có lẽ là do cảnh tượng những cánh cửa sổ đối mặt với ánh hoàng hôn đã khiến tâm trí anh được rộng mở. Hoặc có thể là do cú sốc từ sự kết hợp của các tình huống, từ những điều mà Marjorie Wills đã nói và nghĩ và làm. Sự kết hợp đó đã đưa anh ra khỏi trạng thái tê liệt thần kinh. Sức phán đoán của anh đã trở lại, như một người mù được khai mắt, với một tiếng tách nhỏ. Và, trong khi những khám phá bật ra một cách rõ ràng, anh đâm ra tự nguyền rủa mình và tất cả những việc mình đã làm. Trong đầu anh, A, và B, rồi C, cùng D lần lượt sắp xếp lại và hiện lên rõ nét hơn bao giờ hết. Anh đã không phải là một người cảnh sát, anh đã hoàn toàn là một tên ngốc đáng nguyền rủa. Bất cứ hướng đi nào có khả năng là sai lầm thì anh lại đâm đầu vào. Bất cứ chỗ nào có khả năng hiểu sai ý nghĩa thì anh lại hiểu sai. Nếu mỗi người đàn ông được phép điên rồi một lần trong đời, vậy thì lạy Chúa, đó chính là lần này! Nhưng giờ tiến sĩ Fell đã quay lại. Elliot cảm thấy đôi mắt nhỏ sắc bén của tiến sĩ đang chạy trên người mình.

“Ồ!” tiến sĩ đột nhiên nói. “Anh đã nhận ra rồi đúng không?”

“Vâng, thưa ông. Tôi nghĩ tôi đã hiểu mọi chuyện.”

Và anh làm cử chỉ như giơ nắm tay lên với ai đó.

“Trong trường hợp đó,” tiến sĩ Fell nhẹ nhàng nói, “chúng ta tốt hơn nên trở lại khách sạn và nói về chuyện đó. Sẵn sàng chưa, sĩ quan?”

Elliot lại nguyền rủa bản thân lần nữa, anh sắp xếp lại số lượng chứng cứ, và chìm vào đó quá sâu đến nỗi anh chỉ mơ hồ nghe thấy tiến sĩ Fell huýt sáo một giai điệu khi họ đi về phía chiếc xe. Nó là một giai điệu mà bạn có thể bước đi đồng nhịp. Thực ra, nó là giai điệu bài hát đám cưới của Mendelssohn. Nhưng là nó chưa bao giờ nghe xấu xa hay quái gở như thế này.

XVIII. VỤ ÁN CHỐNG LẠI X

VÀO LÚC TÁM GIỜ TỐI hôm đó, khi bốn người đàn ông ngồi trước ánh lửa trong phòng của Elliot ở The Blue Lion, tiến sĩ Fell là người đầu tiên lên tiếng.

"Giờ chúng ta đã biết," ông nói, đưa những ngón tay lên cao và làm động tác như đang đánh dấu những điểm quan trọng, "ai là tên sát nhân, cách hắn ta gây án, và lí do tại sao hắn làm vậy. Chúng ta đã biết rằng toàn bộ chuỗi tội ác này chỉ được thực hiện bởi một người và không hề có kẻ đồng mưu nào cả. Chúng ta đã tìm ra bằng chứng có sức nặng đáng kinh ngạc để chống lại hắn ta. Chúng ta cũng biết rằng, chính bản thân tội lỗi, sẽ tự phơi bày trước ánh sáng."

Sĩ quan Bostwick thốt ra một tiếng lẩm bẩm quả quyết.

Thiếu tá Crow gật đầu với vẻ cực kì thỏa mãn.

“Mặc dù đã chấp nhận mọi chuyện, mặc dù tôi thấy rất mừng khi tìm ra sự thật,” ông nói, “nhưng cứ nghĩ gã này đang lởn vởn giữa chúng ta…”

“Và phá hoại bầu không khí,” tiến sĩ Fell bổ sung. “Chính xác. Đó cũng chính là thứ khiến ngài sĩ quan lúng túng. Luôn có một thế lực vốn dĩ vô hại can thiệp vào tất cả mọi thứ. Anh không thể cầm lên một tách trà, đi lái xe mô tô, hay mua một cuộn phim cho máy quay, mà không bị thế lực này ảnh hưởng và bằng cách nào đó nó sẽ bẻ hành động của anh theo một hướng sai lệch. Một góc yên tĩnh của thế giới, như thị trấn nhỏ bé này chẳng hạn, sẽ bị nó làm cho đảo lộn. Tiếng súng bắn trong khu vườn sân trước, ở nơi mà mọi người thậm chí sẽ nhìn chằm chằm vào anh chỉ để thấy một cây súng. Những viên đá quăng trên đường. Một con ong vo ve trong chiếc mũ bê rê của ngài cảnh sát trưởng, và một con khác ở ngay dưới mũ của ngài sĩ quan. Và tất cả những chuyện này đều gây ra bởi thế lực mà một người nào đó đã sắp đặt đến phút cuối cùng.”

Tiến sĩ Fell lấy đồng hồ ra, nhìn nó, và đặt xuống trên chiếc bàn ở ngay cạnh mình. Ông nhồi và đốt cái tẩu với vẻ cực kì thận trọng, khụt khịt một chút, và tiếp tục.

“Do đó,” ông nói, “trong khi các anh nghĩ quá xa về các bằng chứng, tôi lại muốn học… e hèm!… lại muốn thảo luận về nghệ thuật đầu độc, và cho các anh một vài lời mách nước.

“Đặc biệt, khi áp dụng vào vụ này, chúng ta có thể phân tất cả những tên giết người kiểu này vào chỉ cùng một đề mục. Khá lạ là, tôi chưa bao giờ thấy họ được phân vào cùng một nhóm: mặc dù những tính cách của họ giống nhau một cách đáng ngạc nhiên như thể được sao chép nguyên vẹn và tinh vi theo quy luật. Họ mãi mãi là những kẻ đạo đức giả tinh quái và mãi mãi là mối nguy cho những người vợ. Ý

tôi đang chỉ những kẻ đầu độc nam.

"Những kẻ đầu độc là nữ giới (có Chúa mới biết) chỉ nguy hiểm vừa đủ. Nhưng đàn ông thì lại là một mối đe dọa không mấy dễ chịu cho xã hội, bởi vì bên cạnh liều thuốc độc ranh ma, họ còn thêm vào các loại chiến thuật hiểm ác, sử dụng những nguyên tắc hành động, và họ mang trong mình ý chí phải thực hiện mọi chuyện thật hoàn hảo bằng cách sử dụng thạch tín hay strychnine. Những kẻ đầu độc nam giới chỉ là một nhóm nhỏ, nhưng họ nổi tiếng một cách ác ý. Và tất cả bộ mặt của bọn họ đều giống nhau. Tôi nghĩ các anh cũng biết đôi chút về những trường hợp ngoại lệ, những người sẽ không phù hợp với bất kì cách phân loại nào, ví dụ như Seddon chẳng hạn. Nhưng tôi nghĩ rằng nếu chúng ta chọn lấy một tá bất kì những kẻ đầu độc nổi tiếng là nam giới từ thực tế, chúng ta sẽ tìm ra những chiếc mặt nạ giống hệt nhau trên khuôn mặt họ và những tư tưởng lầm lạc giống hệt nhau trong não họ. Hãy chú ý gã sát nhân của chúng ta ở đây, tại Sodbury Cross này, phù hợp với nhóm người này như thế nào.

"Đầu tiên, họ thường là những người đàn ông có khả năng sáng tạo, có giáo dục, và thậm chí là rất có văn hóa. Nghề nghiệp của họ là minh chứng cụ thể nhất cho điều đó. Palmer, Pritchard, Lamson, Buchanan, và Cream là bác sĩ. Richeson – một mục sư. Wainewright – một nghệ sĩ. Armstrong – một cố vấn pháp luật, Hoch – một dược sĩ. Waite – một bác sĩ giải phẫu nha, Vaquier – một nhà phát minh. Carlyle Harris – một sinh viên y khoa.

"Và ngay lập tức niềm hứng thú của chúng ta bùng lên.

"Chúng ta không quan tâm về những kẻ thất học ngu ngốc, những người đánh vào đầu nhau trong các quán rượu. Chúng ta đang quan tâm đến loại tội phạm có học thức hơn thế nhiều. Dĩ nhiên, phần lớn (nếu không phải tất cả) những gã đàn ông kể trên đều ngu ngốc. Tôi hoàn toàn tin là như vậy. Nhưng họ là loại người ngu ngốc có cách cư xử lịch thiệp, và trí tưởng tượng thực sự đáng kinh ngạc, có khả năng diễn xuất tuyệt vời, và vài người trong số họ khiến chúng ta giật mình

với sự khéo léo trong việc bày mưu giết người hoặc trong việc ngăn chặn nghi ngờ từ phía cơ quan điều tra.

“Bác sĩ George Harvey Lamson, bác sĩ Robert Buchanan, và Arthur Warren Waite đã phạm tội giết người, tất cả họ đều vì nguồn lợi tài chính, trong các năm 1881, 1882 và 1915. Vào thời điểm đó, hình thức tiểu thuyết như chúng ta biết với cái tên truyện trinh thám, chỉ mới ở trong giai đoạn trứng nước. Nhưng hãy xem xét cách gây án của mỗi người trong số họ kìa.

“Bác sĩ Lamson đã giết nạn nhân của mình, một người cháu trai tàn tật mới mười tám tuổi, bằng cách cố ý đầu độc những quả nho khô bằng aconitin và nướng chúng trong một cái bánh Dundee. Ông ta đã khôn ngoan đến mức biểu diễn việc cắt bánh dưới sự chứng kiến của cậu bé và hiệu trưởng ngôi trường mà cậu bé đang theo học. Tất cả ba bọn họ đều ăn một miếng bánh ở bàn trà, vì vậy Lamson có thể chứng minh sự vô tội của mình khi chỉ có cậu bé bị trúng độc. Các anh biết đấy, hình như tôi đã nghe về mưu mẹo này trong một cuốn tiểu thuyết nào đó.

“Bác sĩ Buchanan thì đầu độc vợ mình bằng morphine. Lúc bấy giờ morphine là một loại thuốc mà (ông ta biết rõ) có thể dễ dàng bị bất kì bác sĩ nào phát hiện, dựa trên sự co lại của đồng tử mắt nạn nhân. Vậy nên bác sĩ Buchanan đã thêm vào trong morphine một lượng nhỏ belladonna, chất ngăn cản đồng tử mắt không bị co lại, khiến bề ngoài của nạn nhân trông có vẻ bình thường, và ông ta đã thành công nhận được chứng nhận y khoa rằng cái chết của vợ mình là một cái chết hoàn toàn tự nhiên. Một mưu kế thiên tài, và nó sẽ thành công nếu chính Buchanan không vô tình lỡ miệng khi nói chuyện với một người bạn.

“Arthur Warren Waite, tên tội phạm có khuôn mặt trẻ thơ hạnh phúc, đã cố gắng giết người mẹ giàu có và người cha dượng bằng cách cố ý cho họ tiếp xúc với mầm bệnh viêm phổi, bạch hầu và bệnh cúm. Cách này mang lại hiệu quả quá chậm, và cuối cùng thì cậu ta cũng

quay lại sử dụng những chất độc kém tinh tế hơn. Nhưng nỗ lực đầu tiên của cậu ta, dùng khuẩn que bệnh lao chứa trong một chiếc bình thuốc xịt mũi, đã gây ra cái chết cho người cha dượng.” Tiến sĩ Fell ngừng lại.

Ông đã lún quá sâu vào chủ đề đang nói, và cố gắng hết sức giải thích với lòng nhiệt thành. Nếu chánh thanh tra Hadley có mặt, Hadley sẽ la hét để chặn ông lại và bài giảng sẽ kết thúc sớm. Nhưng Elliot, thiếu tá Crow, và sĩ quan Bostwick chỉ gật đầu. Họ thấy những điều ông nói có thể liên tưởng đến vụ giết người của Sodbury Cross được.

“Bây giờ,” tiến sĩ Fell tiếp tục, “đặc điểm đáng chú ý nhất của những kẻ đầu độc là gì? Là đây. Giữa đám bạn bè hắn ta thường có tiếng là một anh chàng vô cùng tốt bụng. Hắn ta là một tâm hồn vui tính bẩm sinh. Một người đồng hành hào phóng. Một tay thể thao thực sự. Đôi khi hắn ta có thể bày ra chút ít tính cách thận trọng đến khắt khe, về việc tuân thủ nghiêm khắc các loại phép tắc hoặc thậm chí là việc giữ cho xã hội tốt đẹp. Nhưng những người đồng hành vui vẻ của hắn ta có thể dễ dàng tha thứ cho hắn bởi vì họ cho rằng hắn ta là loại người khuôn phép như vậy. Thomas Griffiths Wainewright, người rất khắt khe về các quy tắc ứng xử, người đã đầu độc nhiều người để lấy tiền bảo hiểm của họ, từng là một người chủ nhà hiếu khách một trăm năm trước. William Palmer của Rugeley là một người hoàn toàn kiêng rượu, nhưng không gì khiến hắn ta hài lòng hơn là đứng uống rượu thân mật với bạn bè mình. Mục sư Clarence V. T. Richeson của Boston thu hút những người mộ đạo ở bất cứ chỗ nào mà hắn tới. Bác sĩ Edward William Pritchard, với mảng đầu hói và bộ râu lớn màu nâu, là thần tượng trong các hội huynh đệ của Glasgow. Các anh đã thấy đặc tính đó phù hợp thế nào với người mà chúng ta cần tìm chưa?”

Thiếu tá Crow gật đầu.

“Rồi,” Elliot nói với một vẻ hài lòng không gì có thể lay chuyển được, và có một hình ảnh hiện lên trong căn phòng đầy ánh lửa ở The Blue Lion.

“Nhưng thực sự thì trong tính cách của họ, như trong cùng một bức tranh cần có hai chiều đảo nghịch nhau, là sự dửng dưng mù quáng khi làm đau những người khác – điều chỉ có ở những kẻ đi phân phát cái chết – đó là điều mà trí tưởng tượng bình thường của chúng ta không thể nào nắm bắt được. Có lẽ thứ khiến chúng ta choáng váng nhất không chỉ là sự dửng dưng mù quáng trước cái chết, mà còn là với nỗi đau của cái chết. Mọi người đã nghe qua câu trả lời nổi tiếng của Wainewright khi được hỏi, ‘Tại sao ông lại đầu độc bà Abercromby?’ chưa? ‘Ủa, tôi đâu có biết, chắc là do bà ấy có mắt cá chân quá to.’

“Điều đó, dĩ nhiên, là một sự phô trương. Nhưng nó thực sự thể hiện thái độ của những kẻ đầu độc với cuộc đời một con người. Wainewright phải có tiền, vậy nên (rõ ràng) là ai đó phải chết. William Palmer cần tiền để cá trò đua ngựa, và vì vậy rõ ràng là vợ, em trai, và bạn bè hắn ta phải bị đầu độc bằng strychnine. Họ tự thuyết phục bản thân như thế. Quan điểm này cũng áp dụng cho những kẻ khác – những kẻ đều than vãn về nhu cầu ‘phải có’ một điều gì đó. Mục sư Clarence Richeson, với đôi mắt đầy ma lực, đã phủ nhận trong nước mắt rằng hắn ta cưới cô Edmands chỉ vì tiền hay địa vị. Nhưng hắn đã đầu độc cô tình nhân trước kia bằng kali xyanua để cô ta không can thiệp vào cuộc hôn nhân này được. Bác sĩ Edward Pritchard đa cảm thì thu được một chút bằng cách đầu độc vợ với cáu rượu gây nôn liều thấp trong suốt bốn tháng, và hắn ta cũng chỉ có được vài nghìn khi giết mẹ vợ mình. Nhưng hắn ta ao ước được tự do. Hắn ta ‘phải có’ được nó.

“Điều này mang chúng ta đến đặc điểm thứ hai của những kẻ đầu độc: sự tự cao quá mức.

“Tất cả những tên sát nhân đều có điều này. Nhưng kẻ đầu độc bị ám ảnh bởi nó ở một mức độ cực đoan hơn. Hắn ta tự phụ về trí thông minh của mình, tự phụ về vẻ ngoài, tự phụ về cách cư xử, tự phụ về quyền năng lừa đảo. Hắn ta thường nhạy cảm với nghệ thuật,

thậm chí là thích phô trương, và theo lẽ tất nhiên hắn ta là một diễn viên tốt. Pritchard đã mở quan tài để có thể hôn môi người vợ đã chết của mình lần cuối. Carlyle Harris thì tranh luận về khoa học và thần học với cha tuyên úy trên đường đến ghế điện. Palmer thì kích động sự phẫn nộ của mọi người dưới sự hiện diện của các nhà điều tra. Những cảnh tượng dưới ánh đèn sân khấu tương tự như vậy dường như có thể được liệt kê đến vô tận, và nguồn gốc của điều này chính là tính tự cao tự đại của những kẻ đầu độc.

"Lòng tự cao không nhất thiết phải thể hiện trực tiếp ở ngoài mặt. Kẻ đầu độc của các anh có thể là một người đàn ông nhỏ người có vẻ ngoài nhẹ nhàng, mắt xanh, chức vụ giáo sư, như Herbert Armstrong quan chức pháp luật của Hay, người đã trừ khử vợ mình và sau đó cố giết một đối thủ trong công việc bằng cách hòa thạch tín vào bánh nướng dùng trong tiệc trà. Và khi tính tự phụ đó cuối cùng cũng trồi lên, dưới sự điều tra hay trong những cuộc thử nghiệm, thì mọi chuyện còn tệ hơn nữa. Và không nơi nào mà tính tự phụ của những kẻ đầu độc là nam giới lại thể hiện rõ ràng như trong quyền lực – hoặc thứ hắn nghĩ là quyền lực – đối với phụ nữ.

"Gần như tất cả bọn họ đều có, hoặc nghĩ họ có, quyền kiểm soát phụ nữ. Armstrong có, mặc dù nó được giấu đi. Wainewright, Palmer, và Pritchard đã tận dụng nó để phạm tội giết người. Harris, Buchanan, và Richeson lâm vào khó khăn bởi vì có nó. Thậm chí cả Neill Cream mắt lác cũng nghĩ hắn ta có nó. Thứ đó theo sau mọi hành động mà bọn họ làm một cách vênh vang và vô cùng chải chuốt. Hoch, kẻ sát nhân của Bluebeard, đã sát hại hàng tá vợ cũ, bằng thạch tín giấu khéo léo trong một cây bút máy. Vài cảnh tượng dường như còn lố bịch hơn nhiều, như trường hợp của Jean Pierre Vaquier, kẻ đầu độc từ Byfleet, hắn đã nhếch mép cười tự mãn trên chòm râu đầy dầu của mình trước vành móng ngựa. Vaquier đã trộn muối bromo thông dụng với strychnine, tin rằng quyền lực kiểm soát phụ nữ của mình có thể mang lại cho hắn cả vợ của nạn nhân lẫn tiệm rượu của ông ta. Hắn ta đã bị

kéo đi khi đang thét lên chống án, 'Tôi yêu cầu công lí,' và hoàn toàn có khả năng hắn ta nghĩ công lí phải đứng về phía hắn thật.

"Bởi lẽ đó, nếu tóm gọn từ những điều trên, chúng ta có thể thấy rằng tất cả những gã tốt tính này đều phạm tội giết người vì lợi ích tài chính.

"Gã Cream mà tôi đề cập với các anh là một ngoại lệ, vì Cream là kẻ điên, và những nhu cầu điên cuồng để tống tiền đó không thể được xem xét một cách quá nghiêm túc lúc này. Nhưng ngọn nguồn tội ác của những gã khác đều là mong có tiền, mong muốn có một vị trí dễ dàng hơn trong thế giới này. Thậm chí cả khi một người vợ hay tình nhân bị giết, cô ta cũng bị trừ khử để kẻ sát nhân có thể lấy một người giàu có hơn. Cô ta là vật cản trên con đường tài năng của bọn chúng. Nhưng với cô ta hắn có thể là một người rất dễ chịu. Nhưng với cô ta hắn có thể rất xuất sắc. Trong tâm trí của những kẻ đầu độc, bản thân hắn đã xuất sắc rồi, cả thế giới nợ hắn những điều tốt đẹp. Chính vì lẽ đó một người vợ hay người tình vô dụng đối với hắn chỉ là một loại biểu tượng, giống như người dì hay người hàng xóm hay người thủy thủ Barnacle Bill – những người cản đường hắn. Đó chính là kết cấu mục nát của bộ não mà chúng ta phải cân nhắc đến. Và đó, tôi nghĩ chúng ta có thể đồng ý với nhau rằng, đó cũng chính là kẻ giết người ở Sodbury Cross này."

Thiếu tá Crow, người nãy giờ vẫn trầm ngâm nhìn chằm chằm vào ngọn lửa, làm ra một động tác quyết liệt.

"Tôi biết ông nói đúng," ông nói. Ông nhìn Elliot. "Anh đã chứng minh điều đó."

"Đúng, thưa ông. Tôi nghĩ tôi đã làm thế."

"Nhưng mọi điều hắn ta làm đủ để khiến anh muốn treo cổ thằng cha khó chịu đó lên," thiếu tá Crow cáu kỉnh nói. "Kể cả nguyên nhân tại sao hắn ta thất bại trong vụ này, nếu tôi hiểu đúng ý anh. Toàn bộ màn trình diễn thất bại bởi vì..."

"Nó thất bại bởi vì hắn ta đã cố gắng thay đổi cả toàn bộ lịch sử tội phạm," tiến sĩ Fell đáp lời. "Chuyện đó chưa bao giờ hiệu quả đâu, tin tôi đi."

"Dừng một chút đã, thưa ông!" Bostwick nói. "Tôi không theo kịp ông khúc đó."

"Nếu anh muốn giết người bằng thuốc độc," tiến sĩ Fell nói với vẻ hoàn toàn nghiêm túc, "hãy nhớ điều này. Trong tất cả các loại giết người, đầu độc là cách khó thực hiện trôi chảy nhất."

Thiếu tá Crow chăm chú nhìn tiến sĩ Fell.

"Khoan đã," ông phản đối. "Anh muốn nói nó là cách dễ dàng nhất chứ, đúng không? Tôi không phải là người, như anh gọi – một người đàn ông giàu trí tưởng tượng, chắc anh cũng sẽ đồng ý điều này. Nhưng tôi thỉnh thoảng cũng tự hỏi… Chà, nghe này, tôi phải thừa nhận điều này! Có nhiều người chết mỗi ngày quanh chúng ta, những cái chết được cho là tự nhiên, có chứng nhận y khoa và tất cả mọi thứ. Nhưng ai biết có bao nhiêu người trong số họ có thể đã bị giết chứ? Chúng ta không biết được."

"A!" tiến sĩ Fell nói, hít vào một hơi thật sâu.

"'A' là sao?"

"Ý tôi là tôi đã nghe phát biểu đó trước đây rồi," tiến sĩ Fell trả lời. "Có thể anh đúng trong một chừng mực nào đó. Chúng ta không biết. Tất cả những gì tôi mong muốn nhấn mạnh ở đây là chúng ta không biết. Và do đó cuộc tranh luận của các anh là quá lạ thường đến nỗi nó khiến não tôi choáng váng. Hãy giả sử, có một trăm người chết ở Wigan trong một năm. Anh mơ hồ nghi ngờ rằng một số trong số họ có thể bị đầu độc. Và, bởi vì nỗi nghi ngờ này, anh quay sang tôi và tuyên bố như thể đó là nguyên nhân tại sao việc đầu độc lại diễn ra dễ dàng đến thế. Những điều anh nói có thể rất đúng. Có lẽ, các nghĩa trang có thể chất đầy quân đoàn những người bị giết kêu gào trả thù từ đây cho tới tận John o' Groats. Nhưng khoan đã nào! Chúng ta phải có vài

bằng chứng trước khi khẳng định điều gì đó chứ.”

“Chà, vậy thì quan điểm của ông là gì?”

“Tranh luận,” tiến sĩ Fell nói với vẻ điềm tĩnh hơn, “chỉ tranh luận trên những trường hợp mà chúng ta có thể kiểm tra – những trường hợp mà chất độc được tìm thấy trong cơ thể – rõ ràng đầu độc là cách khó thực hiện trôi chảy nhất bởi vì có quá ít người từng thực hiện thành công mà không xảy ra bất kì vấn đề gì.

“Tôi cho rằng kẻ đầu độc, với tính cách tự nhiên của mình, thì từ ban đầu đã phải chịu số phận bi đát rồi. Hắn ta không thể, và sẽ không bao giờ, có khả năng một mình làm tốt tất cả mọi thứ. Khi hắn bất ngờ gây án trơn tru vào lần đầu độc đầu tiên, hắn ta sẽ cứ tiếp tục đầu độc cho tới khi không thể tránh khỏi việc bị bắt. Hãy nhìn danh sách trên kia đi. Hắn ta sẽ bị chính tính cách của mình phản bội. Anh hay tôi có thể bắn, hoặc đâm hoặc đánh bằng dùi cui hoặc siết cổ. Nhưng chúng ta không hề trở nên quá đỗi say mê một khẩu súng sáng màu hay một con dao găm sáng bóng hay một cái khăn tay lụa đến nỗi chúng ta cứ khăng khăng lúc nào cũng chơi với nó. Nhưng kẻ đầu độc thì làm điều đó.

“Thậm chí cả những mối nguy hiểm trong lần đầu độc đầu tiên cũng đủ tệ hại rồi. Kẻ giết người bình thường chỉ phải đối mặt với một nguy cơ. Còn kẻ đầu độc thì phải đối mạt tới ba cái. Không giống như bắn bằng súng hay đâm bằng dao, công việc của hắn ta không hề kết thúc sau khi hắn đã hoàn thành việc sát hại nạn nhân. Hắn phải đảm bảo nạn nhân không sống đủ lâu để tố cáo hắn, một nguy cơ rất tệ. Hắn phải cho mọi người thấy hắn không có khả năng để tiếp xúc với chất độc lẫn lí do để tiếp xúc với nó, một mối nguy chết người. Và hắn phải đầu độc mà không bị phát hiện, có lẽ đây là mối nguy tệ hại hơn cả.

“Cùng một câu chuyện ảm đạm cứ lặp đi lặp lại nhiều lần. X chết dưới tình huống khơi lên sự nghi ngờ. Mọi người đều biết Y có lí do

chính đáng để mong loại bỏ X, và Y có mọi cơ hội để can thiệp vào đồ ăn hay thức uống của X. Cái xác được đào lên. Chất độc được tìm thấy. Từ đó, như lẽ thường, chỉ có một vấn đề cần làm là truy tìm giao dịch mua thuốc độc có dính líu đến Y. Và chúng ta có, như một chuỗi các hình ảnh trong một album chuẩn mực, là quy trình không thể tránh khỏi: bắt giữ, xét xử, tuyên án, và áp giải lúc tám giờ đúng.

“Giờ, người bạn của chúng ta ở Sodbury Cross biết rõ điều này. Hắn ta không cần phải là một sinh viên chuyên nghiên cứu tội phạm mới biết điều đó, hắn ta chỉ phải đọc báo hằng ngày. Nhưng, vì biết điều đó, hắn ta đã bắt đầu tạo ra một vụ giết người có thể tránh được cả ba rủi ro trên với một bộ ba chứng cứ ngoại phạm. Hắn ta đã cố gắng làm điều mà chưa có tên tội phạm nào từng làm thành công. Và hắn ta thất bại bởi vì khả năng có một người thông minh nào đó (như các anh đây) có thể nhận ra những chi tiết sơ sót nhỏ của âm mưu nhân chứng ba lần này. Giờ thì hãy để tôi cho mọi người thấy vài thứ khác.”

Dò dẫm lục tìm trong túi áo, tiến sĩ Fell lôi ra một chiếc ví đầy những giấy tờ kì cục: những thứ mà ông luôn thu thập về bản thân, những thứ mà ông đẩy vào túi, và những thứ mà ông từ chối mở ra. Giữa những thứ đó ông thành công tìm thấy một bức thư.

“Tôi đã kể với các anh,” ông tiếp tục, “rằng Marcus Chesney đã viết thư cho tôi chỉ vài ngày trước. Tôi đã độc đoán không công bố bức thư này bởi vì tôi không muốn các anh bị lừa. Trên thực tế đã có quá nhiều những chứng cứ rồi. Và thứ này có thể sẽ khiến các anh lạc hướng nghiêm trọng. Nhưng tôi sẽ đọc nó ngay bây giờ, trong khi chúng ta đã xác định rõ được đâu là sự thật, và hãy xem các anh diễn dịch nó thế nào.”

Ông trải lá thư ra bàn bên cạnh chiếc đồng hồ của mình. Bức thư được bắt đầu bằng, “Bellegarde, ngày mùng 1 tháng Mười,” và đề ra nhiều lí thuyết giống những điều họ đã được nghe. Nhưng ngón tay của tiến sĩ Fell chỉ vào thông điệp ở khúc cuối bức thư:

“Tất cả những nhân chứng, nói một cách ẩn dụ, đã bị đeo kính đen. Họ không thể quan sát một cách rõ ràng, cũng không thể giải thích được những điều họ thấy trong các sắc thái thích hợp. Họ không biết chuyện gì đang diễn ra, trên sân khấu, lại càng không biết những điều đang diễn ra với khán giả. Cho họ xem một bản ghi hình trắng đen sau đó, và họ sẽ tin ông. Nhưng dù có như vậy họ cũng sẽ không thể hiểu được những gì họ đã nhìn thấy.

Sớm thôi, tôi mong mình sẽ mang đến một màn giải trí nhỏ trước một nhóm bạn bè. Nếu mọi chuyện tốt đẹp, tôi có thể yêu cầu ông vui lòng đến và tham gia cùng chúng tôi, vào vài ngày sau đó được không? Tôi biết giờ ông đang ở Bath, và tôi có thể gửi một chiếc xe đến đón bất cứ khi nào ông muốn. Tôi hứa sẽ tìm cách bịt mắt ông bằng mọi cách. Nhưng, vì ông là một người mới, vì ông không quen thuộc với bất kì người nào, tôi sẽ chơi đẹp và cho ông một manh mối đáng giá: hãy theo dõi chặt chẽ cháu gái Marjorie của tôi.”

Thiếu tá Crow huýt sáo.

“Chính xác,” tiến sĩ Fell lầm bầm, gấp lá thư lại. “Và đó, cùng với những điều chúng ta sẽ nhìn và nghe tối nay, sẽ giúp vụ án này được trọn vẹn.”

Có tiếng gõ cửa cẩn thận vang lên. Tiến sĩ Fell, hít một hơi sâu, liếc nhìn đồng hồ. Ông liếc quanh, và tất cả bọn họ đều gật đầu chứng tỏ đã sẵn sàng. Tiến sĩ Fell dọn chiếc đồng hồ lại khi cánh cửa mở ra. Một nhân vật quen thuộc, nhìn khá xa lạ trong bộ quần áo ngày thường thay vì chiếc áo khoác trắng hay mặc, đã thò đầu vào phòng.

“Vào đi, ông Stevenson,” tiến sĩ Fell nói.

XIX. GIẢI MÃ CUỘN PHIM

KHI XE CỦA ELLIOT đến Bellegarde, trên xe khá chật chội mặc dù Bostwick và thiếu tá Crow đang theo sau, mỗi người một xe. Tiến sĩ Fell chiếm gần hết chỗ ở băng ghế sau, phần chỗ còn lại bị lấp đầy bởi cái hộp lớn mà Stevenson được chỉ thị phải mang theo. Bản thân Stevenson, dường như đang bị mê hoặc nhưng lại có vẻ không thoải mái, đang ngồi cạnh Elliot.

Dù sao thì, trời đã gần tối. Elliot giật chiếc phanh tay, và nhìn lên mặt ngoài được thắp sáng của ngôi nhà. Nhưng anh đợi cho tới khi những người khác đến cùng mình rồi mới nhấn chuông cửa. Tối nay là một buổi tối se lạnh với màn sương mù phủ nhẹ.

Tự Marjorie bước ra mở cửa. Khi cô nhìn thấy vẻ mặt công vụ trang nghiêm của họ, cô nhanh chóng nhìn quanh.

"Vâng, tôi đã nhận được tin nhắn của các anh," Marjorie nói. "Tối nay tất cả chúng tôi đều ở nhà. Dù sao chúng tôi cũng không phải đi đâu. Có chuyện gì thế?"

"Chúng tôi rất xin lỗi, thưa cô," Bostwick nói với cô gái, "vì đã làm gián đoạn đêm tân hôn của cô." Ông dường như không thể không nhai đi nhai lại chủ đề này được: nó đã trở thành một loại ám ảnh. "Nhưng chúng tôi sẽ không gây rắc rối cho cô lâu đâu, và sau đó chúng tôi sẽ để cô lại với…"

Ông hoàn toàn im bặt khi thấy ánh nhìn lạnh lẽo và giận dữ mà thiếu tá Crow dành cho mình.

"Sĩ quan."

"Thưa ông?"

"Chúng ta không cần thiết phải thảo luận những việc riêng tư của quý cô đây. Tôi nói thế đã rõ chưa? Cám ơn." Mặc dù thiếu tá Crow cũng không dễ dàng gì, nhưng ông ấy cố nói với Marjorie với giọng vui vẻ. "Tuy nhiên, Bostwick nói đúng về một điều. Chúng tôi sẽ đi khỏi đây nhanh nhất có thể. Ha, ha, ha. Đúng thế. Chắc chắn luôn. Mà tôi nói đến đâu rồi nhỉ? À, đúng rồi. Cô vui lòng đưa chúng tôi đi gặp những người khác nhé?"

Dù thiếu tá là gì đi chăng nữa, ông ấy chắc chắn không phải một diễn viên. Marjorie nhìn ông, nhìn chiếc hộp lớn mà Stevenson đang bê trên tay, và không nói gì cả. Khuôn mặt cô hơi ửng đỏ, rõ ràng cô đã uống rượu brandy trong bữa tối.

Thư viện, nơi cô dẫn họ đến, cũng có cùng một bầu không khí như vậy. Căn phòng nằm ở mặt sau ngôi nhà, một căn phòng thường dễ chịu với những kệ sách mở và một cái lò sưởi lớn bằng đá thô. Một ngọn lửa đốt từ gỗ khúc đang tí tách cháy sáng dễ chịu trong đó. Trên

chiếc thảm trải trước lò sưởi có đặt một chiếc bàn chơi bài, bác sĩ Chesney và giáo sư Ingram đang chơi cờ thỏ cáo trên đó. Harding thì tựa vào một chiếc ghế đọc báo, đầu anh ta trông cứng ngắc không tự nhiên bởi lớp bông gòn của băng vết thương gồ lên sau cổ.

Cả bác sĩ Chesney và Harding đều đã hơi say. Giáo sư Ingram thì hờ hững và rõ ràng là còn tỉnh táo. Chỉ có những chiếc đèn đứng chiếu sáng căn phòng, những chiếc đèn rất nóng và đầy mùi cà phê, mùi xì gà, và mùi rượu brandy đựng trong những chiếc tô thủy tinh lớn. Họ làm ra vẻ đã từ bỏ trò cờ thỏ cáo, mặc dù giáo sư Ingram vẫn cầm xúc xắc và tiếp tục lăn chúng vu vơ trên mặt bàn.

Đặt hai tay bẹp dí trên bàn, bác sĩ Chesney chăm chú nhìn quanh bằng khuôn mặt đỏ gay và đầy tàn nhang của mình.

"Được rồi," ông gầm lên. "Chuyện gì thế? Cứ nói đi."

Với cái gật đầu của thiếu tá Crow, Elliot đảm nhiệm việc bắt đầu.

"Chào buổi tối. Thưa ông, và ông, và anh. Tôi nghĩ tất cả các bạn ít nhất cũng đã gặp tiến sĩ Fell một lần. Và tất cả các bạn đều biết anh Stevenson, dĩ nhiên rồi."

"Chúng tôi biết anh ta," bác sĩ Chesney nói, vẫn chăm chú nhìn quanh và cố gắng chế ngự sự khản giọng mà rượu brandy gây ra trong giọng mình. "Anh có gì ở đó thế, Hobart?"

"Chiếc máy chiếu phim của anh ấy," Elliot trả lời.

"Chiều nay, thưa ông," Elliot tiếp tục nói với giáo sư Ingram. "Ông đã rất muốn xem đoạn phim về màn trình diễn của ông Chesney. Tôi muốn đề nghị rằng, nếu thuận tiện cho các bạn, tất cả mọi người hãy cùng xem qua đoạn phim. Ông Stevenson đã rất tốt bụng khi đồng ý mang chiếc máy chiếu và các thiết bị khác theo đến đây. Và tôi chắc rằng mọi người sẽ không phản đối nếu chúng tôi lắp đặt chúng tại căn nhà này." Anh nói theo cách mà chánh thanh tra Hadley đã gieo vào mình. "Tôi e là sẽ không dễ dàng gì cho mọi người khi xem lại nó, và

tôi xin lỗi. Nhưng tôi có thể đảm bảo với tất cả các bạn rằng nếu các bạn xem cuộn phim, điều này sẽ giúp ích rất nhiều cho chúng tôi, và cả cho các bạn nữa.”

Có một tiếng lách cách nhẹ, sắc lạnh khi giáo sư Ingram lăn xúc xắc trên bàn. Ông liếc nhanh vào chúng để xem điểm, cầm chúng lên, và nhìn về phía Elliot.

“Chà, chà, chà,” ông lẩm bẩm.

“Thưa ông?”

“Nào, bây giờ,” giáo sư Ingram nói. “Hãy công bằng. Có phải đây,” ông lăn xúc xắc một lần nữa, “có phải đây là một loại dựng lại vụ án của cảnh sát Pháp không, loại mà kẻ phạm tội xấu xa sẽ thét lên và tự thú ấy? Đừng nói những điều vô nghĩa như thế, thanh tra. Việc này sẽ dẫn anh đến những kết luận sai lầm, và nó là một khái luận tâm lí rất tệ. Ít nhất là trong vụ này.”

Giọng ông nhẹ thôi nhưng ý nghĩa nằm dưới nó thì nghiêm trọng vô cùng. Elliot mỉm cười, và thấy nhẹ nhõm khi giáo sư Ingram cũng mỉm cười lại. Anh vội vã trấn an họ.

“Không, thưa ông, tôi hứa danh dự là không hề có chuyện như thế. Chúng tôi không muốn làm ai sợ cả. Chúng tôi chỉ muốn tất cả các bạn *xem* đoạn phim. Chúng tôi muốn các bạn xem nó để có thể thuyết phục chính bản thân mình…”

“Về chuyện gì?”

“… thuyết phục chính mình ai thực sự là bác si Nemo. Chúng tôi đã thực hiện một nghiên cứu khá cẩn thận về cuộn phim. Và nếu các bạn quan sát một cách chặt chẽ, và đúng nơi, và đúng cách, các bạn có thể biết được ai là người đã giết ông Chesney.”

Giáo sư Ingram thả xúc xắc vào cái tách đựng, lắc nó, và lăn chúng ra bàn lần nữa.

“Vậy nó sẽ chỉ ra hung thủ, đúng không?”

“Đúng. Chúng tôi nghĩ thế. Đó là lí do tại sao chúng tôi muốn tất cả các bạn xem đoạn phim, và thử coi các bạn có đồng ý với chúng tôi không, vì chúng tôi chắc chắn bạn sẽ đồng ý với chúng tôi. Tự bản thân sự thật đã thể hiện rõ ràng trong đoạn phim rồi. Chúng tôi đã thấy nó ngay lần đầu tiên chúng tôi được xem đoạn phim, mặc dù thậm chí chúng tôi còn không chú ý mình đang xem gì. Nhưng chúng tôi nghĩ các bạn sẽ nhận ra ngay. Và mọi thứ trong vụ án đó, dĩ nhiên, sẽ được sáng tỏ. Chúng tôi cũng đã chuẩn bị thực hiện một lệnh bắt giữ tối nay.”

“Chúa ơi,” Joe Chesney nói. “Có nghĩa là anh đang định bắt ai đó và treo cổ anh ta vì vụ án này à?”

Ông nói với một loại cảm xúc ngạc nhiên đơn thuần, như thể ông vừa nghe được một tin tức đáng kinh ngạc, điều mà có khả năng vẫn chưa xảy đến cho ông bao giờ. Và khuôn mặt ông trở nên hăng hái hơn.

“Điều đó là do bồi thẩm đoàn quyết định, bác sĩ Chesney. Nhưng ông có phản đối gì không? Phản đối việc xem cuộn phim ấy?”

“Hả? Không, không, một chút cũng không. Nói thật thì, tôi muốn xem nó.”

“Anh có phản đối không, anh Harding?”

Harding rờ ngón tay một cách lo lắng xung quanh phía trong của cổ áo, chạm vào băng gạc. Anh ta hắng giọng.

Anh ta với tay lấy chai rượu brandy ở chỗ khuỷu tay và đổ đầy li của mình.

“Không,” anh ta quyết định. “Ề – nó có phải một bộ phim tốt không?”

“Một bộ phim tốt?”

“Rõ nét, ý tôi là vậy.”

“Đủ rõ ràng. Cô có phản đối không, cô Wills?”

“Không, dĩ nhiên là không.”

“Con bé có buộc phải xem nó không?” bác sĩ Chesney hỏi.

“Cô Wills,” Elliot nói một cách chậm rãi, “là người buộc phải xem đoạn phim bất kể những người khác có xem hay không.”

Một lần nữa giáo sư Ingram lại lăn xúc xắc và lơ đãng suy ngẫm về điểm của chúng, “Về phương diện cá nhân, tôi có hơi phiền muộn khi nghe điều này. Tôi cực kì muốn (như anh nói) xem cuộn phim. Hôm nay tôi đã có một sự sỉ nhục đau đớn. Do đó tôi có khuynh hướng,” cái trán hói của ông sáng lên trong sự nóng bức của căn phòng, “bảo anh rằng xuống địa ngục đi. Nhưng tôi không thể. Cái phi tiêu ống thổi đó ám ảnh tôi cả đêm qua. Chiều cao của bác sĩ Nemo ám ảnh tôi cả đêm qua.” Ông gõ mạnh chiếc tách đựng xúc xắc xuống bàn. “Hãy nói với tôi. Cuộn phim có cho thấy bác sĩ Nemo cao bao nhiêu không? Anh có thể tìm ra chiều cao thực sự của hắn ta từ cuộn phim không?”

“Có, thưa ông. Khoảng sáu feet.”

Giáo sư Ingram đặt chiếc tách đựng xúc xắc xuống và nhìn lên. Bác sĩ Chesney đầu tiên trông có vẻ bối rối, sau đó tò mò, và sau nữa thì vui vẻ.

“Đã chắc chắn chưa?” giáo sư hỏi một cách sắc bén.

“Ông sẽ tự mình thấy điều đó. Nó không phải là thứ chính yếu mà chúng tôi muốn hướng sự chú ý của mọi người tới, nhưng đúng vậy, ông có thể coi như chuyện đó đã được xác nhận. Bây giờ, mọi người có phiền nếu chúng tôi sử dụng Phòng Nhạc để chiếu phim không?”

“Không, không, cứ dùng chỗ nào mà các anh muốn,” Joe Chesney nói như sấm. Ông rõ ràng là đã bị họ làm cho lung lay như thuốc trong chai. Và như một số loại thuốc nhất định, cả sắc thái của ông cũng thay đổi. Cả người ông toát lên lòng mến khách phi thường. “Tôi có nên chỉ đường cho các anh không? Để tôi chỉ cho. Hãy lấy ít rượu ở đó

nữa. Xem cuộn phim từ đầu đến cuối thì chúng ta nên có gì đó để uống chứ.”

“Tôi có thể tự tìm đường được, cám ơn ông.” Elliot cười toe toét với giáo sư Ingram. “Không, thưa ngài, ông không cần phải nhìn tôi như thế. Chiếu phim trong Phòng Nhạc không phải là một dạng tra tấn kiểu Pháp. Bởi vì mọi người sẽ thấy vài thứ đặc biệt rõ ràng hơn trong căn phòng đó, tôi nghĩ vậy. Ông Stevenson và tôi cùng đi trước, và thiếu tá Crow sẽ mang những người còn lại vào sau khoảng năm phút nữa.”

Cho tới khi bước ra khỏi căn phòng, anh mới nhận ra là trán của mình đã nóng đến mức nào. Nhưng anh cũng nhận ra rằng, anh đã không hề nghĩ về tên giết người. Anh biết đích xác tính danh của kẻ sát nhân, giờ đây hắn chẳng có gì để phòng vệ giống như một củ hành tây đã lột vỏ. Anh đang nghĩ về những mối quan tâm khác khiến anh phát bệnh.

Sảnh rất lạnh, và Phòng Nhạc cũng vậy. Elliot đã tìm thấy công tắc đèn phía sau cái tủ Boule. Anh kéo những tấm rèm cửa màu xám ra, sương mù đang dâng lên bên ngoài những cánh cửa sổ. Anh đi đến lò sưởi và bật chế độ nhiệt hơi nước lên.

“Màn hình của anh,” Elliot nói, “có thể đặt ngay trong khoảng trống giữa những cánh cửa đôi. Nếu được, hãy đặt cái máy chiếu tương đối gần một chút. Tôi muốn hình ảnh to nhất có thể. Chúng ta có thể mang cái máy quay dĩa có radio ra và sử dụng nó như một cái bàn hỗ trợ chiếc máy chiếu.”

Stevenson gật đầu, và họ tập trung làm việc trong yên lặng. Tấm màn chiếu được đính vào khung cửa, chiếc máy chiếu được cắm vào cùng ổ điện mà họ sử dụng để cắm chiếc máy hát. Nhưng dường như một thời gian dài đã trôi qua trước khi ô sáng lớn lóe lên trên tấm màn. Phía sau nó là phòng làm việc tối om, phòng làm việc mà Marcus Chesney đã ngồi, và phòng làm việc có chiếc đồng hồ tích tắc ầm ĩ.

Elliot đã sắp xếp ở mỗi bên màn hình hai chiếc ghế bành bọc nệm bằng gấm có tay vịn cho hai người ngồi.

"Sẵn sàng rồi," anh nói.

Và anh lên tiếng gần như cùng một lúc với một đám diễu hành hơi lạ lùng bước vào Phòng Nhạc. Tiến sĩ Fell, anh thấy, giờ đây đang phụ trách nghi thức xếp chỗ. Marjorie và Harding được đưa tới hai chiếc ghế ở một bên của màn hình. Giáo sư Ingram và bác sĩ Chesney đi đến hai chiếc ghế ở phía đối diện. Thiếu tá Crow (như đêm qua) nghiêng dựa vào cây piano dùng trong biểu diễn. Bostwick lấy vị trí ở một bên cửa. Elliot đứng ở bên còn lại. Tiến sĩ Fell đứng sau Stevenson chỗ chiếc máy chiếu.

"Tôi biết," tiến sĩ Fell nói, thở khò khè nặng nề, "rằng điều này không dễ dàng cho các bạn – đặc biệt là cô Wills. Nhưng cô Wills, cô có thể làm ơn kéo ghế của mình lại gần màn hình một chút được không?"

Marjorie chăm chú nhìn tiến sĩ Fell, nhưng cô tuân theo yêu cầu của ông mà không hỏi câu nào. Hai tay cô run rẩy dữ dội đến nỗi Elliot phải đi đến và giúp cô dịch chuyển cái ghế. Mặc dù cũng là ngồi một bên, nhưng cô chỉ cách bức màn treo giữa những cánh cửa mở khoảng một bước chân.

"Cám ơn cô," tiến sĩ Fell gầm gừ nói, khuôn mặt ông không hề hồng hào như bình thường. Ông gầm lên. "Và Amen! Bắt đầu đi."

Bostwick tắt hết đèn. Và Elliot lại lần nữa cảm nhận được bóng tối đen đặc vỡ ra khi Stevenson bật đèn máy chiếu lên. Ánh sáng của nó mờ ảo chạm vào những khuôn mặt ở ngay phía bên ngoài. Vì chiếc máy chiếu chỉ cách màn hình chưa đến năm feet, hình ảnh trên tấm màn trắng không hoàn toàn là kích thước thật, đó là kích thước rất lớn.

Giai điệu vo vo bắt đầu, và màn hình lại lóe về bóng tối. Bây giờ rất dễ nghe thấy tiếng người thở. Elliot ý thức được hình dáng cao chót

vót như kẻ cướp to lớn của tiến sĩ Fell, người đã ngồi xuống, nhưng ý thức đó chỉ để làm nền. Anh đang tập trung vào những hình ảnh mà họ đang xem lại lần nữa, tập trung vào những ý nghĩa đã quá rõ ràng nếu bạn chịu dừng lại nghĩ về chúng lấy một lần.

Ở dưới màn hình tối thui len lỏi lên một cột ánh sáng dọc mờ ảo, các cạnh của cột ánh sáng đó nhấp nháy. Một lần nữa những cánh cửa ma bị đẩy mở. Hình ảnh sắc nét của căn phòng phía sau những cánh cửa xếp mà họ đang nhìn vào nổi dần ra khỏi cột ánh sáng mờ đó. Và, bởi vì đã nhìn thấy bệ lò sưởi le lói, ánh sáng trắng trên bàn, chiếc đồng hồ mặt trắng, Elliot có một cảm giác kì lạ rằng họ đang nhìn vào căn phòng thực sự chứ không phải hình ảnh của nó. Như thể họ đang nhìn căn phòng thực qua một tấm màn che trong suốt, một tấm màn đã quét sạch tất cả màu sắc chỉ để lại hai màu đen trắng. Tiếng tích tắc thực của chiếc đồng hồ khiến cho ảo giác này còn sống động hơn trước. Tiếng tích tắc ấy rất hợp với nhịp đu đưa qua lại của con lắc trên chiếc đồng hồ quang phổ. Trước mặt họ là một căn phòng trống rỗng, một căn phòng được nhìn qua lớp kính trong suốt, với một chiếc đồng hồ thực ghi lại thời gian của buổi tối hôm qua và những cánh cửa sổ mở mang lại bầu không khí như tối hôm qua.

Sau đó Marcus Chesney nhìn họ từ phòng làm việc.

Không ngạc nhiên gì khi Marjorie thét lên, vì nhân vật trên màn ảnh có kích thước y như thật. Tiếng hét đó không phải do hiệu ứng gây ra bởi sự xuất hiện cực kì ghê tởm của Chesney dưới tác động của ánh sáng. Nó đến từ những hình ảnh thực tế mà họ đã được trực tiếp trải qua. Trong lớp kính màn chiếu, Chesney đang nghiêm nghị đi về phía bàn làm việc. Ông ngồi xuống đối mặt với họ, đẩy chiếc hộp sô cô la hoa văn xám sang một bên, và bắt đầu vở kịch câm với hai đồ vật nhỏ trên bàn…

“Không thấy rõ lắm,” giáo sư Ingram thì thầm, kéo căng người về phía trước nên đầu ông chạm vào chùm tia của máy chiếu. “Tôi biết rồi. Phi tiêu ống thổi đầu nhọn, nhỉ? Giờ tôi biết tôi nhìn thấy…”

“Đừng bận tâm chuyện đó!” tiến sĩ Fell ngắt lời. “Đừng lo lắng về điều đó. Giữ đầu óc ông tránh xa khỏi nó. Hãy xem kĩ phía trái của màn hình. Bác sĩ Nemo sắp đến.”

Như thể được triệu hồi, nhân vật cao gầy đội mũ chóp cao xuất hiện, hắn quay lại đối mặt với họ ngay lúc vừa xuất hiện. Và họ đã thấy cặp kính đen thui đó ở cự li gần. Các chi tiết trở nên sắc bén và được khuếch đại lên đáng kể. Bạn chú ý từ lớp lông xù cũ kĩ của chiếc mũ chóp cao, chiếc khăn quàng mờ nhạt với một vết rách mở ra ngang mũi, đến dáng đi gây tò mò của Nemo khi di chuyển trong căn phòng rỗng. Sải bước đến chiếc bàn và quay một phần lưng hướng về phía họ, hắn nhanh chóng thực hiện việc tráo đổi những chiếc hộp sô cô la…

“Đó là ai?” tiến sĩ Fell hỏi, khi gã trên màn hình lại di chuyển. “Hãy nhìn kĩ. Đó là ai?”

“Là Wilbur,” Marjorie nói.

“Là Wilbur,” cô lặp lại, ngồi thẳng dậy. “Mọi người không thấy à? Mọi người không để ý kiểu đi đó sao? Nhìn nó đi! La Wilbur.”

Giọng của bác sĩ Chesney mạnh mẽ nhưng đầy hoang mang. “Con bé nói đúng,” ông khẳng định, “Chúa tôi, chắc chắn là thế. Nhưng đó không thể là Wilbur được. Thằng bé chết rồi mà.”

“Chắc chắn là hắn ta trông giống như Wilbur,” giáo sư Ingram thừa nhận. Thoát khỏi vẻ u sầu, toàn bộ tính cách của ông có vẻ như trở nên sắc bén hẳn. Ông đã thay đổi và trở nên tập trung hơn, họ có thể cảm nhận được điều đó. “Khoan đã! Có gì đó không đúng ở đây. Đây là một trò chơi khăm. Tôi sẵn sàng thề…”

Tiến sĩ Fell ngắt lời ông. Tiếng vo vo đều đặn của chiếc máy chiếu om sòm bên tai họ.

“Giờ chúng ta đang tiến đến gần nó,” tiến sĩ Fell xen vào, khi bác sĩ Nemo di chuyển đến phía bên kia chiếc bàn. “Cô Wills? Trong khoảng

hai giây nữa bác cô sẽ nói điều gì đó. Ông ấy đang nhìn vào Nemo. Ông ấy sẽ nói gì đó với Nemo. Hãy đọc môi ông ấy. Hãy đọc môi ông ấy cho chúng tôi, và kể cho chúng tôi ông ấy đã nói gì. Hãy bình tĩnh!"

Cô gái đang đứng kế bên màn hình chiếu, nghiêng người về phía trước nên bóng của cô gần như chạm vào nó. Như thể họ không thể nghe được tiếng ồn ào của chiếc máy chiếu nữa. Xung quanh yên lặng, một sự yên lặng bất thường. Khi đôi môi màu xám của Marcus Chesney chuyển động trong căn phòng nhìn qua lớp màng trong suốt, Marjorie cũng lên tiếng cùng lúc với chúng. Giọng của cô cao một cách bất thường, như thể những ý nghĩ của cô không hề có mặt trong đầu mình. Nó là một chất giọng nhẹ nhàng, ma quái, kéo theo một loại âm điệu khó tả.

"Ông ấy nói: *'Tôi không thích ông, tiến sĩ Fell; nguyên nhân tại sao thì tôi không thể nói, nhưng…' "*

Một sự xôn xao đã diễn ra trong nhóm người.

"Tất cả thứ này là cái quỷ gì đây?" giáo sư Ingram ngắt lời. "Cháu đang nói gì thế?"

"Cháu đang nói những điều bác ấy đang nói, hoặc đã nói," Marjorie thét lên. " 'Tôi không thích ông, tiến sĩ Fell…'"

"Tôi đã bảo các anh đây là một trò lừa mà," giáo sư Ingram, nói. "Tôi không điên đến độ sẽ tin nó đâu. Tôi đã ở đây, xem và nghe ông ấy nói. Và tôi biết rằng ông ấy sẽ chẳng bao giờ nói bất kì thứ quỷ gì như thế."

Chính tiến sĩ Fell là người trả lời họ.

"Dĩ nhiên là ông ấy đã không nói thế," tiến sĩ Fell nói bằng giọng nặng nề có chút mệt mỏi. "Và do đó các anh không phải đang xem cuộn phim về những điều đã xảy ra tối qua. Và do đó một cuộn phim khác đã được đưa ra để lừa chúng tôi. Và do đó kẻ giết người, là kẻ đã đưa cho chúng tôi cuộn phim sai với lời đảm bảo đó là cuộn phim

nguyên gốc. Và do đó kẻ giết người là…”

Ông không cần nói hết câu.

Khi George Harding đứng lên, Elliot đang đi qua luồng ánh sáng được khoảng ba bước chân. Harding đã thấy anh đang đến và khuôn mặt anh ta có vẻ kích động, vụng về và hơi lùi về bên phải. Elliot đã hi vọng hắn ta sẽ chống trả. Anh đã mơ ước và gần như cầu nguyện hắn ta sẽ chống trả. Sự chán ghét đang sôi trào thành thù hận, tất cả những điều anh đã buộc phải ép xuống, tất cả những hiểu biết anh có về những điều George Harding đã làm và nguyên nhân tại sao hắn lại làm chúng, tất cả chúng đi vào tâm trí Elliot như một loại tiếng gào thét bên trong. Và anh lao vào địch thủ với một sự hài lòng thuần khiết. Nhưng sự đối đầu đó không kéo dài. Màn bùng nổ cuối cùng đã phá vỡ tia lí trí còn lại của Harding. Đôi mắt hắn ta đảo quanh, khuôn mặt hắn trở nên méo mó với vẻ than vãn, và hắn ta đổ nhào ngang qua phía Marjorie, yếu ớt bắt lấy vạt áo của cô. Họ phải dùng brandy hồi phục lại thần trí cho hắn trước khi có thể thi hành những thủ tục bắt giữ thông thường.

XX. VỤ ÁN MẠNG CỦA NHÀ TÂM LÍ HỌC

KHI TIẾN SĨ FELL ngồi cùng mọi người trong thư viện, trước ngọn lửa đốt bằng củi khối, thì đã là một tiếng sau. Nhưng Marjorie không có mặt ở đó. Và vì những nguyên nhân dễ hiểu, cả Bostwick và Harding cũng không. Những người khác ngồi quanh ngọn lửa với những điệu bộ mà Elliot, dù tâm trí anh đã mệt muốn chết nhưng vẫn còn trào phúng được, so sánh với một bức tranh tĩnh vật của Hà Lan.

Bác sĩ Chesney là người lên tiếng đầu tiên. Ông đang ngồi, đặt khuỷu tay lên chiếc bàn chơi bài và gác đầu lên tay, nhưng giờ thì ông đã ngước lên.

“Vậy ra từ đầu đã là một người ngoài,” ông lẩm bẩm. “Ha! Tôi nghĩ

trong thâm tâm tôi lúc nào cũng biết rõ là phải như thế."

Giáo sư Ingram nói một cách lịch sự. "Thế sao? Tôi thì nghĩ chính anh là người cứ đảm bảo với chúng tôi Harding là người tốt như thế nào đấy chứ. Nhất là khi anh còn tìm cách xoay xở để có được một đám cưới tốt đẹp và trang nhã trong buổi chiều nay…"

Khuôn mặt của người kia lập tức bắt lửa.

"Chết tiệt, anh không thấy là tôi buộc phải làm thế à? Hoặc tôi đã nghĩ là tôi cần làm vậy. Harding đã thuyết phục tôi. Hắn ta đã nói…"

"Hắn ta đã nói rất nhiều," thiếu tá Crow theo dõi cuộc nói chuyện với sự dứt khoát có chừng mực.

"… nhưng khi tôi nghĩ về những chuyện xảy ra tối nay sẽ ảnh hưởng thế nào đến con bé…"

"Anh nghĩ thế thật à?" Giáo sư Ingram hỏi, nhặt xúc xắc lên và thả nó vào chiếc tách đựng. "Anh luôn luôn là một nhà tâm lí tồi, anh bạn. Anh nghĩ con bé yêu hắn ta không? Anh có nghĩ con bé từng yêu hắn ta không? Anh nghĩ tại sao tôi lại phản đối mãnh liệt toàn bộ màn trình diễn hiểm ác, kinh tởm chiều nay vậy?" Ông nhấc chiếc tách đựng xúc xắc lên và lắc nó. Ông nhìn từ tiến sĩ Fell đến Elliot đến thiếu tá Crow. "Nhưng tôi nghĩ, các quý ông đây nợ chúng ta một lời giải thích. Chúng tôi muốn biết (như mọi người thường làm vào cuối một câu chuyện) làm sao mà các anh xác định được Harding là kẻ giết người, và làm sao các anh tìm được cách kết án hắn. Với các anh thì chuyện đó có thể đã rất rõ ràng, nhưng với chúng tôi thì không."

Elliot nhìn tiến sĩ Fell.

"Ông nói đi, thưa ông," anh ủ rũ đề nghị, và thiếu tá Crow gật đầu. "Sự nhanh nhạy của tôi đang không được tốt lắm."

Tiến sĩ Fell, với chiếc tẩu đang cháy và một vại bia đặt trên bàn, gần khuỷu tay, trầm ngâm nhìn chằm chằm vào ngọn lửa.

"Tôi cũng có nhiều hối tiếc trong vụ này," ông bắt đầu, với giọng

khá yên tĩnh so với thường ngày. “Tôi hối tiếc bởi vì, gần bốn tháng trước, điều mà tôi cho là một ý tưởng ngớ ngẩn đáng lẽ ra có thể thực sự trở thành lời giải cho mọi chuyện. Có lẽ nên bắt đầu trước khi mọi chuyện khởi đầu, để cho các anh thấy những sự kiện theo thứ tự liền mạch như tôi đã thấy, và để theo dõi chúng như thể chúng mới đi qua dưới mắt chúng ta ngay ngày hôm nay thôi.

“Ngày 17 tháng Sáu, đó là ngày đám trẻ bị đầu độc bàng những viên sô cô la từ cửa hàng của bà Terry. Hôm nay tôi đã phác ra với Elliot những nguyên nhân chính khiến tôi nghĩ (kể cả ở thời điểm đó tôi cũng đã nghĩ vậy) rằng kẻ đầu độc đã không sử dụng phương pháp vụng về như thả một nắm kẹo nhân kem có độc vào chiếc hộp để mở. Tôi nghĩ rằng có một khả năng cao hơn, đó là trò mưu mẹo đã được thực hiện bằng cách phức tạp hơn, như dùng một chiếc giỏ xách có quặp lò xo chẳng hạn, như vậy thì hắn sẽ dễ dàng tráo đổi những chiếc hộp để mở hơn. Tôi đã nghĩ chúng ta nên tìm kiếm ai đó (tại thời điểm một tuần trước khi vụ án xảy ra hoặc khoảng đó) đi vào cửa hàng mang theo một cái túi đeo vai. Giờ ngay lập tức có thể mặc nhiên cho rằng nghi phạm là những người có thể đeo chiếc giỏ đó mà không bị bà Terry chú ý hay ghi nhớ như một hành động bất thường: như bác sĩ Chesney hoặc anh Emmet chẳng hạn.

“Nhưng,” tiến sĩ Fell nói, chỉ chỉ bằng chiếc tẩu của mình, “khi tôi chỉ ra điều đó cho cậu thanh tra, tôi nhận ra cũng vẫn còn một khả năng khác. Nếu mang một chiếc túi như vậy, thậm chí dù cho là bác sĩ Chesney hay anh Emmet, thì cũng vẫn có thể bị chú ý, đặc biệt là tại một nơi người ta chu ý đến mọi điều quen thuộc như ở đây. Nhưng còn có một loại người khác có thể mang một chiếc giỏ như thế vào cửa hàng đó mà lúc đó, thậm chí cả sau đó nữa, bà Terry cũng sẽ không hề thèm nhìn lại đến lần thứ hai.”

“Một loại người khác?” giáo sư Ingram hỏi.

“Một khách du lịch,” tiến sĩ Fell nói.

“Như chúng ta đều biết,” ông tiếp tục, “Sodbury Cross có tuyến đường du lịch chính chạy qua. Hầu như lúc nào cũng có một số lượng lớn khách du lịch, và vào những thời điểm nhất định thì đông đặc. X hay Y hay Z, một người khách du lịch và một người lạ, đi du lịch qua bằng xe hơi, có thể đã đi vào cửa hàng với một cái giỏ như thế, hỏi mua một gói thuốc lá, và biến mất mà sau đó người chủ cửa hàng không hề nghĩ ngợi gì về anh ta hay cái giỏ của anh ta. Bác sĩ Chesney hay anh Emmet, những người bản địa, sẽ bị chủ cửa hàng chú ý. Nhưng những người lạ, như X hay Y hay Z, sẽ được xóa khỏi tâm trí của bà ấy thậm chí trước khi họ kịp xuất hiện.

“Nhưng điều này dường như chỉ đơn thuần là một giả thuyết vô nghĩa. Tại sao một người hoàn toàn không liên quan lại muốn làm chuyện như vậy? Một người lạ, một tên tội phạm điên khùng, có thể thực hiện điều đó. Nhưng tôi không thể nói với thiếu tá Crow rằng, ‘Hãy tìm (trên khắp nước Anh) một người không sống tại Sodbury Cross, một người lạ đi du lịch bằng xe hơi mà tôi không thể cho anh miêu tả nào được vì tôi không có manh mối và hắn ta mang theo một cái túi ảo thuật mà tôi chẳng có căn cứ nào chứng minh sự tồn tại của nó.’ Tôi đã nghĩ tôi đang quá lập dị. Tôi đã gác ý tưởng đó lại, và giờ tôi lại tự nguyền rủa mình mỗi khi nhớ về quyết định đó.”

“Vì chuyện đã xảy ra sáng nay sao?”

“Elliot đã đến gặp tôi và gợi lên những kí ức không mấy tốt đẹp bằng câu chuyện của cậu ấy. Tôi có bức thư của Marcus Chesney, tôi có những điểm chính của vụ án từ người bồi bàn bị điếc, và những ý chính mà Elliot phác ra đã khiến tôi giật nảy mình. Tôi đã biết được từ anh ấy (Chúa mới biết tôi biết được điều đó) rằng ở Ý cô Wills đã gặp gỡ và phải lòng người đàn ông có đôi mắt to đen láy quyến rũ, George Harding. Không có lí do nào để nghi ngờ Harding chỉ bởi vì anh ta là một người lạ. Nhưng có lí do chính đáng để nghi ngờ một người, một người nào đó ở ngay trong nhóm người bé nhỏ túm tụm quanh Marcus Chesney, một người nào đó có khả năng ném thêm một thủ thuật giết

người vào màn trình diễn đã được thiết kế đầy những bẫy rập. Như vậy bây giờ chúng ta hãy thử bắt đầu xem xét kĩ lưỡng màn trình diễn này.

"Chúng ta đều biết màn trình diễn đã được lên kế hoạch từ sớm rồi. Chúng ta luôn biết (thực ra, các anh buộc phải chấp nhận việc đó) rằng đây là một trò lừa đảo và chúng ta không thể tin vào đôi mắt mình. Chúng ta có thể nghi ngờ rằng rất có khả năng những thủ thuật này không chỉ diễn ra trên sân khấu, mà còn có thể mở rộng về phía khán giả. Hãy xem đi, bức thư của Chesney có nói về điều này. Ông ấy đang nói về những nhân chứng:

> 'Họ không biết chuyện gì đang diễn ra trên sân khấu, và cũng không biết chuyện đang diễn ra với khán giả. Sau khi mọi chuyện kết thúc hãy cho họ nhìn thấy một bản ghi hình trắng đen, và họ sẽ tin ông. Nhưng ngay cả như thế thì sau đó họ cũng sẽ không thể hiểu một cách chính xác những gì họ đã thấy.'

"Bây giờ, trong nỗ lực tìm ra những câu đố của màn trình diễn, chúng ta có ba điểm hoặc là những mâu thuẫn kêu gào được giải thích. Chúng là đây:

"(A) Tại sao Chesney, trong danh sách những câu hỏi mà ông ấy dự định sẽ hỏi mọi người, lại chèn vào một câu hỏi không cần thiết? Tại sao ông ấy lại tiết lộ rằng bác sĩ Nemo là Wilbur Emmet, nếu ngay sau đó ông ấy định hỏi mọi người chiều cao của nhân vật trong chiếc mũ chóp?

"(B) Tại sao tối hôm đó ông ấy cứ khăng khăng đòi mọi người mặc đồ dự tiệc? Các bạn không có thói quen mặc như thế, nhưng trong đêm đặc biệt đó ông ấy đã yêu cầu như vậy.

"(C) Tại sao ông ấy lại đưa ra câu hỏi thứ mười trong danh sách của mình? Câu hỏi thứ mười có phần nào hơi bị xem nhẹ, nhưng nó cứ làm phiền tôi hoài. Các bạn nhớ không, ông ấy cố ý hỏi, *'Ai/hay những ai đã lên tiếng? Họ đã nói gì?'* Và ngay sau đó ông ấy thêm vào

một lời ghi chú rằng ông ấy muốn có câu trả lời theo nghĩa đen cho tất cả các câu hỏi ở trên. Nhưng cái bẫy nằm ở chỗ nào trong đó? Dường như tất cả các nhân chứng đều đồng ý rằng chỉ có Chesney lên tiếng trên sân khấu, dù rằng đúng là khán giả có thì thầm hay nói ra vài từ. Nhưng cái bẫy ở đâu?

"Các quý ông, câu trả lời cho những vấn đề (A) và (B) dường như đã quá rõ ràng. Ông ấy bảo bác sĩ Nemo là Wilbur Emmet bởi nguyên nhân cực kì phức tạp là bác sĩ Nemo không phải là Wilbur Emmet. Bác sĩ Nemo không phải là Emmet mà là ai đó mặc quần dài và giày đi tiệc giống như Emmet. Nhưng người này rõ ràng không thể có cùng chiều cao như Emmet. Nếu không thì câu hỏi, *'Chiều cao của người vào phòng bằng chiếc cửa sổ kiểu Pháp là bao nhiêu?'* sẽ một lần nữa mất đi giá trị. Nếu người này có cùng chiều cao với Emmet, sáu feet, và các bạn nói là sáu feet, sau cùng thì các bạn vẫn đúng. Vậy nên ông ấy phải lừa mọi người bằng một ai đó chênh lệch vài inch so với chiều cao của Emmet, nhưng vẫn mặc quần tây và mang giày đi tiệc.

"Ừm hừm. Chà, chúng ta tìm một người như thế ở đâu? Có khả năng, dĩ nhiên, đó là một người hoàn toàn xa lạ. Cũng có thể là bất kì người quen nào của ông ấy ở Sodbury Cross. Nhưng trong trường hợp đó trò đùa sẽ hoàn toàn mất đi ý nghĩa. Nó sẽ không phải là một cú lừa xuất sắc: nó sẽ chỉ là một lời nói dối, và nó sẽ không chính xác với những lời này. *Họ không biết chuyện gì đang diễn ra trên sân khấu, và cũng không biết chuyện đang diễn ra với khấn giả.'* Nếu điều đó có nghĩa, thì ý nghĩa đó phải là: nhân vật trong chiếc mũ chóp cao là một người trong số khán giả.

"Và ngay lập tức mọi chuyện trở nên rõ ràng hơn nhiều. Chúng ta liền biết ngay rằng bên cạnh Emmet, Marcus Chesney còn có một người đồng minh khác. Một người đồng minh có vẻ ngoài vô tội. Một người đồng minh, như trong những màn ảo thuật giải trí thường thấy, ngồi ở vị trí khán giả. Trong hai mươi giây tối đen như mực sau khi tất cả đèn đã bị tắt hết, Emmet và người đồng minh này đã đổi chỗ

cho nhau.

“Người đồng minh đóng vai khán giả này đã lẻn ra ngoài qua ô cửa sổ kiểu Pháp trong hai mươi giây tối đen đó, trong khi Emmet lẻn vào và ngồi vào chỗ của anh ta. Chính người đồng minh kia, chứ không phải Emmet, mới là người đóng vai bác sĩ Nemo. Còn Emmet là người ngồi hoặc đứng trong vị trí khán giả trong suốt màn trình diễn. Đó, thưa quý ông, đó chính là cách Marcus Chesney đã *lên kế hoạch* để tiến hành việc che mắt mọi người.

“Nhưng là ai trong số khán giả?

“Emmet đã thế chỗ của ai?

“Ở đây chúng ta có một nhóm khán giả rất dễ đoán. Cô Wills bị loại trừ, vì những nguyên nhân quá rõ ràng. Giáo sư Ingram cũng bị loại trừ, bởi ít nhất một trong ba nguyên nhân: ông ấy ngồi cách xa những chiếc cửa sổ trong Phòng Nhạc nhất, trên chiếc ghế mà Chesney đã chỉ định cho ông ấy. Ông ấy có một cái đầu hói sáng bóng dễ gây chú ý. Và có vẻ Chesney sẽ không nhờ một người mà ông ấy muốn qua mặt nhất để giúp đỡ mình. Nhưng Harding thì sao?

“Harding cao năm feet chín. Cả anh ta và Emmet đều gầy, và gần như có cùng trọng lượng: Harding nặng 11 st và Emmet nặng 11 st 8. Cả hai bọn họ đều có mái tóc mượt tối màu. Harding được xếp ngồi ở phía trái ngoài cùng – vị trí bất tiện nhất cho bất cứ ai mong muốn quay hình sân khấu, thực ra là vị trí lố bịch nhất. Nhưng vị trí mà Chesney chỉ định cho anh ta lại chỉ cách những chiếc cửa sổ có hai sải chân. Cuối cùng, Harding lại phải đứng với tư thế chiếc máy quay phim che chắn còn bàn tay phải thì có thể tự nhiên che đi khuôn mặt anh ta. Thừa nhận chứ?”

“Thừa nhận,” giáo sư Ingram rầu rĩ nói.

“Không gì có thể dễ dàng hơn – nói theo tâm lí học – một sự tráo đổi ở vị trí như thế. Sự khác biệt về chiều cao không thể gây chú ý, bởi vì anh ta đang đứng trong khi hai nhân chứng còn lại thì đang

ngồi. Hơn nữa, Harding nói cậu ta 'cúi người', nghĩa là Emmet đã cúi người xuống. Nguyên nhân các bạn hoàn toàn bị lừa là do những khác biệt ngoài mặt về ngoại hình của họ có thể dễ dàng bị bóng tối giấu đi. Harding thì có vẻ ngoài đẹp đẽ, trong khi Emmet thì xấu xí một cách lạ thường, nhưng điều này sẽ không bị phát hiện khi mà chung quanh tối đen và nhân vật cần quan sát thì đang đưa tay lên che mặt. Các bạn rõ ràng không hề tập trung vào nhân vật đó. Các bạn hầu như không liếc mắt nhìn anh ta lần nào, nếu không thì các bạn không thể quan sát được chuyện gì đang xảy ra trên sân khấu. Tuyên bố nhìn thấy cả Harding lẫn sân khấu là điều không thể. Ông nói ông thấy Harding 'ở góc mắt', và điều đó đúng: những gì ông mơ hồ nhận thấy là một hình dáng và không còn gì hơn. Ông đã thấy Harding bởi vì ông mong đợi sẽ thấy Harding đứng ở đó.

"Màn đêm cũng có thể che giấu một thủ thuật tâm lí khác, điều mà tôi nghĩ được nhằm vào ông. Ông nói rằng nhân vật đang cầm chiếc máy quay đã nói lớn. Tôi sẽ gợi ý một cách khiêm nhường rằng không có chuyện như vậy xảy ra. Tại một chương trình giải trí, hiệu ứng tâm lí của bóng tối sẽ làm cho mọi người lên tiếng, một cách tự động, đúng hơn là làm cho họ thì thầm. Những tiếng thì thầm đó nghe như những giọng nói bình thường, thậm chí đôi khi họ còn nghe được âm thanh như những tiếng gầm lớn, ông sẽ đồng ý với tôi (nói điều này có vẻ hơi xúc phạm) nếu ông đi đến một rạp hát và nghe thấy vài gã ngớ ngẩn nói huyên thuyên sau lưng mình. Thực ra nó chỉ là tiếng thì thầm, mặc dù ông sẽ không tin trừ khi ông được nghe tiếng thì thầm dưới những điều kiện bình thường. Do đó tôi sẽ đưa ra một lí giải rằng khi nhân vật cầm máy quay nói, 'S-u-ỵ-t! Người Vô Hình,' nó là một tiếng thì thầm. Do đó ông đã bị lừa bởi vì tất cả những giọng nói nghe đều giống nhau khi chúng được nói với giọng thì thầm. Và ông đã nghe giọng của Harding bởi vì ông chưa bao giờ ngờ rằng giọng nói đó có thể là của một ai khác.

"Thực ra, Harding là lựa chọn hợp lí duy nhất cho vai trò người

đồng minh thứ hai. Chesney sẽ không chọn ông, giáo sư Ingram, người mà ông ấy đã tranh luận suốt nhiều năm. Ông ấy sẽ không chọn ông, bác sĩ Chesney, người mà ông ấy đã tranh cãi cả cuộc đời của mình, dù trên thực tế ông có cùng chiều cao với Emmet, ông ấy cũng sẽ tự động loại trừ ông ra. Không. Ông ấy sẽ chọn Harding tôn kính và nịnh hót mình, người sùng bái mọi từ ông ấy nói, người thỏa mãn lòng hư vinh của ông ấy, người tin tưởng những lí thuyết của ông ấy. Người, trên tất cả, có một chiếc máy quay phim hữu dụng hơn cách sử dụng thông thường rất nhiều.

“Nhân đây chúng ta đang được dẫn ngược trở lại một mũi tên khác chỉ thẳng về hướng Harding. Nếu có bất cứ điều gì mà chúng tôi đã liên tục được nghe trong vụ này, thì nó chính là thái độ tôn kính một cách cực đoan mà Harding luôn thành công thể hiện ra với Marcus Chesney. Nó chưa bao giờ dao động, chưa bao giờ dịu đi, chưa bao giờ chao đảo. Nó chưa bao giờ chao đảo, đúng thế, ngoại trừ tại một thời điểm mà nó không nên chao đảo. Màn trình diễn này là niềm tự hào sâu thẳm của Chesney. Ông ấy đã tiến hành nó một cách vô cùng nghiêm túc, và mong những người khác cũng làm điều tương tự. Nhưng vào một trong những thời điểm cao trào của màn trình diễn – sự bước vào ấn tượng của bác sĩ Nemo qua cánh cửa sổ kiểu Pháp – người (được cho là) Harding này, sau khi đã được cảnh báo một cách rõ ràng là phải giữ im lặng, lại thì thầm vẻ chế nhạo, ‘S-u-ỵ-t! Người Vô Hình.’ Sự hài hước đột ngột nhắm vào công sức của Chesney như vậy nghe có vẻ rất kì quái. Nó có thể chọc mọi người cười phá lên. Nó có thể làm hỏng cả chương trình. Nhưng người (được cho là) Harding này đã nói thế.

“Bây giờ, chỉ trong giây lát, tôi muốn chỉ cho các bạn thấy tại sao bản thân câu nói đó lại có thể chứng minh được vụ án bất lợi với Harding. Nhưng từ đầu, đây là tất cả những điều tôi nghĩ được: giả thiết đó sai lầm rồi. Việc Wilbur Emmet giả làm Harding trong vị trí khán giả ấy. Và, cũng như Harding, Emmet sẽ không nghĩ đến chuyện

tỏ ra hài hước trước công sức của Chesney – lấy đền thờ của Eleusis ra đảm bảo, thế nên điểm này cũng phải được sắp đặt trước. Thậm chí cả những từ đó cũng là một phần của buổi diễn; và chúng ta trở lại với câu hỏi cũ, *'Ai/hay những ai đã lên tiếng? Họ đã nói gì?'*

"Tôi không nói trước được điều gì, các quý ông. Tôi đang kể với mọi người điều mà chỉ mới hé lộ đây thôi. Đây là cách mà dòng ý tưởng của tôi chảy khi Elliot lần đầu kể với tôi câu chuyện. Lúc đầu, tôi không dám cho anh ấy quá nhiều hi vọng rằng Harding là kẻ có tội…"

Bác sĩ Chesney nhìn chằm chằm cả hai bọn họ.

"Hi vọng?" ông hỏi, với một cái chớp mắt đầy ngờ vực. "Hi vọng gì? Tại sao cậu ta lại hi vọng Harding có tội?"

Tiến sĩ Fell đằng hắng với một tiếng đằng hắng dài dòng.

"E hèm," Ông nói. "Lỡ lời thôi. Chúng ta tiếp tục nhé?

"Nhưng mặc dù thế, dù kiên quyết không cân nhắc đến động cơ gây án, không cân nhắc đến bất kì sự suy xét nào khác ngoại trừ yếu tố logic thuần, rõ ràng Harding vẫn là người duy nhất có thể đóng phần vai của bác sĩ Nemo.

"Hãy nhìn vào thời gian biểu mà chúng ta có này. Trong hai mươi giây hoàn toàn tối thui giữa lúc đèn được tắt đi và lúc Chesney mở cánh cửa đôi, Emmet có thể đã lẻn vào Phòng Nhạc qua cửa sổ kiểu Pháp. Sau đó anh ta cầm máy quay thế chỗ Harding, người sẽ lẻn ra ngoài qua cùng một cửa sổ để mặc đồ hóa trang của bác sĩ Nemo vào. Sự thay thế này sẽ mất không hơn hai hay ba giây. Mặc dù như thế, còn thêm bốn mươi giây nữa mới tới lúc bác sĩ Nemo vào phòng làm việc. Khoảng thời gian này cho Harding gần một phút để mặc đồ hóa trang. Và giáo sư Ingram sẽ cho các bạn biết danh sách rõ ràng những điều có thể làm trong vòng một phút.

"Sau ba mươi giây trong văn phòng, Nemo đi ra. Tiếp theo chúng ta

hãy xem xét đến việc tráo đổi trở lại, khi Harding trở lại phòng. Làm thế nào chuyện này có thể hợp lí với thời gian biểu mà chúng ta có?

"Giờ, về điểm này thì tôi vẫn chưa được thấy trong cuộn phim. Nhưng Elliot đã dẫn lời khai của Harding cho tôi. Harding đã nói: 'Ngay sau khi gã đội mũ chóp cao đó bước ra ngoài khung hình, tôi có nhìn lên, và bước lùi lại, sau đó tắt máy quay.' Nói cách khác, đó là những gì mà Wilbur Emmet (đang giả làm Harding) thực sự đã làm. Anh ta đã dừng việc quay phim ngay lúc bác sĩ Nemo rời văn phòng. Nhưng tại sao? Màn trình diễn vẫn chưa kết thúc, các anh biết đấy. Marcus Chesney vẫn phải ngã về phía trước để đóng giả cái chết đầy bi kịch của chính mình, và sau đó thức dậy và đóng cánh cửa xếp lại. Chesney đang cho họ rất nhiều thời gian để tráo đổi trở lại.

"Dường như rõ ràng rằng Emmet, sau sự ra đi của Nemo, đã ngay lập tức 'bước lùi lại', vượt qua đường kẻ tầm nhìn của những người khác, và lẻn ra ngoài Phòng Nhạc để gặp Harding. Đó là kế hoạch của họ, kế hoạch của Marcus Chesney. Nhưng Harding (nếu giả thuyết của tôi là đúng) lại có một sự biến đổi thú vị cho kế hoạch đó. Anh ta sẽ chỉ hoàn tất việc cho Chesney một viên nhộng độc. (Dĩ nhiên chưa bao giờ có nhiều hơn một viên nhộng cả. Cuộc tranh luận về viên nhộng thứ hai là hoàn toàn không cần thiết. Nếu Harding được sắp xếp để đóng vai của bác sĩ Nemo, thì tại sao lại cần sự có mặt của viên nhộng thứ hai? Chỉ có một viên thôi: viên đã được giao trước cho Harding, và viên mà hắn ta đã tiêm axit xyanhydric vào.) Sau khi thực hiện điều này, Harding đã sẵn sàng để thay đổi kế hoạch ban đầu.

"Vào lúc Nemo đi ra, Wilbur Emmet dừng quay phim và lẻn ra qua cửa sổ Phòng Nhạc. Harding, trái ngược với lúc mặc vào, chỉ cần vài giây để cởi đồ hóa trang trên người ra, đang chờ sẵn ở đó. Ngay phía bên kia luống cỏ rậm rạp và được bóng cây che chở, là một que cời lửa đã chờ sẵn trong nhiều giờ liền. Harding – đồ ngụy trang thành Nemo của hắn ta bị ném thành đống gần cửa sổ văn phòng – giờ đây đang chờ cạnh cái cây đó. Hắn ta vẫy gọi Emmet đến. Hắn ta lấy chiếc

máy quay. Hắn ta diễn kịch câm và chỉ về phía ngôi nhà. Khi Emmet quay đi, Harding, với bàn tay được bọc trong một chiếc khăn, tấn công anh ấy bằng chiếc que cời lửa. Sau đó hắn ta lẻn trở lại Phòng Nhạc trước khi đèn bật sáng. Thời gian (như giáo sư Ingram đã ước lượng) là khoảng năm mươi giây."

Giáo sư Ingram đang lắc xúc xắc kêu lách cách trong chiếc tách. Ông cau mày, lắc đầu.

"Hợp lí. Tôi thừa nhận. Hắn ta có đủ thời gian. Nhưng không phải như thế thì hắn ta đang đối đầu với một mối nguy hiểm điên cuồng hay sao?"

"Không," tiến sĩ Fell nói. "Hắn ta không phải đối mặt với nguy cơ nào cả."

"Nhưng giả sử là ai đó – tôi hay bất kì ai khác – lỡ bật đèn lên quá sớm thì sao? Giả sử như đèn được bật lên trước khi hắn ta kịp trở lại Phòng Nhạc thì sao?"

"Ông đang quên mất Chesney rồi," tiến sĩ Fell nói một cách buồn bã.

"Ông đang quên rằng trên thực tế người đàn ông đó mới là người đã lên kế hoạch sát hại chính mình. Trên tất cả mọi người, ông ấy mới là người muốn Harding trở về một cách an toàn trước khi đèn được bật lên. Kế hoạch của ông ấy có thể bị hủy hoại, ông ấy có thể trở thành trò cười, nếu như Harding bị bắt. Điều đó phải được ngăn chặn. Ông có nhớ, khi tôi nói vừa mới nãy, rằng Chesney đã diễn thêm một đoạn ngoài kế hoạch – ngồi yên lặng tại bàn làm việc của mình một lúc, và sau đó lấy lại vẻ mặt bình thường: đây rõ ràng là một việc không được chuẩn bị trước, vì trong danh sách không có câu hỏi nào được hỏi về nó – ông ấy đã ứng biến diễn thêm một đoạn sau khi Nemo rời đi. Điều đó cho Harding thời gian. Khá rõ ràng là Harding đã đưa ra một loại tín hiệu được chuẩn bị trước nào đó, như tiếng ho chẳng hạn, để Chesney biết anh ta đã trở lại Phòng Nhạc. Sau đó Chesney khép màn bằng việc đóng những cánh cửa lại. Có thể khi tấn

công Emmet, Harding đã tốn ít hay nhiều thời gian hơn. Có thể hắn ta mất hai mươi giây hay một trăm hai mươi giây. Nhưng Chesney sẽ không kết thúc buổi diễn cho tới khi hắn ta trở lại."

"Khốn kiếp!" Joe Chesney bất ngờ gầm lên, đập mạnh nắm tay xuống mặt bàn chơi bài làm những tấm thẻ của trò cờ thỏ cáo nhảy lên. "Vậy là toàn bộ thời gian đó hắn đơn giản chỉ lững thững chơi đùa với tâm lí rằng hắn chắc chắn sẽ không bị phát hiện?"

"Đúng vậy."

"Tiếp tục," giáo sư Ingram lặng lẽ nói.

Tiến sĩ Fell khịt mũi. "Tiếp theo, là về việc sáng nay. Và, như các bạn có thể hiểu, tôi đã rất nóng lòng coi cuộn phim đó – cuộn phim tôi nghĩ Emmet là người quay. Harding, ngay trước khi tôi gặp phải thất bại đầu tiên của mình, bắt đầu tỏ ra tò mò về việc liệu những màu sắc trong đó có rõ ràng hay không. Anh ta là một nhà nghiên cứu hóa học. Lúc nào anh ta cũng có thể sản xuất ra axit xyanhydric. Anh ta chỉ có một mình trong những vụ án đó, anh ta hẳn phải biết mưu mẹo để ngay lập tức đeo vào và tháo đôi găng tay bằng cao su ra. Tôi không biết liệu mọi người có từng thử làm điều đó bao giờ chưa. Để đeo găng tay cao su vào thì tương đối dễ dàng, miễn là bên trong chúng khô ráo. Nhưng để tháo chúng ra một cách nhanh chóng thì gần như là không thể nếu bạn không biết một thủ thuật. Bạn không thể cởi chúng ra bằng hành động kéo tay ra như cách thông thường. Bạn sẽ chỉ kéo căng dữ dội da thịt mình hoặc chịu đựng ngón tay bị giật mạnh trong đau đớn. Bạn phải cuộn cái găng lại từ cổ tay vì chúng sẽ cuộn tròn một cách trật tự đến cuối. Tôi đã phô bày tầm quan trọng của việc này với thanh tra Elliot và dường như anh ấy bị bất ngờ về điều đó.

"Nhưng hình ảnh tên sát nhân Harding đến như một dấu hiệu rõ ràng, khắc sâu, thậm chí còn trước khi chúng tôi xem cuộn phim. Nó trở nên rõ ràng từ cuộc đối thoại của Elliot với cô Wills trong căn phòng phía trên cửa hàng dược phẩm của Stevenson. Tôi đã nghe lỏm

cuộc đối thoại đó, thưa quý ông. Tôi đã lắng nghe mà không hề có lòng tự trọng hay sự xấu hổ nào. Có một tấm màn treo những những cánh cửa đôi ngăn giữa phòng nghỉ và phòng ngủ. Và phía sau tấm màn đó, trong phòng ngủ, tôi (nếu các bạn có thể tưởng tượng như một cuộc diễn tập quân sự) trốn ở đó.

“Đến lúc đó tôi không biết gì về Harding ngoại trừ những điều được nghe Elliot kể lại. Nhưng ngay khi ấy, như bị sét đánh, tôi bắt đầu nhận ra điều gì đó! Elliot đã đảm bảo với tôi rằng Harding chưa bao giờ nghe về Sodbury Cross cho tới khi anh ta gặp cô Wills trên chuyến đi đến Địa Trung Hải. Tôi thì tìm ra rằng, ngược lại, anh ta đã biết cô ấy một thời gian dài trước đó, rằng anh ta đã gặp cô ấy từ trước vụ đầu độc ở cửa hàng của bà Terry, và rằng cô ấy từng đi lên London để gặp anh ta. Vui lòng đừng trông có vẻ giật mình quá thế, quý ông,” tiến sĩ Fell gắt gỏng nói, “và kiềm chế bớt sự bốc đồng của ông đi, bác sĩ Chesney, kiềm chế cả cái ý định muốn đập chiếc bàn là đó vào đầu tôi nữa. Cả những người giúp việc trong căn nhà này cũng biết điều đó. Hãy hỏi họ ấy.

“Nhưng thông tin thiết thực nhất mà việc này mang lại là nó cho tôi thấy cái nhìn thấu đáo vào hai mặt tính cách của anh George Harding. Bạn không thể trách cứ anh ta, dĩ nhiên, vì đã muốn quanh co che giấu gia đình Marjorie rằng anh ta quen biết với cô từ trước, mặc dù nói một cách hoa mĩ thì chuyện đó có vẻ phức tạp hơn nhiều. Nhưng tôi có thể khiển trách anh ta, và thanh tra Elliot có thể đã giết anh ta, vì đã đề nghị một cách đáng thương rằng dù sao đi nữa anh ta cũng cần một kì nghỉ, rằng anh ta có thể đi nước ngoài, và rằng tốt hơn cô ấy nên chi trả chi phí cho toàn bộ chuyến đi của anh ta trong khi anh ta gặp gỡ với gia đình cô. Nhưng đó không phải là tất cả. Thưa quý ông, tôi đã đứng trong phòng ngủ của người dược sĩ và tôi (nếu chuyện này đáng tin) đã hoàn toàn sửng sốt. Tôi đã thấy những ảo ảnh và tôi đã nghe thấy những giọng nói. Tôi nghĩ tôi đã ngửi được mùi những chiếc ổ khóa của Wainewright. Tôi nghĩ về hồn ma của Warren. Waite

thì ngồi trên chiếc ghế xích đu. Tôi nghĩ tôi đã thấy, như những nữ thần báo tử, bên ngoài khung cửa sổ là đôi mắt hút hồn của Richeson và cái đầu hói vĩ đại của Pritchard.

“Nhưng vấn đề này còn có một khía cạnh khác. Dù George Harding có là gì đi chăng nữa, anh ta cũng là một diễn viên xuất sắc. Giờ, tôi đã được nghe về cảnh tượng nhỏ ở Pompeii. Chỉ một điều: đừng bận tâm làm sao tôi nghe được chuyện đó. Nhưng, nếu những điều tôi vừa mới biết được bằng cách nghe trộm ở cửa hàng dược phẩm là đúng, thì hãy nghĩ qua xem cảnh tượng ở Pompeii có thể có ý nghĩa thế nào! Nghĩ về Harding, một cách vững vàng, ngây ngô và quả cảm, đứng giữa các bạn và để các bạn kể với *anh ta* về Sodbury Cross. Nghĩ về cách anh ta khởi đầu chủ đề về những người đầu độc và hối thúc sự khôn ngoan của các bạn cho tới khi các bạn kể hết mọi chuyện cho anh ta: ‘Cháu nghĩ thời đó việc đầu độc hàng loạt diễn ra khá dễ dàng.’ Nghĩ về việc anh ta trở nên bất ngờ, cách anh ta vội vàng cất quyển sách hướng dẫn du lịch đi với vẻ hơi có lỗi, khi anh ta nhận ra rằng anh ra đã sai lầm khi khơi lên một chủ đề đau đớn của các bạn. Nghĩ về…

“Dù sao, không cần phải bị áp lực gì cả. Nhưng hãy để cảnh tượng còn đọng trong tâm trí các bạn trở thành một loại biểu tượng của tất cả mọi thứ theo sau đó. Nó tạo thành một bức tranh nhỏ gọn gàng về tâm trí của Harding. Nhờ vào toàn bộ thái độ đạo đức giả trong mọi điều mà anh ta đã nói và làm ở đó, cách anh ta kéo đẩy, lôi đi và áp đặt, tôi đã thấy anh ta (trong tập đoàn những hồn ma của tôi) nhận được sự đón chào nhiệt liệt bên cạnh Willie Palmer thần thánh.

“Tôi sẽ nói bớt siêu hình hơn. Tiếp theo chúng ta đã được xem cuộn phim: và chuyện đó xé rách mọi thứ. Cú trượt ngã quá tệ đến nỗi tôi đã nghĩ rằng Harding lúc đó không còn liên quan gì đến vụ án này nữa.

“Giờ, tất cả các bạn đã được xem đoạn phim. Nhưng có một điều, khi chúng tôi xem nó lần đầu tiên, vài người trong chúng tôi có xu

hướng coi nhẹ nó. Đúng là vậy. Nếu chúng ta chấp nhận câu chuyện của Harding, nếu chúng ta đồng ý rằng anh ta là người quay bộ phim, nếu chúng ta chấp nhận bằng chứng ngoại phạm của anh ta và không nghi ngờ anh ta có bất kì âm mưu đen tối nào: chấp nhận tất cả chuyện này. Nếu thế thì *cuộn phim đó chính là tầm nhìn của anh ta.*

“Các anh theo được điều đó chứ?” tiến sĩ Fell hỏi với vẻ cực kì nhiệt tình. “Cuộn phim tạo nên những gì anh ta đã thấy, và là tất cả những gì anh ta đã thấy. Nó là tầm nhìn của riêng anh ta về những điều đã xảy ra trong phòng làm việc. Nó như thể chúng ta có một bản ghi hình, từ hình ảnh của tâm trí chính anh ta. Do đó, chúng ta chỉ có thể thấy chỉ những gì mà chính bản thân Harding đã thấy.

“Giờ, xem lại lời khai của những nhân chứng khác và của chính Harding nào, chuyện gì đã xảy ra? Trở về khởi điểm màn trình diễn của Chesney xem nào. Nhân vật kì cục trong chiếc mũ cao bước vào từ cửa sổ. Khi nó bước tới, Harding thì thầm, ‘S-u-ỵ-t! Người Vô Hình,’ và nhân vật này quay lại và nhìn vào khán giả.

“Nhưng chúng ta thấy gì trong cuộn phim? Chúng ta thấy rằng, khoảnh khắc nhân vật kia xuất hiện trong cuộn phim, nó không có *hành động* quay lại nhìn vào chúng ta. Nó xuất hiện, nó quay đi, và đây là cái nhìn đầu tiên của chúng ta về bác sĩ Nemo. Không nghi ngờ gì, sự quay đi và nhìn vào chúng ta xảy ra ngay sau khi Harding nói, ‘S-u-ỵ-t! Người Vô Hình,’ vì đó là lần duy nhất mà bác sĩ Nemo nhìn về phía khán giả. Nhưng làm sao Harding lại đột nhiên sử dụng những từ đáng chú ý đó, hoặc bất kì từ nào khác? Trước thời điểm đó chúng ta không thể thấy Người Vô Hình; và anh ta cũng không vì đang nhìn vào chiếc máy quay.

“Anh ta không thể nhìn ra chiếc cửa sổ kiểu Pháp được. Anh ta đang ở quá xa về bên trái. Vậy nên chúng ta cũng không thể nhìn được. Chúng ta không thể thấy nhân vật đi vào, chúng ta không thể thấy nó quay lại nhìn vào chúng ta. Vậy làm sao (hãy tự hỏi) mà Harding biết bác sĩ Nemo trông như thế nào? Làm sao anh ta có thể

đưa ra một miêu tả rất chính xác về bác sĩ Nemo trước khi bác sĩ Nemo đến được tầm quay của khung hình?

“Và câu trả lời thì không phức tạp lắm. Bất cứ ai đang cúi mình ở đó với chiếc máy quay, người đó là người đồng mưu biết trước màn trình diễn. Anh ta đã biết trước bác sĩ Nemo trông thế nào. Anh ta đã được chỉ định thì thầm những từ đó. Anh ta đã thấy sự quay đầu của Chesney, đã biết đây chính là lúc, và thì thầm những từ đó sớm trước vài giây so với kế hoạch, khi mà những người khác có thể nhìn thấy bác sĩ Nemo nhưng anh ta thì không thể. Vì sau đó Harding đã thề sống thề chết rằng anh ta có nói những từ đó, vì thế anh ta là một kẻ đồng mưu dù anh ta hay Emmet là người đã quay cuộn phim. Điều này khẳng định lại niềm tin ban đầu của tôi rằng Emmet đã quay phim và Harding đã đóng vai bác sĩ Nemo trên sân khấu.

“Tại lúc xem trước cuộn phim chiều nay, tôi đã định lớn tiếng tuyên bố điều này. Tôi đã bóng gió ngay lúc thiếu tá Crow vô tình đề cập đến sự thật bằng cách nói rằng Marcus Chesney thực ra đã lên kế hoạch theo cách mà kẻ giết người có thể ám hại ông ấy. Điều đó đúng, mặc dù Crow đã áp dụng nó vào một chuyện khác. Nhưng cũng chính vào lúc đó giả thuyết của tôi đã sụp đổ.

“Chúng ta đã nhìn thấy Bác sĩ Nemo một cách rõ ràng trong cuộn phim.

“Và hắn ta cao sáu feet.

“Hắn ta không chỉ cao sáu feet, mà hắn còn được xác định là Wilbur Emmet qua dáng đi đặc biệt của mình.

“Và tôi đã nhận được một cú đánh mạnh vào sườn bụng, và tôi mất vài giờ mới hồi phục lại được.

“Tôi giới thiệu với các anh về công dụng của tính khiêm tốn. Nó là một công dụng dễ chịu. Tôi đã quá đỗi chắc chắn về suy đoán của mình: nó không chỉ xây dựng lên thành lũy của tôi mà còn trát vữa vào gạch để gắn chặt chúng lại với nhau. Mãi đến khi chúng tôi tìm thấy

hộp đựng bóng đèn chụp ảnh trong ngăn kéo bàn của cô Wills chiều muộn hôm nay thì tôi mới nhận ra: một lần nữa, thêm một lần nữa, và trong vô số lần, chúng tôi lại bị lừa bởi những thủ thuật tinh vi *khác* của Chesney. Nó là trò cuối cùng, nhưng nó đã khiến cho kế hoạch của Harding được an toàn.

"Dĩ nhiên, có một vấn đề đã làm khó chúng ta trong khoảng thời gian qua. Đừng bận tâm đến việc ai là kẻ giết người: dù hắn ta là ai, tại sao hắn ta lại không phá hủy cuộn phim? Hắn ta có rất nhiều cơ hội để phá hủy nó mà không bị phát hiện. Nó nằm ngay đó, hớ hênh trong một căn phòng rỗng. Bất kì ai cũng có thể làm hỏng nó trong vòng năm giây bằng cách phơi nó ra dưới ánh sáng. Không có kẻ giết người nào, thậm chí là một kẻ điên, lại có thể muốn cảnh sát nghiền ngẫm cuộn phim thực về hành vi giết người của hắn. Nhưng hắn không hề đụng vào nó. Nếu tôi khôn ngoan hiểu được dấu hiệu rõ ràng này ngay từ đầu, tôi nên thấy được rằng cuộn phim đã bị đẩy vào tay chúng ta, nhấn vào chúng ta một cách dịu dàng, bởi vì nó không phải là cuộn phim thật quay lại vụ án.

"Trong thực tế, đó là cuộn phim quay lại buổi diễn tập mà Chesney, Emmet, và Harding đã dàn dựng vào chiều hôm đó – buổi chiều trước buổi diễn chính thức – với Emmet trong vai bác sĩ Nemo.

"Chiếc bóng đèn chớp dùng để chụp ảnh đã tố cáo chuyện đó. Thực ra tôi đã đặt câu hỏi một cách mơ màng, tò mò và hoàn toàn bối rối về những cái bóng đèn đó từ trước rồi. Điều thu hút tôi là lời tường thuật tôi được nghe, rằng cô Wills hoàn toàn kinh ngạc khi được biết cái bóng đèn tròn đó đã bị cháy. Tại sao cô ấy lại phải ngạc nhiên? Câu hỏi này, hoàn toàn có khả năng, không hề quan trọng. Nhưng nó là câu hỏi có tính chất quyết định như việc nhấn một cái nút quan trọng khi một cánh cửa bị kẹt dai dẳng. Bây giờ, cô ấy đã mua cái bóng đèn vào sáng hôm đó. Nó đã không được sử dụng cho tới tối hôm đó. Mà trong tối đó thì nó đã được sử dụng trong bao lâu?

"Việc đó rất dễ xác định. Buổi biểu diễn của Chesney bắt đầu

(khoảng) mười hai giờ năm phút. Cái bóng đèn được bật. Nó được bật cho tới khi cảnh sát đến vào lúc mười hai giờ hai mươi lăm phút, đó là lúc mà (các anh nhớ không?) nó được tắt đi. Khoảng thời gian cái bóng được bật lúc đó là hai mươi phút. Nó được bật lại lần nữa, rất ngắn ngủi, khi cảnh sát kiểm tra nhanh căn phòng trước khi họ bị cắt ngang bởi ông, giáo sư Ingram. Dù thế nào đi nữa, nó lại bị tắt đi, sau khoảng vài phút ngắn ngủi: chưa tới năm phút. Lần thứ ba và cũng là lần cuối cùng nó được bật lên là khi bác sĩ khám nghiệm tử thi và người chụp ảnh hiện trường đến. Khoảng thời gian đó cũng rất ngắn, chỉ đủ dài để Elliot giải thích cho thiếu tá Crow về chiếc túi quặp lò xo, và để cho họ thực hiện một cuộc kiểm tra chiếc đồng hồ trên bệ lò sưởi. Sau đó nó hết cháy. Có thể cho rằng khoảng thời gian đó là năm phút nữa.

“Kể cả khi tất cả những khoảng thời gian đó chỉ là ước đoán, nhưng vẫn có một sự khác biệt quá lớn. Chiếc bóng đèn đó dừng cháy chỉ sau tổng cộng nửa giờ sử dụng. Trong khi nhà dược sĩ Stevenson đã đảm bảo với tôi rằng những chiếc bóng đó có thể sáng tốt trong hơn một giờ đồng hô.

“Chiếc bóng đèn dừng cháy sau nửa giờ đồng hồ sử dụng bởi vì ai đó đã sử dụng nó trước đó, một thời điểm nào đó sớm hơn trước khi buổi trình diễn bắt đầu trong ngày hôm đó.

“Sự thật giản đơn đó đập thẳng vào mặt tôi khi tôi tìm thấy chiếc hộp các tông trong ngăn kéo. Cô Wills đã mua cái bóng đèn vào buổi sáng hôm đó, và đặt nó vào ngăn kéo. Sau đó *cô ấy* không hề sử dụng nó, bởi vì chúng tôi biết được từ những người giúp việc là cô ấy đã đi sang nhà giáo sư Ingram vào buổi sáng và ở đó cho tới chiều muộn; và, trong bất cứ trường hợp nào, chúng tôi bị ấn tượng hết lần này đến lần khác rằng cô ấy không bao giờ tìm tòi về nhiếp ảnh.

“Trên thực tế, chúng tôi đã tin rằng không có bất kì ai sử dụng cái bóng đèn cho tới khi Pamela được bảo lên lầu lấy cái bóng đèn vào lúc mười hai giờ kém mười lăm tối hôm đó. Nhưng như tôi vừa chỉ ra, chuyện này không thể là thế được. Và nó được nhấn mạnh thêm bởi

một lí do khác. Chúng tôi đã tìm thấy chiếc hộp các tông chứa cái bóng. Bây giờ, nếu Pamela được bảo đi lên cầu thang lấy cái bóng đèn, và cái bóng vẫn còn nguyên kiện trong chiếc hộp, cô ấy sẽ phải mang cả chiếc hộp xuống. Nhưng cô ấy đã không làm thế, cô ấy đã chỉ mang một mình chiếc bóng đèn xuống. Điều này có nghĩa là chiếc hộp đã được mở rồi, và nghĩa là chiếc bóng đèn đó hoặc đang nằm ngay ngoài ngăn kéo, hoặc nằm trong một chiếc hộp đã mở sẵn.

"Mọi chuyện vậy là đã rõ ràng, tôi đảm bảo với các bạn, rằng Chesney, Emmet, và Harding hẳn đã dành thời gian lâu dài luyện tập cẩn thận cho màn trình diễn nhỏ này. Mọi chuyện phải diễn ra mà không gặp khó khăn nào. Và câu hỏi là, họ đã diễn tập khi nào? Rõ ràng là vào chiều hôm đó. Đó là lúc Chesney có cái bóng đèn được mua vào buổi sáng. Cô Wills thì vắng mặt vào buổi chiều. Và anh, bác sĩ Chesney, dù sao cũng không sống ở đây, không có lí do nào anh lại ở đây lúc đó cả. Nhưng Harding thì lại ở nhà: chúng tôi đã nghe điều đó từ người giúp việc.

"Giờ các bạn đã nắm được bản chất trò lừa đảo cuối cùng của Chesney, màn chơi khăm cuối cùng của ông ấy dành cho khán giả. Ông ấy đã định đánh lừa các bạn thậm chí ngay cả khi tất cả những điều có thể lừa được kết thúc. Bằng cách để Harding quay sẵn cuộn phim của màn trình diễn từ trước – *một màn trình diễn có những thay đổi tinh tế nhưng sẽ tạo nên sự khác hiệt hoàn toàn với màn trình diễn thật* – ông ấy đã giữ cho mình một lợi thế lớn. Ông ấy sẽ nói, 'Chà, mọi người thấy đáp án rồi đấy. Giờ hãy xem chuyện gì đã thực sự xảy ra. Chiếc máy quay phim không thể nói dối.' Nhưng chiếc máy quay phim đã nói dối các bạn. Với nó thì Emmet là người đã đóng phần vai của bác sĩ Nemo, và những từ mà Chesney nói đã hoàn toàn khác đi mặc dù số lượng âm tiết là như nhau. Tôi mơ hồ tin rằng sự lừa gạt này được thực hiện để nhắm vào tôi. Trong một vài ngày nữa, mọi người biết đấy, ông ấy định mời tôi đến xem buổi trình diễn này. Sau đó ông ấy sẽ nói với tôi, 'Giờ hãy nhìn vào đoạn phim chúng tôi đã quay lại buổi

trình diễn hôm đó.' Và (có lẽ) tôi cũng sẽ bị lừa bịp, trong khi ông ấy, luôn luôn cố nín cười, sẽ nói từ màn hình rằng, 'Tôi không thích ông, tiến sĩ Fell.' Ông ấy thừa nhận khá nhiều trong bức thư của mình. 'Sau này hãy cho họ xem một bản ghi hình trắng đen về việc đó, và họ sẽ tin ông. Nhưng ngay cả như thế thì sau đó họ cũng sẽ không thể nào giải thích một cách chính xác những điều mà họ đã nhìn thấy.'

"Trao cuộn phim bị tráo đổi cho chúng ta là một trong những sai lầm cừ khôi và tuyệt vời nhất của George Harding. Dĩ nhiên, hẳn phải có một chiếc máy quay giống hệt. Hắn ta để Emmet quay cuộn phim với một chiếc máy, hắn ta lại nhẹ nhàng đưa cho chúng ta một chiếc máy quay khác với một bản ghi hình khác. Có lẽ các bạn sẽ dễ chịu hơn khi biết rằng Bostwick đã tìm thấy chiếc máy quay kia bị giấu trong phòng hắn, với cuộn phim, kì diệu là không hề bị phá hủy. Và rằng một chút kiêu ngạo thuần túy đó sẽ đưa hắn ta tới cái chết.

"Nhưng lời giải về hai cuộn phim vừa cung cấp câu trả lời cuối cùng lại vừa mang đến câu hỏi cuối cùng. Trong một thời gian dài tôi đã mơ hồ tự hỏi rằng: có phải sự thực George Harding quay hình từ tít bên trái *chỉ là* một sự biểu thị cho thấy hắn ta muốn đứng gần những cái cửa sổ không? Và vẫn có một nguyên nhân khác ở đây. Hắn ta không đặt máy gần cửa sổ, nơi mà hắn có thể quay phim cửa sổ của phòng làm việc mà Nemo đã xuất hiện, bởi vì hắn ta không dám ghi hình nơi đó. Điều này sẽ cho thấy ánh nắng chiều – khi hắn quay cuộn phim diễn tập – sáng rực khi Nemo bước vào. Những cửa sổ của văn phòng quay về hướng tây, và ngày hôm qua là một ngày rực nắng. Vậy nên hắn ta phải đứng ở một bên. Tương tự vậy, Emmet phải đứng ở một bên khi màn trình diễn được thực hiện. Khi thanh tra Elliot đột nhiên nhận ra mọi chuyện từ câu hỏi về chiếc bóng đèn chụp ảnh, anh ấy cũng đánh trúng ý nghĩa của điều mà chúng ta có thể gọi là Tư Thế Chụp Ảnh Tay Trái. Và bức tranh sự thật đã hiện ra một cách rõ ràng và đơn giản hơn bao giờ hết."

Elliot lầm bầm gì đó. Tiến sĩ Fell, với chiếc tẩu thuốc đã cháy hết,

uống sạch li bia của mình.

“Giờ chúng ta hãy tổng hợp lại tình cảm đầy đau đớn của George Harding và Marjorie Wills.

“Harding đã lên kế hoạch cho một loạt các vụ án máu lạnh một cách thông minh và man rợ từ vài tháng trước chỉ vì một động cơ: lợi ích về tài chính. Đầu tiên hắn ta cố ý trương ra rằng dù kẻ đầu độc ở Sodbury Cross là ai, thì không thể nào là George Harding được. Phương pháp tấn công của hắn ta không hề mới. Nó đã được làm thử trước đây. Tất cả các bạn đã được biết về vụ của Christiana Edmunds vào năm 1871. Tôi đã nói với Elliot rằng có một bài học trong câu chuyện đó, nhưng vài người trong các bạn đã thảo luận về vụ án và kiên quyết không nhìn thấy bài học đó. Bài học đó không phải là: cảnh giác với người phụ nữ theo đuổi những bác sĩ. Bài học ở đây là: phải cảnh giác với kẻ có thể ngẫu nhiên đầu độc những người vô tội chỉ đơn thuần để cho cảnh sát thấy rằng hắn ta không thể là kẻ đầu độc được. Đó là những gì Christiana Edmunds đã làm, và đó là những gì George Harding đã làm.

“Trong tính kiêu căng khôn cùng, một sự kiêu ngạo có thể so sánh với của Palmer hay của Pritchard, hắn ta tin rằng mình có thể làm mọi việc một cách chính xác như khi hắn làm vui lòng Marjorie Wills. Tôi công nhận rằng hắn có lí do để nghĩ vậy. Một người phụ nữ chi trả chi phí cho bạn trong kì nghỉ kéo dài tới vài tháng trời, công bằng mà nói, có thể miêu tả là một người hay chiều theo đàn ông hoặc thậm chí là một người yêu mê mẩn. Và cuối cùng thì, hắn ta sẽ trở thành chồng hợp pháp của một người phụ nữ giàu có.

“Marcus Chesney là một người đàn ông giàu có, và cô Wills là người thừa kế của ông ấy. Nhưng cho tới khi Chesney (một người đàn ông dẻo dai, theo đúng nghĩa của từ này), cho tới khi Chesney chết, Harding hầu như không có hi vọng được một cắc bạc nào. Hắn luôn biết điều này, và tôi cho rằng Chesney đã làm rất rõ ràng về chuyện đó với hắn ta. Harding thực sự muốn bắt đầu khởi động quy trình mạ

điện mới của mình trên diện rộng, và theo những gì tôi biết thì nó có thể là một quy trình rất tốt, mặc dù nó là một loại xử lí bằng điện mà tôi muốn áp dụng lên người hắn ta hơn. Hắn ta nghĩ mình là một người đàn ông vĩ đại, người phải có được quy trình đó, vậy nên Marcus Chesney phải bị loại trừ.

"Hắn ta luôn nghĩ về điều đó, tôi nghi ngờ, từ lần đầu tiên hắn ta gặp Marjorie. Do đó hắn đã 'trồng' một kẻ đầu độc ở Sodbury Cross, các anh biết đấy. Một chuyến ghé thăm cửa hàng của bà Terry, trong bất cứ bộ dạng hóa trang nào, sẽ giúp hắn nghiên cứu cách bố trí và vị trí của những chiếc hộp sô cô la. Một chuyến ghé thăm vài ngày sau đó sẽ cho phép hắn tráo đổi những chiếc hộp. Hắn ta đã sử dụng strychnine vì một nguyên nhân có cân nhắc trước – bởi vì nó là một trong một vài loại độc mà một nhà nghiên cứu hóa học không phải giải trình. Hắn ta mua nó ở chỗ nào chúng ta không biết, nhưng cảnh sát hầu như không thể theo dấu chất độc đó: người ta sẽ chưa bao giờ nghe đến George Harding cả."

"Cám ơn," thiếu tá Crow nói.

"Chúng ta cũng không biết kế hoạch ban đầu của hắn ta để loại bỏ Chesney là như thế nào. Nhưng đập vào mặt hắn ta, một món quà từ thiên đường, một cơ hội đầu độc Chesney mà nạn nhân của hắn trên thực tế lại khuyến khích và hợp tác với hắn. Ngoài ra, Chesney đã khám phá ra thủ thuật với những chiếc hộp sô cô la, và Harding buộc phải gấp rút thực hiện tội ác của mình. Hơn nữa, Chesney chưa bao giờ nghi ngờ Harding dù chỉ trong phút chốc. Nhưng ông ấy không được đi quá xa với cuộc điều tra của mình, hoặc ông ấy có thể tiết lộ quá nhiều. Giờ đây, có một điều khiến Harding lo lắng hơn. Nếu hắn ta tiến hành việc sát hại theo cách đó, hắn ta phải sử dụng một chất độc có thể tấn công và giết người gần như ngay lập tức. Điều đó có nghĩa là nó phải là một trong các loại xyanua. Hắn ta đang làm việc với axit xyanhydric, và nghi ngờ sẽ lập tức chĩa về phía hắn.

"Hắn đã tránh né việc đó bằng một kĩ năng diễn xuất tuyệt vời.

Chiều nay tôi nói xin lỗi vì đã bảo các anh rằng Harding không lấy chất độc từ phòng thí nghiệm của mình. Hắn ta đã không làm thế. Hắn ta đã sản xuất nó ngay tại đây. Căn nhà này, như các anh đã chú ý, và đặc biệt là khu đất quanh đây, bị ám mùi hạnh nhân đắng nhàn nhạt. Một trong những khó khăn về việc che đậy axit xyanhydric là nó luôn có mùi nhẹ dù chúng ta đã đậy kín nút, nhưng mùi này sẽ không bao giờ được chú ý tại Bellegarde trừ khi có ai đó hít một hơi sâu từ chai dung dịch đang để mở. Vậy nên hắn ta đã sản xuất axit xyanhydric, và hắn ta cố tình để lại một ít trong tủ phòng tắm. Hắn ta làm điều đó để chỉ cho mọi người thấy rằng bất kì ai, với một ít kiến thức hóa học cơ bản, cũng có thể dễ dàng điều chế axit xyanhydric, và rằng ai đó đang cố chĩa mũi dùi nghi ngờ về hướng hắn ta. Tôi cho rằng hắn ta đã bịa ra một câu chuyện hợp lí cho chuyện đó.”

“Đúng là vậy,” thiếu tá Crow nói.

“Tôi không nghĩ ban đầu, hắn ta có ý định hay cố gắng ném nghi ngờ về hướng Marjorie. Đó là một điều ngu ngốc và rất nguy hiểm. Hắn có thể muốn tiền của cô gái, nhưng chắc chắn hắn không muốn cô gái bị bắt. Hắn chỉ cố thử ném sự nghi ngờ vào Wilbur Emmet bằng cách đặt chiếc hộp viên nhộng bằng bìa cứng vào túi của Emmet. Tuy nhiên, không may sự nghi ngờ nặng nề lại được ném vào Marjorie, và Harding đã nhìn thấy một cách lợi dụng điều đó vì lợi ích của mình. Bởi vì hắn ta đang nhận được một cảnh báo khác: cô gái đã không còn nhiệt tình như trước.

“Tất cả các bạn đã chú ý rằng trong vài tuần gần đây lòng nhiệt tình của cô ấy chắc chắn đang yếu dần. Cô ấy không còn nhìn người tình quyến rũ của mình với đôi mắt rực sáng nữa. Có thể, cô ấy đã có một hay hai ý nghĩ lờ mờ về tâm hồn hắn ta. Cô ấy đã có khuynh hướng ngắt lời hắn ta, cô ấy thậm chí còn cân nhắc đến chuyện tự sát. Harding, ngay cả với lòng tự cao tràn ngập, cũng không thể không nghi ngờ những chuyện như thế này. Bây giờ hắn ta không thể để mất cô, hoặc hắn ta sẽ có nguy cơ mất trắng, và điều đó không tốt chút

nào. Hắn ta càng lôi kéo cô kết hôn sớm, việc đó sẽ càng có lợi cho hắn.

“Hắn ta thực hiện ý định đó bằng cách kết hợp giữa dịu dàng và đe dọa. Vụ sát hại Wilbur Emmet là một phần thiết yếu trong kế hoạch của hắn, hắn đã thực hiện nó với một mũi kim tiêm dưới da đánh cắp từ ông, bác sĩ Chesney. Và ngày hôm sau hắn đặt nó vào đáy giả của chiếc tráp đựng trang sức. Cô gái đã phát điên một nửa vì sợ hãi rồi. Và Harding, không bỏ lỡ cơ hội, đã đưa cô vào tình trạng sẵn sàng bám víu lấy hắn ta như một sự giải thoát thuần khiết và điên rồ, rằng cô có thể để ai đó gánh vác những rắc rối của mình. Nỗ lực cuối cùng đó, với chiếc kim tiêm dưới da, đã thành công. Chính cô ấy đã nói với chúng tôi, cô ấy kết hôn để tránh bị bắt vì tội giết người. Tôi không nghi ngờ gì rằng Harding đã chỉ ra cho cô thấy rất nhiều điều, rằng cảnh sát có thể khám phá ra những chuyến ghé thăm phòng thí nghiệm và tìm ra rằng cô có tiếp xúc với chất độc. Nhưng nếu cô bị bắt, và họ đã kết hôn, hắn sẽ không phải làm chứng chống lại cô trong ghế nhân chứng. Quý ông, khi các bạn dừng lại để cân nhắc sự trơ tráo hoàn toàn chói mắt, êm ả và bình tĩnh trong một kẻ như thế…”

Tiến sĩ Fell ngừng lại, với một loại giật mình mang vẻ tội lỗi. Thiếu tá Crow nói suỵt với ông ấy, và sau đó tất cả họ nhìn chăm chú vào ngọn lửa với vẻ vô cùng ngượng nghịu.

Marjorie vừa bước vào.

Elliot không thể tưởng tượng được rằng cô có thể trông quá nhợt nhạt hoặc đôi mắt cô có thể đạt được sự lấp lánh như vậy. Nhưng hai tay cô thì rất kiên định.

“Không sao,” Marjorie nói. “Làm ơn tiếp tục. Ông biết đấy, tôi đã đứng nghe ngoài cửa được năm phút rồi. Tôi muốn nghe.”

“Ừm!” thiếu tá Crow nói. Ông bật ra khỏi ghế, và bắt đầu xăng xái. “Cô có muốn mở cửa sổ không? Hay một điếu thuốc? Hay một li brandy? Hay gì đó khác?”

“Lấy cái gối này đi,” bác sĩ Chesney nghiêm túc khích lệ.

“Ta nghĩ, cháu thân mến, rằng nếu cháu nằm xuống…” giáo sư Ingram bắt đầu.

Cô mỉm cười với họ.

“Cháu khá ổn,” cô nói. “Cháu không mỏng manh như mọi người nghĩ. Và tiến sĩ Fell nói đúng. Hắn ta *đã* làm tất cả những điều đó. Hắn thậm chí còn lấy những cuốn sách về hóa học mà cháu có ở phòng trên lầu, và sử dụng chúng để chống lại cháu. Cháu đã mua chúng, mọi người biết đấy, để có thể đọc và cố gắng quan tâm một cách thông minh về công việc mà hắn đang làm. Nhưng hắn ta nói rằng cảnh sát sẽ nghĩ gì khi họ tìm ra chúng ở đó? Hơn nữa, hắn ta – hắn ta biết điều mà thanh tra Elliot biết: về cái lần cố đi mua axit xyanhydric ở London…”

“Cái gì?” thiếu tá Crow gầm lên.

“Ông không biết à?” cô chăm chú nhìn ông. “N-nhưng thanh tra đã nói... Ít nhất, anh ấy cũng đã ám chỉ…”

Lần này khuôn mặt của Elliot nóng đến nỗi mọi người không thể nhìn nhầm được.

“Tôi biết,” thiếu tá Crow bình luận một cách lịch sự. “Cho qua vấn đề đó đi.”

“V-và hắn ta thậm chí còn nói cảnh sát có thể nghi ngờ tôi có dính líu trong màn trình diễn mà bác Marcus bị giết. Hắn nói hắn biết bác Marcus đã viết một lá thư cho tiến sĩ Fell, và bức thư nói hãy để mắt đến những hành động của tôi…”

“Đúng vậy,” tiến sĩ Fell nói. “Tôi sẽ chơi đẹp và cho ông một manh mối đáng giá: 'Hãy theo dõi chặt chẽ cháu gái Marjorie của tôi.’ Đó là lí do tại sao tôi lại rất cẩn thận giữ bức thư khỏi sĩ quan Bostwick dễ xúc động cho tới khi tôi có thể chỉ cho mọi người thấy ai mới là người thực sự có tội. Bức thư sẽ chỉ dẫn ông ấy đi sai hướng. Bác của cô đã

cố gắng lừa tôi theo cùng một cách ông ấy cố gắng lừa các bạn khi nói bác sĩ Nemo là Wilbur Emmet. Nhưng tác động với Bostwick…”

“Làm ơn chờ một chút,” cô gái thúc giục, siết chặt hai tay mình. “Đừng nghĩ ông có thể khiến tôi ngất đi nếu nói với tôi sự thật. Khi tôi gặp George chiều nay, ý tôi là khi hắn ta nghĩ hắn ta đã bị bắn, tôi cảm thấy ghê tởm đến phát ốm. Nhưng đó là điều mà tôi muốn biết. Việc hắn ta bị bắn có phải là một tai nạn hay không?”

“Tôi ước gì nó không phải,” bác sĩ Chesney nói từ sâu trong cổ họng. “Thề có Chúa, tôi ước nó không phải một tai nạn! Tôi ước mình đã đặt được một viên đạn vào hộp sọ của con lợn đó ngay lúc ấy. Dù vậy, đó vẫn chỉ là tai nạn. Tôi thề với mọi người là tôi không hề biết có một vỏ đạn sống trong đó.”

“Nhưng tiến sĩ Fell đã nói…”

“Tôi xin lỗi,” tiến sĩ Fell đáp lời, thực hiện một chuyển động không mấy dễ chịu. “Trong suốt vụ án này, tôi vẫn không một lần lừa cô bằng từ ngữ, hành động, hay ý tưởng nào. Nhưng lúc đó tôi đã lừa cô. Có quá nhiều người ở quanh đó. Tôi đang đặc biệt đề cập đến Pamela sắc sảo và thậm chí là Lena còn sắc bén hơn, những người đang căng tai bên trong cánh cửa, và một số tiếng hét thất thường đang xảy ra ở nơi công cộng. Sự ngưỡng mộ rõ ràng của Lena dành cho Harding có thể khiến cô ấy đi nói lại bất cứ điều gì tôi đã nói; và, nếu Harding nghe được tôi nói rằng chuyện đó không phải một tai nạn, hắn sẽ nghĩ hắn ta an toàn bên những giấc mơ hạnh phúc của mình.”

“Cám ơn Chúa,” cô gái nói. “Cháu cứ sợ có thể là bác.”

“Ta?” bác sĩ Chesney hỏi.

“Kẻ sát nhân, ý cháu là vậy. Dĩ nhiên, đầu tiên cháu đã nghĩ có thể là giáo sư Ingram…”

Đôi mắt dịu dàng của giáo sư Ingram mở lớn. “Điều này khá là đáng ngạc nhiên,” ông tuyên bố. “Ta lấy làm hãnh diện, nhưng…”

“Ồ, là do cuộc nói chuyện của bác về việc thực hiện một vụ án mạng tâm lí hoàn hảo. Và sau đó, khi cháu đến nhà bác và ở đó cả buổi chiều, và hỏi bác cháu có nên cưới George hay không, và bác chữa bệnh bằng phân tâm học với cháu và nói rằng cháu không yêu anh ta và anh ta không phải là người dành cho cháu. Cháu không biết phải nghĩ gì cả. Nhưng bác đã đúng. Bác đã đúng. Bác đã đúng.”

Tiến sĩ Fell chớp mắt nhìn xung quanh. “Chữa bệnh bằng phân tâm học cho cô ấy?” ông hỏi. “Và cô ấy nên cưới loại đàn ông nào?”

Khuôn mặt của Marjorie bốc lửa.

“Tôi không bao giờ,” cô nói qua kẽ răng, “tôi không bao giờ muốn gặp gỡ bất kì người đàn ông nào khác khi còn sống trên đời này.”

“Bạn bè hiện tại được loại trừ, ta hi vọng thế,” giáo sư Ingram thoải mái nói. “Chúng ta không thể để cháu bị loạn thần kinh được, cháu biết đấy. Ta đã nghĩ rằng trong một nhóm được sắp xếp theo trật tự, chứng loạn thần kinh có thể được chữa trị theo cùng nguyên tắc mà được sử dụng khi phi công gặp tai nạn nhưng không bị thương. Để thần kinh của họ vững vàng vĩnh viễn trở lại, họ lập tức được gửi lên một chuyến bay khác. Loại đàn ông hợp với cháu à? Ta nên nói, sau khi cân nhắc kĩ, rằng đó là một người biết kiềm chế một cách phù hợp…”

“Ôi, vớ vẩn,” thiếu tá Crow nói. “Loại con bé muốn là một cảnh sát. Giờ, khi chuyện này đã được định đoạt, tôi hứa với các anh, tôi hứa danh dự, rằng tôi không còn bất cứ gì để làm trong vụ này nữa. Đó là điều chắc chắn. Nhưng những gì *tôi* muốn nói ở đây là…”

Hết

← Theodor Mommsen (1817–1903): học giả, sử gia, luật gia, nhà báo, chính trị gia, khảo cổ học và nhà văn người Đức. Ông được coi là một trong những học giả vĩ đại nhất của thế kỉ 19. (Các chú thích không ghi chú gì thêm đều là của người dịch.) ← Marcus Terentius Varro (116–27 TCN): nhà văn và học giả La Mã cố đại. ← Scotland Yard: chỉ Sở Cảnh sát London. ← Nửa mẫu Anh: khoảng 2023m^2. ← Pound: 1 pound bằng 453,59 gram, ¼ pound khoảng gần 115 gram. ← Ounce: 1 ounce bằng 28,35 gram. ← Grain: 1 grain bằng 0,0648 gram. ← Một nhân vật hư cấu, ám chỉ đám đông. ← Cửa sổ kiểu Pháp: loại cửa sổ lớn trải dài từ trần đến sàn như cửa ra vào chính, thường được thiết kế cho những ngôi nhà có sân vườn. ← Rummy: một trò chơi bài Tây cổ điển dành cho hai người. ← Sáu feet khoảng 1,82 m. ← Gelatin: một loại protein gần như nguyên chất, không mùi, không vị, trong suốt hoặc có màu hơi ngả vàng được nấu từ xương hay da động vật. Gelatin thường được dùng làm vỏ cho các loại thuốc con nhộng. ← Tương đương 15,24 cm. ← Bảo tàng Đen hay Bảo tàng Tội phạm được thành lập năm 1875 tại Scotland Yard. Đây là kho lưu trữ các tang vật rùng rợn của những tên tội phạm khét tiếng nhất nước Anh. ← Mephistophelean: tên quỷ dữ trong cổ tích Đức. ← Đồng hồ tám ngày: loại đồng hồ chỉ cần lên dây một lần mỗi tuần. ← “Không có việc gì,” tiến sĩ Fell từng nói, “lại vô dụng hay gây bực bội hơn việc bị lừa đảo bởi sự đồng mưu nói dối.” Vì vậy tôi nghĩ chỉ công bằng khi tuyên bố rằng không có bất kì sự lừa dối nào trong số bộ ba nhân chứng. Mỗi người nói một cách độc lập, và không hề thông đồng với cả hai người kia. — John Dickson Carr ← Cras ingens iterabimus aequor: tiếng Latin, nghĩa là “Ngày mai chúng ta sẽ bắt đầu hành trình trên một đại dương rộng lớn”. ← Bài tửu ca: một bài hát ca ngợi niềm vui của việc nhậu nhẹt thường được hát trong những bữa tiệc rượu. ← Pint: bằng 0,568 lít. ← Tên một loại hóa chất. ← Tòa án hình sự chính của London, Anh. ← St – stone, một đơn vị đo trọng lượng, viết tắt là St. 1 st bằng khoảng 6,35 kg. ← Và đáng chú ý là có một cái tên bị thiếu trong danh sách này: Crippen. Thiếu sót này là có chủ ý. Nhiều người chúng ta vẫn mạnh mẽ nghi ngờ rằng Crippen

chưa bao giờ cố ý giết Belle Elmore, và rằng việc quá liều hyoscine chỉ la một tai nạn. Đây là quan điểm của nhà chức trách cũng như củaa Ngài Edward Marshall Hall (xem cuốn *Life* đáng ngưỡng mộ của ông Edward Marjoribank, trang 277 và về sau). Crippen đã từ chối được bào chữa thành trường hợp tai nạn chết người bởi vì nó sẽ liên lụy tới Ethel Le Neve. — John Dickson Carr. ← Một loại bánh trái cây truyền thống của người Scotland với rất nhiều hương vị. ← Chất độc có trong cây cà độc dược. ← Lúc tám giờ đúng – giờ hành quyết truyền thống các tử tù. ← Cờ thỏ cáo (backgammon): một trong những trò chơi trên bàn cổ nhất dành cho hai người. ← Đám cưới súng săn, hay còn gọi là đám cưới chạy bầu là một cuộc đám cưới, được sắp xếp để tránh xấu hổ do người phụ nữ có thai mà không dự định trước, hơn là do từ ý muốn của đôi bên. Từ *shotgun wedding* được dùng ở Mỹ dựa trên một hoàn cảnh giả sử là người cha của phụ nữ có bầu sẽ dùng áp lực (chẳng hạn như đe dọa với một khẩu súng) để bảo đảm là người đàn ông làm cho con mình có bầu, chấp nhận làm đám cưới.

MỤC LỤC